

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN

dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN

hiệu đính

KINH TỖ-KHEO NA-TIÊN

HÁN - VIỆT

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh *Tỳ-kheo Na-tiên* còn có tên là Kinh *Di-lan-đà vấn đạo*, là một quyển kinh rất có giá trị trong Phật học. Thật ra đây không phải là kinh do Phật thuyết, mà là một tập sách được soạn ra về sau này, khoảng thế kỷ thứ nhất hoặc thứ hai Dương lịch.¹

Sách này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Bản chữ Hán lấy tựa là *Na-tiên tỳ-kheo kinh*, xuất hiện vào khoảng đời Đông Tấn, đã mất tên người dịch. Bản tiếng Phạn lấy tựa là *Milinda-panha*, tức là *Vua Di-lan-đà hỏi đạo*. Cả hai bản này đều đã được dịch sang tiếng Pháp.

Trước đây, cư sĩ Đoàn Trung Còn có dịch sách này sang tiếng Việt, sử dụng hai bản tiếng Pháp nói trên. Hiện nay chúng tôi không có 2 bản tiếng Pháp mà ông đã sử dụng, nhưng khi thực hiện việc dịch kinh này từ bản chữ Hán, chúng tôi đã sử dụng bản dịch của ông như một nguồn tham khảo. Chúng tôi cũng cố gắng trình bày cả bản chữ Hán ở đây để quý vị tiện việc đối chiếu, tham khảo.

Về mặt văn bản, kinh *Tỳ-kheo Na-tiên* được đưa vào Đại tạng kinh, hiện còn thấy có 2 bản. Bản đánh số 1670B (phân làm 3 quyển: Thượng, Trung, Hạ) và bản đánh số 1670A (phân làm 2 quyển: Thượng, Hạ). Tuy nhiên, rất may là nội dung hai bản không khác biệt nhiều. Bản 1670A ngắn hơn, nên không có một số đoạn

¹ Nhiều người cho rằng bản tiếng Phạn đã có từ thế kỷ thứ nhất. Ông Đoàn Trung Còn cho rằng tác giả tập sách này là Bồ-tát Long Thọ nhưng không biết căn cứ vào đâu. Nếu đúng thì là vào thế kỷ thứ hai.

thấy ghi trong bản 1670B, và có một số đoạn hành văn có khác biệt, nhưng không có sự khác biệt nào gợi nên nghi vấn về mặt nghĩa kinh. Vì thế, chúng tôi quyết định chọn sử dụng bản 1670B, là bản có nội dung đầy đủ hơn. Về các tiểu mục trong bản dịch là do chúng tôi căn cứ vào nội dung mà phân ra và đặt thêm các tiêu đề để độc giả tiện việc theo dõi.

Trong khi chuyển dịch sang tiếng Việt, chúng tôi có tham khảo cả 2 bản, nhưng chỉ in kèm theo đây bản 1670B được giữ nguyên vẹn, không thực hiện bất cứ sự chỉnh sửa nào. Do lối văn cổ,¹ độc giả có thể sẽ thấy câu văn có phần rườm rà, thiếu gãy gọn và hơi tối nghĩa.



Tác phẩm này có vẻ như được ghi chép lại từ những gì đã được truyền miệng vào thời đó. Vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi về sau có nhiều dị bản khác biệt nhau. Tuy nhiên, điều quan trọng rất đáng mừng là những nội dung cốt lõi đều được bảo tồn nguyên vẹn.

Toàn bộ nội dung sách trình bày lại cuộc đối thoại giữa một vị cao tăng là *tỳ-kheo Na-tiên* và vị quốc vương uy dũng thời bấy giờ là vua *Di-lan-đà*. Ngoài phần đầu của kinh có lẽ do những người sau này ghi lại đã thêm vào theo truyền thuyết hoặc theo suy nghĩ của riêng mình, còn phần nội dung chính rất mạch lạc của kinh là những kiến giải tinh tế của một vị cao tăng, được trình bày rất sinh động và rõ ràng, đầy ấn tượng. Người học Phật có

¹ Hoặc cũng có thể là do những sai sót nhất định qua nhiều lần sao chép, in ấn.

thể tìm thấy ở đây gần như trọn vẹn tất cả những vấn đề mà mình quan tâm.

Tuy nhiên, đây không phải đơn thuần chỉ là một sự trích giảng giáo lý từ kinh điển chính thống. Hết thảy nội dung được đề cập đến trong tập sách này đều được thể hiện một cách vô cùng sáng tạo, linh hoạt, với rất nhiều ví dụ thích hợp luôn luôn đi kèm theo mỗi vấn đề, làm cho vấn đề trở nên rõ ràng, dễ hiểu hơn và đồng thời tạo ra sức thuyết phục đối với người đọc. Hơn thế nữa, nếu chúng ta tạm không xét đến cách hành văn – và điều này là tất nhiên đối với hầu hết các văn bản cổ –, thì những tình tiết, dữ kiện, hình ảnh được sử dụng để trình bày các vấn đề giáo lý ở đây quả thật đã đạt đến một trình độ nghệ thuật biểu hiện rất cao, xứng đáng là một tác phẩm nghệ thuật giá trị.

Trong khi chuyển dịch sang tiếng Việt, tuy chúng tôi đã hết sức thận trọng đối chiếu, tham khảo tất cả những nguồn tư liệu có thể có, cũng như tham khảo ý kiến của các bậc tôn túc, trưởng thượng, nhưng do bản Hán văn không phải là một văn bản hoàn chỉnh, và trình độ, năng lực người dịch cũng có phần giới hạn, nên việc sai sót tất nhiên không thể nào tránh khỏi. Kính mong các bậc cao minh rộng lòng chỉ giáo.

Nguyễn Minh Tiến

KINH TỶ-KHEO NA-TIÊN

(Bản Hán văn dịch từ tiếng Phạn, khuyết danh người dịch)

QUYỂN THƯỢNG

I. DUYÊN KHỞI

Có một lúc, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Bảy giờ, chư vị tăng ni, nam nữ cư sĩ, chư thiên cõi trời, các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, dân chúng... cùng đến nghe Phật thuyết kinh, có đến hơn mười ngàn người.

Đức Phật tự nghĩ: “Hôm nay chúng hội tụ tập đông đảo huyên náo.” Ngài thấy trong thân không được an ổn, ý muốn lìa xa chúng hội đến chỗ thanh vắng để ngồi suy tưởng về đạo.

Phật liền lìa bỏ chúng hội, đến chỗ núi cao, dưới một cội cây lớn mà ngồi suy tưởng đạo thanh tịnh.

Cách chỗ cội cây ấy không xa, có một bầy voi hơn 500 con. Trong ấy có một con voi chúa tên là Hiền Thiện, vốn rất khôn ngoan, biết phân biệt các việc thiện, ác. Cũng giống như loài người, bầy voi đông đảo ấy quây quần chung quanh voi chúa, có voi già, voi lớn, voi nhỏ... đủ hạng.

Khi ấy voi chúa khát, muốn tìm đến chỗ có nước mà uống. Đám voi con liền chạy trước, xuống nước uống và đùa nghịch khuấy đục lên, nên voi chúa chẳng có nước trong mà uống.

Voi chúa đói lòng, muốn đi ăn cỏ. Đám voi con lại chạy trước, ăn hết cỏ non, rồi đùa nghịch, giẫm đạp. Voi chúa không còn cỏ sạch để ăn.

Khi ấy voi chúa tự nghĩ rằng: “Nạn lớn của ta chính là bầy voi đông đảo này. Chúng khuấy nước, giẫm cỏ, khiến ta chẳng có nước trong mà uống, chẳng có cỏ sạch mà ăn. Nếu ta lìa bỏ bầy voi này, một mình đến nơi yên vắng, chẳng thích ý lắm sao?”

Nghĩ vậy rồi liền rời bỏ bầy voi, đi vào núi, tìm đến chỗ cội cây cao, nhìn thấy đức Phật đang tọa thiền nơi đó. Voi chúa lấy làm mừng rỡ, đến trước đức Phật mà cúi mọp xuống lạy, rồi đứng hầu sang một bên.

Khi ấy, đức Phật tự nghĩ: “Ta rời bỏ chúng hội đông đảo mà đến đây. Voi chúa cũng rời bỏ bầy voi mà đến đây. Ý nghĩa thật giống như nhau.” Phật liền vì voi chúa mà thuyết kinh. Phật là bậc tôn quý nhất trong loài người. Voi chúa là tôn quý nhất trong loài voi.

Phật nói: “Tâm ta với tâm voi chúa nay thật hòa hiệp nhau, cùng vui nơi chỗ cội cây yên vắng này.” Voi chúa nghe Phật thuyết kinh rồi, trong tâm có chỗ khai ngộ, hiểu rõ được ý Phật. Voi dùng vòi lấy nước rưới nơi chỗ đất quanh Phật, lại dùng vòi nhổ cỏ sạch, dùng chân giẫm đất cho bằng phẳng.

Voi chúa sớm chiều lo việc phụng sự. Ít lâu sau, Phật nhập *Niết-bàn*. Voi chúa không biết Phật ở đâu, đi quanh tìm hoài chẳng được, sầu khổ than khóc, trong lòng không vui, chẳng chịu ăn uống gì.



Xứ ấy có một ngôi chùa trên núi tên là *Ca-la-hoàn*, có 500 vị *sa-môn* cùng tu tập ở đó, tất cả đều đã đắc quả

A-la-hán. Mỗi tháng có 6 ngày các thầy tụng kinh từ đầu hôm đến sáng.

Voi chúa cũng ở trên núi gần chùa ấy. Voi biết chùa có lệ thường tụng kinh mỗi tháng 6 ngày nên luôn đến nghe kinh. Các vị *sa-môn* cũng biết voi chúa muốn nghe kinh, mỗi khi sắp tụng kinh đều có ý chờ voi đến nghe rồi mới bắt đầu tụng.

Voi chúa nghe kinh cho đến sáng, chẳng ngủ, chẳng nằm, cũng chẳng hề xao động. Nghe kinh như thế nhiều ngày, sau đó mạng chung.

Bỏ thân voi rồi, được sanh làm người trong một nhà *bà-la-môn*, nhưng chẳng được nghe kinh Phật, cũng chẳng được gặp các thầy *sa-môn*. Khi lớn khôn lại bỏ nhà lên núi cao, học theo đạo *bà-la-môn*.

Ở gần đó lại cũng có một thầy *bà-la-môn* khác đến tu tập. Hai người thường qua lại cùng đàm đạo, học hỏi nhau.

Bấy giờ, một trong hai người phát nguyện rằng: “Ta chán bỏ cảnh quan tước thế gian, những buồn khổ, già, bệnh, chết, sau lại phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, những cảnh bần cùng, nên ta nguyện cạo đầu mặc áo *cà-sa* làm *sa-môn* học đạo vô vi mà cứu nhân độ thế.”

Người kia lại phát nguyện rằng: “Ta nguyện sẽ làm bậc quốc vương có sức mạnh, uy lực, khiến hết thảy nhân dân trong thiên hạ đều nghe theo sự giáo hóa, dạy dỗ của ta.”

Cả hai phát nguyện như thế rồi, về sau khi mạng chung đều được sanh ra trở lại làm thân người, ứng theo lời đã nguyện.

II. XUẤT SANH

Người phát nguyện tu đạo độ thế, sanh về xứ Kế Tân¹ bên Thiên Trúc.² Khi chào đời, thân đã mang sẵn áo cà-sa. Sở dĩ có áo cà-sa mang trên người mà sanh ra, là do lời phát nguyện học đạo ngày trước được ứng nghiệm. Khi sanh đứa bé này, trong nhà lại có một con voi cũng sanh ra cùng ngày. Tiếng Thiên Trúc gọi con voi là *Na*, vì thế, cha mẹ liền đặt tên cho cậu bé là *Na-tiên*.³

Na-tiên lớn lên được chừng mười lăm, mười sáu tuổi, có người cậu tên là *Lâu-hán*,⁴ vốn là một vị *sa-môn* tài đức hơn người. Vị này có mắt nhìn thấu được khắp nơi, tai nghe thấu được khắp chốn, chứng đắc thần thông biến hóa, có thể thấu biết được suy nghĩ trong tâm ý của hết thảy mọi người. *Na-tiên* đến thăm cậu, thưa rằng: “Ý con muốn học theo đạo Phật, xuất gia mặc cà-sa làm *sa-môn*. Nay muốn làm đệ tử của cậu, có thể vì con mà độ cho xuất gia làm *sa-môn* chăng?”

Lâu-hán rõ biết chuyện tiền thân trước đây của *Na-tiên* nên trân trọng lắm, liền đồng ý cho xuất gia, thọ giới làm *sa-di*.⁵ *Na-tiên* vừa xuất gia, ngay trong ngày thọ mười giới của *sa-di*, tụng đọc kinh điển, suy nghĩ hiểu thấu ý nghĩa liền chứng đắc tứ thiên, tự nhiên rõ biết hết thảy các kinh, chỉ có điều chưa được thọ đại giới của bậc *sa-môn* mà thôi.

¹ Tiếng Phạn là Kasmir.

² Tức là Ấn Độ.

³ Tiếng Phạn là Nagasena.

⁴ Tiếng Phạn là Rohana.

⁵ Vì chưa đủ 20 tuổi thì chưa được thọ giới cụ túc làm tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong xứ ấy có ngôi chùa tên là Hòa Thiên,¹ có 500 vị tăng tu tập, thấy đều đã đắc quả *A-la-hán*. Trong số ấy, có một vị cao trở hơn hết tên là *Át-pha-viết*,² có thể rõ biết chuyện quá khứ cũng như hiện tại và vị lai trên khắp cõi đời.

Khi *Na-tiên* tròn 20 tuổi, thọ đại giới thành *sa-môn*, liền đến viếng chỗ *Át-pha-viết* nơi chùa Hòa Thiên.

III. CHỨNG ĐẠO

Bấy giờ nhằm ngày rằm, 500 vị *A-la-hán* ở đó đều tụ hội lại để thuyết giới.³ Tất cả các vị đều vào trong giảng đường lớn, *Na-tiên* đến đó rồi cũng theo vào. Khi đại chúng đều đã ngồi yên, *Át-pha-viết* quán sát tâm niệm của mọi người, biết là ai nấy đều đã đắc quả *A-la-hán*, duy chỉ có một mình *Na-tiên* là chưa.

Khi ấy, *Át-pha-viết* liền lấy một thí dụ trong kinh mà thuyết rằng: “Như khi sàng gạo lấy gạo trắng, nếu có gạo đen tất là không tốt, phải lựa ra. Nay trong hội này, tất cả đều là trắng, chỉ riêng *Na-tiên* là đen, vì chưa đắc quả *A-la-hán* vậy.”

Na-tiên nghe *Át-pha-viết* thuyết thí dụ trong kinh như thế, lấy làm buồn rầu, liền đứng dậy lễ bái 500 vị *sa-môn* rồi rời khỏi giảng đường.

Na-tiên bước ra ngoài, tự suy nghĩ rằng: “Lẽ ra ta không nên vào ngồi trong pháp hội ấy. Chỉ có mình ta là

¹ Tiếng Phạn là Vattaniya, cũng đọc là Hộ Tân.

² Tiếng Phạn là Assagutta, cũng đọc là Át-bá-nhục.

³ Tức là nghi thức bố-tát, mỗi tháng 2 kỳ chư tăng hội lại mà nghe đọc giới luật, đồng thời tự xét mình xem có sai phạm điều gì không.

chưa được đạo giải thoát, còn lại hết thảy mọi người đều đã được giải thoát. Ví như trong bầy sư tử lại có xen vào một con chồn. Ta nay ở giữa các vị *A-la-hán* lại cũng chẳng khác nào như thế. Từ nay về sau, nếu ta chưa được đạo giải thoát, quyết không trở lại ngồi chung trong chúng hội.”

Át-pha-viết rõ biết ý nghĩ ấy, liền gọi *Na-tiên* đến trước mặt, lấy tay xoa đầu *Na-tiên* mà nói rằng: “Ngày con đắc đạo cũng sẽ không bao lâu nữa. Con không nên âu sầu.”

Nhân đó, *Át-pha-viết* liền lưu giữ *Na-tiên* ở lại.

Na-tiên lại có một vị thầy nữa đã hơn tám mươi tuổi, tên là *Ca-duy-viết*. Trong vùng có vị cư sĩ thí chủ lớn thường ngày vẫn cúng dường thức ăn cho đệ tử của ngài *Ca-duy-viết*. *Na-tiên* thay thầy mang bình bát đi xin cơm, ngài liền dạy phải ngậm nước trong miệng¹ mà đến nhà vị cư sĩ thí chủ lớn ấy xin cơm.

Vị cư sĩ thấy *Na-tiên* tuổi nhỏ mà hình dung, cốt cách đoan chánh khác người, biết là bậc có trí tuệ, lại đã được nghe danh *Na-tiên* là người sáng suốt có thể thuyết giảng kinh đạo.

Na-tiên vào nhà rồi, vị cư sĩ liền đứng dậy đến trước mặt lễ bái, chấp tay cung kính thưa rằng: “Tôi cúng dường cho các vị *sa-môn* đã lâu, chưa từng có vị nào vì tôi mà thuyết giảng nghĩa kinh. Nguyên hôm nay được ngài vì tôi mà thuyết giảng, trừ bỏ sự ngu si mê muội của tôi.”

¹ Ngậm nước trong miệng là để trong khi đi, về không được mở miệng nói.

Na-tiên tự nghĩ: “Ta vâng lời thầy, ngậm nước trong miệng không được nói. Nay nếu mở miệng ra, tức trái lời thầy, biết làm sao bây giờ?”

Lại nghĩ rằng: “Vị cư sĩ đây có tài, có chí, như được nghe ta thuyết kinh ắt sẽ được đạo.” Nghĩ vậy rồi liền nhổ nước trong miệng ra mà thuyết kinh rằng:

“Người đời biết bố thí, làm việc thiện, giữ theo giới luật, hiện thời được sự an ổn, đời sau được sinh về cõi trời. Như sanh trong cõi người, cũng được giàu sang trí tuệ, sau lại không phải đọa vào ba nẻo ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Người không học theo kinh, không giữ giới, hiện thời phải chịu khổ, đời sau lại phải đọa vào ba nẻo ác, không có lúc ra.”

Vị cư sĩ nghe thuyết kinh liền sanh tâm hoan hỷ. *Na-tiên* biết cư sĩ đã sanh tâm hoan hỷ, liền tiếp tục thuyết kinh nghĩa sâu xa vi diệu rằng: “Hết thảy vạn vật trên thế gian này rồi đều phải trôi qua đi, không có gì thường tại cả, vì thế hết thảy đều là khổ, cho đến thân người cũng vậy. Người thế gian đều nói rằng: ‘Đây là thân của ta...’¹ Nghĩ như vậy, nên không thể tự tại, được đạo *Niết-bàn*. Chỗ vui vẻ thật sự tối thượng chính là *Niết-bàn* không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu, không ưu, hết thảy các việc ác đều tiêu diệt...”

Na-tiên thuyết kinh xong, vị cư sĩ ấy liền đắc quả *Tu-đà-hoàn*.² Tự thân *Na-tiên* cũng đắc quả *Tu-đà-hoàn*.

¹ Tức là ngã chấp.

² Quả vị thứ nhất, đầu tiên trong bốn thánh quả là *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm* và *A-la-hán*.

Vị cư sĩ hết sức vui mừng, liền mang thức ăn ngon ra cúng dường cho *Na-tiên*. *Na-tiên* nói: “Hãy cúng dường vào bát của thầy tôi trước đã.”

Na-tiên dùng cơm xong, mang cơm về cho thầy. Thầy nhìn bát cơm, nói rằng: “Hôm nay đi khát thực đến chỗ có đồ ăn ngon, phạm vào quy ước của chúng tăng, phải trục xuất người khỏi chúng.”

Na-tiên nghe nói buồn rầu không vui. Thầy *Ca-duy-viết* cho triệu tập chúng tăng nhóm họp, nói rằng: “*Na-tiên* phạm vào quy ước của chúng tăng, chúng ta nên trục xuất đi, không thể cho ở chung trong chúng.”

Khi ấy, ngài *Át-pha-viết* liền nói thí dụ rằng: “Như có người bán một mũi tên mà trúng hai đích. Người được như thế không nên trục xuất. *Na-tiên* thuyết pháp, tự mình đắc quả, lại khiến cho cư sĩ kia cũng đắc quả, không nên trục xuất.”

Ca-duy-viết nói: “Chính vì một mũi tên bán trúng hai đích, lại phạm quy ước của chúng tăng, nên không thể giữ lại. Người khác tất không thể nào đắc quả như *Na-tiên*, nên phải ngừa dứt việc sau này, kẻo có những người khác lại bắt chước làm theo.”

Khi ấy cả chúng hội đều ngồi yên không ai nói gì. Như vậy nghĩa là thuận theo lời thầy *Át-pha-viết* mà trục xuất *Na-tiên*.

Na-tiên liền lễ bái thầy, rồi lễ bái khắp chúng tăng. Lễ xong, ra đi vào tận chốn rừng sâu, ngồi dưới một gốc cây, ngày đêm suy tưởng đạo pháp. Không bao lâu liền chứng quả *A-la-hán*, có thể bay trên không, nhìn rõ khắp nơi, nghe thấu khắp chốn, lại có thể biết được tâm niệm của người khác và những chuyện quá khứ, vị lai.

Đắc quả *A-la-hán* rồi, *Na-tiên* liền quay về chùa Hòa Thiên cầu xin được sám hối với tất cả chúng *tỳ-kheo* tăng. Chúng tăng nhận cho sự sám hối ấy rồi, *Na-tiên* liền lễ bái từ biệt ra đi.

IV. ĐỘ SANH

Na-tiên từ đó ra đi, du hóa khắp nơi, vì người mà thuyết giảng kinh pháp, dạy người làm việc thiện. Những người được ngài giáo hóa, có kẻ phát tâm thọ trì Năm giới,¹ có người đắc quả *Tu-đà-hoàn*, có người đắc quả *Tu-đà-hàm*, có người đắc quả *A-na-hàm*, hoặc cũng có người xuất gia làm *sa-môn*, đắc quả *A-la-hán*.² Cho đến các vị Thiên vương, *Đế-thích* cõi trời cũng thường hiện xuống nghe ngài thuyết pháp. Thanh danh của ngài vang lừng khắp chốn, ngài đi đến đâu, ai nấy được gặp ngài đều sanh tâm hoan hỷ, được nhiều phước báu, cho đến các loài rồng, quỷ thần cũng được nhờ sức tế độ.

Sau ngài đến xứ *Xá-kiệt*³ ở Thiên Trúc, ngụ trong chùa *Tiết-trì-ca*.⁴ Nơi ấy, ngài gặp lại người quen cũ từ

¹ Năm giới, tức là Ngũ giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đây là năm giới căn bản của người Phật tử tại gia.

² Đây là bốn Thánh quả của Tiểu thừa. Trong đó quả *A-la-hán* là cao nhất.

³ Tiếng Phạn là Sagala, nằm ở Panjab (Đại Tân) thuộc miền Tây bắc Thiên Trúc.

⁴ Tiếng Phạn là Sankkheyya, cũng đọc là San-khế-da.

kiếp trước, nay sanh ra ở một vùng ven biển, làm thái tử con vua, tên là *Di-lan-đà*.¹



Di-lan-đà tuổi còn nhỏ đã thích đọc kinh sách, học qua các đạo khác biệt² đều có thể phân biệt hiểu rõ, thường chất vấn các thầy tu đạo khác, không ai có thể đối đáp hơn được.

Khi vua cha băng hà, *Di-lan-đà* nối ngôi làm quốc vương, lấy chánh pháp trị quốc. Vua là người tài cao, có trí tuệ, hiểu thấu việc đời, có thể luận bàn việc quá khứ, hiện tại, vị lai đều thông suốt, lại giỏi việc chiến trận, nhiều mưu trí, không việc gì là không rõ biết.³

Một hôm, vua ra ngoài thành dạo chơi, dẫn theo cả quần thần binh tướng. Bấy giờ, lòng vua cao ngạo, tự nghĩ rằng: “Ta nay làm vua, có thể hiểu thấu hết thấy kinh điển của các đạo, không còn ai có thể đối đáp hơn được ta.”

Nghĩ vậy rồi, vua liền bảo quần thần rằng: “Bây giờ còn sớm lắm, trở vào thành cũng không có việc chi làm. Các người xem gần đây có vị đạo nhân nào có thể cùng ta đối đáp nghĩa lý kinh đạo hay chăng?”

¹ Đây chính là vị bà-la-môn cùng tu với ngài Na-tiên, phát nguyện sanh làm quốc vương đã nói đến ở đoạn trước.

² Nguyên văn là “dị đạo”, ý muốn nói các ngoại đạo thời bấy giờ, không phải đạo Phật.

³ Trong bản chữ Hán, trước đoạn này có một đoạn mà xét về nghĩa là bị thừa, thậm chí không hợp lý, nên chúng tôi đã bỏ qua không dịch.

Có vị cận thần tên là *Triêm-di-ly Vọng-quân*¹ tâu lên rằng: “Tâu đại vương, gần đây có vị *sa-môn* tên là *Giả-hòa-la*,² thông thạo kinh nghĩa, có thể cùng đại vương đối đáp.”

Vua liền sai *Triêm-di-ly* đi thỉnh trưởng lão *Giả-hòa-la* đến. *Triêm-di-ly* đến chỗ trưởng lão, thưa rằng: “Đại vương muốn được gặp ngài.” *Giả-hòa-la* đáp: “Đại vương muốn gặp, nên tự đi đến đây, ta không đến chỗ ông ấy.”

Triêm-di-ly trở về tâu lên vua như vậy. Vua liền lên xe, cùng với 500 quân cưỡi ngựa thẳng đến chỗ ngôi chùa của trưởng lão *Giả-hòa-la*. Gặp nhau chào hỏi xong, vua liền hỏi: “Ngài vì sao từ bỏ nhà cửa, vợ con, xuất gia làm *sa-môn*? Ngài cầu được đạo lý gì?”

Giả-hòa-la đáp rằng: “Ta học theo đạo Phật, làm việc chân chánh, đời này được phước báu, đời sau lại cũng được nhiều phước báu. Vì thế mà cạo tóc xuất gia làm *sa-môn*.”

Vua lại hỏi: “Như có người cư sĩ tại gia, có vợ con, làm việc chân chánh thì đời này có được phước báu chăng? Đời sau có được phước báu chăng?”

Giả-hòa-la đáp: “Dù là cư sĩ tại gia, có vợ con, nếu biết làm việc chân chánh thì đời này cũng được phước báu, đời sau cũng được phước báu.”

Vua liền hỏi: “Như người tại gia có vợ con, làm việc chân chánh, đời này cũng được phước báu, đời sau cũng được phước báu. Thế thì ngài đâu cần phải cạo tóc, xuất gia làm *sa-môn*?”

¹ Tiếng Phạn là Devāmantīya, cũng đọc là Đề-hoa-măng-ti-da, cũng gọi tắt là Triêm-di-ly.

² Tiếng Phạn là Āyupāla.

Giả-hòa-la lặng thinh không đáp lại.

Quần thần quanh vua liền nói rằng: “Vị *sa-môn* này sáng suốt trí tuệ, cũng không đủ đối đáp với đại vương.” Rồi họ đều đưa nắm tay lên cao mà hô to rằng: “Đại vương thắng rồi! Đại vương thắng rồi!”

Trưởng lão *Giả-hòa-la* lặng thinh nhận thua cuộc.

Vua đưa mắt nhìn các vị cư sĩ¹ quanh đó, thấy sắc mặt họ thản nhiên không tỏ vẻ gì là xấu hổ. Vua liền nghĩ rằng: “Bọn cư sĩ ở đây chẳng lấy gì làm xấu hổ khi thấy vị *sa-môn* này thua cuộc. Như vậy chắc hẳn là còn có *sa-môn* khác trí tuệ sáng suốt hơn, có thể cùng ta đối đáp nghĩa lý.”

Vua liền quay sang hỏi cận thần *Triêm-di-ly*: “Còn có vị *sa-môn* nào trí tuệ sáng suốt hơn, có thể cùng ta đối đáp chằng?”

Triêm-di-ly thưa rằng: “Tâu đại vương! Có vị *sa-môn* tên là *Na-tiên*, trí tuệ sâu rộng, hiểu thấu chỗ yếu nghĩa trong kinh điển, có thể cùng đại vương đối đáp.”

Vua hỏi lại: “Quả thật có thể cùng ta đối đáp chằng?”

Triêm-di-ly đáp: “Tất nhiên là được. Vị ấy có thể cùng chư thiên cõi trời đối đáp, huống chi là ở cõi người.”

Vua liền lập tức sai *Triêm-di-ly* đi thỉnh *Na-tiên* đến. *Triêm-di-ly* tìm đến nơi, thưa rằng: “Đại vương muốn được gặp ngài.” *Na-tiên* liền cùng các vị đệ tử đi theo, thẳng đến chỗ vua.

V. HỘI NGỘ

Vua tuy chưa từng được gặp *Na-tiên* trước đó, nhưng *Na-tiên* phong thái khác thường, nổi bật lên trong cả nhóm đông người, vua từ xa nhìn thấy đã có thể ngầm đoán biết ai là *Na-tiên*.

Vua lại tự nghĩ rằng: “Ta xưa nay đã từng gặp qua rất nhiều hạng người, đã từng đến dự rất nhiều cuộc thuyết giảng, nhưng chưa từng tự thấy sợ sệt, lo lắng như giờ đây sắp đối mặt với *Na-tiên*. Hôm nay *Na-tiên* nhất định là sẽ thắng ta rồi, nên trong lòng ta mới bồn chồn không an ổn như vậy.”

Khi ấy, *Triêm-di-ly* đến trước tâu rằng: “*Na-tiên* đã đến.”

Na-tiên đến rồi, vua hỏi: “Người nào là *Na-tiên*?”

Triêm-di-ly liền giới thiệu với vua. Vua vui mừng nói: “Quả là đúng như ta đã nhận biết trước.”

Hai bên gặp nhau chào hỏi xong, vua lấy làm hoan hỷ mời *Na-tiên* cùng ngồi. *Na-tiên* bảo vua rằng: “Kinh Phật có dạy: Mối lợi lớn nhất của người ta là được an ổn. Sự giàu sang lớn nhất của người ta là biết đủ. Niềm vui lớn nhất của người ta là đạt đến *Niết-bàn*.”

• • •

Vua hỏi *Na-tiên*: “Bạch đại đức, tên ngài là gì?”

Na-tiên đáp: “Cha mẹ đặt tên cho bản tăng là *Na-tiên*, nhân đó mọi người đều gọi là *Na-tiên*. Nhưng cho dù cha mẹ có đặt cho là *Duy-tiên*, *Thủ-la-tiên* hay *Duy-ca-tiên*...

¹ Đây là chúng cư sĩ đang ở nơi chùa của trưởng lão *Giả-hòa-la*.

cũng chỉ là một phương tiện dùng để nhận biết, phân biệt mà thôi. Tên gọi của mọi người ở thế gian cũng đều chỉ có ý nghĩa như vậy.”

Vua liền hỏi: “Nếu đại đức nói thế, xin hỏi tên gọi *Na-tiên* ấy thật ra là chỉ vào cái gì? Cái đầu là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải, đầu chẳng phải là *Na-tiên*.”

Vua lại hỏi: “Mắt, tai, mũi, lưỡi¹ là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Mắt, tai, mũi, lưỡi chẳng phải là *Na-tiên*.”

Vua lại hỏi: “Thế thì cổ, gáy, vai, cánh tay, tay chân, đó là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua lại hỏi: “Thế thì như bắp đùi, bàn chân... phải là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua hỏi: “Vậy hình sắc nhìn thấy đó có phải là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua hỏi: “Như vậy sự cảm thọ vui, khổ là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua lại hỏi: “Vậy phân biệt thiện ác, đó là *Na-tiên* chăng?”

¹ Bản Hán văn dùng “nhãn, nhĩ, tĩ, khẩu”. Tuy nhiên, trong suốt bản kinh này, vị trí của chữ “khẩu” thật ra là chỉ đến lưỡi, cơ quan vị giác, chứ không phải miệng. Có lẽ đây là sự khác biệt do cách dùng từ quá cổ, hoặc do sai lệch khi sao chép.

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua lại hỏi: “Như vậy, thân xác là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua hỏi: “Vậy hết thấy các cơ quan trong nội tạng là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”¹

Vua lại hỏi: “Như vậy, hợp cả năm điều là hình sắc, cảm thọ khổ vui, thiện ác, thân, tâm,² đó là *Na-tiên* chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua hỏi: “Giả sử như không có năm điều ấy, có thể đó là *Na-tiên* chăng?”³

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua lại hỏi: “Như vậy âm thanh, tiếng vọng, cho đến hơi thở ra vào, có phải là *Na-tiên* chăng?”⁴

Na-tiên đáp: “Không phải *Na-tiên*.”

Vua liền hỏi: “Như thế, thật ra đâu mới là *Na-tiên*?”

Na-tiên không đáp, hỏi lại vua rằng: “Đại vương gọi tên chiếc xe, thật ra đâu mới là xe? Cái trục xe là xe chăng?”

¹ Một cách chi ly, nhà vua đã phân tích gần như tất cả những yếu tố từ vật thể đến tinh thần mà người đời vọng chấp là “cái ta”.

² Đến đây, theo cách hiểu của mình, vua muốn đúc kết những câu hỏi trước vào năm yếu tố là sắc (hình sắc), thọ (cảm thọ khổ vui...), tưởng (thiện ác), hành (thân), thức (tâm). Năm yếu tố này theo Phật giáo chính là Năm uẩn, hợp thành cái “ta” giả tạm.

³ Vua muốn xác định xem lia khỏi Năm uẩn thật ra có còn có cái gọi là “ta” hay không.

⁴ Đến đây, vua đưa ra những yếu tố cuối cùng mà ngài nghĩ là cho thấy sự hiện hữu của một con người.

Vua đáp: “Trục xe chẳng phải là xe.”
Na-tiên hỏi: “Vây vành bánh xe là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Vành bánh xe cũng chẳng phải là xe?”
Na-tiên lại hỏi: “Vây nan bánh xe là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Nan bánh xe chẳng phải là xe.”
Na-tiên hỏi: “Vây bánh xe là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Bánh xe cũng chẳng phải là xe.”
Na-tiên hỏi: “Vây càng xe là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Càng xe chẳng phải là xe.”
Na-tiên hỏi: “Vây cái ách² có phải là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Ách chẳng phải là xe.”
Na-tiên lại hỏi: “Chỗ ngồi có phải là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Chỗ ngồi chẳng phải là xe.”
Na-tiên hỏi tiếp: “Chỗ gác chân có phải là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Chỗ gác chân chẳng phải là xe.”
Na-tiên hỏi: “Vây mui xe là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Mui xe chẳng phải là xe.”
Na-tiên lại hỏi: “Vây hợp đủ tất cả các món ấy lại là xe chẳng?”
 Vua đáp: “Dù hợp đủ tất cả các món ấy lại cũng không phải là xe.”³

¹ Từ các bộ phận của bánh xe rồi đến cả bánh xe, và cứ tiếp tục như thế. Cũng tương tự như cách hỏi của vua, đại đức *Na-tiên* đưa ra từng chi tiết rồi quy kết dẫn đến tổng thể.

² Ách: phần nối giữa hai thanh càng xe để bò hoặc ngựa tỳ vào đó mà kéo xe đi.

³ Vì ở đây còn thiếu yếu tố liên kết. Dù có đủ các bộ phận nhưng phải được liên kết đúng theo một phương thức nhất định mới có thể hình

Na-tiên hỏi: “Giả sử như không hợp tất cả các món ấy lại, vậy là xe chẳng?”

Vua đáp: “Không hợp các món ấy lại, cũng không phải là xe.”¹

Na-tiên hỏi: “Vây âm thanh phát ra là xe đó chẳng?”²

Vua đáp: “Âm thanh cũng chẳng phải là xe.”

Na-tiên liền hỏi: “Nói như vậy thì thật ra đâu mới là xe?”

Vua lặng thinh không đáp được.

Đại đức *Na-tiên* bấy giờ mới thông thả nói: “Kinh Phật dạy rằng, nếu hợp tất cả các yếu tố ấy lại mà làm xe,³ người ta sẽ có cái vật được gọi là xe. Con người cũng vậy. Như hòa hợp tất cả các yếu tố đầu, mặt, tai, mũi, lưỡi, cổ, gáy, vai, tay chân, xương, thịt, nội tạng, nhan sắc, âm thanh, tiếng vọng, hơi thở ra vào, cảm thọ khổ vui, phân biệt thiện ác... sẽ hình thành một thực thể được gọi là con người.”⁴

Vua hiểu ra, tán thán rằng: “Hay thay, hay thay!”

thành nên thực thể được gọi là “xe”. Nếu không, đó chỉ là một đồng vật liệu.

¹ Tuy ví dụ ngài *Na-tiên* đưa ra không hoàn toàn tương ứng với vấn đề con người, nhưng lại hoàn toàn chính xác trong việc làm rõ khái niệm “tên gọi”.

² Cũng như cách hỏi của vua, đến đây đại đức *Na-tiên* đưa ra yếu tố cuối cùng cho chúng ta thấy sự hiện hữu của cái gọi là “xe”.

³ Tức là kết hợp theo đúng phương thức nhất định.

⁴ Qua ví dụ này, đại đức *Na-tiên* đã giúp vua phân biệt được giữa “tên gọi” vốn chỉ là một khái niệm, với thực thể sự vật được gọi tên. Đây là một bước khởi đầu rất quan trọng, vì nếu không đạt được sự phân biệt này, con người sẽ mãi mãi bị trói buộc trong các khái niệm danh xưng mà không bao giờ đạt được đến sự cảm nhận chân thật về thực thể.

• • •

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, ngài có thể cùng với trăm đối đáp về nghĩa lý trong kinh điển hay chăng?”

Đại đức *Na-tiên* đáp: “Nếu như đại vương theo cách nói chuyện của bậc trí giả mà cùng bần tăng vấn đáp thì có thể được. Bằng như theo cách nói chuyện của hàng vương giả kiêu ngạo thì không thể được.”

Vua hỏi: “Cách nói chuyện của bậc trí giả là như thế nào?”

Na-tiên đáp: “Bậc trí giả khi nói chuyện thì chất vấn lẫn nhau đến cùng cực, giải thích cho nhau để cùng hiểu được vấn đề, khi tranh luận sẵn lòng chấp nhận có hơn có kém, có thắng có bại, có đúng có sai, tự biết nhận ra lý lẽ đúng đắn nhất, sáng suốt nhất. Bậc trí giả không hề có sự giận dữ, nóng nảy khi tranh luận. Cách nói chuyện của bậc trí giả là như thế.”

Vua lại hỏi: “Còn cách nói chuyện của hàng vương giả kiêu ngạo là như thế nào?”

Na-tiên đáp: “Hàng vương giả kiêu ngạo khi nói chuyện thì hoàn toàn theo ý mình, chẳng cần biết đến luật lệ. Nếu không theo với ý mình, tất sẽ dùng sức mạnh mà đàn áp, trừng phạt. Cách nói chuyện của hàng vương giả kiêu ngạo là như thế.”

Vua liền nói: “Vậy trăm xin chọn cách nói chuyện của bậc trí giả, không theo cách nói chuyện của hàng vương giả. Xin đại đức cũng đừng nên nghĩ là mình đang nói chuyện với một vị vua chúa quyền uy. Hãy xem như là ngài đang nói chuyện với các vị *sa-môn*, với các vị đệ tử, hoặc với hàng cư sĩ học đạo, hoặc như đang dạy dỗ cho

hàng *sa-môn* vậy. Xin đừng sanh tâm lo sợ, xin lấy tâm chân chánh mà chỉ bày cho trăm.”

Đại đức *Na-tiên* khen rằng: “Thật tốt đẹp biết bao.”

• • •

Vua liền nói: “Bạch đại đức, trăm có điều muốn hỏi.”

Na-tiên đáp: “Xin đại vương cứ hỏi.”

Vua nói: “Trăm đã hỏi rồi.”

Na-tiên đáp: “Bần tăng đã đáp rồi.”

Vua hỏi: “Ngài đáp điều gì vậy?”

Na-tiên hỏi: “Đại vương hỏi bần tăng điều gì vậy?”

Vua nói: “Trăm không có chỗ hỏi.”

Na-tiên nói: “Bần tăng cũng không có chỗ đáp.”

• • •

Khi ấy, vua tự suy nghĩ rằng: “Vị *sa-môn* này quả thật là bậc đại trí tuệ, sáng suốt vô cùng. Giờ đây ta còn rất nhiều điều muốn hỏi ngài, hay là ngày mai ta sẽ cho thỉnh ngài vào cung cho rộng thì giờ đối đáp vậy.”

Vua đem ý ấy nói với viên cận thần *Triêm-di-ly*. Người này liền thưa với đại đức *Na-tiên* rằng: “Hôm nay trời sắp tối, đại vương phải về cung. Ngày mai, đại vương muốn thỉnh ngài vào cung để cùng nhau đối đáp.”

Na-tiên nhận lời, nói rằng: “Như vậy hay lắm.”

Vua lên xe về cung. Giữa đường, lúc nào cũng nghĩ đến *Na-tiên*, lắm bả gọi thầm tên ngài trong miệng:

¹ Đoạn này mang đậm tinh thần Đại thừa, thật ra không phù hợp lắm với văn nghĩa toàn kinh. Có lẽ là do người sau thêm vào.

“*Na-tiên, Na-tiên...*” Cứ suy tưởng như vậy mãi cho đến sáng hôm sau.

VI. THỈNH VẤN

Sáng hôm sau, *Triêm-di-ly* với quần thần cùng tâu hỏi vua rằng: “Có nên đi thỉnh đại đức *Na-tiên* chăng?”

Vua đáp: “Nên đi ngay đi.”

Triêm-di-ly lại hỏi: “Đến thỉnh đại đức, nên để cho bao nhiêu vị *sa-môn* cùng đi?”

Vua nói: “Việc ấy cứ tùy ý đại đức.”

Khi ấy có viên quan giữ kho của vua tên là Xan¹ đang đứng cạnh đó, liền tâu vua rằng: “Xin để cho mười vị *sa-môn* cùng đi.”

Vua nói: “Việc ấy để tùy ý đại đức *Na-tiên*.”

Xan lại nói: “Có thể để cho mười vị *sa-môn* đi theo được chăng?”

Vua nói: “Cứ để tùy ý đại đức, ngài muốn dẫn theo bao nhiêu *sa-môn* cũng đều được.”

Xan lại nói: “Có lẽ nên cho phép dẫn theo mười vị *sa-môn* thôi.”²

Vua nghe ông Xan cãi nhau hoài chuyện ấy, liền nổi giận nạt rằng: “Ông thật là keo lận hết chỗ nói. Thảo nào tên ông là Xan, quả đúng không sai! Ông tham tiệc của vua khác nào của ông, không biết là trái ý ta sẽ bị tội

¹ Tiếng Phạn là Sappadinna, có nghĩa là tham tiệc, keo lận, nên bản chữ Hán dịch là Xan, tức là dịch theo nghĩa.

² Viên quan giữ kho này tính keo lận, sợ có nhiều *sa-môn* đi theo sẽ phải tốn kém việc đãi cơm.

chết hay sao? Thôi ông hãy đi đi, ta tạm tha tội cho ông đó. Lẽ nào ta làm đến bậc vương giả mà không đủ sức đãi cơm các vị *sa-môn* hay sao?”

Ông Xan nghe vua nói xấu hổ đi ra, không dám nói thêm gì nữa.

Triêm-di-ly đến chỗ ngài *Na-tiên*, vào thưa rằng: “Bạch đại đức, đại vương thỉnh ngài vào cung.”

Na-tiên hỏi: “Nhà vua cho phép ta dẫn theo bao nhiêu *sa-môn*?”

Triêm-di-ly đáp: “Xin tùy ý ngài, muốn dẫn theo bao nhiêu cũng được.”

Na-tiên liền cùng với nhóm ông *Giả-hòa-la* và tám mươi vị *sa-môn* nữa vào cung.

Triêm-di-ly cùng đi, giữa đường thưa hỏi đại đức *Na-tiên* rằng: “Bạch đại đức, hôm qua nói chuyện với nhà vua, chung quy tôi vẫn không biết lấy gì là *Na-tiên*?”

Đại đức *Na-tiên* quay sang hỏi ông: “Vậy theo ý ông, lấy gì là *Na-tiên*?”

Triêm-di-ly đáp: “Theo ý tôi, hơi thở có vào có ra, ấy là *Na-tiên*.”¹

Na-tiên hỏi: “Nếu như hơi người đưa ra rồi không vào lại, người ấy có sống không?”

Triêm-di-ly đáp: “Hơi ra mà không vào, nhất định phải chết.”

Na-tiên hỏi: “Như người thổi kèn, thổi sáo hoặc thổi lửa, hơi ấy ra rồi có vào lại chăng?”

¹ Theo ý ông này, hơi thở ra vào chính là biểu hiện của sự sống, nên chấp lấy đó là bản ngã.

Triêm-di-ly đáp: “Thưa không.”

Na-tiên hỏi: “VẬY NHỮNG NGƯỜI THỐI KÈN, THỐI SÁO HOẶC THỐI LỬA ẤY, HƠI ĐƯA RA RỒI KHÔNG VÀO LẠI, VÌ SAO KHÔNG CHẾT?”

Triêm-di-ly không đáp được, thưa rằng: “NHƯ CHUYỆN HƠI THỞ RA VÀO NÀY, SỨC TÔI THẬT KHÔNG HIỂU NỔ. XIN ĐẠI ĐỨC VÌ TÔI MÀ GIẢI THÍCH CHO.”

Na-tiên nói: “HƠI THỞ RA VÀO CHẴNG QUA CHỈ LÀ MỘT TRONG NHIỀU HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ THỂ ĐÓ THÔI. NHƯ TRONG TÂM CÓ SUY NGHĨ GÌ, NHỜ CÁI LƯỠI MÀ NÓI RA THÀNH LỜI. ẤY LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LƯỠI. NHƯ TRONG Ý CÓ CHỖ NGHI NGẠI, TRONG TÂM LIÊN SUY XÉT, NGÃM NGHĨ, ĐÓ LÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÂM. MỖI MỖI ĐỀU HÒA HỢP THEO CHỦ Ý CỦA NGƯỜI, NHƯNG TÁCH BIỆT RA THÌ HẾT THẢY ĐỀU LÀ KHÔNG, CHẴNG CÓ GÌ LÀ *Na-tiên* CẢ.”

Triêm-di-ly chợt hiểu ra, liền phát tâm xin thọ Năm giới, nguyện làm người cư sĩ tu tại gia.



Na-tiên vào cung vua rồi, thẳng đến chỗ vua. Vua liền lễ bái, thỉnh ngài và tám mươi vị *sa-môn* cùng ngồi.

Vua sai dọn các món ăn ngon quý để cúng dường tất cả. Vua lại tự tay tiếp đãi ngài *Na-tiên* rất ân cần.

Khi các vị *sa-môn* đều đã dùng bữa xong, vua lại cúng dường cho mỗi vị một bộ *cà-sa* và một đôi dép. Riêng ngài *Na-tiên* và *Giả-hòa-la* mỗi người ba bộ *cà-sa* với một đôi dép.

Cúng dường xong, vua nói với đại đức *Na-tiên* rằng: “XIN LƯU MƯỜI VỊ Ở LẠI, CÒN BAO NHIÊU XIN CHO VỀ.”

Na-tiên liền giữ lại mười vị *sa-môn*, số còn lại cho trở về chùa.

Vua lại cho gọi tất cả mọi người trong hậu cung đến để được nghe vua và đại đức *Na-tiên* cùng đối đáp.

VII. VẤN ĐÁP

Vua cho dọn chỗ ngồi đối diện với ngài *Na-tiên*. Sau đó, vua hỏi đại đức *Na-tiên*: “BẠCH ĐẠI ĐỨC, NÊN NÓI VỀ NHỮNG CHUYỆN GÌ TRƯỚC NHẤT?”

Na-tiên đáp: “ĐẠI VƯƠNG MUỐN NGHE NHỮNG ĐIỀU CỐT YẾU, NÊN BÀN CHUYỆN CỐT YẾU VẬY.”

1. MỤC ĐÍCH XUẤT GIA

Vua hỏi: “THEO NGÀI THÌ CHUYỆN GÌ LÀ CỐT YẾU NHẤT? VÌ MUỐN CẦU ĐIỀU CHI MÀ CÁC NGÀI XUẤT GIA LÀM *sa-môn*?”

Na-tiên đáp: “CHÚNG TÔI XUẤT GIA LÀM *sa-môn* LÀ MUỐN TRỪ HẾT NHỮNG KHỔ NÃO TRONG ĐỜI NÀY, CŨNG KHÔNG MUỐN ĐỜI SAU PHẢI CHỊU KHỔ NÃO NỮA. VÌ NHỮNG MỤC ĐÍCH ẤY, CHÚNG TÔI XUẤT GIA LÀM *sa-môn*. CHÚNG TÔI XEM ĐÓ LÀ ĐIỀU CỐT YẾU NHẤT, TỐT ĐẸP NHẤT VẬY.”

Vua lại hỏi: “CÓ PHẢI HẾT THẢY CÁC VỊ *sa-môn* ĐỀU VÌ MUỐN DIỆT KHỔ NÃO ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SAU NÊN MỚI XUẤT GIA LÀM *sa-môn* HAY CHẴNG?”

Na-tiên đáp: “KHÔNG PHẢI VẬY. THẬT RA, NHỮNG NGƯỜI XUẤT GIA LÀM *sa-môn* CÓ BỐN HẠNG KHÁC NHAU.”

Vua hỏi: “THẾ NÀO LÀ BỐN HẠNG KHÁC NHAU?”

Na-tiên nói: “TRONG SỐ NHỮNG NGƯỜI XUẤT GIA LÀM *sa-môn*, CÓ NGƯỜI DO NƠI MẮC PHẢI NỢ NẦN NÊN XUẤT GIA ĐỂ

tránh né; có người vì phạm phép nước nên sợ mà xuất gia để lẩn tránh; có người vì quá nghèo khổ nên xuất gia để được có cơm ăn, áo mặc. Ba hạng ấy không phải vì muốn diệt khổ não mà xuất gia. Hạng thứ tư là những bậc chân chánh xuất gia. Vì muốn trừ diệt hết khổ não đời này và đời sau, nên mới xuất gia làm *sa-môn*.”

Vua hỏi: “Như đại đức, có phải vì cầu đạo mà làm *sa-môn* chăng?”

Na-tiên đáp: “Bần tăng vốn xuất gia khi còn nhỏ tuổi, nhờ có kinh điển của Phật, cùng các vị *sa-môn* đều là những bậc cao minh giáo hóa cho. Bần tăng học kinh, thọ giới, thâm nhập vào trong tâm. Vì thế mà lập chí nguyện quyết trừ dứt khổ não trong đời này và đời sau vậy.”

Vua tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay!”

2. TÁI SANH

Vua lại thưa hỏi: “Bạch đại đức, có người nào sau khi chết không tái sanh trở lại chăng?”

Đại đức *Na-tiên* đáp: “Có người phải tái sanh, nhưng cũng có người không phải tái sanh.”

Vua hỏi: “Những ai phải tái sanh? Những ai không phải tái sanh?”

Na-tiên đáp: “Người nào chưa dứt lòng tham muốn ân tình, ái luyến thì sẽ phải tái sanh. Người nào đã dứt được lòng tham muốn ân tình, ái luyến thì sẽ không phải tái sanh nữa.”

Vua hỏi: “Như người hết lòng niệm tưởng pháp lành chân chánh, có phải sanh ra ở đời sau nữa chăng?”

Na-tiên đáp: “Người nào hết lòng niệm tưởng chánh pháp, niệm tưởng trí tuệ lành, cùng với các điều lành khác nữa, có thể nhờ đó mà không còn phải sanh ra ở đời sau.”

Vua lại hỏi: “Người hết lòng niệm tưởng pháp lành chân chánh, so với có trí tuệ, hai điều ấy có đồng nghĩa với nhau chăng?”

Na-tiên đáp: “Không, hai điều ấy có ý nghĩa khác nhau.”

Vua hỏi: “Các loài trâu, ngựa, gia súc ... có trí hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Các loài trâu, ngựa, gia súc... mỗi loài đều tự có trí, nhưng tâm của chúng không đồng nhau.”

Na-tiên lại nói: “Đại vương từng thấy người gặt lúa chăng? Tay trái nắm lấy bó lúa, tay phải cắt đi. Nay đại vương, bậc có trí tuệ đoạn tuyệt ái dục cũng giống như người cắt lúa.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

3. CÁC ĐIỀU LÀNH

Vua hỏi: “Bạch đại đức, còn các điều lành khác nữa là những gì?”

Na-tiên đáp: “Thành tín, hiếu thuận, tinh tấn, nghĩ nhớ điều lành, nhất tâm và trí tuệ. Đó gọi là các điều lành.”

Vua hỏi: “Thế nào là thành tín?”

Na-tiên đáp: “Thành tín là không còn nghi ngại gì nữa. Tín là có Phật, có kinh điển của Phật, có các vị *tỳ-kheo* tăng, có các vị đắc *A-la-hán*. Tín là có đời nay và

còn có đời sau, tin vào việc hiếu thuận với cha mẹ, tin vào việc làm lành gặp lành, làm ác gặp ác. Vững tin được như vậy, tâm liền được thanh tịnh, tức lìa xa được năm điều ác.

“Những gì là năm điều ác? Một là tham dâm, hai là sân nhuế, ba là mê ngủ, bốn là tham đắm các trò vui, năm là còn có chỗ nghi.

“Người chưa lìa được năm điều ác ấy thì tâm ý chẳng được an định. Lìa được năm điều ác ấy thì trong tâm liền thanh tịnh.

“Ví như vua *Giá-ca-việt* dẫn theo người, ngựa với xe cộ lội qua một dòng nước. Qua khỏi rồi, vua khát muốn tìm nước uống. Vua có hạt châu quý có thể làm lặn trong nước đục, liền dùng hạt châu ấy đặt xuống nước, nước đục tức thời lặn trong. Vua liền có nước sạch để uống.

“Lòng người chắt chứa điều ác, ví như nước đục. Đạo tâm vượt thoát sanh tử của hàng đệ tử Phật ví như hạt châu quý có thể làm nước lặn trong. Người trừ sạch được các điều ác rồi, lòng thành tín trong sạch sáng rõ như hạt châu minh nguyệt.”

Vua tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay!”

Vua lại hỏi: “Còn như người tinh tấn thành tín là thế nào?”

Na-tiên đáp: “Hàng đệ tử tu theo Phật, tự sách tấn làm gương cho nhau. Trong số ấy có những người trừ hết các tâm ác, có người đắc quả *Tu-đà-hoàn*, có người đắc quả *Tu-đà-hàm*, có người đắc quả *A-na-hàm*, có người đắc quả *A-la-hán*, lại có những người học làm theo tâm thành tín. Hết thấy những người ấy đều được thoát khỏi chốn thế tục.

“Ví như có trận mưa rất lớn trên núi cao, nên dòng nước dưới chân núi dâng cao mênh mông. Những người ở hai bên bờ nước đều không biết mức sâu cạn thế nào, nên sợ chẳng dám lội qua.

“Bấy giờ có người từ xa đến, nhìn dòng nước biết được mức rộng hẹp, sâu cạn, rồi tự lượng sức mình, liền lội xuống nước mà vượt qua. Những người ở hai bên bờ nước liền bắt chước theo người ấy, đều lội qua được dòng nước.

“Hàng đệ tử Phật cũng giống như vậy, phát khởi tâm thành tín vì thấy những người đi trước được tâm thanh tịnh, đắc các quả *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán*, đều là nhờ nơi có thiện tâm với sức tinh tấn.

“Kinh Phật dạy rằng: Người có tâm thành tín, có thể vượt ra khỏi thế tục. Người tu hành trước phải kiềm chế, ngăn chặn được năm mối tham dục, tự biết thân này là khổ, sau mới có thể cứu độ cho người khác. Hết thấy đều là nhờ nơi trí tuệ mà thành tựu đạo đức vậy.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

4. HIẾU THUẬN

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, những gì được gọi là hiếu thuận?”¹

Na-tiên đáp: “Tất cả các điều lành đều là hiếu thuận. Phàm ba mươi bảy pháp trợ đạo¹ đều do nơi hiếu thuận làm gốc.”

¹ Khái niệm hiếu thuận ở đây được mở rộng hơn cách hiểu thông thường chỉ liên quan đến ông bà, cha mẹ hiện thế... Có người cho rằng có sự sai lệch về cách dùng từ ở đây, nhưng chúng tôi vẫn giữ nguyên, vì quan điểm mở rộng chữ “hiếu” còn được thấy ở nhiều kinh điển khác, không riêng gì ở đây.

Vua hỏi: “Những gì là ba mươi bảy pháp trợ đạo?”

Na-tiên đáp: “Đó là Bốn pháp dừng ý, Bốn pháp đoạn ý, Bốn pháp thân tức, Năm căn, Năm sức, Bảy giác ý và Tám chánh đạo.”

“Những gì gọi là Bốn pháp dừng ý?”

“Phật dạy rằng, một là quán thân thì thân dừng, hai là quán bệnh khổ thì bệnh khổ dừng, ba là quán ý thì ý dừng, bốn là quán pháp thì pháp dừng. Như vậy gọi là Bốn pháp dừng ý.”²

Vua lại hỏi: “Những gì là Bốn pháp đoạn ý?”

“Khi đã phân biệt được Bốn pháp dừng ý nói trên, không còn khởi niệm trở lại nữa, gọi là Bốn pháp đoạn ý. Đã được Bốn pháp đoạn ý, trong ý niệm liền tự nhiên được Bốn thân tức.”

“Những gì là Bốn thân tức trong ý niệm?”

“Một là mắt có thể nhìn thấu khắp nơi, hai là tai có thể nghe thấu khắp nơi, ba là có thể biết được chỗ suy nghĩ trong tâm người khác, bốn là có thể bay đi trên không. Đó là Bốn thân tức trong ý niệm.”

Vua hỏi: “Còn những gì gọi là Năm căn?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy các hình sắc đẹp đẽ hay xấu xí, trong ý đều không tham đắm. Hai là tai nghe các âm thanh êm dịu hay lời nhục mạ, trong ý đều không tham đắm. Ba là mũi ngửi mùi hương thơm tho hay khó ngửi, trong ý đều không tham đắm. Bốn là lưỡi nếm các

¹ Bản Hán văn gọi là Tam thập thất phẩm kinh, chính cách gọi phổ biến ngày nay là Tam thập thất phẩm trợ đạo, tức là ba mươi bảy pháp giúp đạt đến quả vị Bồ-đề.

² Về bốn pháp này, các kinh khác ghi là Tứ niệm xứ, là bốn pháp quán niệm căn bản, bao gồm thân, thọ, tâm và pháp.

mùi vị ngon ngọt hay cay đắng, trong ý đều không tham đắm. Năm là thân thể xúc chạm êm dịu, trong ý cũng không vui thích; thân thể xúc chạm thô cứng, trong ý cũng không khó chịu. Như vậy gọi là Năm căn.”¹

Vua lại hỏi: “Còn những gì gọi là Năm sức?”

Na-tiên đáp: “Một là chế ngự được mắt, hai là chế ngự được tai, ba là chế ngự được mũi, bốn là chế ngự được lưỡi, năm là chế ngự được thân. Nhờ đủ sức chế ngự được năm giác quan ấy nên tâm ý không bị sa đọa, như vậy gọi là Năm sức.”

Vua hỏi: “Những gì là Bảy giác ý?”

Na-tiên đáp: “Một là Ý giác ý, hai là Phân biệt giác ý, ba là Tinh tấn giác ý, bốn là Khả giác ý, năm là Ý giác ý, sáu là Định giác ý, bảy là Hộ giác ý. Đó là Bảy giác ý.”²

Vua hỏi: “Những gì gọi là Tám món đạo hạnh?”³

Đáp: “Một là chỗ thấy biết chân chánh, hai là suy nghĩ chân chánh, ba là lời nói chân chánh, bốn là việc làm chân chánh, năm là đời sống chân chánh, sáu là tinh tấn chân chánh, bảy là chỗ nhớ nghĩ chân chánh, tám là định ý chân chánh. Đó gọi là Tám món đạo hạnh.”⁴

¹ Căn ở đây được hiểu là căn bản, nghĩa là những điều quan trọng, phải dựa vào đó làm gốc.

² Các kinh khác ghi là Bảy giác chi, gồm có Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Niệm giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.

³ Bát chủng đạo hạnh, tức là Tám chánh đạo.

⁴ Bản Hán văn dùng chữ trực (直) thay vì chữ chánh (正) như hiện nay. Chúng tôi cho rằng chỉ là khác biệt về cách chọn dùng từ, vì nội dung này vẫn phù hợp với Bát chánh đạo. Cũng như tất cả những chỗ chỉ đến vị giác trong bản kinh này, đều dùng chữ khẩu (口) thay vì chính xác hơn là chữ thiệt (舌).

“Phàm ba mươi bảy phẩm trợ đạo này đều lấy hiếu thuận làm gốc.

“Như người mang đồ nặng đặt để nơi xa, có thể vững vàng được là nhờ nơi mặt đất.¹ Các loại ngũ cốc, cây cỏ trên thế gian này, đều sanh từ đất mà mọc hướng lên trời.

“Lại như người muốn xây thành lớn, trước phải lo việc đo đạc làm nền móng, rồi sau mới có thể khởi công xây dựng.

“Lại như người muốn nhào lộn biểu diễn, trước phải lo dọn chỗ đất cho sạch và bằng phẳng, sau mới có thể nhào lộn trên đó.

“Đệ tử Phật muốn cầu đạo, trước phải thực hành theo kinh giáo, trì giới, nhớ nghĩ điều lành, vì rõ biết sự cần khổ nên liền lìa bỏ được các mối ái dục, liền suy tưởng nghĩ nhớ đến Tám chánh đạo.”

Vua lại hỏi: “Nên nhờ vào những điều gì để lìa được các mối ái dục?”

Na-tiên đáp: “Một lòng nghĩ nhớ đến đạo, ái dục tự nhiên diệt mất.”

Vua liền tán thán: “Hay thay! Hay thay!”

5. TINH TẤN

Vua hỏi: “Những gì gọi là tinh tấn?”

Na-tiên đáp: “Giữ lấy điều lành đã có, tăng tiến điều lành chưa có, ấy gọi là tinh tấn.

¹ Đất là chỗ chịu đựng trọng lượng để vật có thể đứng vững. Như đất mềm lún không đủ sức chịu, vật không sao đứng vững được.

“Như có bức tường nhà sắp đổ, nhờ có trụ chống nên lại đứng vững. Tinh tấn cũng giống như vậy.¹

“Như có vị vua mang quân đi đánh. Quân không đủ mạnh, vua liền sai thêm quân đến trợ lực, nhờ vậy được chiến thắng.

“Người ta có lắm điều ác, cũng như lúc quân kia yếu ớt. Người giữ được tâm thiện, tiêu diệt các tâm ác, cũng như vua sai quân đến tăng viện mà được chiến thắng.

“Giữ lấy năm tâm thiện, trừ mất năm tâm ác, cũng như chiến đấu được đắc thắng. Như vậy gọi là tinh tấn tăng tiến điều lành.”

Đến đây, ngài *Na-tiên* đọc kệ rằng:

*Tinh tấn giúp thêm sức,
Người đi trọn đường lành.
Vượt thoát được thế tục,
Không còn phải xoay vần.*

Vua nghe xong, tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

6. NHỚ NGHĨ ĐIỀU LÀNH

Vua lại hỏi: “Sao gọi là tâm ý luôn nhớ nghĩ điều lành?”

Na-tiên đáp: “Như người hái nhiều thứ hoa, dùng chỉ kết chặt lại thành chuỗi, gió không thổi tung ra được.

“Thí như người giữ kho của vua, biết phân biệt rõ được trong kho vua có các thứ vàng bạc, châu ngọc nhiều ít, tốt xấu thế nào. Người tu hành muốn được đạo, tâm ý

¹ Nghĩa là cũng có khả năng chống chịu lại sự thoái hóa, hư hại.

luôn nhớ nghĩ đến Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Như vậy tức là nhớ nghĩ đến đạo xuất thế. Người có nhớ nghĩ đạo lý, nhân đó mới biết được điều lành, điều ác; biết điều nào có thể làm, điều nào không thể làm; phân biệt được tốt xấu, tự suy ngẫm lấy, liền bỏ ác mà làm lành.

“Thí như người giữ cửa cho vua, biết những người nào được vua kính trọng, những người nào vua không kính trọng, những người nào có lợi cho vua, những người nào không có lợi cho vua. Người ấy biết những ai được vua kính trọng, những ai có thể làm lợi cho vua, liền cho vào. Biết những ai vua không kính trọng, những ai không có lợi cho vua, liền không cho vào.

“Người tu hành kiểm soát ý niệm mình cũng như vậy. Những điều lành thì để cho vào, những điều ác thì ngăn giữ lại. Gìn giữ ý lành, chế phục trong tâm cũng lại như vậy.”

Đến đây, ngài *Na-tiên* dẫn thuyết lời trong kinh rằng:

“Người tu học phải tự kiên cường gìn giữ phòng hộ ý niệm của mình, cảnh giác với sáu món ái dục trong thân.¹ Làm được như vậy mới có thể thoát ra khỏi vòng thế tục.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

7. NHẤT TÂM

Vua lại hỏi: “Những gì có thể gọi nhất tâm?”

¹ Sáu món ái dục trong thân, tức là lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) duyên theo lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà khởi tâm tham đắm.

Na-tiên đáp: “Trong các điều lành, chỉ riêng có nhất tâm là cao hơn hết. Nếu người có thể đạt được nhất tâm, các điều thiện khác đều tùy đó sanh ra.

“Thí như xây dựng lâu gác, muốn vũng vàng phải có nền móng chịu đựng. Hết thấy các điều thiện đều phải do nơi nhất tâm.

“Như có vị vua dẫn bốn đạo quân ra thành chiến đấu, có quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân dùng xe và quân đánh bộ, thấy đều do vua điều khiển. Hết thấy kinh điển, giới luật của Phật, cùng các điều lành khác đều tùy theo nơi nhất tâm, cũng như các đạo quân kia tùy theo vua vậy.”

Đến đây, ngài *Na-tiên* dẫn kinh thuyết rằng:

“Trong các điều lành, nhất tâm là gốc. Tất cả những người học đạo, trước hết đều phải nương vào sự nhất tâm. Nếu không thì việc sanh tử từ quá khứ đến nay cứ như nước chảy xuôi giòng, trước sau nối nhau không có lúc dừng.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

8. TRÍ TUỆ

Vua lại hỏi: “Thế nào là trí tuệ?”

Na-tiên đáp: “Bản tạng trước đã có nói. Người có trí tuệ có thể dứt trừ các mối nghi, rõ biết các việc lành. Như vậy là trí tuệ.

“Thí như cầm đèn sáng bước vào nhà tối, vừa bước vào thì bóng tối liền tan biến, tự thấy sáng tỏ. Người sáng suốt có trí tuệ, cũng như ánh đèn sáng vậy.

“Lại như người dùng thanh đao bén chặt cây. Người có trí tuệ có thể đoạn dứt các điều ác, cũng như thanh đao bén kia.

“Người ta ở trong thế gian, trí tuệ là cao quý hơn hết. Ai có được trí tuệ, có thể vượt thoát được qua khỏi sự khổ về sanh tử.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

9. CÔNG NĂNG CỦA CÁC ĐIỀU LÀNH

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, từ trước đến giờ ngài đã thuyết dạy đủ các điều khác nhau trong kinh, phải chăng đều chỉ là vì muốn trừ sạch các điều ác?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy! Kinh Phật thuyết dạy các điều lành khác biệt nhau, thấy đều là vì muốn trừ sạch hết thảy các điều ác.

“Như vị vua kia dẫn bốn đoàn quân khác nhau¹ ra trận chiến đấu. Nhưng từ khi phát binh, mỗi mỗi đều chỉ vì muốn công kích quân địch. Phật thuyết trong kinh đủ các điều lành, cũng chỉ vì muốn công kích, trừ bỏ cho hết các điều ác đi vậy.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay! Đại đức *Na-tiên* thuyết giảng kinh Phật nghe thật rất thỏa chí!”

10. AI TÁI SANH

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức! Như có nói, khi người ta chết đi, theo nơi chỗ thiện hoặc ác đã làm mà tái sanh.

¹ Bốn đoàn quân khác nhau tức là quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân dùng xe và quân đánh bộ.

Vậy tái sanh đó là thân mạng với thần thức này đi tái sanh chăng? Hay thân mạng với thần thức khác?”

Na-tiên đáp: “Không phải thân mạng với thần thức này, cũng không lìa khỏi thân mạng với thần thức này.”

Khi ấy, ngài *Na-tiên* hỏi lại vua rằng: “Này đại vương, thân mạng khi còn ấu thơ theo bú sữa mẹ, với thân mạng khi đã lớn khôn, là một hay là khác?”

Vua đáp: “Thân mạng khi còn ấu thơ, vốn là khác.”

Na-tiên nói: “Người ta khi còn ở trong bụng mẹ, từ lúc mới vừa thụ tinh, cho đến thành bào thai có khác nhau chăng? Cho đến hình thành đủ xương cốt, da thịt, có khác nhau chăng? Từ khi sanh ra, cho đến khi tuổi lớn, có khác nhau chăng?”

“Như một người học viết, người khác có thể thay người ấy mà viết hay chăng?”

Vua nói: “Không thể được.”

Na-tiên lại hỏi: “Như một người phạm pháp, tội đáng mang ra xử, người vô tội chịu thay được chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Đại đức *Na-tiên* đã dùng các việc như trên mà dẫn dụ, nhưng ý vua vẫn chưa hiểu thấu nên thưa hỏi: “Bạch đại đức, như lại có ai hỏi ngài việc này,¹ ngài giảng giải thế nào?”

Na-tiên đáp: “Thân của bản tạng đây, từ thuở thiếu thời cho đến khi khôn lớn, vốn chỉ là một thân được liên tục nuôi lớn đó thôi.”²

¹ Tức là những câu hỏi mà ngài *Na-tiên* trước đó vừa hỏi vua.

² Bởi vì vua cho rằng thân mạng khi nhỏ với khi lớn là khác nhau, nên đại đức *Na-tiên* dẫn nhiều thí dụ để bác bỏ. Vua vẫn chưa hiểu rõ ý

Na-tiên lại hỏi vua: “Như người thắp lên ngọn đèn lúc đầu hôm, có thể giữ cháy cho đến sáng chẳng?”

Vua đáp: “Có thể được.”

Na-tiên lại hỏi: “Lửa đã thắp lên nơi ngọn đèn ấy, lúc đầu hôm, lúc giữa đêm, cho đến lúc gần sáng, có phải cùng một ngọn lửa chẳng?”

Vua đáp: “Không phải.”

Na-tiên lại hỏi: “Thắp đèn lúc đầu hôm, lúc nửa đêm có thắp lại chẳng? Lúc gần sáng có thắp lại chẳng?”

Vua đáp: “Không. Đầu hôm đã thắp đèn, lửa ấy nơi tim đèn cháy mãi cho đến sáng mà thôi.”²

Na-tiên nói: “Thần thức³ của con người tiếp nối mà thay đổi cũng là như thế. Mất ở nơi này, sanh ở nơi khác. Người sanh ra vốn chỉ một thần thức ấy cho đến lúc già chết, rồi sau lại hướng đến một đời sống khác. Tiếp nối mà thay đổi như vậy, nên thật không phải, mà cũng không lìa cái thần thức trước đó. Người sau khi chết rồi, thần thức đều phải hướng đến một đời sống mới.

ngài, nên muốn nghe câu trả lời rõ ràng. Vì vậy, ngài nói rõ ra đó chỉ là hai giai đoạn khác nhau của cùng một thân mạng.

¹ Chỗ này vua đã bắt đầu lúng túng, nên trả lời gượng gạo. Nói “không phải” là vì muốn bảo thủ ý tưởng trước đây của mình, cho rằng “thân mạng lúc ấu thời với thân mạng khi khôn lớn là khác nhau”. Ngài *Na-tiên* sau đó kiên trì đưa ra các ví dụ khác khiến vua phải chấp nhận từ bỏ định kiến cũ.

² Khi trả lời câu này, vua tự đánh đổ lập luận trước đó, rằng “lửa đầu hôm không phải lửa lúc nửa đêm”.

³ Nguyên bản Hán văn dùng từ không nhất quán. Trước dùng thân mạng (身命), sau dùng tinh thần (精神), sau đây nữa lại dùng nhân thần (人神), thật ra đều chỉ đến thần thức (神識), là phần chịu ảnh hưởng của nghiệp lực mà thọ sanh một đời sống mới trong luân hồi. Vì thế chúng tôi dùng từ thần thức để chuyển dịch cho nhất quán, dễ hiểu.

“Ví như dùng sữa mà làm ra bơ, phó-mát, đề-hồ... Có thể nào lấy những đề-hồ, phó-mát, bơ... ấy trở lại gọi là sữa chẳng? Có người nói như vậy, có đúng chẳng?”

Vua đáp: “Lời nói như vậy không đúng.”

Na-tiên nói: “Thần thức con người cũng như sữa kia vậy. Từ sữa mà làm ra bơ, phó-mát, đề-hồ... Thần thức con người cũng như vậy. Do nơi thần thức mà thọ sanh, từ sanh ra cho đến khôn lớn, già chết. Sau khi chết rồi lại tái sanh. Thân này vừa mất liền thọ thân khác, ví như hai vị chúa tể,¹ lại tương quan với nhau như một.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

11. KHÔNG CÒN TÁI SANH

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Như có người không phải tái sanh ở đời sau, người ấy có thể tự biết việc ấy chẳng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên. Người ấy có thể tự biết được.”

Vua hỏi: “Nhờ đâu mà biết?”

Na-tiên đáp: “Người ấy tự biết mình không còn ân tình ái luyến, không còn tham dục, không còn các điều ác trong tâm. Vì thế tự biết không còn phải tái sanh đời sau nữa.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như nhà nông kia cày ruộng, gieo giống, đến khi thu hoạch vào chứa trong kho. Vụ mùa năm sau người ấy không cày ruộng, không gieo giống, chỉ dùng thóc chứa trong kho. Người nhà nông ấy có mong gì được thu hoạch thóc mới chẳng?”

¹ Ý nói thần thức làm chủ trong thân mạng.

Vua nói: “Nhà nông ấy thật không thể mong như vậy được.”

Na-tiên hỏi: “Nhà nông ấy do đâu mà biết sẽ không có thu hoạch thóc mới?”

Vua đáp: “Vì nhà nông ấy không cày ruộng, không gieo giống trở lại, nên biết không thể mong gì có thu hoạch thóc mới.”

Na-tiên nói: “Người tu hành đắc đạo cũng giống như vậy. Tự biết mình đã dứt bỏ ân tình, ái luyến, vui khổ; không còn tâm tham muốn, vì vậy tự biết là đời sau không còn phải tái sanh nữa.”

12. TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

Vua lại hỏi: “Người đã chấm dứt được sự tái sanh, ngay trong đời này có được trí tuệ khác người thường chăng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên. Người ấy có trí tuệ khác người thường.”

Vua lại hỏi: “Người ấy có thể sáng suốt hiểu rõ chăng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên, người ấy có thể sáng suốt hiểu rõ.”

Vua hỏi: “Có trí tuệ và sáng suốt hiểu rõ, hai việc ấy có khác nhau hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Hai việc ấy đều như nhau.”

Vua hỏi: “Người có trí tuệ sáng suốt hiểu rõ, có thể hiểu biết hết thấy mọi việc chăng? Có những việc gì không thể hiểu thấu chăng?”

Na-tiên đáp: “Có điều hiểu thấu, có điều không hiểu thấu.”

Vua hỏi: “Những gì hiểu thấu? Những gì không hiểu thấu?”

Na-tiên đáp: “Những gì trước đây chưa từng học đến, không thể hiểu thấu. Những gì đã có học qua, có thể hiểu thấu. Nhưng người có trí đều hiểu thấu được rằng vạn vật thay đổi trôi qua đến chỗ không không, chẳng tùy theo ý mình; lòng người tham đắm sự vui thấy đều là gieo lấy nhân của sự khổ, dẫn đến sự khổ. Người có trí tuệ biết rõ lý thành bại không thường tồn của sự vật, vì vậy mà khác với kẻ tầm thường.”

Vua hỏi: “Như người có trí tuệ, sự ngu si khi ấy ở đâu?”

Na-tiên đáp: “Người có trí tuệ, những điều ngu si tự nhiên diệt mất. Ví như người cầm đèn sáng đi vào nhà tối, trong nhà liền được chiếu sáng, bóng tối tức thời diệt mất. Trí tuệ cũng như đèn sáng, ngu si như bóng tối. Người có trí tuệ, hết thấy các điều ngu si tất phải bị tiêu diệt.”

Vua lại hỏi: “Diệt hết ngu si rồi, khi ấy trí tuệ ở đâu?”

Na-tiên đáp: “Người sau khi đã dùng trí tuệ mà diệt hết ngu si, thì trí tuệ ấy cũng tự mất. Nhưng những gì mà trí tuệ tạo ra vẫn còn tồn tại.

“Ví như người đang đem thắp đèn để viết thư. Đèn tắt rồi nhưng lá thư vẫn còn tồn tại. Trí tuệ cũng như vậy. Đã thành tựu được cho người rồi, trí tuệ liền mất, nhưng những điều đã có được vẫn còn tồn tại.”

Vua nói: “Đại đức bảo rằng trí tuệ thành tựu cho người rồi tự mất. Xin nói rõ thêm về lời ấy.”

Na-tiên đáp: “Vị như người muốn phòng hỏa hoạn, nên chuẩn bị sẵn 5 thùng nước lớn. Khi có hỏa hoạn, liền dùng nước trong 5 thùng ấy mà dập tắt lửa. Lửa đã tắt rồi, người ấy còn có ý muốn dùng mấy cái thùng nữa hay chẳng?”

Vua đáp: “Người ấy tất không còn muốn dùng mấy cái thùng nữa. Lửa đã tắt, dùng mấy cái thùng ấy mà làm chi?”

Na-tiên nói: “Người tu học dùng năm tâm lành diệt hết các điều ác, cũng giống như những thùng nước kia dập tắt lửa.”

13. NĂM TÂM LÀNH

Vua hỏi: “Những gì là năm tâm lành?”

Na-tiên đáp: “Một là tin vào điều thiện, điều ác.¹ Hai là không hủy báng kinh điển, giới luật. Ba là tinh tấn. Bốn là ân cần nhớ nghĩ các điều lành. Năm là một lòng nhớ nghĩ đến đạo pháp. Đó là năm điều lành. Người có thể làm theo năm điều lành ấy, liền được trí tuệ sáng suốt, hiểu rõ được thân mạng này cũng như vạn vật đều không thường tồn, hiểu được lẽ khổ não, rằng mọi việc đều không theo như ý muốn,² hiểu được lẽ không có gì là sở hữu cả.

“Vị như vị thầy thuốc mang năm loại thuốc đến nhà người bệnh. Lấy năm thứ thuốc ấy cho bệnh nhân uống,

¹ Nghĩa là tin ở nhân quả, làm lành gặp lành, làm ác gặp ác.

² Ở đây chỉ sự tham dục, mong cầu.

được khỏi bệnh. Sau đó, thầy thuốc có còn muốn dùng các loại thuốc ấy nữa chẳng?”

Vua đáp: “Bệnh đã khỏi, tất nhiên không còn muốn dùng các loại thuốc ấy nữa.”

Na-tiên nói: “Năm loại thuốc ấy, ví như năm điều lành, như trí tuệ. Người thầy thuốc ấy cũng như người học đạo. Bệnh ấy ví như các điều ác. Ngu si ví như bệnh nhân. Hiểu đạo rồi, xa lìa cõi thế, như bệnh nhân được khỏi. Trí tuệ đã thành tựu, người học đạo đã vượt ra khỏi thế tục, chứng đắc đạo pháp, trí tuệ liền tự diệt mất. Ví như người dũng sĩ chiến đấu, nhắm vào kẻ địch mà bắn ra năm mũi tên, được đắc thắng. Đã chiến thắng rồi, người ấy còn có muốn được lại năm mũi tên ấy chẳng?”

Vua đáp: “Không, không thể muốn được lại năm mũi tên ấy.”

Na-tiên nói: “Năm mũi tên như năm điều sáng suốt của người. Người trí nhờ trí mà được đạo, như dũng sĩ kia chiến thắng kẻ địch. Các điều ác cũng như kẻ địch. Người tu giữ lấy năm điều lành, diệt hết các điều ác. Các điều ác đã diệt, trí tuệ lành tất sanh. Người tu nhờ nơi trí tuệ lành mà được độ thoát.

KINH TỖ-KHEO NA-TIÊN

(*Bản Hán văn dịch từ tiếng Phạn, khuyết danh người dịch*)

QUYỂN TRUNG

I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÂM THỨC

1. CẢM XÚC VÀ SỰ KHỔ, VUI

Vua hỏi: “Bạch đại đức, người ta thấy vui trong lòng, điều ấy là thiện hay bất thiện? Người ta thấy khổ trong lòng, điều ấy là thiện hay bất thiện? Phật có thuyết các pháp vui hoặc khổ chăng? Như khiến cho các pháp hữu vi không phải khổ.”

Na-tiên liền hỏi vua: “Này đại vương, như có người đốt hòn sắt nóng đỏ, nắm trong lòng bàn tay, hòn sắt có làm người ấy rất khó chịu chăng? Lại trong lòng bàn tay kia nắm chặt một cục băng, cục băng có làm người ấy rất khó chịu chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, cả hai đều có sức gây khó chịu như nhau.”

Na-tiên hỏi vua: “Như vậy, vật trong hai tay người ấy, có phải đều nóng cả chăng?”

“Không phải đều nóng cả.”

“Hay là đều lạnh cả chăng?”

“Cũng không phải đều lạnh cả.”

Na-tiên nói: “Cả hai vật ấy đều gây khó chịu. Bần tăng đã hai lần hỏi đại vương. Nếu cả hai đều nóng, nên nói là đều nóng; nếu cả hai đều lạnh, nên nói là đều lạnh.

Nay vì sao một lạnh, một nóng, lại có thể nói là đều gây khó chịu cho người?”¹

Vua nói: “Trẫm không đủ trí tuệ hiểu rõ việc này. Xin đại đức vì trẫm giảng giải.”

Na-tiên đáp: “Kinh Phật nói rằng: Có sáu việc khiến cho người ta đắm vào sự vui, có sáu việc khiến người ta đắm vào sự buồn, lại có sáu việc khiến người ta không vui, có sáu việc khiến người ta không vui cũng không buồn.

“Còn có sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự vui, sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự buồn.”

Vua hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt nhìn thấy, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Hai là tai nghe âm thanh dễ chịu, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Ba là mũi ngửi hương thơm, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Bốn là lưỡi nếm vị ngon, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Năm là thân xúc chạm êm ái, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Sáu là trong ý được vui, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Như vậy là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự vui.”

Vua lại hỏi: “Những gì là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy sắc đẹp, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ,

¹ Ở đây muốn lấy nóng và lạnh để so sánh với sự vui và khổ, để cho vua thấy rõ hai điều ấy đều có thể gây hại cho người. Chú ý rằng vui, khổ ở đây là đang nói trong phạm trù của thọ cảm.

tự suy nghĩ hiểu thấu lẽ vô thường, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Hai là tai nghe âm thanh dễ chịu, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Ba là mũi ngửi hương thơm, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Bốn là lưỡi nếm vị ngon, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Năm là thân xúc chạm êm ái, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Sáu là ý nghĩ đến ái dục, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy nên thoát ra khỏi sự vui.

“Như vậy là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự vui.”

Vua hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự buồn?”

Na-tiên đáp: “Một là những điều mắt không ưa thích mà phải nhìn thấy, nên sanh tâm buồn. Hai là những điều tai không muốn nghe mà phải nghe, nên sanh tâm buồn. Ba là những mùi mũi không ưa ngửi mà phải ngửi, nên sanh tâm buồn. Bốn là những vị lưỡi không ưa nếm mà phải nếm, nên sanh tâm buồn. Năm là những điều thân không ưa thích mà phải xúc chạm, nên sanh tâm buồn. Sáu là những điều ý không ưa thích mà phải nghĩ

tưởng, nên sanh tâm buồn. Như vậy là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự buồn.”

Vua hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta không vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy những hình sắc xấu xí, khiến người không vui. Hai là tai nghe những âm thanh khó chịu, khiến người không vui. Ba là mũi ngửi những mùi hôi thối, khiến người không vui. Bốn là lưỡi nếm những vị cay đắng, khiến người không vui. Năm là thân xúc chạm những vật thô nhám, khiến người không vui. Sáu là trong ý ôm ấp những sự oán ghét, khiến người không vui. Như vậy là sáu việc khiến người ta không vui.”

Vua lại hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta không buồn cũng không vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy hình sắc, lòng không buồn, cũng không vui. Hai là tai nghe âm thanh, lòng không buồn, cũng không vui. Ba là mũi ngửi hương thơm, lòng không buồn, cũng không vui. Bốn là lưỡi nếm mùi vị, lòng không buồn, cũng không vui. Năm là thân có xúc chạm, lòng không buồn, cũng không vui. Sáu là ý có suy nghĩ, lòng không buồn, cũng không vui. Như vậy là sáu việc khiến người ta không buồn cũng không vui.”

Vua lại hỏi: “Những gì là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự buồn rầu?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt nhìn thấy sự chết, nhân đó suy ngẫm rằng thân mình với vạn vật đều vô thường. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Hai là tai không ưa thích những âm thanh hay lạ. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Ba là mũi không ưa thích mùi hương thơm. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Bốn là lưỡi không sợ những vị nhạt đắng. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Năm là thân không ưa những sự xúc chạm mềm mại. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Sáu là ý không ưa thích sự ái dục. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Như vậy là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự buồn rầu.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

2. SAU KHI CHẾT

Vua hỏi: “Người ta sau khi chết đi rồi, những gì sẽ sanh trở lại ở đời sau?”

Na-tiên đáp: “Là danh và thân¹ sanh trở lại ở đời sau.”

¹ Danh là tên gọi, ở đây được hiểu là những khái niệm liên quan đến một cá nhân. Thân là thân thể, ở đây được hiểu là những sắc chất tạo thành đời sống. Vì vậy, danh và thân chính là biểu hiện cho sự hiện hữu của một cá nhân về vật chất lẫn tinh thần.

Vua hỏi: “Có phải là danh và thân của đời này sanh trở lại chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải! Không phải danh, cũng không phải thân của đời này sanh trở lại. Nhưng do nơi danh và thân của đời này tạo tác các việc thiện ác, nên đời sau mới có danh và thân theo đó sanh ra.”

Vua hỏi: “Như nói rằng danh và thân của đời này làm các việc thiện hoặc ác, đời sau danh thân ấy lại chẳng sanh ra, vậy người có làm những điều cực ác, cuối cùng cũng có thể được thoát khỏi, không phải chịu lấy những điều khổ hay sao?”

Na-tiên đáp: “Như người đời nay làm việc thiện, sau không sanh ra nữa, cũng nói là được thoát khỏi sao? Người tạo tác các việc thiện ác không dừng nghỉ, vậy nên không thể thoát được nghiệp quả.

“Ví như có người hái trộm quả xoài của người khác. Người chủ bắt được, giải đến trước vua khiếu nại rằng: Người này hái trộm xoài của tôi.

“Người hái trộm xoài liền nói: Tôi không có hái trộm xoài của ông này. Ông này ngày trước chỉ có trồng cây xoài con, vốn không có trồng quả xoài. Nay tôi tự tay hái được quả xoài, sao gọi là trộm? Tôi không có hái xoài của ông ta, nên không có tội.”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, hai người tranh nhau như thế, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người trồng cây xoài con là đúng. Kẻ trộm kia không có lý, tất phải chịu buộc tội.”

¹ Vua chỉ nêu việc ác mà hỏi, *Na-tiên* chỉ rõ cả việc thiện cũng vậy. Đã tạo tác các việc thiện ác, đều phải tùy nghiệp lực mà thọ sanh đời sau, không thể nói là thoát khỏi được.

Na-tiên hỏi: “Kẻ trộm vì sao có tội?”

Vua đáp: “Sở dĩ nói kẻ ấy có tội, là vì nhân có người trồng cây xoài con ngày xưa, mới thành cây cao lớn, có quả như ngày nay.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như có người gặt trộm lúa người khác. Chủ ruộng bắt được nói rằng: Ông gặt trộm lúa của tôi.

“Người ấy nói: Tôi không có trộm lúa của ông. Ông gieo mạ xuống ruộng, tôi tự cấy lúa mà lấy, làm sao gọi tôi là trộm?”

“Hai bên tranh cãi, cùng đưa nhau đến chỗ vua, trình bày lại sự việc. Như vậy, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người đã gieo mạ là đúng, người gặt trộm lúa là không đúng?”

Na-tiên hỏi: “Vì sao biết kẻ gặt trộm lúa là không đúng?”

Vua nói: “Vì việc gieo mạ là nguyên nhân, như không có người gieo mạ, làm sao có được bông lúa?”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như ngày đông giá rét, có người nhóm lửa trong nhà để sưởi ấm. Người ấy lại để lửa như vậy mà bỏ đi, dần dần lửa bén ra vách nhà, làm cháy nhà, lây sang đến các nhà gần đó. Chủ nhà bị hại bắt người ấy đưa đến chỗ vua, tâu rằng: Người này nhóm lửa, làm cháy nhà tôi.

“Người ấy nói: Tôi chỉ nhóm một đống lửa nhỏ để sưởi ấm mà thôi. Tôi không có đốt nhà.”

Na-tiên hỏi vua: “Như vậy ai đúng, ai sai?”

Vua đáp: “Người nhóm lửa ấy sai rồi. Vì chính do lửa ấy mà sanh ra đám cháy.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như có người đang đem đốt đuốc cắm trên tường để soi sáng mà ăn cơm. Đuốc cháy rơi tàn, bén lửa ra vách, rồi thiêu cháy cả nhà người ấy, lại lan ra cháy cả thành lớn. Nhân dân trong thành cùng đến hỏi người ấy rằng: Vì sao ông đốt lửa thiêu cháy cả thành này?”

“Người ấy đáp: Tôi chỉ đốt lên một cây đuốc nhỏ để chiếu sáng khi ăn cơm. Ngọn lửa lớn thiêu đốt cả thành này không phải lửa của tôi.

“Cứ như vậy, đôi bên tranh cãi với nhau, cùng lôi kéo đến trước vua trình bày mọi việc.”

Đại đức *Na-tiên* hỏi vua rằng: “Như trong chuyện này, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người đốt lửa không đúng.”

Na-tiên hỏi: “Làm sao biết?”

Vua đáp: “Vì chính là do nơi lửa của người ấy sanh ra đám cháy. Người ăn cơm xong không chịu dập tắt lửa, để cho lửa ấy lan ra làm cháy cả thành.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Người ta vì si mê không biết, tạo tác các việc thiện ác, nên không thể được thoát khỏi sanh tử.

“Ví như có người mang sính lễ đến đính hôn với một cô gái còn nhỏ tuổi. Sau cô gái ấy lớn lên, lại có người khác mang lễ đến cưới về làm vợ. Người đã đính hôn khi trước liền tìm đến nói rằng: Sao ông cưới vợ của tôi?”

“Người kia đáp: Ông trước kia đính hôn với một cô gái còn nhỏ tuổi, còn tôi nay cưới một thiếu nữ đã khôn lớn về làm vợ. Vậy sao nói là tôi cưới vợ của ông?”

“Hai người tranh nhau, cùng đưa đến chỗ vua xin phán xét.”

Na-tiên hỏi: “Này đại vương, chuyện là như vậy, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người mang sính lễ đính hôn trước là đúng.”

Na-tiên hỏi: “Làm sao đại vương biết là đúng?”

Vua đáp: “Chính là cô gái nhỏ tuổi ngày trước, nay lớn lên cũng chỉ là một người ấy mà thôi. Vậy nên biết kẻ mang sính lễ đến trước là đúng, vì cô gái xem như đã là vợ người ấy.”¹

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như có người mang bình đến nhà người nuôi bò để mua sữa. Mua sữa rồi đi về, gửi bình sữa lại mà nói với người chủ rằng: Để tôi trở lại lấy sau.

¹ Đây là vua nói theo tập tục đương thời khi ấy.

“Đi về rồi, chẳng bao lâu trở lại. Khi ấy sữa đã chuyển thành sữa chua. Người ấy nói với chủ bò rằng: Tôi đem bình sữa tươi gửi cho ông, sao nay ông lại lấy bình sữa chua đưa cho tôi?”

“Người bán sữa nói: Ấy chính là sữa của ông, tự nó chuyển thành sữa chua đó thôi.

“Hai người tranh nhau chẳng ai nhường ai, cùng đưa đến chỗ vua nhờ phân xử.”

Na-tiên hỏi vua: “Trong chuyện này, đại vương xử ai đúng, ai sai?”

Vua đáp: “Người bán sữa là đúng.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao đại vương biết như vậy?”

Vua đáp: “Người mua sữa rồi để lại, tự nó hóa thành sữa chua. Người bán sữa đâu có lỗi gì?”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

3. NGUYÊN NHÂN TÁI SANH

Vua lại hỏi: “Như đại đức có còn phải sanh ra ở đời sau nữa hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Đại vương hỏi lại điều bản tăng đã nói trước đây rồi vậy. Như bản tăng còn có ân tình ái luyến, đời sau ắt phải tái sanh. Như dứt sạch được ân tình ái luyến, đời sau không phải tái sanh.

“Ví như có người mang hết sức lực phụng sự cho vua. Vua hiểu việc ấy, nên đem rất nhiều tài vật ban thưởng cho. Người ấy được thưởng hậu, các món ăn uống, y phục

đều đầy đủ, sống đời vui vẻ. Gặp khi bàn luận chuyện trò, người ấy nói rằng: Ta vốn có công với vua, vua lại chưa từng ban thưởng cho ta.”

Na-tiên hỏi vua: “Như người kia, đã được ban thưởng, sau lại nói ngược lại rằng chưa từng được thưởng. Lời nói của người ấy có đúng hay chẳng?”

Vua đáp: “Lời nói kẻ ấy thật không đúng.”

Na-tiên nói: “Vì vậy, bần tăng nói với đại vương rằng: Như bần tăng còn có ân tình ái luyến, đời sau ắt phải tái sanh. Như dứt sạch được ân tình ái luyến, đời sau không phải tái sanh.”¹

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

4. DANH VÀ THÂN

Vua lại hỏi: “Vừa rồi đại đức có dạy về danh và thân của con người. Chẳng hay những gì là danh? Những gì là thân?”

Na-tiên đáp: “Những gì đại vương hiện nhìn thấy tồn tại đây là thân, những gì trong tâm nghĩ biết là danh.”²

Vua lại hỏi: “Vì sao danh có thể sanh ra ở đời sau mà thân thì lại không?”

¹ Na-tiên đưa ra ví dụ này là có ý so sánh việc lập công tất nhiên được thưởng, như không lập công tức không được thưởng. Như người được thưởng mà sau nói không, tất không hợp lý, cũng giống như người còn có ân tình ái luyến mà nói rằng đời sau không phải tái sanh thì không có lý như vậy.

² Theo cách hiểu này thì thân không chỉ giới hạn là thân thể, mà là chỉ chung cho những gì thuộc về sắc chất, vật thể; còn danh không phải là tên gọi, mà là tất cả những khái niệm, cảm nhận, vốn vô hình không thể nhìn thấy được.

Na-tiên đáp: “Thân với danh trước sau đều có tương quan với nhau. Ví như phôi gà trong trứng, phải có lòng trắng và vỏ trứng bao quanh thì sau mới có thể nở thành con gà con. Danh và thân của người ta tương quan với nhau cũng giống như vậy, không thể chia tách ra được.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

5. VÒNG TRÒN SANH TỬ

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Những gì là lâu dài?”

Na-tiên đáp: “Việc quá khứ là lâu, việc tương lai cũng là lâu. Những gì đang nhìn thấy trong hiện tại không lâu.”

Vua nói: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Thật ra, có thật có sự lâu dài hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Sự lâu dài ấy, hoặc có, hoặc không.”

Vua hỏi: “Sao gọi là có? Sao gọi là không?”

Na-tiên đáp: “Những người đã đắc nhập *Niết-bàn*, không còn có sự lâu dài nữa.¹ Đối với những ai chưa đắc đạo, còn lưu chuyển trong vòng sanh tử, tất nhiên còn có sự lâu dài. Trong sự luân chuyển lâu dài ấy, những ai đời này hay làm việc bố thí, hiếu thuận với cha mẹ, đời sau chắc chắn sẽ được hưởng phước báo.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Như trong các việc quá khứ, tương lai và hiện tại, ba việc ấy lấy gì làm gốc?”

¹ Nghĩa là đã vượt ra ngoài giới hạn của thời gian.

Na-tiên đáp: “Như xét cả ba việc quá khứ, tương lai và hiện tại, sự ngu si chính là gốc rễ. Ngu si sanh ra, tức sanh thần thức. Thần thức sanh tức có sanh ra thân. Thân sanh ra danh, danh sanh ra sắc. Sắc sanh ra sáu sự nhận biết.¹ Sáu sự nhận biết ấy là mắt nhận biết, tai nhận biết, mũi nhận biết, lưỡi nhận biết,² thân nhận biết và ý³ nhận biết. Sáu sự nhận biết này đều hướng ra bên ngoài.

“Thế nào là hướng theo bên ngoài? Mắt hướng theo hình sắc, tai hướng theo âm thanh, mũi hướng theo hương thơm, lưỡi hướng theo mùi vị, thân hướng theo xúc chạm, ý hướng theo tham dục. Đó là sáu sự hướng theo bên ngoài, gọi là sáu nhập. Nhập là hiệp lại,⁴ là biết khổ, biết vui.⁵ Từ khổ vui mà sanh ra ân ái, lại theo nơi ân ái mà sanh ra tham dục, từ tham dục sanh ra chấp hữu, liền làm nhân sanh ra sự già yếu. Già yếu là nhân sanh ra bệnh khổ. Bệnh khổ là nhân sanh ra sự chết. Do sự chết sanh ra buồn đau sầu khổ trong tâm.⁶

“Vậy nên sự hiệp lại ấy đều là khổ não, do hiệp lại mà giả tạm gọi là người. Người do đây mà luân chuyển mãi trong sanh tử, không có lúc dừng. Muốn tìm lại cái thân trước đây thật là không thể được.

¹ Tức là lục thức (六識), nhưng bản Hán văn dùng lục tri (六知).

² Bản Hán văn dùng chữ khẩu (口), nhưng phải là chữ thiệt (舌) mới hợp nghĩa.

³ Bản Hán văn dùng chữ tâm (心), nhưng phải là chữ ý (意) mới hợp nghĩa.

⁴ Đây là căn hiệp với trần, chính là nguyên nhân sanh ra thọ cảm.

⁵ Tức là thọ cảm.

⁶ Theo những ý trình bày trong đoạn này, chính là diễn đạt lý thập nhị nhân duyên.

“Ví như người trồng lúa, gieo hạt xuống, sanh lên thành cây, ra lá, đơm bông, ngậm hạt, cho đến khi có lúa gặt về. Năm sau lại gieo trồng nữa, lại được nhiều lúa nữa.”

Na-tiên hỏi: “Như người trồng lúa ấy, năm nào cũng gieo trồng, vậy có khi nào dứt đoạn không có lúa chăng?”

Vua đáp: “Nếu như năm nào cũng gieo trồng, tất không có khi nào dứt đoạn không có lúa.”

Na-tiên nói: “Con người cũng vậy. Luân chuyển nối tiếp mà sanh ra, không có lúc nào gián đoạn.

“Ví như con gà sanh ra cái trứng, cái trứng nở ra con gà... nối tiếp mà sanh mãi. Việc sanh tử của con người cũng vậy, nên không có khi nào gián đoạn.”

Đại đức *Na-tiên* nhân đó cúi xuống vẽ một bánh xe tròn trên mặt đất, hỏi vua rằng: “Này đại vương, như trong cái bánh xe này, có chỗ nào là góc cạnh chăng?”

Vua đáp: “Là hình tròn, nên không có góc cạnh.”

Na-tiên nói: “Kinh Phật dạy rằng, việc sanh tử của người ta cũng như cái bánh xe tròn này, liên tục xoay vòng, không có lúc nào chấm dứt.

“Người ta do nơi mắt, thấy được cảnh sắc vạn vật, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại.¹ Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

¹ Suốt đoạn này giảng rõ Mười tám giới, tức gồm sáu căn hiệp với sáu trần sanh ra sáu thức.

“Do nơi tai, nghe được âm thanh, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi mũi, ngửi được mùi hương, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nhân nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi lưỡi, nếm được mùi vị, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi thân, xúc chạm các thứ mềm mại hoặc thô nhám, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi ý, suy nghĩ các việc, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra

tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Người ta cứ như vậy, nối tiếp tương tục mà sanh ra, không có lúc dừng lại.”¹

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

6. CỘI NGUỒN SANH TỬ

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Đại đức có dạy rằng việc sanh tử của con người không thể tìm đến chỗ khởi điểm. Không thể tìm được, là ý thế nào?”

Na-tiên đáp: “Như có chỗ khởi điểm, tất không còn phải sanh ra trở lại nữa.² Lại như có chỗ khởi điểm, tất phải nằm trong quá khứ rồi.”

Vua nói: “Trẫm cho rằng không có chỗ khởi điểm, tất không sanh ra trở lại.³ Như thấy có chỗ khởi điểm, tất ở trong quá khứ. Như vậy, chỗ khởi điểm ấy là không dứt chằng?”⁴

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, tất cả đều là quá khứ.”⁵

¹ Đây là nói nếu không biết tu tập pháp xuất thế.

² Xem lại ví dụ về sanh tử giống như bánh xe tròn không có góc cạnh, ấy là không có khởi điểm.

³ Ý vua tranh luận ngược lại với câu trước của *Na-tiên*.

⁴ Vì *Na-tiên* cho rằng “có chỗ khởi điểm thì không còn phải sanh ra trở lại”, nên vua lý luận rằng đó chỉ là sự kéo dài không dứt của đời sống cũ, mà như vậy thì không hợp lý.

⁵ Chỗ này *Na-tiên* muốn nhắc cho vua thấy tính tương đối hạn cuộc của thời gian, những gì vua đang tranh luận, cho rằng là hiện tại, nhưng rồi cũng đi vào quá khứ.

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Người ta trong chỗ sanh tử, có thể nhờ nơi những gì ở bên ngoài mà được tăng thêm ích lợi chăng?”

Na-tiên hỏi lại vua: “Người và hết thảy các động vật lớn nhỏ trong thế gian, có thể nhờ nơi những gì ở bên ngoài mà được tăng thêm ích lợi chăng?”

Vua nói: “Trẫm không hỏi ngài về người và hết thảy các động vật lớn nhỏ trong thế gian. Trẫm chỉ muốn hỏi ngài về chỗ căn bản sanh tử của con người mà thôi.”

Na-tiên nói: “Cây cối sanh ra, do cây non làm căn bản. Các loại ngũ cốc sanh ra, do hạt giống làm căn bản. Trong trời đất vạn vật lớn nhỏ đều tùy theo chủng loại mà có căn bản sanh ra. Đối với con người thì có sáu mối tình ân ái làm căn bản.¹

“Người có mắt, có thấy hình sắc, có nhận biết; có tai, có nghe âm thanh, có nhận biết; có mũi, có ngửi hương, có nhận biết; có lưỡi, có nếm vị, có nhận biết; có thân, có xúc chạm, có nhận biết; có ý, có các pháp, có nhận biết.² Do nơi mười tám pháp ấy mà sanh ra sự khổ, vui. Do khổ, vui sanh ra ân ái. Do ân ái mà sanh tham dục. Do tham dục mà sanh xúc hiệp.

“Các mối khổ ấy ấy hợp thành con người. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý khiến cho có sự chấp hữu nơi sáu trần, cùng với sự xúc hiệp mà thành sáu nhập. Do sáu nhập ấy mà thành biết khổ, biết vui.³ Từ khổ vui mà

¹ Bản Hán văn dùng “lục tình” (六情), tức là sáu căn đằm theo sáu trần, tức là lục dục.

² Theo như đoạn này tức là Mười tám giới, đã giảng rõ ở đoạn trước, gồm sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà sanh ra sáu thức.

³ Tức là thọ cảm.

sanh ra ân ái, lại theo nơi ân ái mà sanh ra tham dục, từ tham dục sanh ra chấp hữu, liền làm nhân sanh ra sự già yếu. Già yếu là nhân sanh ra bệnh khổ. Bệnh khổ là nhân sanh ra sự chết. Do sự chết sanh ra buồn đau sầu khổ trong tâm. Sự sống con người là như vậy.

“Như không có mắt tức không thấy cảnh sắc, không nhận biết. Không nhận biết nên không có xúc hiệp. Không xúc hiệp thì không có khổ, vui. Không có khổ vui nên không sanh ân ái. Không ân ái thì không có tham dục. Không tham dục thì không có sự chấp hữu. Không chấp hữu thì không có già, bệnh, chết, cũng không có buồn đau sầu khổ trong tâm, liền thoát hết các sự khổ não mà đắc nhập cảnh giới *Niết-bàn*.

“Như không có tai tức không nghe âm thanh, không có mũi tức không ngửi mùi hương, không có lưỡi tức không nếm được vị, không có thân tức không có sự xúc chạm, không có ý tức không sanh các ý nghĩ, không có sự xúc nhập. Không có xúc nhập thì không có khổ, vui. Không có khổ vui nên không sanh ân ái. Không ân ái thì không có tham dục. Không tham dục thì không có bào thai. Không có bào thai thì không có chỗ sanh ra, không có già, bệnh, chết, cũng không có buồn đau sầu khổ trong tâm. Dứt hết được các sự khổ não, liền đắc nhập cảnh giới *Niết-bàn*.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

7. NHÂN DUYÊN SANH

Vua lại hỏi đại đức *Na-tiên* rằng: “Trong thế gian, có vật gì tự nhiên mà sanh ra chăng?”

Na-tiên đáp: “Không có vật gì tự nhiên sanh ra cả. Thấy đều phải có nguyên nhân.”

Liên đó, *Na-tiên* hỏi vua: “Như cung điện mà vua đang ngự đây, có phải do sức người làm ra chăng? Hay tự nhiên sanh ra?”

Vua đáp: “Ấy là do nhân công làm ra, cây cối lấy từ trong rừng, gạch xây tường lấy đất làm ra.”

Na-tiên nói: “Con người cũng như vậy. Do mười tám giới¹ hòa hiệp lại mà thành con người. Vậy nên nói là không có vật gì tự nhiên sanh ra, thấy đều phải có nguyên nhân. Ví như người thợ đồ gốm làm ra các món đồ, phải lấy bùn đất hòa với nước, nhồi nặn, nung ra mà thành. Bùn đất kia không thể tự nhiên mà thành đồ vật, phải hội đủ công sức của người, lại có lửa nung chín mới thành món đồ. Vậy nên nói là không có vật gì tự nhiên sanh ra, thấy đều phải có nguyên nhân.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như cây đàn kia không có dây, không có phím, không có người gảy, có thành âm thanh chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tự nhiên mà thành âm thanh được.”

Na-tiên hỏi: “Như đàn có dây, có phím, có người gảy đàn, có thành âm thanh chăng?”

Vua đáp: “Bạch đại đức, có.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thấy đều phải có nguyên nhân.”

¹ Mười tám giới: sáu căn nhập với sáu trần sanh ra sáu thức. Căn, trần và thức hiệp lại thành mười tám giới, đã giảng rõ ở đoạn trước.

Na-tiên lại hỏi vua “Như việc xát cây lấy lửa,¹ như không có hai thanh gỗ, không có người xát gỗ, có thể có lửa chăng?”

Vua đáp: “Không thể có lửa được.”

Na-tiên hỏi: “Như có đủ hai thanh gỗ, có người xát vào nhau, có sanh ra lửa chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, như vậy phải sanh ra lửa.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thấy đều phải có nguyên nhân.”

Na-tiên lại hỏi: “Như tấm kính lấy lửa,² không có người cầm giữ, lại không có mặt trời đốt nóng, có thể có lửa chăng?”

Vua đáp: “Không thể có lửa được.”

Na-tiên hỏi: “Như có người cầm giữ tấm kính ấy, lại có mặt trời đốt nóng, có thể có lửa chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, như vậy phải sanh ra lửa.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thấy đều phải có nguyên nhân.”

¹ Ngày xưa chưa có những phương tiện như bây giờ, người ta phải dùng hai miếng cây gỗ (hoặc vỏ cây) đặc biệt có độ ma sát cao, xát vào nhau nhiều lần cho nóng mà sanh ra lửa. Lửa ấy bắt vào một chỗ bụi nhùi đã được chuẩn bị kế bên. Nhờ đó mà có lửa để sử dụng.

² Đây là một cách lấy lửa khác. Người ta cầm một miếng kính thủy tinh có độ hội tụ cao, chiếu vào một đồng bụi nhùi đang lúc trời nắng nóng. Phải giữ yên tấm kính như thế hồi lâu, sức nóng tăng lên có thể làm cháy đồng bụi nhùi.

Na-tiên lại hỏi vua: “Như người kia không có gương soi, gặp lúc không có ánh sáng, lại muốn soi mình, có thể tự thấy được mình chẳng?”

Vua đáp: “Không thể tự thấy được.”

Na-tiên hỏi: “Như có gương soi, có ánh sáng, có người tự soi mình, có thể nhìn thấy mình chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, có thể tự nhìn thấy được.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thảy đều phải có nguyên nhân.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

8. BẢN NGÃ

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Người thế gian có thật có cái bản ngã¹ hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Thế gian không thể xác định rõ được có bản ngã hay không. Thật ra, theo đại vương thì cái gì là bản ngã?”

Vua hỏi: “Thân thể này với mạng sống có phải là bản ngã chẳng?”

Na-tiên hỏi lại vua: “Thân thể con người với mạng sống có thể dùng mắt để nhìn thấy hình sắc chẳng? Có thể dùng tai để nghe âm thanh chẳng? Có thể dùng mũi để ngửi mùi hương chẳng? Có thể dùng lưỡi để nếm vị

¹ Bản Hán văn dùng chữ không thống nhất, có khi dùng chữ nhân (人), có khi dùng chữ nhân mạng (人命), có khi lại dùng chữ mạng (命), nhưng theo ý nghĩa trong đoạn này thì vua muốn tìm hiểu xem trong tất cả các yếu tố hợp thành con người, yếu tố nào là chính, là chủ nhân thật sự, nên chúng tôi gọi yếu tố ấy là “bản ngã” cho quen thuộc.

chẳng? Có thể dùng thân để biết sự xúc chạm chẳng? Có thể dùng ý để nghĩ biết chẳng?”

Vua đáp: “Có thể.”

Na-tiên hỏi: “Hiện giờ bản tạng và đại vương cùng ở trong điện này, bốn phía đều có cửa sổ. Như người tùy ý muốn nhìn bên ngoài, theo những cửa sổ ấy mà nhìn ra có được không?”

Vua đáp: “Được.”

Na-tiên lại hỏi: “Như nói bản ngã ở trong thân thể này, tất phải tùy ý do nơi các cửa thông ra bên ngoài mà thấy biết, như có thể dùng mắt để nhìn thấy hình sắc. Vậy có thể dùng tai mà nhìn hình sắc được chẳng? Có thể dùng mũi mà nhìn hình sắc được chẳng? Có thể dùng lưỡi mà nhìn hình sắc được chẳng? Có thể dùng thân mà nhìn hình sắc được chẳng? Có thể dùng ý mà nhìn hình sắc được chẳng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi tai, nên có thể dùng tai để nghe âm thanh. Vậy có dùng tai để thấy chẳng? Có thể dùng tai để ngửi hương được chẳng? Có thể dùng tai để nếm vị chẳng? Có thể dùng tai để xúc chạm chẳng? Có thể dùng tai để suy nghĩ chẳng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi mũi, nên có thể dùng mũi để ngửi hương. Vậy có dùng mũi để nghe âm thanh chẳng? Có thể dùng mũi để nếm vị được chẳng? Có thể dùng mũi để xúc chạm chẳng? Có thể dùng mũi để suy nghĩ chẳng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi lưỡi,¹ nên có thể dùng lưỡi để biết vị. Vậy có dùng lưỡi để nghe âm thanh được chẳng? Có thể dùng lưỡi để ngửi hương được chẳng? Có thể dùng lưỡi để xúc chạm chẳng? Có thể dùng lưỡi để suy nghĩ chẳng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi thân, nên có thể dùng thân để biết xúc chạm mềm mại hoặc thô nhám. Vậy có dùng thân để thấy chẳng? Có thể dùng thân để nghe âm thanh chẳng? Có thể dùng thân để ngửi hương được chẳng? Có thể dùng thân để nếm vị chẳng? Có thể dùng thân để suy nghĩ chẳng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi ý, nên có thể dùng ý để suy nghĩ. Vậy có thể dùng ý để nghe âm thanh chẳng? Có thể dùng ý để ngửi hương được chẳng? Có thể dùng ý để nếm vị được chẳng? Có thể dùng ý để xúc chạm chẳng?”

Vua đáp: “Đều không thể được.”

Na-tiên nói: “Lời của đại vương như vậy trước sau không hợp nhau vậy.²

“Như bần tăng cùng với đại vương ngồi trong điện này, nay phá bỏ hết bốn cửa sổ đi, tầm nhìn có xa rộng hơn không?”

Vua đáp: “Tất nhiên là phải xa rộng hơn.”

¹ Bản Hán văn dùng chữ khẩu (口), nhưng ở đây phải là chữ thiệt (舌) mới hợp nghĩa.

² Ngài *Na-tiên* dẫn các thí dụ trên để phá bỏ định kiến của vua về việc có “bản ngã” trong những yếu tố vốn là giả hiệp. Nói cách khác, đây gọi là chấp ngã.

Na-tiên nói: “Như nói cái bản ngã ở tại trong thân, nay hủy con mắt đi, tầm nhìn có thể xa rộng hơn chẳng? Hủy lỗ tai đi, có thể nghe xa hơn chẳng? Hủy lỗ mũi đi, có thể ngửi được xa hơn chẳng? Hủy cái lưỡi đi, có thể nếm được nhiều vị hơn chẳng? Lột hết da đi, cảm giác xúc chạm của thân có thể nhiều hơn chẳng? Hủy tâm ý đi, có thể nhờ đó suy nghĩ rộng hơn chẳng?”

Vua đáp: “Bạch đại đức, đều là không thể được.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó, lời nói của đại vương trước sau không hợp nhất rồi.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Này đại vương, như có người giữ kho đến đứng châu trước mặt đại vương, đại vương có biết là người ấy đang đứng châu trước mặt không?”

Vua đáp: “Biết.”

Na-tiên lại hỏi: “Người ấy lại đi vào phòng của đại vương, vậy có biết là người ấy vào phòng chẳng?”

Vua đáp: “Biết.”

Na-tiên nói: “Như bảo rằng cái bản ngã vốn ở trong thân thể, vậy người ta để các món ăn vào lưỡi, có thể biết các vị nhạt, mặn, ngọt, chua, cay, đắng... hay chẳng?”

Vua nói: “Đúng vậy, có thể biết.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó, lời nói của đại vương trước sau không hợp nhất rồi.”

¹ Vì vua cho rằng bản ngã ở trong thân, thông qua các giác quan để giao tiếp với ngoại trần, như người ngồi trong nhà nhìn qua các cửa sổ. *Na-tiên* đưa ra các ví dụ để chỉ rõ cách hiểu đó không đúng. Vì vua thừa nhận các ví dụ mà *Na-tiên* đưa ra là không thể được, nên mâu thuẫn với cách nghĩ của mình trước đó.

“Như có người lấy rượu ngon đổ vào trong bồn lớn, lại thả một người vào trong bồn ấy, nhưng rượu không lên tới miệng. Người ấy có biết rượu ngon chẳng?”

Vua đáp: “Không thể biết.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không biết?”

Vua đáp: “Vì rượu không vào trong miệng, chẳng chạm đến lưỡi nên không thể biết rượu ngon dở.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó, lời nói của đại vương trước sau không hợp nhất rồi.”¹

Vua nói: “Trẫm quả thật ngu si trí cạn, không luận giải nổi việc này. Kính mong đại đức giảng rõ cho.”

Na-tiên nói: “Người ta do nơi mắt mà thấy hình sắc, tâm liền cảm thọ. Cảm thọ tức sanh các điều khổ vui, trong tâm liền duyên theo. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như thế, khi tiếp xúc với ngoại trần² đều khiến tâm sanh cảm thọ. Cảm thọ tức sanh các điều khổ vui, nhân đó ý sanh niệm tưởng. Niệm tưởng như thế tiếp nối nhau mà sanh ra, tạo thành dòng luân chuyển mãi mãi. Thật không hề có một cái bản ngã thường làm chủ như đại vương nghĩ.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

9. CĂN VÀ THỨC

¹ Ví dụ này làm rõ thêm những điều đã nói trước. *Na-tiên* chỉ cho vua thấy rằng không thể có một cái bản ngã ở trong thân để qua các giác quan mà tiếp cận với ngoại cảnh theo cách như người ngồi trong nhà nhìn ra cửa sổ.

² Tức bao gồm các trần tương ứng, như âm thanh ứng với tai nghe, hương ứng với mũi, mùi vị ứng với lưỡi, xúc chạm ứng với thân, pháp trần ứng với ý.

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như khi người ta sanh ra, có phải con mắt với tâm¹ cùng lúc sanh ra chẳng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, chúng đồng thời sanh ra.”

Vua lại hỏi: “Con mắt sanh ra ở phía trước? Hay tâm sanh ra ở phía trước?”

Na-tiên đáp: “Con mắt sanh ở phía trước, tâm sanh ở phía sau.”

Vua hỏi: “Vậy con mắt có nói với tâm rằng: Theo chỗ tôi sanh ra, anh hãy tùy đó mà sanh phía sau. Hoặc là tâm có nói với con mắt như vậy chẳng?”

“Hoặc tâm có nói với con mắt rằng: Theo chỗ anh sanh ra, tôi sẽ tùy đó mà sanh phía sau. Hoặc là con mắt có nói với tâm như vậy chẳng?”

Na-tiên đáp: “Hai bên chẳng hề trao đổi với nhau như thế.”

Vua hỏi: “Chẳng phải đại đức đã nói là chúng đồng thời sanh ra đó sao? Vậy vì sao lại không có trao đổi trước như thế với nhau?”²

Na-tiên đáp: “Có bốn trường hợp cùng làm theo nhau mà không cần trao đổi, giao hẹn trước. Những gì là bốn? Một là thuận theo chiều đi xuống, hai là thuận theo một cửa duy nhất, ba là thuận theo dấu vết đã có trước, bốn là

¹ Chữ tâm ở đây dùng theo nghĩa rộng, chỉ cho khả năng nhận biết, tri giác của con người, không có sự phân biệt chân tâm, vọng tâm. Trong bản Hán văn dùng chữ thần (神), theo nghĩa mà xét thì tương ứng với tâm thức.

² Lý luận của vua ở đây là: Con mắt và tâm cùng đồng thời sanh ra, vậy mắt chẳng biết tâm, tâm chẳng biết mắt, như nếu không giao hẹn trước làm sao có thể sanh ra ở đúng vị trí thích hợp của mình, tức là con mắt ở trước mà tâm ở sau, như lời *Na-tiên* nói.

thuận theo kinh nghiệm đã trải qua nhiều lần. Bốn trường hợp như vậy thì có thể cùng làm đúng theo nhau mà không cần phải giao hẹn trước.”

Vua hỏi: “Thế nào là thuận theo chiều đi xuống?”

Na-tiên hỏi vua: “Như trời mưa trên núi cao, nước chảy thế nào?”

Vua đáp: “Nước sẽ chảy theo chiều từ trên cao xuống thấp.”

Na-tiên lại hỏi: “Như có mưa lần sau nữa, nước chảy thế nào?”

Vua đáp: “Vì theo chiều từ cao xuống thấp, nên cũng theo đúng những đường chảy trước kia.”

Na-tiên hỏi vua: “Vậy nước chảy trước có nói với nước chảy sau rằng: Anh nên theo đường tôi đã chảy. Hoặc nước chảy sau có nói với nước chảy trước rằng: Tôi sẽ chảy theo đường anh đã chảy. Hai bên có trao đổi, giao hẹn trước với nhau như thế chẳng?”

Vua đáp: “Nước chảy trước, chảy sau đều tự nhiên mà chảy, không có trao đổi với nhau như thế.”

Na-tiên nói: “Con mắt cũng vậy, chẳng hề nói trước với tâm rằng: ‘Anh nên tùy chỗ tôi sanh mà sanh ở phía sau.’ Tâm cũng không nói với con mắt rằng: ‘Tôi sẽ tùy chỗ anh sanh ra mà sanh ở phía sau.’ Mắt và tâm không giao hẹn trước với nhau, tự nhiên mà sanh ở nơi thích hợp, gọi là thuận theo chiều đi xuống. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều giống như vậy.”

Vua lại hỏi: “Còn thế nào gọi là thuận theo một cửa duy nhất?”

Na-tiên hỏi vua: “Như trong thành lớn chỉ có một cửa ra. Trong thành có một người muốn ra, sẽ đi theo hướng nào?”

Vua đáp: “Tất nhiên hướng về phía cửa ấy mà ra.”

Na-tiên hỏi: “Sau lại cũng có người muốn ra nữa, sẽ đi theo hướng nào?”

Vua đáp: “Tất nhiên lại theo đường ra cửa như người trước.”

Na-tiên hỏi vua: “Người ra trước có nói với người ra sau: ‘Anh nên theo đường tôi đã ra mà đi.’ Hoặc người ra sau có nói với người ra trước: ‘Tôi sẽ theo đường anh đã ra mà đi.’ Hai người có trao đổi, giao hẹn trước với nhau như vậy chẳng?”

Vua đáp: “Người trước, người sau, thật không có trao đổi, giao hẹn với nhau gì cả.”

Na-tiên nói: “Con mắt cũng vậy, chẳng hề nói trước với tâm rằng: ‘Anh nên tùy chỗ tôi sanh mà sanh ở phía sau.’ Tâm cũng không nói với con mắt rằng: ‘Tôi sẽ tùy chỗ anh sanh ra mà sanh ở phía sau.’ Mắt và tâm không giao hẹn trước với nhau, tự nhiên mà sanh ở nơi thích hợp, gọi là thuận theo một cửa duy nhất. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều giống như vậy.”

Vua lại hỏi: “Còn thế nào là thuận theo dấu vết đã có trước?”

Na-tiên hỏi vua: “Như xe đi trước để lại dấu vết, xe đi sau sẽ đi thế nào?”

Vua đáp: “Theo vết xe trước mà đi.”

Na-tiên hỏi: “Vậy xe trước có nói với xe sau rằng: ‘Anh nên theo đường tôi đã đi trước.’ Hoặc xe sau có nói

với xe trước: ‘Tôi sẽ theo đường anh đã đi.’ Hai bên có trao đổi, giao hẹn trước với nhau như vậy chăng?”

Vua đáp: “Đều không có nói với nhau như thế.”

Na-tiên nói: “Con người cũng như vậy. Con mắt chẳng hề nói trước với tâm rằng: ‘Anh nên tùy chỗ tôi sanh mà sanh ở phía sau.’ Tâm cũng không nói với con mắt rằng: ‘Tôi sẽ tùy chỗ anh sanh ra mà sanh ở phía sau.’ Mắt và tâm không giao hẹn trước với nhau, tự nhiên mà sanh ở nơi thích hợp, gọi là thuận theo một cửa duy nhất. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều giống như vậy.”

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Còn thế nào là thuận theo kinh nghiệm đã trải qua nhiều lần?”

Na-tiên đáp: “Kinh nghiệm đã trải qua, đó là sự bất chước theo việc đã làm trước đây. Như học hỏi, viết lách đều là nhờ kinh nghiệm đã qua.

“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, là do huân tập dần dần từ lâu đời nên nay mới như vậy.

“Sáu thức đều góp phần vào sự nhận biết của con người, không phải do nơi một trong sáu thức ấy mà thành nhận biết được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

10. XÚC NHẬP

Vua lại hỏi: “Khi người ta sanh, con mắt với sự vui khổ có đồng thời sanh ra chăng?”

Na-tiên đáp: “Con mắt với sự vui khổ cùng sanh ra. Các căn đều là theo nơi chỗ hiệp lại mà sanh.”

Vua hỏi: “Thế nào là chỗ hiệp lại?”

Na-tiên đáp: “Hai bên cùng xúc chạm nhau gọi là hiệp, ví như hai con dê húc lẫn nhau. Một con dụ cho mắt, một con dụ cho hình sắc, hai bên hiệp nhau mà thành chỗ nhập. Cũng ví như một bàn tay là mắt, bàn tay kia là hình sắc, hai bàn tay hiệp lại thành chỗ nhập.

“Lại ví như hai viên đá, một là mắt, một là hình sắc, hai viên đá hiệp lại thành chỗ nhập.

“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là căn, theo nơi các trần là hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm, pháp trần mà hiệp lại thành sáu chỗ nhập. Cho đến như ý và tư tưởng cũng vậy. Ví như hai viên đá, một viên là ý, một viên là tư tưởng, hai viên hiệp lại thành chỗ nhập. Ý và tư tưởng hiệp lại như vậy mà thành chỗ nhập.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

11. LẠC THỌ

Vua lại hỏi: “Còn như về sự vui thì hiểu thế nào?”

Na-tiên đáp: “Tự mình nhận biết, hiểu rõ, đó là vui. Ví như có người phụng sự nhà vua. Người ấy hiền đức, vua liền khen thưởng các món tài vật. Người ấy được thưởng rồi, dùng các món ấy tự lấy làm khoái chí, vui vẻ. Trong khi vui vẻ như vậy, người ấy tự nghĩ: ‘Ta phụng sự nhà vua, được ban thưởng nên nay mới vui vẻ như thế này.’

“Hoặc như người tâm nghĩ điều lành, thân làm điều lành, miệng nói lời lành. Nhờ vậy sau khi chết được sanh

¹ Đoạn này giảng rộng việc sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà thành sáu nhập, hình thành mười tám giới.

lên cõi trời. Người ấy sanh nơi cõi trời được hưởng đủ các điều khoái lạc, trong lòng hết sức khoan khoái vui vẻ, tự nghĩ rằng: ‘Ta lúc còn ở chốn thế gian, tâm nghĩ điều lành, thân làm điều lành, miệng nói lời lành. Nhờ vậy nay được sanh nơi đây, được sự vui vẻ cực kỳ vậy.’ Như vậy gọi là nhận biết.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

12. HIỂU RÕ VÀ NHẬN BIẾT

Vua lại hỏi: “Thế nào gọi là người nhận biết?”

Na-tiên đáp: “Do hiểu rõ mà có thể nhận biết. Ví như đại vương có người giữ kho, vào trong kho chứa liền tự xem xét khắp các nơi trong ấy, rồi hiểu rõ có bao nhiêu các món tiền bạc, vàng ngọc, châu báu, vải vóc... cho đến màu sắc thế nào, nằm ở những vị trí nào. Như vậy gọi là hiểu rõ, nhận biết.”

Vua nói: “Hay thay!”

13. TƯ TƯỞNG

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, còn như chỗ suy nghĩ của người ta thì thế nào?”

Na-tiên đáp: “Chỗ suy nghĩ của người ta, đó là chỗ dẫn đến việc làm.

“Ví như người pha thuốc độc để uống, lại còn khiến cho người khác uống theo. Thân đã chịu khổ, còn gây khổ cho người khác nữa.

“Cũng giống như kẻ làm ác, sau khi chết phải đọa vào địa ngục. Những người học theo tư tưởng của kẻ ấy, cũng

đều phải đọa địa ngục. Người độc ác có chỗ suy nghĩ ác, dẫn đến việc làm ác là như vậy.”

Vua nói: “Hay thay!”

14. SỰ RUNG ĐỘNG TRONG LÒNG

Vua lại hỏi: “Còn thế nào là sự rung động trong lòng?”¹

Na-tiên đáp: “Trong tâm khởi ý nghĩ liền có sự rung động trong lòng.”

Vua hỏi: “Rung động trong lòng và hành động quan hệ thế nào?”

Na-tiên đáp: “Ví như cái nồi đồng, có người đến đốt lửa nấu, nước sôi sủi bọt kêu thành tiếng. Khi ngưng nấu rồi mà tiếng kêu vẫn còn một lúc nữa. Chỗ hành động là như vậy, do sự rung động trong lòng trước đó mà có.

“Khi đốt lửa nấu sôi, ấy là lúc rung động. Khi không nấu mà còn tiếng kêu một lúc sau, ấy là lúc hành động.”²

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

15. PHÂN BIỆT

Vua hỏi *Na-tiên*: “Có thể nào phân biệt được những gì đã hợp lại trong tâm thức hay chăng? Chẳng hạn như chỉ rõ ra được đâu là chỗ nhập? Đâu là chỗ hiểu biết? Đâu là chỗ suy nghĩ? Đâu là ý? Đâu là sự rung động?”

¹ Tức là những cảm xúc đối với sự việc.

² Theo như đây thì hành động không phải tự nhiên mà bộc lộ ra, đều phải có chỗ cảm xúc trong tâm trước đó. Cảm xúc ấy tức là sự rung động.

Na-tiên đáp: “Nếu như đã hợp lại, không thể phân biệt ra được nữa.

“Ví như người đầu bếp nấu món ăn ngon, trong ấy có nước, có thịt, có gia vị hành, tỏi, gừng, dưa muối, bột gạo... Đại vương bảo người đầu bếp ấy rằng: Người nấu món ăn này như thế nào, hãy mang từng món đến đây cho trẫm, trước hãy mang nước đến..., sau nữa là hành, sau nữa là gừng, sau nữa là dưa muối, sau nữa là bột gạo...”

“Món ăn đã nấu rồi, người ấy có thể mang riêng từng vị trong ấy đến cho đại vương như vậy được chăng?”

Vua đáp: “Món ăn đã nấu thành rồi, không thể phân biệt các vị trong ấy ra được nữa.”

Na-tiên nói: “Những việc ta đang bàn đây cũng lại như vậy. Một khi đã hợp lại thì không còn có thể phân biệt ra được nữa. Không thể chỉ ra đây là sự khổ vui, đây là sự hiểu biết, đây là sự rung động, đây là sự suy nghĩ...”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Người ta lấy mắt nhìn có thể phân biệt được vị mặn của muối chăng?”

Na-tiên hỏi lại: “Chỗ biết của đại vương có như vậy chăng? Có thể lấy mắt nhìn được vị mặn của muối chăng?”

Vua đáp: “Mắt không nhìn được vị mặn.”

Na-tiên nói: “Người ta chỉ có thể dùng lưỡi mà biết vị mặn của muối, không thể dùng mắt mà biết được.”

Vua lại hỏi: “Có phải mọi người đều dùng lưỡi để biết các mùi vị chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, mọi người ai cũng dùng lưỡi để phân biệt mùi vị.”

Vua lại hỏi: “Như xe chở muối, trâu kéo muối, xe với trâu có phân biệt được vị của muối chăng?”

Na-tiên đáp: “Xe với trâu không thể phân biệt biết được vị của muối.”

Vua hỏi: “Như vị mặn của muối có thể cân lường được chăng?”

Na-tiên đáp: “Chỉ lấy trí hiểu biết của đại vương mới có thể ước lượng được vị mặn của muối. Vị mặn của muối không thể cân lường được. Chỉ sự nặng nhẹ mới có thể cân lường được thôi.”

Vua nói: “Hay thay!”

16. CĂN VÀ TRẦN

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, trong thân người có năm sự nhận biết,¹ do nơi nhiều việc mà biết, hay chỉ do nơi một việc mà biết?”

Na-tiên đáp: “Do nhiều việc mà biết, không phải chỉ do một việc mà biết. Ví như trên một chỗ đất, các loại ngũ cốc mọc lên, mỗi thứ đều tùy theo giống loại của mình.

“Năm sự rung động khác nhau trong thân người² đều do nơi nhiều việc, tùy theo công năng của mình mà sanh ra sự nhận biết.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

¹ Bản Hán văn dùng ngũ tri (五知), ở đây tức là sự nhận biết của năm giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

² Do năm giác quan, cảm thọ khác nhau với ngoại cảnh: hình sắc, âm thanh, hương, vị, xúc chạm.

II. SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN

1. NGHIỆP QUẢ SAI BIỆT

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Bạch đại đức, người thế gian sanh ra vốn dĩ thân thể đều đầy đủ như nhau, tại sao lại có người được sống lâu, có người chết yểu; có người lắm bệnh khổ, có người được ít bệnh; có người giàu sang, có người nghèo hèn; có bậc đại sĩ, có kẻ tiểu nhân; có người hình dung xinh đẹp, có kẻ xấu xí khó coi; có người nói ra được người khác tin cậy, có người luôn bị nghi ngờ;¹ có người sáng suốt hiểu thuận, có người ngu si thiếu trí... Vì sao có những sự bất đồng như vậy?”

Na-tiên nói: “Cũng giống như các loại cây trái, trong đó có loại chua, lại có loại đắng, có loại cay, cũng có loại ngọt. Nay đại vương, các loại cây sao lại sanh ra trái chẳng giống như nhau?”

Vua đáp: “Cây trái sở dĩ không giống nhau, là vì giống loại của chúng khác nhau.”

Na-tiên nói: “Người ta cũng vậy. Chỗ sở niệm trong tâm đều không giống nhau, vì thế mà người thế gian chẳng thể đồng như nhau. Có người được sống lâu, có người chết yểu; có người lắm bệnh khổ, có người được ít bệnh; có người giàu sang, có người nghèo hèn; có bậc đại

¹ Về điểm này chúng ta có thể tự chiêm nghiệm lấy trong cuộc sống. Tuy về mặt lý luận mà nói, uy tín của mỗi người phải là do những gì người ấy đã từng làm trước đó. Tuy nhiên, vẫn có nhiều trường hợp chúng ta không thể phủ nhận được, khi có những người chỉ cần tiếp xúc lần đầu tiên, hoặc thậm chí chưa trao đổi gì cả, đã tạo được niềm tin nơi người đối diện. Cũng như ngược lại, có những kẻ luôn bị nghi ngờ, bất chấp sự cố gắng chứng minh của họ.

sĩ, có kẻ tiểu nhân; có người hình dung xinh đẹp, có kẻ xấu xí khó coi; có người nói ra được người khác tin cậy, có người luôn bị nghi ngờ; có người sáng suốt hiểu thuận, có người ngu si thiếu trí...

“Vì thế, Phật có dạy rằng: ‘Tùy nơi việc làm thiện hoặc ác mà người ta phải tự nhận lãnh lấy nghiệp quả.’ Có người giàu sang phú quý, có người nghèo khổ bần cùng... thấy đều do nơi những điều thiện ác đã làm từ đời trước. Cho nên mỗi người đều tùy nơi phước đức của mình mà nhận lãnh.”

Vua tán thán: “Lành thay! Lành thay!”

2. NÊN SỚM LÀM VIỆC THIÊN

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người muốn làm việc thiện, nên làm trước hay đợi về sau sẽ làm?”

Na-tiên đáp: “Nên sớm làm điều lành từ trước. Đợi về sau mới làm không thể được phần lợi ích. Nếu sớm làm từ trước mới được lợi ích lớn.

“Như đại vương đến lúc khát nước, sai người đào giếng, có thể giúp giải cơn khát ấy chăng?”

Vua đáp: “Không thể khỏi khát. Cần phải đào giếng từ trước mới được.”

Na-tiên nói: “Người ta làm thiện cũng vậy. Nên làm từ trước. Đợi sau muộn màng mới làm là vô ích.

“Như đại vương đến lúc đói, sai người cày ruộng gieo giống, có kịp cơm ăn chăng? Hay phải có gạo trữ từ trước?”

Vua đáp: “Tất phải có gạo trữ từ trước.”

Na-tiên nói: “Người ta làm thiện cũng vậy. Phải nên làm từ trước. Đợi khi thúc bách¹ mới làm, chẳng có ích gì cho thân mình.

“Như đại vương có thù oán, khi cần chiến đấu mới sai người luyện tập quân mã, có nên vậy chăng?”

Vua đáp: “Không được. Cần phải rèn luyện trước, lúc cần là sẵn sàng chiến đấu. Như đợi lúc cần mới luyện quân mã, chỉ là vô ích thôi.”

Na-tiên nói: “Kinh Phật dạy rằng: Người ta nên nhớ nghĩ làm việc thiện từ trước, chờ đến sau này mới làm vô ích.

“Đại vương chớ nên bỏ đạo lớn mà học theo tà đạo, đừng bắt chước kẻ ngu si mà bỏ thiện làm ác, sau này có than khóc cũng chỉ là vô ích.² Người nào bỏ nẻo chánh mà theo điều bất chánh, đến khi sắp chết dù hối hận cũng không còn kịp nữa.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

3. ĐỊA NGỤC

Vua hỏi *Na-tiên*: “Trẫm nghe các vị *sa-môn* dạy rằng: Lửa ở chốn địa ngục không giống như lửa ở thế gian này. Như lấy một viên đá nhỏ mà đốt trong lửa từ sáng đến tối ở thế gian này, cũng chẳng hề tiêu mất. Nhưng lấy một hòn đá lớn mà thả vào lửa địa ngục liền tức thì tiêu mất. Nói như vậy, trẫm không tin được.

¹ Tức là khi nghiệp quả nặng nề đã đến.

² Chỗ đối đáp này thật thể hiện rõ tinh thần “nói chuyện theo cách của bậc trí giả” như ngài *Na-tiên* đã nói từ trước. Nghĩa là ngài thẳng thắn mà khuyên răn vua, không có chút e dè khi đang nói chuyện với một bậc đế vương đầy quyền uy.

“Các vị *sa-môn* lại dạy rằng: Người làm việc ác, đọa vào chốn địa ngục, trải qua cả ngàn vạn năm thọ khổ cũng không tiêu mất, cũng không chết đi. Như vậy trẫm càng không thể tin được!”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, dưới nước có các loài rắn biển, rồng, rùa, cua..., khi con cái có thai thường ăn cả cát, sỏi vào bụng. Đại vương có từng nghe nói đến việc ấy chăng?”

Vua đáp: “Trẫm có nghe nói, các loài ấy lấy những thứ đó làm thức ăn.”

Na-tiên hỏi: “Vậy những thứ cát, sỏi ấy vào trong bụng chúng có tiêu được không?”

Vua đáp: “Tất nhiên là chúng đều được tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng chúng có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại của chúng nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy.¹ Trải qua ngàn vạn năm vẫn không tiêu, không chết. Do những việc tội lỗi mà người ấy đã tạo ra chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.

¹ Theo ví dụ này, thì lửa địa ngục là do ác nghiệp sanh ra. Người tạo ác nghiệp phải đọa vào đó để thọ khổ, nên lửa chỉ làm cho kẻ ấy khổ sở mà không thể giết chết hoặc làm tiêu mất. Chừng nào ác nghiệp vẫn còn, thì người ấy vẫn còn tồn tại mà chịu khổ sở trong địa ngục.

“Này đại vương, như những loài sư tử, cọp, chó, mèo, khi con cái có thai đều ăn xương thịt của các con mồi. Vậy xương thịt ấy vào bụng chúng có tiêu đi không?”

Vua đáp: “Đều tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng chúng có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại của chúng nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Trải qua ngàn vạn năm vẫn không tiêu, không chết. Do những việc ác mà người ấy đã tạo ra chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.”

“Này đại vương, như những loài trâu, ngựa, lừa, nai, khi con cái có thai đều ăn các loại cỏ khô. Vậy cỏ khô ấy vào bụng chúng có tiêu đi không?”

Vua đáp: “Đều tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng chúng có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại của chúng nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Do tội lỗi đã làm chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.”

“Này đại vương, như những hàng phụ nữ giàu có trong xã hội, mỗi khi có thai thường tùy ý ăn rất nhiều

món ngon. Vậy những món ngon ấy vào bụng họ có tiêu đi không?”

Vua đáp: “Đều tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng họ có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Sở dĩ trải qua ngàn năm vẫn không tiêu, không chết, là do những việc ác đời trước tạo ra chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.”

“Họ sanh ra trong địa ngục, lớn lên trong địa ngục, cho đến già đi là lúc tội lỗi trừ hết thì sẽ chết.”

Vua tán thán: “Hay thay! Hay thay!”¹

4. NIẾT-BÀN

Vua hỏi: “Bạch đại đức, có phải người ta nhập *Niết-bàn* rồi thì những gì trong quá khứ không bao giờ còn sanh khởi trở lại nữa chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy! Nhập *Niết-bàn* rồi không còn sanh khởi lại các pháp.

¹ Bản Hán văn có một đoạn khá tối nghĩa tiếp theo đoạn này, chúng tôi lược không dịch. Những khái niệm trình bày trong đoạn này có lẽ là vào thời của ngài Na-tiên.

“Kẻ ngu si tham cầu những sự ái luyến trong thân, ngoài thân, nên mãi mãi không thể được thoát ra khỏi già, bệnh, chết.

“Người có trí tu học theo đạo, dù trong thân, ngoài thân đều không tham đắm. Người như vậy không có ân tình ái luyến. Không có ân tình ái luyến, nên không có tham dục. Không có tham dục thì không sanh vào bào thai. Không phải sanh vào bào thai nên không có sanh, già, bệnh, chết. Như vậy không có sầu não đau khổ. Trong lòng không có khổ não, liền đắc nhập *Niết-bàn*.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

5. AI NHẬP NIẾT-BÀN

Vua lại hỏi: “Hết thấy những người học đạo, có thể sẽ được nhập *Niết-bàn* cả hay không?”

Na-tiên đáp: “Không. Không phải tất cả đều được nhập *Niết-bàn*. Chỉ những người chân chánh hướng theo đường lành, học hỏi những điều chân chánh, làm được những điều nên làm, tránh xa được những điều không nên làm, nhớ nghĩ những điều nên nhớ nghĩ, từ bỏ hết trong tâm những điều không nên nhớ nghĩ, mới có thể đắc nhập *Niết-bàn*.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

6. VÌ SAO BIẾT NIẾT-BÀN LÀ KHOÁI LẠC?

Vua lại hỏi: “Như người chưa nhập *Niết-bàn*, có thể biết được *Niết-bàn* là khoái lạc hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên, tuy chưa được đắc nhập *Niết-bàn*, có thể biết được *Niết-bàn* là khoái lạc.”

Vua hỏi: “Chưa nhập *Niết-bàn*, vậy làm sao biết được *Niết-bàn* là khoái lạc?”

Na-tiên hỏi vua: “Người ta chưa từng bị chặt tay chân, có thể biết rằng khi bị chặt tay chân là đau đớn lắm chăng?”

Vua đáp: “Tuy chưa từng bị chặt tay chân, có thể biết bị chặt tay chân là đau đớn lắm.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao mà biết?”

Vua đáp: “Vì đã từng thấy những kẻ bị chặt tay chân kêu khóc đau đớn, nên biết như vậy.”

Na-tiên nói: “Cũng như vậy đó. Những người đã đắc nhập *Niết-bàn* truyền lại cho biết rằng nhập *Niết-bàn* là khoái lạc. Vì thế nên tin theo mà biết.”

Vua nói: “Hay thay!”

7. VÌ SAO BIẾT CÓ PHẬT?

Vua hỏi: “Bạch đại đức, ngài đã từng được thấy Phật hay chưa?”

Na-tiên đáp: “Chưa từng thấy.”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như các vị thầy trước ngài, đã từng thấy Phật hay chưa?”

Na-tiên đáp: “Các vị ấy cũng chưa từng thấy Phật.”

Vua nói: “Như đại đức và các vị thầy trước đây đều chưa từng thấy Phật, vậy trăm nghĩ chắc chắn là không có Phật.”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng được thấy chỗ hội tụ của 500 dòng nước chẳng?”¹

Vua đáp: “Trẫm chưa từng được thấy.”

Na-tiên lại hỏi: “Vậy như phụ vương của ngài, cho đến tổ phụ, đã từng được thấy chưa?”

Vua đáp: “Đều chưa từng được thấy.”

Na-tiên nói: “Như đại vương, phụ vương và tổ phụ của ngài đều chưa từng được thấy chỗ hội tụ của 500 dòng nước ấy, vậy trong thiên hạ chắc chắn là không có chỗ hội tụ của 500 dòng nước ấy chẳng?”

Vua nói: “Không phải vậy. Tuy rằng trẫm và phụ vương, tổ phụ đều chưa từng nhìn thấy, nhưng thật có những dòng nước ấy.”

Na-tiên nói: “Cũng vậy đó. Tuy bản tạng đây và các vị tôn sư đều chưa từng thấy Phật, nhưng quả thật là có Phật và giáo pháp của ngài truyền lại ở cõi thế này.”

Vua nói: “Hay thay! Hay thay!”

8. NGƯỜI ĐẮC ĐẠO CÓ KHỔ HAY KHÔNG?

Vua lại hỏi: “Như người đã đắc đạo, đời sau không còn phải sanh ra nữa. Người như vậy có còn chịu khổ hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Cũng có khổ, cũng không khổ.”

Vua hỏi: “Sao gọi là cũng có khổ, cũng không khổ?”

Na-tiên đáp: “Thân còn chịu khổ, tâm không còn chịu khổ.”

¹ Con số “năm trăm” là một số tượng trưng, được dùng để chỉ cho tất cả những nhánh sông, suối, khe nhỏ chảy vào sông lớn.

Vua hỏi: “Như vậy nghĩa là thế nào?”

Na-tiên đáp: “Thân sở dĩ có khổ, là vì thân này còn đang tồn tại cho nên phải có khổ. Tâm đã trừ bỏ các điều ác, dứt sạch tham dục nên không còn phải khổ.”

9. ĐẮC ĐẠO VÀ NHẬP NIẾT BÀN

Vua hỏi: “Giả sử như người đắc đạo mà vẫn không dứt được nỗi khổ của thân, vậy là chưa được *Niết-bàn* chẳng?”

Na-tiên đáp: “Người đã đắc đạo không còn ân tình ái luyến, thân tuy khổ nhưng tâm ý an vui. Như vậy còn mong cầu được đạo gì nữa?”

Vua nói: “Nếu như người đã đắc đạo rồi, vậy còn lưu lại cõi thế làm chi?”

Na-tiên đáp: “Ví như quả cây chưa chín, không thể ép được. Như khi đã chín, tất không cần phải chờ đợi nữa. Bản tạng nay chẳng cầu sống, cũng chẳng cầu chết, chỉ đợi thời điểm đến thì ra đi thôi.”

KINH TỶ-KHEO NA-TIÊN

(Bản Hán văn dịch từ tiếng Phạn, khuyết danh người dịch)

QUYỂN HẠ

I. VIỆC LÀM VÀ NHÂN QUẢ

1. KHÔNG AI HƠN PHẬT

Vua hỏi *Na-tiên*: “Có thật là không ai hơn được đức Phật chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, không ai hơn được đức Phật.”

Vua lại hỏi: “Làm sao biết là không có ai hơn được đức Phật?”

Na-tiên liền hỏi vua: “Này đại vương, như người chưa từng đi biển, có thể biết là biển rộng lớn. Vì có năm dòng sông lớn, mỗi dòng có 500 sông nhỏ chảy vào. Một là sông Hằng, hai là sông *Tín-tha*, ba là sông *Tể-xoa*, bốn là sông *Tu-tha*, năm là sông *Thi-phi-di*. Năm dòng sông ấy ngày đêm liên tục chảy vào biển, mà nước biển vẫn không dâng thêm chút nào. Có thể nhờ vậy mà biết là biển rộng lớn lắm chăng?”

Vua đáp: “Quả thật có thể biết được.”

Na-tiên nói: “Cũng giống như vậy. Vì có những bậc đắc đạo cùng nhau luận đàm, mà không ai hơn được Phật. Vì thế bần tăng tin là Phật cao trổi hơn hết.”

Vua hỏi: “Làm sao biết được là không có ai luận đàm hơn được Phật?”

Na-tiên hỏi: “Đại vương có biết ai là người chế ra chữ viết chăng?”

Vua đáp: “Người chế ra chữ viết trước đây tên là Chất.”¹

Na-tiên hỏi: “Đại vương đã từng gặp người ấy chưa?”

Vua đáp: “Người đã chết từ lâu rồi, trẫm chưa từng được gặp.”

Na-tiên hỏi: “Vua chưa từng được gặp ông ấy, sao biết ông là người chế ra chữ viết?”

Vua đáp: “Từ xưa đến nay truyền nối nhau mà bảo rằng ông Chất tạo ra chữ viết, nên trẫm biết được như vậy.”

Na-tiên nói: “Cũng như vậy đó. Bần tăng đã từng được thấy kinh điển, giới luật của Phật truyền lại, cũng như thấy Phật không khác. Kinh điển do Phật thuyết dạy rất sâu xa, vi diệu, mang lại sự an lạc. Những người đã được học biết kinh điển, giới luật của Phật nối tiếp nhau truyền dạy lại cho đời sau. Do đó mà bần tăng biết là không ai hơn được Phật.”

2. LÀM THEO KINH PHẬT

Vua lại hỏi: “Như được gặp kinh điển của Phật, có thể học làm theo lâu dài chăng?”

Na-tiên đáp: “Những kinh điển, giới luật do Phật truyền dạy rất thâm sâu, thích đáng, có thể học làm theo suốt đời.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

¹ Tiếng Phạn là Tissa.

3. SAU KHI CHẾT

Vua lại hỏi: “Người ta sau khi chết, thân này không tái sinh trở lại hay sao?”

Na-tiên đáp: “Người ta sau khi chết sẽ thọ sanh với một thân thể mới, còn thân này không sanh theo qua đời sống khác.

“Ví như bắc đèn, khi cháy hết lại thêm bắc khác vào, nên tiếp nối nhau, lửa cháy bằng bắc mới. Thân người cũng như vậy. Khi thân cũ không tồn tại nữa, lại thọ nhận một thân thể mới.”

Na-tiên hỏi vua: “Khi đại vương còn nhỏ tuổi, có theo thầy học các loại kinh sách chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên là có. Đến giờ trầm vẫn còn nhớ.”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương do nơi thầy mà học kinh sách, nhưng vị thầy ấy có tự biết được nguồn gốc của kinh sách chẳng, hay do nơi người xưa mà biết?”

Vua đáp: “Thật không tự biết. Do nối tiếp theo người xưa mà biết.”

Na-tiên nói: “Thân người cũng như vậy. Khi hoại thân cũ thì nối tiếp mà thọ thân mới.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

4. NHÂN QUẢ NỐI TIẾP

Vua lại hỏi: “Khi thọ thân mới như vậy, tự người ta có nhớ biết chẳng?”

Na-tiên đáp: “Không biết.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Ví như có người hái trộm quả xoài của người khác, người ấy có tội chẳng?”

Vua đáp: “Có tội.”

Na-tiên hỏi: “Như khi mới trồng cây xoài con, thật không có quả xoài. Vậy sao nói người trộm xoài có tội?”

Vua nói: “Như không có trồng cây xoài con, làm sao ngày nay có quả xoài? Vì vậy nói người hái trộm xoài là có tội, không thể chối cãi.”

Na-tiên nói: “Người ta cũng như vậy. Đời này tạo tác các việc thiện ác, sanh qua đời sau phải thọ lãnh với thân mạng mới.”

Vua lại hỏi: “Người ta dùng thân này mà tạo tác các việc thiện ác, khi thọ thân mới rồi, thiện ác khi ấy ở đâu?”

Na-tiên đáp: “Những điều thiện ác đã làm sẽ theo người ta như bóng theo hình. Dù khi chết đi, chỉ hoại mất thân này chứ việc đã làm thật không hề mất. Ví như người ban đêm thắp đèn viết thư, sau tắt đèn rồi, lá thư vẫn còn đó. Khi thắp đèn lên lại liền nhìn thấy. Đời nay làm việc thiện ác, đời sau thọ lãnh cũng giống như vậy.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

5. DỰ TRI NHÂN QUẢ

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Có thể phân biệt biết rõ các việc thiện ác đã làm sẽ kết quả ra sao ngày sau chẳng?”

Na-tiên đáp: “Không thể biết được.”

Na-tiên hỏi vua: “Ví như cây trái chưa kết thành quả, có thể phân biệt chỉ rõ quả cây đang ở chỗ nào trong cây chẳng?”

Vua đáp: “Không thể biết được.”

Na-tiên nói: “Cũng vậy đó. Người chưa đắc đạo thì không thể nào biết được những việc thiện ác sẽ kết quả chính xác ở đâu, lúc nào được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Như người còn phải thọ sanh đời sau nữa, có thể tự biết điều ấy chăng?”

Na-tiên đáp: “Có thể tự biết.”

Vua hỏi: “Làm sao biết được?”

Na-tiên hỏi lại: “Ví như người làm ruộng cày bừa, gieo giống, mưa nắng thuận thời, có thể biết trước là sẽ có thu hoạch chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên là biết. Do đã đầy đủ các điều kiện, có thể đoán trước được sẽ có thu hoạch.”

Na-tiên nói: “Người ta cũng như vậy. Như phải thọ sanh đời sau nữa, có thể biết trước được.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

II. PHẬT VÀ ĐỆ TỬ

1. PHẬT ĐANG Ở ĐÂU?

Vua lại hỏi: “Thật có *Niết-bàn* hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Quả thật có.”

Vua hỏi: “Vậy có thể chỉ rõ Phật đang ở tại chỗ nào chăng?”

Na-tiên đáp: “Không thể được. Không thể chỉ rõ Phật đang ở tại nơi nào, vì Phật đã nhập *Niết-bàn* từ lâu rồi.

“Ví như có người đốt lửa. Sau tắt lửa đi rồi, có thể chỉ được ánh sáng của lửa đang ở đâu chăng?”

Vua nói: “Không thể chỉ được.”

Na-tiên nói: “Cũng vậy đó. Phật đã nhập *Niết-bàn* từ lâu, không thể biết được chỗ trụ xứ của ngài.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

2. TỰ YÊU MẾN THÂN THỂ

Vua lại hỏi: “Các vị *sa-môn* có tự yêu mến thân mình hay không?”

Na-tiên đáp: “Không, *sa-môn* không tự yêu mến thân mình.”

Vua hỏi: “Như nói rằng *sa-môn* không tự yêu mến thân mình, vì sao chỗ nằm phải lo cho êm ấm, miếng ăn phải chọn những thứ ngon bổ. Như vậy là nghĩa thế nào?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng ra trận chiến đấu chưa?”

Vua đáp: “Có, trẫm đã từng ra trận chiến đấu.”

Na-tiên hỏi: “Khi ra trận, đại vương có từng bị gươm đao hoặc tên địch bắn trúng chăng?”

Vua đáp: “Có. Trẫm đã từng bị đao chém trúng.”

Na-tiên hỏi: “Khi bị thương, đại vương làm thế nào?”

Vua đáp: “Dùng thuốc đắp lên, lấy vải băng kỹ lại.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương vì yêu mến vết thương ấy mà săn sóc kỹ như vậy chăng?”

Vua đáp: “Không phải. Trẫm không có yêu mến vết thương ấy.”

Na-tiên hỏi: “Đã không yêu mến, tại sao lại dùng thuốc đắp lên, dùng vải băng kỹ lại?”

Vua đáp: “Trẫm chỉ muốn cho mau bình phục, thật không phải yêu mến gì vết thương ấy.”

Na-tiên nói: “Các vị *sa-môn* cũng như vậy. Không yêu mến gì bản thân mình. Tuy thọ dụng việc ăn uống, nhưng tâm không tham đắm vui theo vị ngon, không muốn ăn những món ngon lạ, nhưng cũng không để cho thân đói khát, vì chỉ muốn giữ lấy thân thể này để làm theo kinh điển, giới pháp của Phật mà thôi.

“Kinh Phật có dạy rằng: Thân thể người ta có chín lỗ thông ra bên ngoài, như chín cái ung nhọt, thủy đều là những chỗ bất tịnh.”¹

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

3. PHẬT KHÔNG GIỐNG THẾ GIAN

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, có thật là đức Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy. Đức Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng quanh thân.”

Vua hỏi: “Như cha mẹ của đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng hay chăng?”

¹ Chín lỗ ở đây là chỉ 2 lỗ mũi, 2 lỗ mắt, 2 lỗ tai, 1 lỗ miệng, 1 lỗ tiểu tiện và 1 lỗ đại tiện. Những chất nước từ đó tiết ra đều hôi hám, bất tịnh, nên ví như chín cái ung nhọt.

Na-tiên đáp: “Không, cha mẹ của đức Phật không có các tướng tốt như thế.”

Vua nói: “Như cha mẹ đã không có, vậy chắc là Phật cũng không thể có các tướng như thế. Như trong các loài, sanh ra đều tùy theo chủng loại của mình. Cha mẹ của Phật đã không có các tướng ấy, vậy chắc chắn là Phật cũng không thể có được.”

Na-tiên nói: “Cha mẹ của Phật tuy không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng, nhưng Phật quả thật có các tướng ấy.”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng thấy hoa sen chưa?”

Vua đáp: “Trẫm đã từng thấy.”

Na-tiên hỏi: “Như hoa sen ấy, sanh ra trong lòng đất, lớn lên trong bùn nước. Màu sắc và hương thơm đều tuyệt hảo, như vậy có giống cùng loại theo với đất bùn và nước hay chăng?”

Vua đáp: “Không giống.”

Na-tiên nói: “Tuy cha mẹ của đức Phật không có các tướng tốt, nhưng Phật quả thật có các tướng ấy. Phật sanh ra nơi thế gian, lớn lên nơi thế gian, nhưng không giống theo các việc của thế gian vậy.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

4. NGUY BIỆN

Vua lại hỏi: “Có thật là đức Phật giữ tịnh hạnh¹ như Phạm thiên vương ở cõi trời thứ bảy hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, quả thật ngài giữ tịnh hạnh tinh khiết, không hề có tỳ vết.”

Vua nói: “Như nói rằng Phật giữ tịnh hạnh giống như Phạm thiên vương ở cõi trời thứ bảy, như vậy thì Phật là đệ tử của vị ấy rồi.”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, Phạm thiên vương ở cõi trời ấy có ý niệm hay không có ý niệm?”

Vua đáp: “Có ý niệm.”

Na-tiên nói: “Như vậy thì Phạm thiên vương và chư thiên cõi ấy hẳn đều là đệ tử của Phật rồi.”²

Na-tiên lại hỏi vua: “Này đại vương, tiếng chim kêu giống tiếng gì?”

Vua đáp: “Giống tiếng nhạn.”

Na-tiên nói: “Đại vương vừa nói tiếng chim kêu giống nhạn, vậy tất cả các loài chim đều là đệ tử của nhạn cả chăng?³”

“Nếu không phải vậy, thì Phật cũng như vậy đó, không thể nói là đệ tử của Phạm thiên vương được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

¹ Tịnh hạnh: Hạnh thanh tịnh, với nghĩa là không làm việc dâm dục.

² Đoạn đối đáp này, vua dùng lối ngụy biện mà bắt bẻ. Dựa vào sự tương đồng trong pháp tu tịnh hạnh để kết luận rằng Phật là đệ tử của Phạm thiên. *Na-tiên* cũng vận dụng lại cách ấy, dùng việc tu pháp “hữu niệm”, “vô niệm” để so sánh. Hàng đệ tử của Phật đều là “hữu niệm”, theo Phật để học đạo “vô niệm”, nên nói Phạm thiên “hữu niệm” thì là đệ tử Phật. Tuy nhiên, chỗ này chỉ là ngài *Na-tiên* “dĩ độc trị độc”, để vạch rõ chỗ vô lý cho vua thấy mà thôi.

³ *Na-tiên* chỉ rõ tính ngụy biện trong lập luận của vua.

5. AI LÀ THẦY CỦA PHẬT

Vua hỏi *Na-tiên*: “Bạch đại đức, đức Phật tất cũng phải học biết kinh điển, giới luật, rồi mới có thể làm theo được?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên là vậy.”

Vua hỏi: “Như vậy, Phật do nơi vị thầy nào mà học biết kinh điển, giới luật?”

Na-tiên đáp: “Phật không có thầy. Khi đức Phật chứng đắc đạo quả, liền tự mình rõ biết tất cả kinh điển. Không giống như các đệ tử của Phật, đều phải học theo lời Phật dạy. Vì vậy, đệ tử Phật đã được học biết kinh điển, giới luật thì phải suốt đời vâng làm theo.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

III. TU TẬP VÀ GIẢI THOÁT

1. HAI GIỌT LỆ

Vua lại hỏi: “Khi cha mẹ chết đi, người ta buồn đau nhỏ lệ. Khi được nghe kinh Phật, người ta cũng cảm động mà nhỏ lệ. Hai trường hợp rơi lệ ấy có gì khác nhau không?”

Na-tiên đáp: “Khi cha mẹ chết, người ta đau buồn mà nhỏ lệ, đó là xuất phát từ cảm xúc ân tình, ái luyến, buồn khổ đau đớn của thế gian, ấy là giọt lệ ngu si vậy.

“Khi được nghe kinh Phật, người ta cảm động mà nhỏ lệ, đó là xuất phát từ lòng từ bi, ai mãi, thương xót những nỗi khổ của thế gian, ấy là giọt lệ sanh ra phước đức lớn lắm vậy.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

2. NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THOÁT

Vua lại hỏi: “Người đã được giải thoát, với người chưa được giải thoát, có gì khác biệt nhau?”

Na-tiên đáp: “Người chưa giải thoát trong tâm có tham dục. Người đã giải thoát rồi trong tâm không có tham dục, cho đến việc ăn uống cũng chỉ nhằm để nuôi thân mạng mà thôi.”

Vua nói: “Trẫm nhìn trong thế gian này, chỉ thấy người ta ai ai cũng muốn được sướng thân, muốn được ăn ngon, chẳng lúc nào thấy đủ.”

Na-tiên nói: “Người ta chưa được giải thoát, khi được ăn ngon đều lấy làm khoái trá, vui mừng. Người đã giải thoát rồi, tuy có ăn uống, chẳng lấy đó làm vui, chẳng lấy làm thích, chỉ là vì để nuôi sống thân mạng mà thôi.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

3. TRÍ NHỚ

Vua lại hỏi: “Những việc người ta đã từng làm, lâu xa về sau có thể nhớ lại chăng?”

Na-tiên đáp: “Có. Nhất là khi người ta có chuyện buồn lo, thường nhớ lại những việc xa xưa.”

Vua hỏi: “Người ta dùng cái gì để nhớ lại như thế? Dùng ý chí mà nhớ chăng? Dùng niệm tưởng mà nhớ chăng?”¹

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng học qua nhiều điều, về sau có nhớ biết hết chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên. Nhưng trong những chỗ đã học qua, cũng có điều bỗng nhiên quên đi mất.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương lúc trước không có quên? Vì sao sau lại quên?”

Vua nói: “Trẫm lúc ấy do có nhiều vọng niệm.”

Na-tiên nói: “Vậy không đúng với điều đại vương đã nghĩ.”

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Những việc người ta đã từng làm đều có thể nhớ lại như lúc mới làm chăng? Ngày nay thấy những điều trước mắt, có phải đều dùng trí nhớ mà biết chăng?”

Na-tiên đáp: “Những việc đã qua, đều nhờ trí nhớ mà biết. Những việc hiện nay, cũng nhờ trí nhớ mà biết.”

Vua nói: “Như vậy thì lẽ ra người ta chỉ có thể nhớ việc quá khứ, không thể nói là nhớ cả việc mới đây.”

Na-tiên đáp: “Giả như nói là mới, có việc đã làm mà không thể nhớ được thì có khác gì quá khứ.”

Vua nói: “Vậy như người học vẽ, học viết, học các môn kỹ xảo, có uống công chăng?”

¹ Về chữ niệm (念) dùng trong bản Hán văn, Duy Thức Luận, quyển 3, viết rằng: “Vân hà vi niệm? Ư tăng tập cảnh, linh tâm minh ký bất vong.” (云何為念? 於曾習境, 令心明記不忘。Thế nào là niệm? Đối với cảnh đã từng trải qua, khiến cho tâm nhớ rõ không quên.) Vậy nên ở đây dịch là trí nhớ.

Na-tiên đáp: “Người học viết, học vẽ đều có ghi nhớ, do đó mới có thể dạy lại cho đệ tử sau này. Vậy nên biết là có trí nhớ.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

4. PHÁT KHỞI TRÍ NHỚ

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Bạch đại đức, người ta do nơi những việc gì mà gọi nên trí nhớ?”

Na-tiên đáp: “Người ta có mười sáu việc làm cho nhớ lại việc đã qua. Một là nhớ được những điều đã làm từ rất lâu xa. Hai là thấy người mới học nên nhớ. Ba là nhớ đến những việc lớn quan trọng. Bốn là nhờ nghĩ điều lành nên nhớ. Năm là nhớ đến những điều khổ sở. Sáu là thường suy nghĩ đến nên nhớ. Bảy là những điều thường làm khác nhau đều nhớ biết. Tám là nhờ người khác nhắc nhở mà nhớ. Chín là nhớ những việc tương tự, gần giống. Mười là nhớ những điều mình đã từng hay quên. Mười một là nhớ những điều mình hiểu rõ. Mười hai là nhớ những điều mình đã tính toán, học làm theo. Mười ba là mắc nợ nần nên nhớ. Mười bốn là nhờ chuyên tâm không tán loạn cho nên nhớ. Mười lăm là nhớ những điều đọc thấy trong sách vở. Mười sáu là nơi mình đã từng sống, nay nhìn thấy lại nên nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ lại những điều đã làm từ rất lâu xa?”

Na-tiên đáp: “Như ngài *A-nan*, đệ tử của Phật, và nữ cư sĩ *Cưu-thù-đan-bãi*, nhớ lại được những điều từ nhiều đời trước. Nhiều vị tu chứng khác nữa, cũng có khả năng nhớ lại được việc từ nhiều đời trước. Những người trong chúng tu học được như *A-nan* và vị nữ cư sĩ ấy nhiều lắm.

Khi nhớ được điều này lại có thể nhân đó nhớ được điều khác nữa.”¹

Vua hỏi: “Thế nào là thấy người mới học nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Như người đã từng học hỏi, tính toán, làm được điều gì, sau quên mất. Nay nhìn thấy người khác học hỏi liền nhớ lại.”²

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ đến những việc lớn, quan trọng?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như vị thái tử được lập lên làm vua, cho đó là việc lớn quan trọng, vì giúp mình được trở nên cao quý. Nghĩ như vậy nên ghi nhớ.”³

Vua hỏi: “Thế nào là nhờ nghĩ điều lành nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như người ta có ý tốt mời thỉnh người khác đến chiêu đãi, trong lòng tự nghĩ rằng: Ngày ấy, ta mời thỉnh người ấy với ý tốt muốn cung phụng, đãi ngộ. Do ý tốt ấy mà ghi nhớ.”⁴

¹ Như loại trí nhớ này thường chỉ những bậc có tu tập chứng ngộ mới đạt được. Tuy rằng thánh thoảng cũng có một đôi người thường có được năng lực tương tự, nhớ được những việc rất lâu xa từ đời trước, nhưng thường là họ không thể hiểu được tại sao.

² Vì đã từng học hỏi, làm được nên trong trí đã sẵn nhớ việc ấy. Khi nhìn thấy những người mới học việc ấy thì gọi cho mình nhớ lại được như trước.

³ Những việc đối với mình là quan trọng thì khiến mình ghi nhớ. Như có hai học sinh cùng được nhận học bổng. Một người là con nhà giàu có, học giỏi nên được nhận. Người ấy không lấy làm quan tâm, nên sau có thể không nhớ kỹ việc ấy. Ngược lại, người kia là con nhà nghèo khó, nhờ học bổng ấy mà có thể tiếp tục việc học. Vì là quan trọng đối với anh ta, nên có thể ghi nhớ mãi mãi về sau.

⁴ Trí nhớ này sanh khởi từ thiện tâm. Như người phát tâm muốn cúng dường một vị cao tăng. Trong lòng có thành ý nên lúc nào cũng lo lắng, nghĩ nhớ việc làm sao cho chu đáo. Nhờ vậy mà ghi nhớ.

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ đến những điều khổ sở?”

Na-tiên đáp: “Ví như người đã từng bị người khác giam hãm, tù đầy khổ sở nên ghi nhớ.”¹

Vua hỏi: “Thế nào là thường nghĩ đến nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như những điều người ta thường trông thấy, như người, vật quen thuộc trong gia đình, thường nghĩ đến nên đều ghi nhớ.”²

Vua hỏi: “Thế nào là những điều thường làm khác nhau đều nhớ biết?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như tên người, cảnh, vật khác biệt nhau, màu sắc, hương vị... mà người ta ghi nhớ.”³

Vua hỏi: “Thế nào là nhờ người khác nhắc nhở mà nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví như người ta tính hay quên. Những người bên cạnh lại có kẻ nhớ, người quên. Người quên nhờ người nhớ nhắc cho nên nhớ lại.”⁴

¹ Đây chỉ là nói đơn cử một ví dụ. Những trường hợp tương tự khác, như người bị thất tình, bị lường gạt, bị hỏa hoạn, mất cha, mất mẹ... nói chung là những điều gây đau khổ, đều do đó mà ghi nhớ rất lâu.

² Trí nhớ này là do sự quen thuộc. Sự suy nghĩ đến đối tượng có khi chỉ là hoàn toàn vô tình thôi. Như bạn học trong lớp, bạn cùng sở làm... nhiều khi không hề có quan hệ giao tiếp, nhưng do nhìn thấy hàng ngày mà nhớ, hoặc như người ta nhớ tên những phát thanh viên trên truyền hình chẳng hạn.

³ Trí nhớ này chính là loại trí nhớ giúp người ta có được những kiến thức thường thức. Nó phát khởi là nhờ sự thực hiện hàng ngày, như gọi tên người, phân biệt sự vật... Những điều ấy dù không thuộc cùng một loại, nhưng đều là do thường dùng đến hàng ngày mà nhớ.

⁴ Thật ra người quên trong trường hợp này chưa phải là quên hẳn, cho nên chỉ cần có người nhắc lại là nhớ ra. Như gặp lại người bạn cũ ngày xưa chẳng hạn. Có khi không nhớ ra tên người ấy, nhưng có người bên cạnh nhắc cho thì nhớ ngay.

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những việc tương tự, gần giống?”

Na-tiên đáp: “Người ta cho đến trâu, ngựa... mỗi loài đều có những điểm giống nhau trong loài của mình. Người ta nhờ đó mà ghi nhớ.”¹

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều mình đã từng hay quên?”

Na-tiên đáp: “Ví như có những việc mình hay quên mất, nhiều lần được người khác nhắc nhở nên tự mình luôn tâm niệm về việc ấy, nhờ vậy mà ghi nhớ.”²

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều mình hiểu rõ?”

Na-tiên đáp: “Ví như người học viết, chú ý tìm hiểu rõ về các con chữ nên ghi nhớ.”³

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều mình đã tính toán, học làm theo?”

Na-tiên đáp: “Ví như người vừa tính toán việc gì, lại vừa tự mình học làm theo được hoàn tất, có thể phân biệt

¹ Đây là trí nhớ khái quát, theo chủng loại. Như đi sở thú nhìn thấy con chuột túi, liền ghi nhớ đặc điểm của nó. Nếu về sau tình cờ gặp lại ở đâu khác, liền nhận ra đó là con chuột túi. Nhưng thật không thể phân biệt được có phải là con mà mình đã gặp lần trước hay không, chỉ có thể biết là chúng cùng chủng loại mà thôi.

² Chính vì những điều mình hay quên, đã quên nhiều lần nên gọi sự quan tâm chú ý. Nhờ đó mà không quên nữa. Như học sinh làm bài, thường vấp phải một lỗi nào đó, nhiều lần bị thầy cô nhắc nhở, liền ghi nhớ. Về sau, có thể nhớ được điều ấy rõ hơn cả những điều khác nữa.

³ Trí nhớ này có được nhờ người ta hiểu biết căn cứ về sự việc. Như trong học tập thì nó khác biệt với lối nhớ do học thuộc lòng. Ví dụ như người học nghề, hiểu rõ được trình tự công việc thì mới ghi nhớ lâu dài được.

rất rõ ràng. Đó là nhờ có học hỏi, tính toán và làm theo mà nhớ.”¹

Vua hỏi: “Thế nào là mắc nợ nần nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví như người có món nợ, lúc nào cũng nhớ nghĩ đến. Như vậy gọi là mắc nợ nần cho nên nhớ.”²

Vua hỏi: “Thế nào là nhờ chuyên tâm không tán loạn cho nên nhớ.”

Na-tiên đáp: “Ví như vị *sa-môn* nhờ tu tập có thể đạt đến chỗ nhất tâm, liền tự nhớ lại những việc từ ngàn vạn đời trước cho đến nay. Như vậy bản tạng gọi là nhờ chuyên tâm không tán loạn cho nên nhớ lại.”³

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều đọc thấy trong sách vở?”

Na-tiên đáp: “Ví như các vị đế vương có những quyển sách rất cổ xưa. Nhờ đó biết được ngày trước có vị vua như thế, vào tháng năm như thế, đã ghi trong sách này... Như vậy là nhờ đọc sách mà nhớ biết việc trước kia.”⁴

¹ Vì có để tâm học hỏi, làm theo được thành tựu cho nên ghi nhớ. Ví như người học đàn, chỉ ngồi nhìn thì không nhớ, khi tự tay mình có thể cầm đàn mà gảy nên khúc nhạc thì ghi nhớ rất lâu.

² Ở đây nên hiểu theo nghĩa rộng. Như người có lời hứa chưa thực hiện, hoặc có tâm nguyện chưa hoàn thành... đều luôn nhớ đến những sự việc ấy.

³ Đối với những người chưa đạt đến chỗ nhất tâm, nhưng nếu chú ý vào việc gì cũng có thể phát khởi trí nhớ mạnh mẽ hơn. Như người đầu bếp nếu tập trung được sự chú ý trong khi nấu ăn, sẽ không có sai sót. Ngược lại, nếu suy nghĩ điều gì khác làm phân tâm, sẽ có thể quên mất nhiều điều không đáng quên.

⁴ Cách nhớ này có thể xem là gián tiếp ghi nhớ. Người ta áp dụng các hình thức như viết nhật ký, ghi sổ tay các cuộc hẹn, ghi sổ công tác... đều là vận dụng cách nhớ này. Bởi vì nhờ khi đọc các hình thức ghi chép đó, người ta nhớ lại được những điều cần nhớ.

Vua hỏi: “Thế nào là nơi mình đã từng sống, nay nhìn thấy lại nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Như người có chỗ cư trú trước đây rất lâu xa, nay có dịp đến nhìn thấy lại liền nhớ biết.”¹

Vua tán thán: “Hay thay!”

5. ĐỘ NGƯỜI CŨNG NHƯ TRỊ BỆNH

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, có phải đức Phật rõ biết được hết các việc trong quá khứ cũng như trong tương lai?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, Phật có thể rõ biết hết thấy.”

Vua hỏi: “Nếu như Phật đã rõ biết hết thấy mọi việc, tại sao không một lúc truyền dạy hết cho các vị đệ tử, lại phải tuần tự mà dạy mỗi khi một ít?”

Na-tiên hỏi vua: “Trong xứ bộ hạ có vị thầy thuốc nào chẳng?”

Vua đáp: “Bạch đại đức, có.”

Na-tiên hỏi: “Vị thầy thuốc ấy có biết đủ các vị thuốc, bài thuốc chẳng?”

Vua đáp: “Đã làm thầy thuốc trị bệnh, tất nhiên phải biết đủ.”

¹ Những nơi cư trú trước của một người, thường đi kèm với rất nhiều sự kiện, con người. Khi được trở lại nhìn thấy nơi ấy, người ta nhận đó mà nhớ lại nhiều việc vốn đã quên đi. Nhiều người do chấn thương bị mất trí nhớ, có thể khôi phục được nhờ tình cờ trở lại nơi cư trú trước đây của mình.

Na-tiên hỏi: “Vị thầy thuốc ấy khi trị bệnh, trong một lúc cho dùng tất cả các vị thuốc, bài thuốc, hay chỉ chờ đúng lúc mà dùng mỗi lần một ít?”

Vua đáp: “Như người chưa có bệnh, không thể cho thuốc. Đợi khi có bệnh, chọn thuốc mà cho.”

Na-tiên nói: “Đức Phật cũng như vậy. Tuy ngài biết đủ các việc trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng không thể trong một lúc dạy hết cho người trong thiên hạ. Phải chọn đúng lúc, đúng người mà tuần tự dạy dỗ kinh điển, giới luật, khiến cho có thể nhận lãnh mà vâng làm theo.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

6. THUYỀN CHỞ ĐÁ

Vua lại hỏi: “*Sa-môn* các ngài dạy rằng: Người ta dù làm đủ các điều ác, cho đến khi trăm tuổi,¹ lúc sắp chết quay lại niệm Phật. Như vậy sau khi chết liền được sanh lên cõi trời. Trẫm không tin điều ấy.

“Lại còn nói rằng: Chỉ cần giết hại một sanh mạng, khi chết phải đọa vào địa ngục. Trẫm lại càng không thể tin được!”²

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, như có người cầm hòn đá nhỏ ném xuống mặt nước. Đá ấy nổi hay chìm?”

Vua đáp: “Tất nhiên là chìm.”

Na-tiên lại hỏi: “Như có người lấy cả trăm hòn đá to mà xếp lên thuyền lớn, thuyền ấy có chìm không?”

¹ Ý nói tuổi già, lúc sắp chết.

² Ở đây vua so sánh hai điều và cho là mâu thuẫn với nhau nên không thể tin nhận được.

Vua đáp: “Không chìm.”

Na-tiên nói: “Hàng trăm hòn đá to nhờ có chiếc thuyền nên không bị chìm. Người ta cũng vậy, tuy có làm các điều ác, nhưng nhờ biết hồi tâm niệm Phật, nên không bị đọa vào địa ngục. Sau khi chết được sanh lên cõi trời.

“Chỉ một hòn đá nhỏ rơi xuống nước tất phải chìm, cũng như người làm việc ác nhưng không được học biết kinh Phật. Sau khi chết nhất định phải đọa vào địa ngục.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

7. VÌ SAO PHẢI LO TU HÀNH

Vua lại hỏi: “*Sa-môn* các ngài vì sao phải xuất gia lo việc tu hành, học đạo?”

Na-tiên đáp: “Chúng tôi vì thấy những sự khổ não trong quá khứ, trong hiện tại, biết là sẽ khổ trong tương lai, nên muốn dứt sạch các nỗi khổ đó, không muốn phải thọ nhận trở lại nữa. Vì vậy mà xuất gia tu hành học đạo.”

Vua lại hỏi: “Việc khổ não mà ngài nói đó là thuộc đời sau, vì sao đời này lại phải lo tu?”

Na-tiên hỏi: “Này đại vương, ngài có những kẻ thù địch nào thường muốn chờ dịp đến đánh phá chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên là có. Những nước đối nghịch với trẫm thường luôn chờ dịp thuận tiện để đem quân đánh phá.”

Na-tiên hỏi: “Vậ đại vương đợi quân địch đến, rồi mới lo chuẩn bị việc chống cự, hay phải lo dự phòng mọi việc từ trước?”

Vua đáp: “Phải lo dự phòng, chuẩn bị chờ sẵn.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao phải lo dự phòng, chuẩn bị chờ sẵn?”

Vua đáp: “Vì không thể biết quân địch sẽ đến lúc nào.”

Na-tiên lại hỏi: “Này đại vương, có thể đợi khi đói mới đi cày ruộng, gieo giống; lúc khát mới đi đào giếng chằng?”

Vua đáp: “Không. Điều phải dự phòng, lo tính từ trước.”

Na-tiên nói: “Quân địch còn chưa đến, sao phải lo chuẩn bị? Chưa đến lúc đói khát, sao phải lo dự phòng?”

Vua tán thán: “Hay thay!”¹

8. SỰ HÓA HIỆN CỦA TÂM THỨC

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như cõi Phạm thiên cách đây bao xa?”

Na-tiên đáp: “Rất xa. Giả như có khối đá lớn bằng cung điện của đại vương, từ cõi trời Phạm thiên mà rơi xuống, tảng đá ấy phải rơi trong sáu tháng mới đến được đây.”

¹ Những câu hỏi này kết lại đoạn văn trên. Tuy là câu hỏi mà thật ra ý muốn nói đã rõ ràng, gián tiếp trả lời nghi vấn của vua. Vua hiểu được nên không trả lời mà chỉ tán thán, khen ngợi.

Vua hỏi: “*Sa-môn* các ngài có dạy rằng: Người đắc quả *A-la-hán*, chỉ cần trong khoảng thời gian như người ta co duỗi cánh tay, có thể bay lên đến cõi Phạm thiên. Trẫm không tin điều ấy. Vượt qua đường dài cả ngàn vạn dặm, làm sao có thể nhanh như thế?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương sanh ở xứ nào?”

Vua đáp: “Trẫm sanh ở xứ *A-lê-tán*, nước Đại Tần.”

Na-tiên hỏi: “Từ xứ *A-lê-tán* đến đây khoảng bao xa?”

Vua đáp: “Khoảng tám mươi ngàn dặm.”¹

Na-tiên hỏi: “Đại vương có bao giờ nhớ nghĩ lại những việc ở xứ ấy chằng?”

Vua đáp: “Có, trẫm vẫn thường nhớ về những việc trước đây ở nơi ấy.”

Na-tiên nói: “Bây giờ đại vương thử nghĩ đến một việc gì đã làm ở xứ ấy được chằng?”

Vua đáp: “Được, trẫm đã nghĩ rồi.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương đi về quãng đường tám mươi ngàn dặm sao nhanh vậy?”

Vua tán thán: “Hay thay!”²

• • •

¹ Bản Hán văn dùng “nhị thiên do tuần hiệp bát vạn lý” (二千由旬合八萬里). Nghĩa là 2.000 do-tuần cộng thêm 80.000 dặm. Sự kết hợp cả hai đơn vị này chúng tôi thấy có vẻ không hợp lý, hẳn là do sai lệch khi sao chép. Vì ngay trong đoạn sau, khi nhắc lại về quãng đường này, chỉ thấy nói là 80.000 dặm mà thôi.

² Ngài *Na-tiên* đưa ra ví dụ này để so sánh cho vua hiểu được sự hóa hiện bằng tâm thức của các vị *A-la-hán*. Vua nhân đây hiểu được nên tán thán.

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như có hai người cùng chết một lúc. Một người sanh lên cõi Phạm thiên, một người sanh về xứ Kế Tân, cách đây 2.700 dặm. Trong hai người, ai sẽ đến trước?”

Na-tiên đáp: “Cùng đến một lúc.”

Vua hỏi: “Đường xa gần khác nhau nhiều lắm, sao lại đến nơi cùng lúc?”

Na-tiên bảo vua: “Đại vương thử nghĩ đến xứ *A-lê-tán* được chăng?”

Vua đáp: “Trẫm đã nghĩ đến rồi.”

Na-tiên lại bảo: “Bây giờ nghĩ đến xứ Kế Tân được chăng?”

Vua lại đáp: “Trẫm đã nghĩ rồi.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương nghĩ đến hai xứ ấy, nhanh chậm thế nào?”

Vua đáp: “Đều như nhau.”

Na-tiên nói: “Như hai người cùng chết một lúc. Một người sanh lên cõi Phạm thiên, một người sanh về xứ Kế Tân, cũng đều giống nhau như thế.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như có hai con chim đang bay, một con đậu xuống cây đại thụ cao lớn. Cùng lúc ấy, con chim kia đậu xuống một cây cành lá nhỏ bé. Hai con chim cùng đậu xuống, bóng con chim nào in lên mặt đất trước?”

Vua đáp: “Đều cùng lúc như nhau.”

Na-tiên nói: “Như hai người cùng chết một lúc. Một người sanh lên cõi Phạm thiên, một người sanh về xứ Kế Tân, cũng đều đến cùng lúc như nhau vậy.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

9. NHÂN DUYÊN HIẾU ĐẠO

Vua lại hỏi *Na-tiên*: “Bạch đại đức, người ta nhờ vào những việc gì để có thể học hiểu đạo.”

Na-tiên đáp: “Nhờ vào bảy việc để có thể học hiểu đạo. Những gì là bảy việc? Một là nghĩ nhớ các điều thiện, ác.¹ Hai là nỗ lực tinh tấn. Ba là vui với chánh đạo. Bốn là điều phục tâm ý làm theo điều lành. Năm là luôn nghĩ nhớ đến chánh đạo. Sáu là nhất tâm. Bảy là gặp việc không sanh lòng ưa thích hoặc ghét bỏ.”²

Vua hỏi: “Người ta phải dùng đến cả bảy việc ấy mà học hiểu đạo sao?”

Na-tiên đáp: “Không cần phải dùng cả bảy việc ấy mới có thể học hiểu đạo. Như người có trí, dùng trí để phân biệt các việc thiện ác, ấy là chỉ cần dùng một việc mà phân biệt được vậy.”

Vua lại hỏi: “Như nói chỉ cần dùng một việc có thể biết như vậy, vì sao phải thuyết dạy đến bảy việc?”

Na-tiên hỏi: “Như người để con dao trong bao da, đứng dựa vào tường, dao ấy có tự cắt được vật gì chăng?”

Vua đáp: “Không.”

Na-tiên nói: “Tâm người cũng vậy, dù đã sáng tỏ, hiểu đạo, cũng phải nhờ thực hành đủ các việc khác mới có thể cắt đứt phiền não ái dục, thành tựu đạo giải thoát được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

¹ Tức là nhớ đến điều thiện để làm, nhớ đến điều ác để tránh.

² Tuy ý nghĩa có phần khác biệt nhỏ, nhưng đây chính là Bảy giác chi trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (hay Ba mươi bảy Bồ-đề phần).

10. THIỆN ÁC VÀ TỘI PHƯỚC

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người làm điều thiện nhỏ có thể được phước lớn chăng? Làm điều ác lớn có phải bao giờ cũng chịu họa lớn chăng?”

Na-tiên đáp: “Người làm điều thiện nhỏ có thể được phước lớn. Người làm điều ác lớn có thể chỉ chịu họa nhỏ. Đó là khi người làm điều ác ngày đêm hối lỗi, thì điều ác ấy cũng ngày đêm vơi bớt mà nhỏ đi. Người làm điều thiện ngày đêm nghĩ đến đều thấy hoan hỷ vui mừng, nên được phước rất lớn.

“Như lúc Phật còn tại thế, có người bị cụt tay chân, thành tâm dâng cúng cho Phật chỉ một cành hoa sen. Khi ấy Phật dạy chư *tỳ-kheo* rằng: ‘Người cụt tay chân này, từ nay về sau trải qua chín mươi một kiếp không bị đọa vào các đường dữ là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, được sanh lên cõi trời. Sau khi mãn phước ở cõi trời rồi, được sanh trở lại làm người.’

“Do chuyện ấy, bản tăng biết là người làm điều thiện nhỏ có thể được phước lớn.”

Vua tán thán: “Hay thay!”



Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người trí làm ác và người ngu làm ác, người nào chịu họa lớn hơn?”

Na-tiên đáp: “Người ngu chịu họa lớn, người trí chịu họa nhỏ.”

Vua nói: “Không thể như lời đại đức nói được. Như theo phép trị nước của trẫm thì quan lớn có lỗi xem là tội

nặng, người dân không biết mắc lỗi thì xem là tội nhẹ. Cứ như lý ấy mà xét, thì người trí làm ác phải chịu họa lớn, kẻ ngu làm ác phải chịu họa nhỏ vậy.”

Na-tiên hỏi: “Ví như có hòn sắt đốt nóng bỏ xuống đất. Có hai người, một người biết đó là hòn sắt nóng, một người không biết. Hai người đều buộc phải nắm lấy hòn sắt ấy, vậy người nào bị bỏng nặng hơn?”

Vua nói: “Người không biết phải bị bỏng nặng hơn.”

Na-tiên nói: “Cũng như vậy đó. Người ngu làm việc ác không biết để hối lỗi, nên thế nào cũng sẽ mắc họa lớn. Người trí như có lỡ làm việc ác, liền biết đó là việc không nên làm, ngày ngày thường hối lỗi, vì vậy mà sẽ mắc họa nhỏ thôi.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

11. NGƯỜI ĐẮC ĐẠO VÀ CÁC VIỆC LẠ

Vua lại hỏi: “Người ta có thể nào dùng thân thể này mà bay trên hư không, lên đến cõi Phạm thiên, hoặc xuống thấp tận cõi *Uất-đan-việt*, hay là đến những nơi theo ý muốn được chăng?”

Na-tiên đáp: “Có thể được.”

Vua hỏi: “Làm sao có thể được như vậy?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương nhớ lại lúc thiếu thời, có lúc nào chơi đùa nhảy cao khỏi mặt đất chừng một trượng chăng?”

Vua đáp: “Có. Khi chơi đùa, có lúc trẫm nhảy cao đến hơn một trượng.”

Na-tiên nói: “Người đắc đạo rồi, như trong ý muốn nhảy lên đến cõi Phạm thiên, hoặc xuống cõi *Uất-đan-việt*, cũng chỉ giống như vậy thôi.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

• • •

Vua lại hỏi: “*Sa-môn* các vị dạy rằng: Có lóng xương dài đến bốn ngàn dặm. Làm sao lại có lóng xương dài đến như thế?”

Na-tiên hỏi: “Đại vương có nghe nói ngoài biển lớn có giống cá gọi là cá chất, thân nó dài đến hai mươi tám ngàn dặm hay chăng?”

Vua đáp: “Đúng là có như vậy, trẫm đã từng nghe nói.”

Na-tiên nói: “Như con cá ấy, thân dài hai mươi tám ngàn dặm, vậy lóng xương hông chỉ dài bốn ngàn dặm, sao đại vương lại lấy làm lạ?”

12. NGỪNG HƠI THỞ

Vua hỏi: “*Sa-môn* các vị dạy rằng: Người tu hành có thể đoạn dứt cả hơi thở. Làm thế nào có thể đoạn dứt được hơi thở?”

Na-tiên hỏi: “Này đại vương, đại vương có từng nghe nói người có ý chí chăng?”

Vua đáp: “Trẫm có nghe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy đại vương có nghĩ là ý chí ấy ở trong thân người chăng?”

Vua đáp: “Theo trẫm nghĩ thì đúng là ý chí ấy ở trong thân người.”

Na-tiên nói: “Này đại vương, như đại vương nói đó là đối với những người ngu si vô trí, không thể chế phục được thân và miệng, không thể thọ trì và làm theo kinh điển, giới luật của Phật. Những người như vậy, thân thể họ cũng không thể đạt đến sự an vui.¹

“Còn như người học đạo tu hành, có thể chế phục được thân và miệng, có thể thọ trì và làm theo kinh điển, giới luật của Phật, nên có thể đạt đến nhất tâm, chứng đắc tứ thiên,² khi ấy có thể không cần phải giữ hơi thở như người thường.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

¹ Ở đây, nhà vua hiểu theo thông thường là ý chí luôn đi liền với thân thể. Ngài *Na-tiên* sau đó mới chỉ rõ là trường hợp này chỉ đúng với những người tâm thường không chứng đắc. Với kẻ chứng đắc vào các cảnh giới cao của thiền định thì không còn trói buộc trong thân thể này nữa. Khi hiểu được điều này thì vua cũng hiểu rằng việc ngưng hơi thở là có thể làm được.

² Tứ thiên: bốn cấp độ thiền định đạt được từ thấp đến cao, gồm có: 1. Sơ thiên: tâm tập trung vào một cảnh, các tâm tầm (*vitarka*), tứ (*vicāra*), hoàn toàn li dục và không còn các bất thiện pháp. Người đạt sơ thiên cảm nhận trạng thái hỷ (*prīti*), lạc (*sukha*) và xả (*upeksā*). 2. Nhị thiên: tâm không còn tầm, tứ. Nội tĩnh, nhất tâm. Trạng thái này là hỷ, lạc, xả. 3. Tam thiên: lìa trạng thái hỷ, chỉ còn trạng thái xả và lạc. 4. Tứ thiên: lìa trạng thái lạc, chỉ còn riêng cảm giác xả và chánh niệm. Người đạt bốn phép thiền ấy thì thân thức vượt khỏi cõi Dục giới, lên tới cõi Sắc giới, nhưng chưa vào cõi Vô sắc giới. Như vậy, việc đoạn dứt hơi thở không phải là việc lạ không làm được.

13. TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

Vua hỏi: “Bạch đại đức, như người ta gọi tên biển, vì sao gọi như vậy? Hoặc giả gọi nước là biển chẳng? Hoặc do điều gì mà gọi tên là biển?”

Na-tiên đáp: “Gọi tên là biển, bởi vì trong nước biển có một nửa phần là muối.”¹

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người sau khi đã đắc đạo, có thể suy xét thấu đáo những việc huyền vi sâu xa hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên là vậy. Người sau khi đắc đạo rồi có thể suy xét thấu đáo những việc huyền vi sâu xa. Như kinh điển của Phật truyền dạy chính là những việc huyền vi sâu xa nhất, không thể ước lượng hết, nhưng lấy cái trí của người sau khi đắc đạo thì đều có thể hiểu thấu được.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như giữa thức, trí và tánh, ba điều ấy có giống nhau hay chẳng? Hay khác biệt nhau?”

Na-tiên đáp: “Thức lấy sự nhận biết làm chính, trí có thể hiểu được đạo, còn tánh thì như hư không. Ba điều ấy không phải là bản ngã.”²

¹ Đoạn này hoàn toàn chỉ có ý nghĩa trong tiếng Phạn, vì tiếng Phạn gọi biển là samudda, cũng hàm nghĩa là muối và nước bằng nhau. Vua đưa ra chất vấn này chỉ nhằm vào kiến thức chung, không liên quan đến đạo lý, nên chúng tôi có lược bỏ hai câu.

² Bản Hán văn dùng nhân thần (人神), trí (智) và tự nhiên (自然). Về nhân thần chính là chỉ cho thần thức, như trong những đoạn trước chúng tôi đã có so sánh chỉ ra, còn tự nhiên xét theo nghĩa trong đoạn này chính là thể tánh. Câu cuối dùng vô hữu nhân (無有人) là không có

Vua hỏi: “Vậy phải do đâu mà nhận được bản ngã? Mắt thấy hình sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi biết vị, thân biết phân biệt mềm mại hay thô nhám, ý biết phân biệt các việc thiện ác. Trong những điều ấy nên nhận đâu là bản ngã?”

Na-tiên hỏi vua: “Như nói bản ngã ở trong thân, qua con mắt mà nhìn ra cảnh vật, vậy khoét bỏ con mắt đi, có thể nhìn thấy xa hơn chẳng? Khoét rộng tai ra, có nghe được xa hơn chẳng? Khoét mũi rộng ra, có thể ngửi được nhiều mùi hương hơn chẳng? Mở miệng rộng hơn, có biết được nhiều vị hơn chẳng? Cắt lột da ra, có nhận biết xúc chạm nhiều hơn chẳng? Diệt bỏ ý chí, có làm cho tư tưởng mạnh mẽ hơn chẳng?”

Vua đáp: “Đều không phải.”

Na-tiên nói: “Này đại vương! Đại vương nên biết rằng, việc Phật đã làm được là rất khó. Chỗ hiểu biết của Phật là rất thâm sâu, vi diệu.

“Lời Phật nói có thể thấu trong lòng người, mắt nhìn thấy sự việc đều có thể giải thích rõ. Chẳng những giải được những việc mắt thấy, cả những việc tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, đều có thể giải rõ. Ngài cũng có thể giải rõ các việc thành bại, trừ được các mối nghi, giải rõ các ý nghĩ, giải rõ cả những việc thần bí.

người. Thật ra người ở đây muốn chỉ đến bản ngã, như trong một đoạn trước đã có dùng tương tự. Đoạn văn tiếp theo sẽ làm rõ hơn các nghĩa này, vì nhắm đến phá vỡ ý tưởng chấp ngã, cho rằng có một “cái ta” đang là chủ thể tiếp cận cùng sự vật khách thể.

¹ Trong một đoạn đối thoại trước đây, ngài Na-tiên đã từng giảng rõ lý này rồi, ở đây ngài chỉ lặp lại tóm tắt. (Xem mục Bản ngã, thứ 8, phần I ở Quyển Trung.

“Này đại vương! Như người ta ngậm một ngụm nước biển vào miệng, có thể phân biệt được trong ấy là bao nhiêu phần nước suối, hoặc nước của sông này, sông kia... đã chảy ra biển hay chẳng?”

Vua nói: “Các dòng nước đều đã hợp nhất, không thể phân biệt được.”

Na-tiên nói: “Việc mà Phật làm được cũng khó khăn như phân biệt các vị nước khác nhau trong nước biển vậy. Nay việc nước biển là việc trước mắt mà đại vương còn không thể phân biệt biết rõ, huống chi thần thức không thể biết được trong thân thể, vốn có sáu việc không thể thấy?

“Sáu việc ấy, đức Phật đều đã giảng rõ là: từ tâm niệm đến chỗ mắt thấy, từ tâm niệm đến chỗ tai nghe, từ tâm niệm đến chỗ mũi ngửi, từ tâm niệm đến chỗ lưỡi nếm, từ tâm niệm đến chỗ thân xúc chạm phân biệt các sự khổ, vui, lạnh, nóng, thô, cứng.

“Tùy chỗ tâm niệm hướng đến, Phật đều có thể phân biệt giải rõ.”

Vua tán thán: “Hay thay! Hay thay!”

IV. ĐOẠN KẾT

Khi ấy, đại đức *Na-tiên* nói: “Đã quá nửa đêm rồi, bần tăng xin được cáo lui.”

Vua lập tức sai các quan cận thân lấy bốn tấm vải cuộn lại, tẩm dầu vào và đốt lên thành đuốc để đưa đại đức *Na-tiên* về. Vua bảo các cận thân rằng: “Các người phải hầu hạ đại đức giống như hầu hạ trẫm.”

Các quan đều tuân mệnh.

Vua lại nói: “Nếu được bậc thầy như đại đức *Na-tiên* đây, lại được người đệ tử như ta, thì đạo pháp có thể nhanh chóng đạt đến vậy.”

Những điều vua hỏi đều được *Na-tiên* trả lời cặn kẽ, nên vua hết sức hoan hỷ, vui mừng.

Vua sai xuất kho lấy ra một tấm áo giá trị đến mười vạn quan tiền để dâng cúng cho đại đức *Na-tiên*. Vua lại nói: “Từ nay về sau, nguyện đại đức cùng với tám mươi vị *sa-môn*¹ ngày ngày thọ nhận sự cúng dường của trẫm, từ sự ăn uống cho đến bất cứ những món gì mà các vị cần đến. Trẫm xin được cung cấp tất cả.”

Na-tiên nói: “Đại vương! Chúng tôi đều là những kẻ tu hành, không có tham muốn gì cả.”

¹ Chỗ này bản Hán văn ghi là “bát bách” (八百), nghĩa là 800 vị. Nhưng trong đoạn đầu có nói số *sa-môn* ở chùa ra đi theo ngài *Na-tiên* là 80 vị. Chúng tôi xét thấy con số này hợp lý hơn nên giữ theo cho nhất quán. Còn số 800 không biết từ đâu ra. Như nói là số tăng ở chùa thì nhà vua không biết, vì đây là lần đầu tiên vua biết đến ngài *Na-tiên* và tự viện này.

Vua nói: “Tuy vậy, đại đức cũng nên tự giữ mình và giữ gìn giúp cho trăm nữa.”

Na-tiên hỏi: “Thế nào là tự giữ mình, và giữ gìn cho đại vương?”

Vua nói: “Như đại đức không nhận sự cúng dường của trăm, người đời sẽ bàn tán, dị nghị.

“Hoặc cho rằng trăm tham tiếc, keo lặn. Đại đức đã vì trăm giải đáp hết thấy các điều nghi vấn, mà lại không có gì ban thưởng.

“Hoặc cũng có thể nói rằng: Đại đức *Na-tiên* không giải đáp được những điều hoài nghi của vua, nên không được ban thưởng.

“Như đại đức thọ nhận, sẽ giúp cho trăm đây được phần phước đức, mà đại đức cũng giữ được danh thơm.”

Vua lại nói: “Bạch đại đức, như con sư tử bị nhốt ở trong lồng bằng vàng, trong lòng vẫn thường mong muốn được tự do. Trăm ngày nay tuy làm vị quốc vương, ở trong cung điện này, nhưng lòng thật chẳng được vui, chỉ mong muốn được lìa bỏ việc nước để xuất gia học đạo.”

Vua nói xong, *Na-tiên* từ biệt trở về chùa.

• • •

Na-tiên ra về rồi, vua một mình tự nghĩ: “Trăm đã hỏi đại đức *Na-tiên* những việc gì? *Na-tiên* đã vì trăm giảng giải những việc gì?”

Rồi vua tự nghĩ rằng: “Những gì trăm đã hỏi, *Na-tiên* đã giải đáp hết, không còn việc gì nữa!”

Đại đức *Na-tiên* về đến chùa cũng tự nghĩ rằng: “Nhà vua đã hỏi ta những việc gì? Ta đã giải đáp cho vua những việc gì?”

Rồi ngài tự nghĩ: “Những gì vua đã hỏi, ta đều đã giải đáp hết rồi!”

Hai người đều suy nghĩ như vậy cho đến khi trời sáng.

Sáng hôm sau, đại đức *Na-tiên* đắp y mang bát đến cung vua, vào thẳng trong điện mà ngồi. Vua liền đến trước ngài làm lễ, rồi cũng ngồi xuống một bên.

Vua thưa với đại đức *Na-tiên* rằng: “Bạch đại đức, đêm hôm qua khi đại đức ra về rồi, trăm một mình tự suy nghĩ về những việc đã hỏi đại đức, thấy rằng hết thấy mọi việc đều đã được giải thích rõ ràng. Trăm nghĩ như vậy rồi, trong lòng rất hoan hỷ, nằm yên không ngủ cho đến sáng.”

Na-tiên nói: “Này đại vương, đêm hôm qua khi bản tăng về đến chùa rồi, cũng suy nghĩ lại những điều đại vương đã hỏi, thấy rằng mọi việc đều đã được giải thích rõ ràng. Bản tăng nghĩ như vậy rồi, trong lòng rất hoan hỷ, nằm yên không ngủ cho đến sáng.”¹

Nói xong, *Na-tiên* cáo từ ra về. Vua đứng dậy làm lễ tiễn chân.

• • •

¹ Điều thú vị ở đây là sự tương đồng giữa hai tâm hồn lớn. Người hỏi lấy làm hoan hỷ vì được giải đáp, và người đáp cũng lấy làm hoan hỷ vì đã trả lời hết những câu hỏi về đạo pháp.

PHẦN HÁN VĂN

那先比丘經

NA TIÊN TỖ-KHEO KINH

卷上

QUYỂN THƯỢNG

失譯人名

Thất dịch nhân danh

佛在舍衛國，祇樹給孤獨園。時諸比丘僧，比丘尼，優婆塞，優婆夷，諸天，王，大臣，長者，人民，及事九十六種道者，凡萬餘人，日於佛前聽經。

Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên. Thời chư tỳ-kheo tăng, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư thiên, vương, đại thần, trưởng giả, nhân dân, cập sự cử thập lục chủng đạo giả, phàm vạn dư nhân nhật ư Phật tiền thính kinh.

佛自念，人衆日多，身不得安。佛意欲捨人衆，去到閑屏處，坐思惟念道。

Phật tự niệm, nhân chúng nhật đa, thân bất đắc an. Phật ý dục xả nhân chúng, khứ đáo nhàn bình xứ, tọa tư duy niệm đạo.

佛即捨人衆，去入山，至校羅叢樹間。
其樹有神，佛坐其下，思念清淨之道。

Phật tức xả nhân chúng, khứ nhập sơn, chí hào-la tông thọ gian. Kỳ thọ hữu thần, Phật tọa kỳ hạ, tư niệm thanh tịnh chi đạo.

去叢樹不遠有群象五百餘頭。中有象王賢善知善惡之事。譬如人狀象輩衆多周匝象王邊。中有雄雌長齒中齒少齒者。

Khứ tông thọ bất viễn hữu quần tượng ngũ bách dư đầu, trung hữu tượng vương Hiền Thiện, tri thiện ác chi sự. Thí như nhân trạng, tượng bối chúng đa châu táp tượng vương biên. Trung hữu hùng thư trường xỉ, trung xỉ, thiếu xỉ giả.

象王渴，欲行飲水。時諸小象走居前，入水飲。飲已，於水中走戲撓撈水，令濁惡。象王不能得清水飲。

Tượng vương khát dục hành ẩm thủy. Thời chư tiểu tượng tẩu cư tiên nhập thủy ẩm. Ẩm dĩ, ư thủy trung tẩu hý nạo lao thủy, linh trước ố. Tượng vương bất năng đắc thanh thủy ẩm.

象王飢，欲行食草。諸小象復走居前食嗽美草。走戲蹈踐其上。象王不能得淨草食。

Tượng vương cơ, dục hành thực thảo. Chư tiểu tượng phục tẩu cư tiên. Thực hám mỹ thảo, tẩu hý đạo tiền kỳ thượng. Tượng vương bất năng đắc tịnh thảo thực.

象王自念我群衆多患。是諸象及小象子撓水令濁令草不淨。而返常飲濁水食足踐之草。象王自念。我欲棄是諸象去至一屏處快耶。

Tượng vương tự niệm: Ngã quần chúng đa hoạn thị chư tượng cập tiểu tượng tử nạo thủy linh trước, linh thảo bất tịnh nhi phản thường ẩm trước thủy, thực tức tiền chi thảo. Tượng vương tự niệm: Ngã dục khí thị chư tượng, khứ chí nhất bình xứ khoái da?

象王即棄群而去轉行入山到校羅叢樹間。象王見佛佛坐樹下心大歡喜。則前至佛所，低頭屈膝，為佛作禮，卻在一面住。

Tượng vương tức khí quần nhi khứ, chuyển hành nhập sơn đáo hào-la tông thọ gian. Tượng vương kiến Phật. Phật tọa thọ hạ tâm đại hoan hỷ, tắc tiền chí Phật sở, đề đầu khuất tất, vị Phật tác lễ, khước tại nhất diện trụ.

佛自念我棄衆人來在是間。象王亦復棄衆象來到是樹間。其義適同。佛為象王說經言。佛於人中最尊。象王於諸象中亦尊。

Phật tự niệm: Ngã khí chúng nhân lai tại thị gian. Tượng vương diệc phục khí chúng tượng lai đáo thị thọ gian. Kỳ nghĩa thích đồng. Phật vị tượng vương thuyết kinh ngôn: Phật ưu nhân trung tối tôn. Tượng vương ưu chư tượng trung diệc tôn.

佛言我心與象王心適相中合。我與象王俱樂部是樹間。象王聽經竟心即開解曉知佛意。便視佛所徜徉經行處。以鼻取水灑地以鼻撈草掃地。以足蹈地令平好。

Phật ngôn: “Ngã tâm dữ tượng vương tâm thích tương trung hiệp. Ngã dữ tượng vương câu lạc thị thọ gian.” Tượng vương thính kinh cánh tâm tức khai giải hiểu tri Phật ý, tiện thị Phật sở bàng dương kinh hành xứ. Dĩ tỉ thủ thủy sái địa, dĩ tỉ lao thảo tảo địa, dĩ túc đạp địa linh bình hảo.

象王日朝暮承事。如是久後佛便取無為泥洹道去。象王不知佛處為周旋行求索佛不得。啼泣愁憂不樂不敢食飲。

Tượng vương nhật triều mộ thừa sự. Như thị cứu hậu, Phật tiện thủ vô vi Nê-hoàn đạo khứ. Tượng vương bất tri Phật xứ, vi châu thiên hành cầu sách Phật bất đắc, dề khắp sâu ưu, bất lạc, bất cảm thực ẩm.

時國中有佛寺。舍在山上名迦羅洹。中有五百沙門共止其中。皆已得阿羅漢道。常以月六齋日誦經至明時。

Thời quốc trung hữu Phật tự, xá tại sơn thượng, danh Ca-la-hoàn, trung hữu ngũ bách sa-môn cộng chỉ kỳ trung, giai dĩ đắc A-La-hán đạo, thường dĩ ngoạt lục trai nhật, tụng kinh chí minh thời.

象王亦在山上近於寺邊。象王知有六齋日誦經。至其日象王常行入寺聽經。諸沙門知象王喜聽經。欲誦經時須象王來到乃誦經。

Tượng vương diệc tại sơn thượng cận ưu tự biên. Tượng vương tri hữu lục trai nhật tụng kinh, chí kỳ nhật tượng vương thường hành nhập tự thính kinh. Chư sa-môn tri tượng vương hỷ thính kinh, dục tụng kinh thời, tu tượng vương lai đáo nãi tụng kinh.

象王聽經徹明不睡不臥不動不搖。象王數聞經承事佛故。久後象王亦以壽終。

Tượng vương thính kinh triệt minh bất thụ bất ngoạ bất động bất diêu. Tượng vương số văn kinh, thừa sự Phật cố cứu hậu tượng vương diệc dĩ thọ chung.

死便得為人作子生婆羅門家。不復聞佛經亦不見沙門。便棄家入深山學婆羅門道在山上。

Tử tiện đắc vi nhân, tác tử sanh *bà-la-môn* gia, bất phục văn Phật kinh, diệc bất kiến *sa-môn*. Tiện khí gia nhập thâm sơn học *bà-la-môn* đạo tại sơn thượng.

止近比亦有一婆羅門道人俱在山上。相與往來共為知識。

Chỉ cận tỷ diệc hữu nhất *bà-la-môn* đạo nhân câu tại sơn thượng tương dữ vãng lai cộng vi tri thức.

其一人自念我厭世間縣官憂苦老病死後當入地獄餓鬼畜生貧窮中。用是故我除頭鬚。被袈裟作沙門求度世無為道。

Kỳ nhất nhân tự niệm: Ngã yếm thế gian huyện quan ưu khổ lão bệnh tử, hậu đương nhập địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, bản cùng trung. Dụng thị cố ngã trừ đầu tu phi *ca-sa* tác *sa-môn* cầu độ thế vô vi đạo.

其一人自念我願欲求作國王得自在。令天下人民皆共屬我隨我教令。

Kỳ nhất nhân tự niệm: Ngã nguyện dục cầu tác quốc vương đắc tự tại linh thiên hạ nhân dân giai cộng thuộc ngã tùy ngã giáo lệnh.

兩人共願如是。久後二人各復壽終得於世間作人。

Lưỡng nhân cộng nguyện như thị. Cửu hậu nhị nhân các phục thọ chung, đắc ư thế gian tác nhân.

其一人前世宿命欲求作國王者。生於海邊為國王太子。父母便字子為彌蘭。

Kỳ nhất nhân tiền thế túc mạng, dục cầu tác quốc vương giả, sanh ư hải biên, vi quốc vương thái tử, phụ mẫu tiện tự tử vi Di-lan.

其一人前世宿命欲求度世無為泥洹道者。生於天竺罽賓縣。父母便字為陀獵。生便被袈裟俱生。所以與袈裟俱生者本宿命所願。其家有一象王亦同日生。天竺名象為那。父母便因象字其子名為那先。

Kỳ nhất nhân tiền thế túc mạng dục cầu độ thế, vô vi *Nê-hoàn* đạo giả, sanh ư Thiên Trúc, Kế Tân huyện. Phụ mẫu tiện tự vi *Đà-liệp*. Sanh tiện bị *ca-sa* câu sanh. Sở dĩ dữ *ca-sa* câu sanh giả, bản túc mạng sở nguyện. Kỳ gia hữu nhất tượng vương diệc đồng nhật sanh, Thiên Trúc danh tượng vi *Na*, phụ mẫu tiện nhân tượng tự, kỳ tử danh vi *Na-tiên*.

那先長大年十五六有舅父字樓漢。樓漢作沙門。有絕妙之才世間無比。眼能徹視耳能徹聽自知所從來。生行即能飛出能無間入無孔自在變化無所不作。天上天下人民及蜎飛蠕動之類。心所念樓漢皆預知之。

Na-tiên trưởng đại niên thập ngũ lục hữu cữu phụ tự *Lâu-hán*. *Lâu-hán* tác *sa-môn*, hữu tuyệt diệu chi tài, thể gian vô tỷ. Nhân năng triệt thị, nhĩ năng triệt thính, tự tri sở tùng lai, sanh hành tức năng phi xuất, năng vô gian nhập, vô không tự tại biến hóa vô sở bất tác. Thiên thượng thiên hạ nhân dân cập quyên phi nhuyển động chi loại tâm sở niệm *Lâu-hán* giai dự tri chi.

那先便自往到舅父計自說言。我意佛道欲除頭鬚被袈裟作沙門。今我當為舅父作弟子寧可持我作沙門耶。

Na-tiên tiện tự vãng đáo cữu phụ kế tự thuyết ngôn: Ngã ý Phật đạo dục trừ đầu tu bị *ca-sa* tác *sa-môn*. Kim ngã đương vị cữu phụ tác đệ tử. Ninh khả trì ngã tác *sa-môn* da?

樓漢知那先宿命作善有慧甚重哀之因聽令作沙彌。那先始作小沙彌受十戒日。誦經學問思惟經戒即得四禪悉知諸經。獨未受大沙門戒。

Lâu-hán tri *Na-tiên* tức mạng tác thiện hữu huệ thậm trọng ai chi. Nhân thính linh tác *sa-di*. *Na-tiên* thủy tác tiểu *sa-di*, thọ thập giới nhất, tụng kinh học vấn tư duy kinh giới, tức đắc tứ thiên, tất tri chư kinh. Độc vị thọ đại *sa-môn* giới.

於時國山中有佛寺舍名曰和禪。和禪寺中有五百沙門皆得阿羅漢道。中有第一阿羅漢名頽陂曰。能知天上天下去來見在之事。

Ư thời quốc sơn trung hữu Phật tự xá danh viết Hòa Thiên. Hòa Thiên tự trung hữu ngũ bách *sa-môn* giai đắc *A-La-hán* đạo. Trung hữu đệ nhất *A-La-hán* danh *Át-pha-viết* năng tri thiên thượng thiên hạ khứ lai kiến tại chi sự.

那先年滿二十因作大沙門受大沙門戒。便到和禪寺中至頽陂曰所。

Na-tiên niên mãn nhị thập nhân tác đại *sa-môn*, thọ đại *sa-môn* giới, tiện đáo Hòa Thiên tự trung chí *Át-pha-viết* sở.

時五百阿羅漢。適以十五日說大沙門戒經在講堂上坐。大沙門皆入那先亦在其中。衆沙門悉坐。頽陂曰悉視坐中諸沙門心皆是阿羅漢。獨那先未得羅漢道。

Thời ngũ bách A-La-hán thích dĩ thập ngũ nhật thuyết đại sa-môn giới kinh. Tại giảng đường thượng tọa, đại sa-môn giai nhập. Na-tiên diệc tại kỳ trung. Chúng sa-môn tất tọa, Át-pha-viết tất thị tọa trung chư sa-môn tâm giai thị A-La-hán, độc Na-tiên vị đắc A-La-hán đạo.

頽陂曰便說譬喻經言。若入折米米正白中有黑米即剔不好。今我坐中皆清白獨那先為黑未得阿羅漢道。

Át-pha-viết tiện thuyết thí dụ kinh ngôn: Nhược nhập chiết mẽ, mẽ chánh bạch trung, hữu hắc mẽ tắc dịch bất hảo. Kim ngã tọa trung giai thanh bạch, độc Na-tiên vị đắc A-La-hán đạo.

那先聞頽陂曰說經如是大愁。便起為五百沙門作禮已即出去。

Na-tiên văn Át-pha-viết thuyết kinh như thị đại sầu tiện khởi vị ngũ bách sa-môn tác lễ dĩ tức xuất khứ.

那先自念我不宜在是座中坐。我亦未得度脫其餘沙門皆已度脫。譬若衆師子中有狐狗今我亦如是。我從今不得道者不復入衆中坐也。

Na-tiên tự niệm: Ngã bất nghi tại thị tòa trung tọa, ngã diệc vị đắc độ thoát, kỳ dư sa-môn giai dĩ độ thoát. Thí nhược chúng sư tử trung, hữu hồ cẩu, kim ngã diệc như thị. Ngã tùng kim bất đắc đạo giả, bất phục nhập chúng trung tọa dã.

頽陂曰知那先意便呼那先著前。以手摩那先頭。汝今得阿羅漢不久勿愁憂也。頽陂曰便欲坐止那先。

Át-pha-viết tri Na-tiên ý, tiện hô Na-tiên trước tiên, dĩ thủ ma Na-tiên đầu: Nhữ kim đắc A-La-hán bất cửu, vật sầu ưu dã. Át-pha-viết tiện dục tọa chỉ Na-tiên.

那先復有一師年八十餘字迦惟曰。其縣中有一優婆塞大賢善。常日飯迦惟曰弟子。

Na-tiên phục hữu nhất sư niên bát thập dư tự Ca-duy-viết, kỳ huyện trung hữu nhất ưu-bà-tắc đại hiền thiện, thường nhật phạn Ca-duy-viết đệ tử.

那先至為師持應器行取飯具。師令那先口含水行到優婆塞家取飯具。

Na-tiên chí vị sư trì ứng khí hành thủ phạn cụ. Sư linh Na-tiên khẩu hàm thủy hành, đáo ưu-bà-tắc gia thủ phạn cụ.

優婆塞見那先年少端正行與人絕異。宿知有慧預聞有明志之名能說經道。

Ưu-bà-tắc kiến Na-tiên niên thiếu đoan chánh hạnh dữ nhân tuyệt dị, túc tri hữu huệ, dự văn hữu minh chí chi danh năng thuyết kinh đạo.

優婆塞見那先入其舍中。便即起立前為作禮卻叉手言。我飯諸沙門日久。

未嘗有為我說經者。今從我那先求哀願為我說經解我愚癡。

Ưu-bà-tắc kiến *Na-tiên* nhập kỳ xá trung, tiện tức khởi lập, tiên vi tác lễ khước xoa thủ ngôn: Ngã phạm chư *sa-môn* nhật cứu vị thường hữu vị ngã thuyết kinh giả. Kim tòng ngã *Na-tiên* cầu ai nguyện vị ngã thuyết kinh giải ngã ngu si.

那先即自念我受師教令我口含水不得語。我今吐水者為犯師戒。如是當云何。

Na-tiên tức tự niệm: Ngã thọ sư giáo, linh ngã khẩu hàm thủy bất đắc ngữ. Ngã kim thổ thủy giả, vi phạm sư giới. Như thị đương vân hà?

那先念優婆塞亦高才有志。我為其說經想即得道。那先便吐水而坐即為說經。

Na-tiên niệm: *ưu-bà-tắc* diệp cao tài hữu chí ngã vị kỳ thuyết kinh tưởng tức đắc đạo. *Na-tiên* tiện thổ thủy nhi tọa tức vị thuyết kinh.

人布施作善奉行經戒。今世安隱後世便生天上。下生人中即當明慧富貴。後不復入地獄餓鬼畜生中。人不奉行經戒者於今世苦。後世復墮三惡道中無有出時。

Nhân bố thí tác thiện phụng hành kinh giới, kim thể an ổn, hậu thế tiện sanh thiên thượng, hạ sanh nhân trung tức đương minh huệ phú quý, hậu bất phục nhập địa ngục, ngã quỷ, súc sanh trung. Nhân bất phụng hành kinh giới giả, ư kim thể khổ, hậu thế phục đọa tam ác đạo trung, vô hữu xuất thời.

優婆塞聞經心即歡喜。那先知優婆塞心歡喜。便復說深經言。世間萬物皆當過去無有常在者。

Ưu-bà-tắc văn kinh tâm tức hoan hỷ. *Na-tiên* tri *ưu-bà-tắc* tâm hoan hỷ tiện phục thuyết thâm kinh ngôn: Thế gian vạn vật giai đương quá khứ vô hữu thường tại giả.

萬物過去皆苦世間人身亦如是。世間人皆言是我身過我許。是皆不得自在泥洹道者。最樂泥洹者不生不老不病不死不愁不憂。諸惡勤苦皆悉消滅。

Vạn vật quá khứ giai khổ, thế gian nhân thân diệp như thị. Thế gian nhân giai ngôn: thị ngã thân, quá ngã hứa, thị giai bất đắc tự tại tại *Nê-hoàn* đạo giả. Tối lạc *Nê-hoàn* giả bất sanh, bất lão, bất bệnh, bất tử, bất sầu, bất ưu. Chư ác cần khổ giai tất tiêu diệt.

那先說經已。優婆塞即得第一須陀洹道。那先亦自得須陀洹道。

Na-tiên thuyết kinh dĩ, *ưu-bà-tắc* tức đắc đệ nhất *Tu-đà-hoàn* đạo. *Na-tiên* diệp tự đắc *Tu-đà-hoàn* đạo.

優婆塞大歡喜。便為那先好美飯。那先語優婆塞先取具著師鉢中。那先飯竟澡漱訖畢持飯具還與師。

ưu-bà-tắc đại hoan hỷ, tiện vị *Na-tiên* hảo mỹ phạn. *Na-tiên* ngư *ưu-bà-tắc*: Tiên thủ cụ trước sư bát trung, *Na-tiên* phạn cánh. Tảo sấu ngật tất, trì phạn cụ hoàn dĩ sư. 師見飯具言若今日持飯具來大好已犯衆人約當逐出汝。

Sư kiến phạn cụ ngôn: Nhược kim nhật trì phạn cụ, lai đại hảo dĩ phạm chúng nhân ước. Đương trục xuất nhữ.

那先愁不樂。師言會衆比丘僧衆。比丘僧悉會坐。師言那先犯我曹衆人約來。當共逐出不得止衆中也。

Na-tiên sầu bất lạc. Sư ngôn hội chúng *tỳ-kheo* tăng chúng. *Tỳ-kheo* tăng tất hội tọa. Sư ngôn: *Na-tiên* phạm ngã tào chúng nhân ước lai, đương cộng trục xuất, bất đắc chỉ chúng trung dã.

頰陂曰說譬喻言。如人持一箭射兩準。如是曹人不應逐出也。那先自說得道亦令優婆塞得道。不應逐出。

Át-pha-viết thuyết thí dụ ngôn: Như nhân trì nhất tiễn xạ lưỡng chuẩn. Như thị tào nhân bất ưng trục xuất dã. *Na-tiên* tự thuyết đắc đạo, diệc linh *ưu-bà-tắc* đắc đạo, bất ưng trục xuất.

那先師迦維曰言。正使一箭中百準會為衆人約。不得留止。餘人悉不能如那先得道。當已絕後。不逐出那先者。餘人復效無以卻後。

Na-tiên sư *Ca-duy-viết* ngôn: Chánh sử nhất tiễn trúng bá chuẩn, hội vi chúng nhân ước, bất đắc lưu chỉ. Dư nhân tất bất năng như *Na-tiên* đắc đạo. Đương dĩ tuyệt hậu. Bất trục xuất *Na-tiên* giả, dư nhân phục hiệu vô dĩ khước hậu.

衆坐中皆默然。隨師教即逐出那先。那先便以頭面著師足。起遍為衆比丘僧作禮。

Chúng tọa trung giai mặc nhiên. Tùy sư giáo tức trục xuất *Na-tiên*. *Na-tiên* tiện dĩ đầu diện trước sư túc khởi biến vị chúng *tỳ-kheo* tăng tác lễ.

禮竟便去入深山中坐樹下。晝夜精進念道不懈。便自成得阿羅漢道。能飛行亦能眼徹視耳徹聽。亦能知他人心中所念。自知前世所從來生。

Lễ cánh tiện khứ nhập thâm sơn trung tọa thọ hạ, trú dạ tinh tấn niệm đạo bất giải. Tiện tự thành đắc *A-La-hán* đạo, năng phi hành, diệc năng nhãn triệt thị, nhĩ triệt thính, diệc năng tri tha nhân tâm sở niệm, tiện tri tiên thế sở tùng lai sanh.

得阿羅漢已便即來還入和禪寺中。諸衆比丘僧中叩頭求哀悔過和禪諸比丘僧。諸比丘僧即聽之。那先作禮竟便出去。

Đắc A-La-hán dĩ, tiện tức lai hoàn nhập Hòa Thiên tự trung. Chư chúng tỳ-kheo tăng trung khấu đầu cầu ai hối quá Hòa Thiên chư tỳ-kheo tăng. Chư tỳ-kheo tăng tức thỉnh chi. Na-tiên tác lễ cánh tiện xuất khứ.

那先轉行入諸郡縣街曲里巷。為人說經戒教人為善。中有受五戒者。中有得須陀洹道。中有得斯陀含道者。中有得阿那含道者。中有作沙門得阿羅漢道者。第一四天王。第二忉利天帝釋。第七梵天王皆來到那先前。作禮以頭面著足卻坐。

Na-tiên chuyển hành nhập chư quận huyện, nhai khúc, lý hạng, vị nhân thuyết kinh giới, giáo nhân vi thiện. Trung hữu thọ ngũ giới giả, trung hữu đắc Tu-đà-hoàn đạo, trung hữu đắc Tư-đà-hàm đạo giả, trung đắc A-na-hàm đạo giả, trung hữu tác sa-môn đắc A-La-hán đạo giả. Đệ nhất tứ thiên vương, đệ nhị Đao-ly thiên Đế-thích, đệ thất Phạm-thiên vương giai lai đáo Na-tiên tiền tác lễ dĩ đầu diện trước túc khuốc tọa.

那先皆為諸人說經。名字徹聞四天。那先所行處。諸天人民鬼神龍。見那先無不歡喜者。皆得其福。

Na-tiên giai vị chư nhân thuyết kinh danh tự tuyệt văn tứ thiên. Na-tiên sở hành xứ chư thiên nhân dân quỷ thần, long kiến Na-tiên vô bất hoan hỷ giả, giai đắc kỳ phước.

那先便轉到天竺舍竭國止泄坻迦寺中。有前世故知識一人。在海邊作國王太子名彌蘭。

Na-tiên tiện chuyển đáo Thiên Trúc, Xá-kiệt quốc, chỉ Tiết-trì-ca tự trung. Hữu tiên thế cố tri thức nhất nhân, tại hải biên tác quốc vương thái tử danh Di-lan.

彌蘭少小好喜讀經學異道悉知異道。經法難異道人無有能勝者。彌蘭父王壽終。彌蘭即立為國王。

Di-lan thiếu tiểu hảo hỷ đọc kinh, học dị đạo tất tri dị đạo. Kinh pháp nan dị đạo nhân vô hữu năng thắng giả. Di-lan phụ vương thọ chung, Di-lan tức lập vị quốc vương.

王問左右邊臣言。國中道人及人民誰能與我共難經道者。

Wương vấn tả hữu biên thân ngôn: Quốc trung đạo nhân cập nhân dân thù năng dữ ngã cộng nạn kinh đạo giả?

邊臣白王言。有，有學佛道者。人呼為沙門。其人智慧博達。能與大王共難經道。

Biên thần bạch vương ngôn: Hữu, hữu học Phật đạo giả, nhân hô vi sa-môn, kỳ nhân trí tuệ bát đạt, năng dĩ đại vương cộng nạn kinh đạo.

今在北方大秦國。國名舍竭古王之宮。其國中外安隱人民皆善。其城四方皆復道行。

Kim tại bắc phương Đại Tần quốc, quốc danh Xá-kiệt, cổ vương chi cung. Kỳ quốc trung ngoại an ổn, nhân dân giai thiện, kỳ thành tứ phương giai phục đạo hành.

諸城門皆彫文刻鏤。宮中婦女各有處所。諸街市里羅列成行。官道廣大列肆成行。象馬車步男女熾盛乘門道人親戚工師細民。及諸小國皆多高明。人民被服五色焜煌。

Chư thành môn giai điêu văn khắc lữ. Cung trung phụ nữ các hữu xứ sở, chư nhai thị lý la liệt thành hàng, quang đạo quảng đại, liệt tứ thành hàng, tượng mã xa bộ nam nữ xí thịnh, thừa môn đạo nhân thân thích công sư tế dân cập chư tiểu quốc giai đa cao minh, nhân dân bị phục, ngũ sắc hỗn hoàn.

婦女傅白皆著珠環。國土高燥珍寶衆多。四方賈客賣買皆以金錢。五穀豐賤家有儲畜。市邊羅賣諸美羹飯飢即得食。渴飲蒲萄雜酒樂不可言。

Phụ nữ truyền bạch giai trước châu hoàn. Quốc độ cao táo, trân bảo chúng đa. Tứ phương cổ khách mại mãi giai dĩ kim tiền. Ngũ cốc phong tiện, gia hữu trữ súc thị biên la mại chư mỹ canh phạn, cơ túc đắc thực, khát ẩm bồ-đào tạp tửu, lạc bất khả ngôn.

其國王字彌蘭以正法治國。彌蘭者高才有智。明世經道能難去來見在之事。明於官事戰鬥之術。智謀無不通達。

Kỳ quốc vương tự Di-lan dĩ chánh pháp trị quốc. Di-lan giả cao tài hữu trí, minh thế kinh đạo, năng nạn khứ lai kiến tại chi sự, minh ư quan sự chiến đấu chi thuật, trí mưu vô bất thông đạt.

時王出城遊戲諸兵衆屯繞外。其王心自貢高。我為王能答九十六種經道。人所問不窮人心適發便豫知所言。

Thời vương xuất thành du hý, chư binh chúng đồn nhiều ngoại. Kỳ vương tâm tự cống cao: Ngã vi vương năng đáp cửu thập lục chủng kinh đạo, nhân sở vấn bất cùng, nhân tâm thích phát tiện dự tri sở ngôn.

王語諸傍臣曰。尚早入城亦無所作。是間寧有明經道人沙門能與我共難經說道者無。

Vương ngữ chư bàng thân viết: Thượng tảo, nhập thành diệc vô sở tác, thị gian ninh hữu minh kinh đạo nhân sa-môn năng dĩ ngã cộng nạn kinh thuyết đạo giả vô.

王傍臣名沾彌利望群。沾彌利望群白王言。然有沙門字野和羅大明經道。能與王共難經說道。

Vương bàng thân danh Triêm-di-ly Vọng-quần. Triêm-di-ly Vọng-quần bạch vương ngôn: Nhiên hữu sa-môn tự Giả-hòa-la đại minh kinh đạo, năng dĩ vương cộng nạn kinh thuyết đạo.

王便敕沾彌利望群行往請來。沾彌利望群即行請野和羅言大王欲見大師。野和羅言大善王欲相見者當自來耳。我不往也。

Vương tiện sắc Triêm-di-ly Vọng-quần hành vãng thỉnh lai. Triêm-di-ly Vọng-quần tức hành thỉnh Giả-hòa-la ngôn: Đại vương dục kiến đại sư. Giả-hòa-la ngôn: Đại thiện vương dục tương kiến giả, đương tự lai nhĩ, ngã bất vãng dã.

沾彌利還白王如是。王即乘車與五百騎共往到寺中。王與野和羅相見。前問訊已便就坐。五百騎從悉皆亦坐。

Triêm-di-ly hoàn bạch vương như thị. Vương tức thừa xa, dĩ ngũ bá kỵ cộng vãng đáo tự trung. Vương dĩ Giả-hòa-la tương kiến, tiền vấn tấn dĩ, tiện tự tọa. Ngũ bách kỵ tùng tất giai diệc tọa.

王即問野和羅言。卿用何故棄家捐妻子剃頭鬚。被袈裟作沙門乎。卿所求何等道。

Vương tức vấn Giả-hòa-la ngôn: Khanh dụng hà cố khí gia quyên thê tử thế đầu tu, bị ca-sa tác sa-môn hồ? Khanh sở cầu hà đẳng đạo?

野和羅報王。我曹學佛道行忠政於今世得其福。後世亦得其福用。是故我除頭鬚被袈裟作沙門。

Giả-hòa-la báo vương: Ngã tào học Phật đạo, hành trung chánh ư kim thế đắc kỳ phước, hậu thế diệc đắc kỳ phước dụng. Thị cố ngã trừ đầu tu bị ca-sa tác sa-môn.

王問野和羅言有人白衣有妻子。於家有妻子行忠政。於今世得其福不，後世亦得其福不。

Vương vấn Giả-hòa-la ngôn: Hữu nhân bạch y hữu thê tử. Ứ gia hữu thê tử hành trung chánh, ư kim thế đắc kỳ phước phủ? Hậu thế diệc đắc kỳ phước phủ?

野和羅言白衣於家有妻子。有行忠政。於今世得福於後世亦得其福。

Giả-hòa-la ngôn: Bạch y ư gia hữu thê tử, hữu hành trung chánh, ư kim thế đắc phước, ư hậu thế diệc đắc kỳ phước.

王言。白衣於家有妻子有行忠政。於今世後世同得其福。卿無故而棄妻子除頭鬚被袈裟作沙門為。

Vương ngôn: Bạch y ư gia hữu thê tử, hữu hành trung chánh, ư kim thế, hậu thế đồng đắc kỳ phước. Khanh vô cố nhi khí thê tử, trừ đầu tu, bị *ca-sa* tác *sa-môn* vi?

野和羅便默然無以報王。

Giả-hòa-la tiện mặc nhiên vô dĩ báo vương.

傍臣白言是沙門大明健有智迫。促未及說耳。王傍臣舉手言王得勝王得勝。

Bàng thần bạch ngôn: Thị *sa-môn* đại minh kiện hữu trí bách xúc vị cập thuyết nhĩ. Vương bàng thần cử thủ ngôn: Vương đắc thắng, vương đắc thắng.

野和羅便默然受負。王即左右顧視諸優婆塞。諸優婆塞面亦不慚。王念是諸優婆塞面亦難慚者。獨復有明經健沙門。能與我相難者耳。

Giả-hòa-la tiện mặc nhiên thọ phụ. Vương tức tả hữu cố thị chư *ưu-bà-tắc*. Chư *ưu-bà-tắc* diệc diệc bất tầm. Vương

niệm thị chư *ưu-bà-tắc* diệc diệc nan tầm giả, độc phục hữu minh kiện *sa-môn* năng dĩ ngã tương nạn giả nhĩ.

王語沾彌利寧復有明慧沙門。能與共難經說道者無。

Vương ngữ *Triêm-di-ly*: Ninh phục hữu minh huệ *sa-môn* năng dĩ cộng nạn kinh thuyết đạo giả vô?

時那先者諸沙門師。常與諸沙門俱出入。諸沙門皆使說經。那先時皆知諸經要難。能說十二部經。說經而種種別異章斷句解已。知泥洹之道。無有能窮者無有能得勝者。

Thời *Na-tiên* giả chư *sa-môn* sư, thường dĩ chư *sa-môn* câu xuất nhập. Chư *sa-môn* giai sử thuyết kinh. *Na-tiên* thời giai tri chư kinh yếu nạn, năng thuyết thập nhị bộ kinh. Thuyết kinh nhi chủng chủng biệt dị, chương đoạn cú giải dĩ, tri *Nê-hoàn* chi đạo, vô hữu năng cùng giả, vô hữu năng đắc thắng giả.

能解諸疑能明思者。所言智如江海能伏九十六種道。為佛四輩弟子所敬。為諸智者所歸仰。常以經道教授人。

Năng giải chư nghi, năng minh tư giả. Sở ngôn: trí như giang hải, năng phục cửu thập lục chủng đạo, vi Phật tứ bối đệ tử sở kính, vi chư trí giả sở quy ngưỡng. Thường dĩ kinh đạo giáo thọ nhân.

那先來到舍竭國。其所相隨弟子皆復高明。那先如猛師子。沾彌利白王有異沙門。字那先智慧深妙明諸經要。能解諸疑無所不通。能與王共難經道。

Na-tiên lai đáo *Xá-kiệt* quốc, kỳ sở tương tùy, đệ tử giai phục cao minh. *Na-tiên* như mãnh sư tử. *Triêm-di-ly* bạch vương: Hữu đệ *sa-môn* tự *Na-tiên* trí tuệ thâm diệu minh chư kinh yếu, năng giải chư nghi vô sở bất thông, năng dĩ vương cộng nạn kinh đạo.

王問沾彌利審能與我共難經道不。沾彌利應。唯然能與王共難經道。尚能與第七梵天共難經道。何況於人。

Wương vấn *Triêm-di-ly*: Thửm năng dĩ ngã cộng nạn kinh đạo phủ? *Triêm-di-ly* ứng: Duy nhiên, năng dĩ vương cộng nạn kinh đạo. Thượng năng dĩ đệ thất Phạm thiên cộng nạn kinh đạo, hà huống ư nhân.

王即敕沾彌利便行請那先來。沾彌利即往到那先所白言。大王欲相見。那先即與諸弟子相隨到王所。

Wương tức sắc *Triêm-di-ly* tiện hành thỉnh *Na-tiên* lai. *Triêm-di-ly* tức vãng đáo *Na-tiên* sở bạch ngôn: Đại vương dục tương kiến. *Na-tiên* tức dĩ chư đệ tử tương tùy đáo vương sở.

王雖未嘗與那先相見。那先在衆人中被服行步。與人絕異。王遙見陰知是那先。王自說言我前後所見人衆大多。入大座中大多。未嘗自覺恐怖。如今日見那先。那先今日定勝我。我定不如矣。我心惶惶不安也。

Wương tuy vị thường dĩ *Na-tiên* tương kiến, *Na-tiên* tại chúng nhân trung bị phục hành bộ dĩ nhân tuyệt dị. Vương diêu kiến âm tri thị *Na-tiên*. Vương tự thuyết ngôn: Ngã tiền hậu sở kiến nhân chúng đại đa, nhập đại tòa trung đại đa, vị thường tự giác khủng bố như kim nhật kiến *Na-tiên*. *Na-tiên* kim nhật định thắng ngã, ngã định bất như hĩ. Ngã tâm hoàn hoàn bất an dã.

沾彌利白王言。那先已來在外那先既至。王問沾彌利何所是那先者沾彌利因指示王王即大歡喜正我所隱者竟是那先。

Triêm-di-ly bạch vương ngôn: *Na-tiên* dĩ lai tại ngoại. *Na-tiên* ký chí. Vương vấn *Triêm-di-ly*: Hà sở thị *Na-tiên* giả? *Triêm-di-ly* nhân chỉ thị vương. Vương tức đại hoan hỷ: Chánh ngã sở ẩn giả, cánh thị *Na-tiên*.

王即見那先衣被行步與衆人絕異。那先即到前相問訊語言王便大歡喜因共對坐。

Vương tức kiến *Na-tiên*, y bị hành bộ, dữ chúng nhân tuyệt dị. *Na-tiên* tức đáo tiên, tương vấn tấn ngữ ngôn. Vương tiện đại hoan hỷ nhân cộng đối tọa.

那先語王言佛經說言人安隱最為大利。人知厭足最為大富。人有所信最為大厚。泥洹道者最為大快。

Na-tiên ngữ vương ngôn: Phật kinh thuyết ngôn: Nhân an ổn tối vi đại lợi. Nhân tri yếm túc tối vi đại phú. Nhân hữu sở tín tối vi đại hậu. *Nê-hoàn* đạo giả tối vi đại khoái.

王便問那先。卿字何等。

Vương tiện vấn *Na-tiên*: Khanh tự hà đẳng?

那先言。父母字我為那先。便呼我為那先。有時父母呼我為維先。有時父母呼我為首羅先。有時父母呼我維迦先。用是故人皆識知我世間人皆有是字耳。

Na-tiên ngôn: Phụ mẫu tự ngã vi *Na-tiên*. Tiện hô ngã vi *Na-tiên*. Hữu thời phụ mẫu hô ngã vi *Duy-tiên*, hữu thời phụ mẫu hô ngã vi *Thủ-la-tiên*, hữu thời phụ mẫu hô ngã *Duy-ca-tiên*. Dụng thị cố nhân giai thức tri ngã thế gian nhân giai hữu thị tự nhĩ.

王問那先誰為那先者。王復問言頭為那先耶。

Vương vấn *Na-tiên*: Thùy vi *Na-tiên* giả? Vương phục vấn ngôn: Đầu vi *Na-tiên* da?

那先言。頭不為那先也。

Na-tiên ngôn: Đầu bất vi *Na-tiên* dã.

王復問眼耳鼻口為那先耶。

Vương phục vấn: Nhân nhĩ, tỉ, khẩu vi *Na-tiên* da?

那先言。眼耳鼻口不為那先。

Na-tiên ngôn: Nhân, nhĩ, tỉ, khẩu bất vi *Na-tiên*.

王復問。頸項肩臂足手為那先耶。

Vương phục vấn: Cảnh hạng kiên tý thủ túc vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問。髀腳為那先耶。

Vương phục vấn: Bể cước vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問顏色為那先耶。

Vương phục vấn: Nhan sắc vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問苦樂為那先耶。

Vương phục vấn: Khổ lạc vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問善惡為那先耶。

Vương phục vấn: Thiện ác vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問身為那先耶。

Vương phục vấn: Thân vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問肝肺心脾脈腸胃為那先耶。

Vương phục vấn: Can phế tâm tỳ mạch tràng vị vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問顏色苦樂善惡身心合是五事寧為那先耶。

Vương phục vấn: Nhan sắc khổ lạc thiện ác thân tâm hiệp thị ngũ sự ninh vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問假使無顏色苦樂善惡身心無是五事寧為那先耶。

Vương phục vấn: Giả sử vô nhan sắc khổ lạc, thiện ác thân tâm, vô thị ngũ sự, ninh vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問聲響喘息為那先耶。

Vương phục vấn: Thanh hưởng suyễn tức vi *Na-tiên* da?

那先言。不為那先。

Na-tiên ngôn: Bất vi *Na-tiên*.

王復問何所為那先者。

Vương phục vấn: Hà sở vi *Na-tiên* giả?

那先問王言名車，何所為車者。軸為車耶。

Na-tiên vấn vương ngôn: Danh xa, hà sở vi xa giả? Trục vi xa da?

王言。軸不為車。

Vương ngôn: Trục bất vi xa.

那先言。輞為車耶。

Na-tiên ngôn: Vông vi xa da?

王言。輞不為車。

Vương ngôn: Vông bất vi xa.

那先言。輻為車耶。

Na-tiên ngôn: Bức vi xa da?

王言。輻不為車。

Vương ngôn: Bức bất vi xa.

那先言。轂為車耶。

Na-tiên ngôn: Cốc vi xa da?

王言。轂不為車。

Vương ngôn: Cốc bất vi xa.

那先言。轆為車耶。

Na-tiên ngôn: Viên vi xa da?

王言。輶不為車。

Vương ngôn: Viên bất vi xa.

那先言。輶為車耶。

Na-tiên ngôn: Ách vi xa da?

王言。輶不為車。

Vương ngôn: Ách bất vi xa.

那先言。輿為車耶。

Na-tiên ngôn: Dư vi xa da?

王言。輿不為車。

Vương ngôn: Dư bất vi xa.

那先言。扛為車耶。

Na-tiên ngôn: Giang vi xa da?

王言。扛不為車。

Vương ngôn: Giang bất vi xa.

那先言。蓋為車耶。

Na-tiên ngôn: Cái vi xa da?

王言。蓋不為車。

Vương ngôn: Cái bất vi xa.

那先言。合聚是諸材木著一面寧為車耶。

Na-tiên ngôn: Hiệp tụ thị chư tài mộc trước nhất diện ninh vi xa da?

王言。合聚是諸材木著一面不為車也。

Vương ngôn: Hiệp tụ thị chư tài mộc trước nhất diện bất vi xa dã.

那先言。假令不合聚是諸材木寧為車耶。

Na-tiên ngôn: Giả linh bất hiệp tụ thị chư tài mộc ninh vi xa da?

王言。不合聚是諸材木不為車。

Vương ngôn: Bất hiệp tụ thị chư tài mộc bất vi xa.

那先言。音聲為車耶。

Na-tiên ngôn: Âm thanh vi xa da?

王言。音聲不為車。

Vương ngôn: Âm thanh bất vi xa.

那先言。何所為車者。

Na-tiên ngôn: Hà sở vi xa giả?

王便默然不語。

Vương tức mặc nhiên bất ngữ.

那先言。佛經說之如合聚。是諸材木用作車因得車。人亦如是。合聚頭面耳鼻口頸項肩臂骨肉手足肝肺心脾腎腸胃顏色聲響喘息苦樂善惡合聚名為人。

Na-tiên ngôn: Phật kinh thuyết chi như hiệp tụ thị chư tài mộc dụng tác xa, nhân đắc xa. Nhân diệc như thị. Hiệp tụ đầu, diện, nhĩ, tĩ, khẩu, cảnh, hạng, kiên, tý, cốt, nhục, thủ, túc, can, tỳ, tâm, phế, thận, tràng, vị, nhan sắc,

thanh hưởng, suyễn tức khổ lạc thiện ác hiệp tụ danh vi nhân.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先能與我共難經說道不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Năng dữ ngã cộng nạn kinh thuyết đạo phủ?

那先言。如使王持智慧與我相問者能相難。王持驕貴者意不能相難。

Na-tiên ngôn: Như sử vương trì trí tuệ dữ ngã tương vấn giả, năng tương nạn. Vương trì kiêu phú giả ý, bất năng tương nạn.

王問那先言。智者諸何等類。

Vương vấn *Na-tiên* ngôn: Trí giả chư hà đẳng loại?

那先言。智者談極相詰語相解語相上語相下語有勝有負正語不正語自知是非是。為最智。智者不用作瞋怒智者如是。

Na-tiên ngôn: Trí giả đàm cực tương cật ngữ, tương giải ngữ, tương thượng ngữ, tương hạ ngữ, hữu thắng, hữu phụ, chánh ngữ, bất chánh ngữ, tự tri thị phi thị, vi tối trí. Trí giả bất dụng tác sân nộ. Trí giả như thị.

王復問那先言王者語何等類。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Vương giả ngữ hà đẳng loại?

那先言。王者語自放恣敢有違戾不如王語者王即強誅罰之王者語如是。

Na-tiên ngôn: Vương giả ngữ tự phóng tứ, hủy hữu vi lệ, bất như vương ngữ giả. Vương tức cường tru phạt chi. Vương giả ngữ như thị.

王言。願用智者語不用王者語。莫復持對王者意與我語，與我語。當如與諸沙門語。當如與諸弟子語。當如與諸優婆塞語。當以與眾沙門給使者語。無得懷恐怖極正心。當相開悟。

Vương ngôn: Nguyên dụng trí giả ngữ, bất dụng vương giả ngữ. Mạc phục trì đối vương giả, ý dữ ngã ngữ. Dữ ngã ngữ đương như dữ chư *sa-môn* ngữ, đương như dữ chư đệ tử ngữ, đương như dữ chư *ưu-bà-tắc* ngữ, đương dĩ dữ chúng *sa-môn* cấp sử giả ngữ. Vô đắc hoài khủng bố cực chánh tâm, đương tương khai ngộ.

那先言。大善。

Na-tiên ngôn: Đại thiện.

王言。我欲有所問。

Vương ngôn: Ngã dục hữu sở vấn.

那先言。王便問。

Na-tiên ngôn: Vương tiện vấn.

王言。我已問。

Vương ngôn: Ngã dĩ vấn.

那先言。我已答。

Na-tiên ngôn: Ngã dĩ đáp.

王言。答我何等語。

Vương ngôn: Đáp ngã hà đẳng ngữ?

那先言。王亦問我何等語。

Na-tiên ngôn: Vương diệc vấn ngã hà đẳng ngữ?

王言。我無所問。

Vương ngôn: Ngã vô sở vấn.

那先言。無所答。

Na-tiên ngôn: Vô sở đáp.

王內自思惟念是沙門大高明慧。我甫始當多有所問。王意自念日欲冥當云何明日。當請那先歸於宮中善相難問。

Vương nội tự tư duy, niệm thị *sa-môn* đại cao minh huệ. Ngã phủ thủy đương đa hữu sở vấn. Vương ý tự niệm nhật dục minh đương vân hà minh nhật, đương thỉnh *Na-tiên* quy ư cung trung, thiện tương nạn vấn.

王告沾彌利語。那先今日迫冥，明日相請歸於宮中善相難問。

Vương cáo *Triêm-di-ly* ngữ: *Na-tiên* kim nhật bách minh, minh nhật tương thỉnh quy ư cung trung thiện tương nạn vấn.

沾彌利望群即白那先言。日欲冥王當還宮明日王欲請那先。

Triêm-di-ly Vọng-quần tức bạch *Na-tiên* ngôn: Nhật dục minh, vương đương hoàn cung. Minh nhật vương dục thỉnh *Na-tiên*.

那先言。大善。

Na-tiên ngôn: Đại thiện.

王即騎馬還宮。於馬上王續念那先字意念欲言那先。那先念至明日。

Vương tức kỵ mã hoàn cung. Ứ mã thượng vương tục niệm *Na-tiên*, tự ý niệm dục ngôn *Na-tiên*, *Na-tiên*... Niệm chí minh nhật.

明日沾彌利望群及傍臣白言王。審當請那先不。

Minh nhật *Triêm-di-ly Vọng-quần* cập bàng thần bạch vương ngôn: Thấm đương thỉnh *Na-tiên* phủ?

王言。當請之。

Vương ngôn: Đương thỉnh chi.

沾彌利望群言。請者當使與幾沙門俱來。

Triêm-di-ly Vọng-quần ngôn: Thỉnh giả đương sử dữ kỷ *sa-môn* câu lai.

王言。在那先欲與幾沙門俱來耳。

Vương ngôn: Tại *Na-tiên* dục dữ kỷ *sa-môn* câu lai nhĩ.

王主藏者名慳。慳白王言令那先與十沙門俱來可耳。

Vương chủ tạng giả danh Xan. Xan bạch vương ngôn: Linh *Na-tiên* dữ thập *sa-môn* câu lai khả nhĩ.

王復言。聽那先欲與幾沙門俱來耳。

Vương phục ngôn: Thính *Na-tiên* dục dĩ kỷ *sa-môn* câu lai nhĩ.

慳復白王言。令那先與十沙門俱來可。

Xan phục bạch vương ngôn: Linh *Na-tiên* dĩ thập *sa-môn* câu lai khả.

王復言。聽那先自在欲與幾沙門俱來。

Vương phục ngôn: Thính *Na-tiên* tự tại dục dĩ kỷ *sa-môn* câu lai.

慳復白王。令那先與十沙門俱來可耳。

Xan phục bạch vương: Linh *Na-tiên* dĩ thập *sa-môn* câu lai khả nhĩ.

王聞慳語大數王便瞋怒慳所汝真慳無輩。汝字為慳不望，汝強惜王物自汝物。當云何汝不知逆我意當有誅罰之罪。

Vương văn Xan ngữ đại số, vương tiện sân nộ Xan. Sở nhữ chân xan vô bối. Nhữ tự vi Xan bất vọng, nhữ cường tích vương vật tự nhữ vật. Đương vân hà nhữ bất tri nghịch ngã ý đương hữu tru phạt chi tội?

王言。可去，哀赦汝罪。今我作王為不能堪飯沙門耶。

Vương ngôn: Khả khứ, ai xá nhữ tội. Kim ngã tác vương vi bất năng kham phạn *sa-môn* da?

慳便慚愧不敢復語。

Xan tiện tâm quý bất hỷ phục ngữ.

沾彌利望群即往到那先所。便前作禮白言大王請那先。

Triêm-di-ly *Vọng-quần* tức vãng đáo *Na-tiên* sở tiện tiền tác lễ bạch ngôn: Đại vương thỉnh *Na-tiên*.

那先言。王當令我與幾沙門俱行。

Na-tiên ngôn: Vương đương linh ngã dĩ kỷ *sa-môn* câu hành.

沾彌利望群言。自在那先欲與幾沙門俱行。

Triêm-di-ly *Vọng-quần* ngôn: Tự tại *Na-tiên* dục dĩ kỷ *sa-môn* câu hành.

那先便與野和羅等八十沙門俱行。

Na-tiên tiện dĩ *Giả-hòa-la* đẳng bát thập *sa-môn* câu hành.

沾彌利望群悉俱行旦欲入城。沾彌利望群道中並問那先。昨日對王言無有何用為那先。

Triêm-di-ly Vọng-quần tất câu hành đản dục nhập thành.
Triêm-di-ly Vọng-quần đạo trung tịnh vấn *Na-tiên*: Tạc
 nhật đối vương ngôn vô hữu hà dụng vi *Na-tiên*?

那先問沾彌利望群卿意何所為那先
 者。

Na-tiên vấn *Triêm-di-ly Vọng-quần*: Khanh ý hà sở vi
Na-tiên giả?

沾彌利望群言我以喘息出入命氣為那
 先。

Triêm-di-ly Vọng-quần ngôn: Ngã dĩ suyễn tức xuất nhập
 mạng khí vi *Na-tiên*.

那先問沾彌利望群言人氣一出不復還
 入其人寧復生不。

Na-tiên vấn *Triêm-di-ly Vọng-quần* ngôn: Nhân khí nhất
 xuất bất phục hoàn nhập, kỳ nhân ninh phục sanh phủ?

沾彌利望群言氣出不還定為死也。

Triêm-di-ly Vọng-quần ngôn: Khí xuất bất hoàn định vi
 tử dã.

那先言。如人吹笳氣一出不復還入。
 如人持鍛金笛吹火氣一出時寧得復還
 入不。

Na-tiên ngôn: Như nhân xuy già, khí nhất xuất bất phục
 hoàn nhập, như nhân trì đoán kim địch, xuy hỏa khí nhất
 xuất thời ninh đắc phục hoàn nhập phủ?

沾彌利望群言不復還入。

Triêm-di-ly Vọng-quần ngôn: Bất phục hoàn nhập.

如人以角吹地氣一出時寧復還入不。

Như nhân dĩ giác xuy địa khí nhất xuất thời, ninh phục
 hoàn nhập phủ?

沾彌利望群言不復還入。

Triêm-di-ly Vọng-quần ngôn: Bất phục hoàn nhập.

那先言。同氣出不復還入人何以故猶
 不死。

Na-tiên ngôn: Đồng khí xuất bất phục hoàn nhập, nhân
 hà dĩ cố du bất tử?

沾彌利望群言喘息之間我不能知願為
 我曹解說之。

Triêm-di-ly Vọng-quần ngôn: Suyễn tức chi gian. Ngã bất
 năng tri. Nguyên vị ngã tào giải thuyết chi.

那先言。喘息之氣皆身中事。如人心
 有所念者舌為之言是為舌事。意有所
 疑心念之是為心事各有所主。分別視
 之皆空無有那先也。

Na-tiên ngôn: Suyễn tức chi khí, giai thân trung sự. Như
 nhân tâm hữu sở niệm giả, thiết vi chi ngôn, thị vi thiết
 sự. Ý hữu sở nghi, tâm niệm chi, thị vi tâm sự các hữu sở
 chủ, phân biệt thị chi giai không vô hữu *Na-tiên* dã.

沾彌利望群心即開解便受五戒為優婆
 塞。

Triêm-di-ly Vọng-quân tâm tức khai giải tiện thọ ngũ giới vì *ưu-bà-tắc*.

那先便前入宮到王所上殿。王即為那先作禮而卻。那先即坐八十沙門皆共坐。

Na-tiên tiện tiên nhập cung đáo vương sở thượng điện. Vương tức vị *Na-tiên* tác lễ nhi khước. *Na-tiên* tức tọa, bát thập *sa-môn* giai cộng tọa.

王極作美飯食。王手自著那先前飯衆沙門飯食已竟。澡手畢訖。王即賜諸沙門人一張褻袈裟革屣各一量。賜那先野和羅各三領袈裟各一量革屣。

Wương cực tác mỹ phạn thực. Vương thủ tự trước *Na-tiên* tiên phạn, chúng *sa-môn* phạn thực dĩ cánh, tảo thủ tất ngật. Vương tức tứ chư *sa-môn* nhân nhất trương tiết *ca-sa* cách tử các nhất lượng. Tứ *Na-tiên*, *Giả-hòa-la* các tam lãnh *ca-sa*, các nhất lượng cách tử.

王語那先野和羅言。留十人共止遣餘人。令去。

Wương ngữ *Na-tiên*, *Giả-hòa-la* ngôn: Lưu thập nhân cộng chỉ, khiển dư nhân linh khứ.

那先即遣餘沙門。令去留十人共止。

Na-tiên tức khiển dư *sa-môn* linh khứ, lưu thập nhân cộng chỉ.

王敕後宮諸貴人妓女。悉於殿上帷中聽我與那先共難經道。

Wương sắc hậu cung chư quý nhân kỹ nữ tất ư điện thượng duy trung thính ngã dữ *Na-tiên* cộng nạn kinh đạo.

時貴人妓女悉出殿上帷中。聽那先說經。

Thời quý nhân kỹ nữ tất xuất điện thượng duy trung thính *Na-tiên* thuyết kinh.

時王持座坐於那先前。王言當說何等。

Thời vương trì tòa tọa ư *Na-tiên* tiên. Vương ngôn: Đương thuyết hà đẳng?

那先言。王欲聽要言者當說要言。

Na-tiên ngôn: Vương dục thính yếu ngôn giả, đương thuyết yếu ngôn.

王言。卿曹道何等最要者用何等故作沙門。

Wương ngôn: Khanh tào đạo hà đẳng tối yếu giả? Dụng hà đẳng cố tác *sa-môn*?

那先言。我曹欲棄世間勤苦不欲更後世勤苦。用是故我曹作沙門。我曹用是為最要善。

Na-tiên ngôn: Ngã tào dụng khí thể gian cần khổ, bất dụng cánh hậu thể cần khổ. Dụng thị cố ngã tào tác *sa-môn*. Ngã tào dụng thị vi tối yếu thiện.

王言。諸沙門皆不欲更今世後世勤苦故作沙門耶。

Vương ngôn: Chư *sa-môn* giai bất dụng, cánh kim thể hậu thể cần khổ, cố tác *sa-môn* da?

那先言。不悉用是故作沙門。沙門有四輩。

Na-tiên ngôn: Bất tất dụng thị cố tác *sa-môn*. *Sa-môn* hữu tứ bối.

王言。何等四。

Vương ngôn hà đẳng tứ?

那先言。中有負債作沙門。中有畏縣官作沙門者。中有貧窮作沙門者。中有真欲棄滅今世後世勤苦故作沙門。

Na-tiên ngôn: Trung hữu phụ trái tác *sa-môn*, trung hữu hủ huyện quan tác *sa-môn* giả, trung hữu bần cùng tác *sa-môn* giả, trung hữu chân dụng khí diệt kim thể, hậu thể, cần khổ cố tác *sa-môn*.

那先言。我本至心求道故作沙門耳。

Na-tiên ngôn: Ngã bản chí tâm cầu đạo, cố tác *sa-môn* nhĩ.

王言。今卿用道故作沙門耶。

Vương ngôn: Kim khanh dụng đạo cố tác *sa-môn* da?

那先言。我少小作沙門有佛經道及弟子。諸沙門皆多高明。我從學經戒入我心中。以是故棄今世後世勤苦故作沙門。

Na-tiên ngôn: Ngã thiếu tiểu tác *sa-môn*, hữu Phật kinh đạo cập đệ tử chư *sa-môn* giai đa cao minh. Ngã tùng học kinh giới, nhập ngã tâm trung. Dĩ thị cố khí kim thể, hậu thể, cần khổ cố tác *sa-môn*.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王問言寧有人死後不復生者不。

Vương vấn ngôn: Ninh hữu nhân tử hậu bất phục sanh giả phủ?

那先言。中有於後世生者。中有不復生者。

Na-tiên ngôn: Trung hữu ư hậu thể sanh giả, trung hữu bất phục sanh giả.

王言。誰於後世生者。誰不復生者。

Vương ngôn: Thùy ư hậu thể sanh giả? Thùy bất phục sanh giả?

那先言。人有恩愛貪欲者後世便復生。人無恩愛貪欲者後世不復生也。

Na-tiên ngôn: Nhân hữu ân ái tham dụng giả, hậu thể tiện phục sanh. Nhân vô ân ái tham dụng giả, hậu thể bất phục sanh dã.

王言。人一心念正法善故後世不復生耶。

Vương ngôn: Nhân dĩ nhất tâm niệm chánh pháp thiện, cố hậu thế bất phục sanh da?

那先言。人一心念正法念善智慧及餘善事故後世不復生。

Na-tiên ngôn: Nhân dĩ nhất tâm niệm chánh pháp niệm thiện trí tuệ cập dư thiện sự, cố hậu thế bất phục sanh.

王言。人一心念正法善與智慧是二事其義寧同不。

Vương ngôn: Nhân dĩ nhất tâm niệm chánh pháp thiện dữ trí tuệ thị nhị sự kỳ nghĩa ninh đồng phủ?

那先言。其義各異不同。

Na-tiên ngôn: Kỳ nghĩa các dị bất đồng.

王問那先牛馬六畜頗有智無有智。

Vương vấn *Na-tiên*: Ngưu mã lục súc phủ hữu trí, vô hữu trí?

那先言。牛馬六畜各自有智其心不同。

Na-tiên ngôn: Ngưu mã lục súc các tự hữu trí, kỳ tâm bất đồng.

那先言。王曾見穫麥者不左手持麥右手刈之。

Na-tiên ngôn: Vương từng kiến hoạch mạch giả phủ? Tả thủ trì mạch, hữu thủ ngải chi.

那先言。智慧之人斷絕愛欲。譬如穫麥。

Na-tiên ngôn: Trí tuệ chi nhân đoạn tuyệt ái dục, thí như hoạch mạch.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先何等為餘善事者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi dư thiện sự giả?

那先言。誠信孝順精進念善一心智慧是為善事。

Na-tiên ngôn: Thành tín hiếu thuận, tinh tấn niệm thiện, nhất tâm trí tuệ thị vi thiện sự.

王言。何等為誠信者。

Vương ngôn: Hà đẳng vi thành tín giả?

那先言。誠信者無所復疑。信有佛有佛經法信有比丘僧。信有阿羅漢信有今世。信有後世。信有孝順父母。信有作善得善。信有作惡得惡。得信是以後心便清淨。即去離五惡。

Na-tiên ngôn: Thành tín giả, vô sở phục nghi. Tín hữu Phật, hữu Phật kinh pháp, tín hữu *tỳ-kheo* tăng, tín hữu *A-La-hán*, tín hữu kim thể, tín hữu hậu thế, tín hữu hiếu thuận phụ mẫu, tín hữu tác thiện đắc thiện, tín hữu tác ác đắc ác. Đắc tín thị dĩ, hậu tâm tiện thanh tịnh tức khứ ly ngũ ác.

何等五惡。一者貪婬。二者瞋恚。三者睡眠。四者戲樂。五者所疑。人不去是五惡心意不定。去是五惡意便清淨。

Hà đẳng ngũ ác? Nhất giả tham dâm, nhị giả sân nhuế, tam giả thụy miên, tứ giả hý lạc, ngũ giả sở nghi. Nhân bất khứ thị ngũ ác tâm ý bất định, khứ thị ngũ ác, ý tiện thanh tịnh.

那先言。譬如遮迦越王車馬人從瀾渡水令水濁惡過渡以去王渴欲得水飲。王有清水珠置水中水即為清。王便得清水飲之。

Na-tiên ngôn: Thí như *Giá-ca-việt* vương, xa mã nhân tùng lệ độ thủy linh thủy trước ố, quá độ dĩ khứ, vương khát dục đắc thủy ẩm. Vương hữu thanh thủy châu trí thủy trung, thủy tức vi thanh. Vương tiện đắc thanh thủy ẩm chi.

那先言。人心有惡譬如濁水。佛諸弟子得度死生之道心以清淨如珠清水人卻諸惡誠信清淨。譬如明月珠

Na-tiên ngôn: Nhân tâm hữu ác thí như trước thủy. Phật chư đệ tử đắc độ sanh tử chi đạo tâm dĩ thanh tịnh như châu thanh thủy. Nhân khức chư ác, thành tín thanh tịnh thí như minh nguyệt châu.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王問言。人精進誠信者云何。

Vương vấn ngôn: Nhân tinh tấn thành tín giả vân hà?

那先言。佛諸弟子自相見輩中脫諸惡心。中有得須陀洹者。中有得斯陀含者。中有得阿那含者。中有得阿羅漢者。中有因相效奉行誠信者。皆亦得度世道。

Na-tiên ngôn: Phật chư đệ tử tự tương kiến bối trung thoát chư ác tâm, trung hữu đắc *Tu-đà-hoàn* giả, trung hữu đắc *Tư-đà-hàm* giả, trung hữu đắc *A-na-hàm* giả, trung hữu đắc *A-La-hán* giả, trung hữu nhân tương hiệu phụng hành thành tín giả, giai diệc đắc độ thế đạo.

那先言。譬如山上大雨其水下流廣大。兩邊人俱不知水深淺畏不敢渡。如有遠方人來視水隱知水廣狹深淺。自知力勢能入水便得渡過。兩邊人眾便效隨後亦得渡去。

Na-tiên ngôn: Thí như sơn thượng đại vũ kỳ thủy, hạ lưu quảng đại, lưỡng biên nhân câu bất tri thủy thâm thiển, hứy bất cảm độ. Như hữu viễn phương nhân lai, thị thủy ẩn tri thủy quảng hiệp thâm thiển, tự tri thế lực năng nhập thủy tiện đắc độ quá. Lưỡng biên nhân chúng tiện hiệu tùy hậu diệc đắc độ khứ.

佛諸弟子亦如是。見前人淨心得須陀洹斯陀舍阿那舍阿羅漢道。皆從善心精進所致也。

Phật chư đệ tử diệc như thị, kiến tiên nhân tịnh tâm đắc Tu-đa-hoàn, Tư-đa-hàm, A-na-hàm, A-La-hán đạo, giai tùng thiện tâm tinh tấn sở trí dã.

佛經言人有誠信之心。可自得度世道人能制止卻五所欲自知身苦者。乃能得度世人皆從智慧成其道德。

Phật kinh ngôn: Nhân hữu thành tín chi tâm, khả tự đắc độ thế đạo, nhân năng chế chỉ khước ngũ sở dục, tự tri thân khổ giả, nãi năng đắc độ thế nhân, giai tùng trí tuệ thành kỳ đạo đức.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王言。何等為孝順者。

Vương ngôn: Hà đẳng vi hiếu thuận giả?

那先言。諸善者皆為孝順。凡三十七品經皆由於孝順為本。

Na-tiên ngôn: Chư thiện giả giai vi hiếu thuận. Phàm tam thập thất phẩm kinh giai do ưu hiếu thuận vi bản.

王言。何等為三十七品經。

Vương ngôn: Hà đẳng vi tam thập thất phẩm kinh?

那先言。有四意止有四意斷有四神足有五根有五力有七覺意有八種道行。

Na-tiên ngôn: Hữu tứ ý chỉ, hữu tứ ý đoạn, hữu tứ thần túc, hữu ngũ căn, hữu ngũ lực, hữu thất giác ý, hữu bát chủng đạo hạnh.

王復問那先言何等為四意止者。

Vương phục vấn Na-tiên ngôn: Hà đẳng vi tứ ý chỉ giả?

那先報王言佛說一為觀身身止。二為觀痛痒痛痒止。三為觀意意止。四為觀法法止。是為四意止。

Na-tiên báo vương ngôn: Phật thuyết nhất vi quán thân thân chỉ, nhị vi quán thống dương thống dương chỉ, tam vi quán ý ý chỉ, tứ vi quán pháp pháp chỉ. Thị vi tứ ý chỉ.

王復言何等為四意斷。

Vương phục ngôn: Hà đẳng vi tứ ý đoạn?

那先言。佛說已分別止四事不復念是為四意斷。以得四意斷便自得四神足念。

Na-tiên ngôn: Phật thuyết dĩ phân biệt chỉ tứ sự bất phục niệm, thị vi tứ ý đoạn. Dĩ đắc tứ ý đoạn, tiện tự đắc tứ thần túc niệm.

王復問何等為四神足念。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi tứ thần túc niệm?

那先言。一者。眼能徹視。二者耳能徹聽。三者能知他人心中所念。四者身能飛行。是為四神足念。

Na-tiên ngôn: Nhất giả nhãn năng triệt thị, nhị giả nhĩ năng triệt thính, tam giả năng tri tha nhân tâm trung sở niệm, tứ giả thân năng phi hành. Thị vi tứ thần túc niệm.

王復問何等為五根者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi ngũ căn giả?

那先言。一者眼見好色惡色意不貪著是為根。二者耳聞好聲惡罵聲意不貪著是為根。三者鼻聞香臭意不貪著是為根。四者口得美味苦辛意不貪著是為根。五者身得細滑意亦不喜身得麤堅意亦不惡是為五根。

Na-tiên ngôn: Nhất giả nhãn kiến hảo sắc ố sắc, ý bất tham trước thị vi căn. Nhị giả nhĩ căn hảo thanh, ác mạ thanh, ý bất tham trước, thị vi căn. Tam giả tử văn hương xú ý bất tham trước thị vi căn. Tứ giả khẩu đắc mỹ vị khổ tân ý bất tham trước, thị vi căn. Ngũ giả thân đắc tế hoạt ý diệc bất hỷ thân đắc thô kiên ý diệc bất ố. Thị vi ngũ căn.

王復問何等為五力者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi ngũ lực giả?

那先言。一能制眼。二能制耳。三能制鼻。四能制口。五能制身。令意不墮是為五力。

Na-tiên ngôn: Nhất năng chế nhãn, nhị năng chế nhĩ, tam năng chế tỉ, tứ năng chế khẩu, ngũ năng chế thân, linh ý bất đọa. Thị vi ngũ lực.

王復問何等為七覺意者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi Thất giác ý giả?

那先言。一意覺意。二分別覺意。三精進覺意。四可覺意。五猗覺意。六定覺意。七護覺意。是為七覺意。

Na-tiên ngôn: Nhất ý giác ý, nhị phân biệt giác ý, tam tinh tấn giác ý, tứ khả giác ý, ngũ y giác ý, lục định giác ý, thất hộ giác ý. Thị vi thất giác ý.

王復問何等為八種道行。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi Bát chủng đạo hạnh?

那先言。一直見。二直念。三直語。四直治。五直業。六直方便。七直意。八直定。是為八種道行。

Na-tiên ngôn: Nhất trực kiến, nhị trực niệm, tam trực ngữ, tứ trực trị, ngũ trực nghiệp, lục trực phương tiện, thất trực ý, bát trực định. Thị vi bát chủng đạo hạnh.

凡是三十七品經皆由孝順為本。

Phàm thị tam thập thất phẩm kinh, giai do hiếu thuận vi bản.

那先言。凡人負重致遠有所成立皆由地成。世間五穀樹木仰天之草皆由地生。

Na-tiên ngôn: Phạm nhân phụ trọng trí viễn hữu sở thành lập giai do địa thành. Thế gian ngũ cốc thọ mộc ngưỡng thiên chi thảo giai do địa sanh.

那先言。譬如師匠圖作大城當先度量作基址已乃可起城。

Na-tiên ngôn: Thí như sư tượng đồ tác đại thành, đương tiên độ lượng tác cơ chỉ dĩ nãi khả khởi thành.

那先言。譬如伎人欲作當先淨除地平，乃作。佛弟子求道，當先行經戒，念善，因知勤苦便棄諸愛欲，便思念八種道行。

Na-tiên ngôn: Thí như kỹ nhân dục tác đương tiên tịnh trừ địa bình, nãi tác. Phật đệ tử cầu đạo, đương tiên hành kinh giới, niệm thiện, nhân tri cần khổ, tiên khí chư ái dục, tiện tư niệm bát chủng đạo hạnh.

王言。當用何等棄諸愛欲。

Vương ngôn: Đương dụng hà đẳng khí chư ái dục?

那先言。一心念道愛欲自滅。

Na-tiên ngôn: Nhất tâm niệm đạo ái dục tự diệt.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問言何等為精進者。

Vương phục vấn ngôn: Hà đẳng vi tinh tấn giả?

那先言。持善助善是為精進。

Na-tiên ngôn: Trì thiện trợ thiện thị vi tinh tấn.

那先言。譬如垣牆欲倒從邊拄之舍欲傾壞亦復拄之是為精進。

Na-tiên ngôn: Thí như viên tường dục đảo, tùng biên trụ chi xá dục khuynh hoại, diệc phục trụ chi thị vi tinh tấn.

那先言。譬如國王遣兵有所攻擊兵弱欲不如。王復遣兵往助之兵便得勝。

Na-tiên ngôn: Thí như quốc vương khiển binh hữu sở công kích, binh nhược dục bất như, vương phục khiển binh vãng trợ chi, binh tiện đắc thắng.

人有諸惡如兵少弱時人持善心消滅惡心。譬如王增兵得勝。持五善心消五惡心。譬如戰鬥得勝。是為精進助善。

Nhân hữu chư ác, như binh thiếu nhược thời, nhân trì thiện tâm tiêu diệt ác tâm, thí như vương tăng binh đắc thắng. Trì ngũ thiện tâm, tiêu ngũ ác tâm, thí như chiến đấu đắc thắng, thị vi tinh tấn trợ thiện.

如是，那先言。精進所助致。人善道已。得度世道，無有還期。

Như thị, *Na-tiên* ngôn: Tinh tấn sở trợ trí, nhân thiện đạo dĩ, đắc độ thế đạo, vô hữu hoàn kỳ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問何等為意當念諸善事者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi ý đương niệm chư thiện sự giả?

那先言。譬如人取異種華以縷合連繫之風吹不能散。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân thủ dị chủng hoa dĩ lữ hiệp liên hệ chi, phong xuy bất năng tán.

那先復言。譬如王守藏者，知王帑藏中金銀珠玉琉璃珍寶有其多少。道人欲得道時意念三十七品經。譬如正所謂念度世之道者也。人有道意因知善惡知當可行知當不可行。分別白黑自思惟以後便棄惡就善。

Na-tiên phục ngôn: Thí như vương thủ tạng giả, tri vương thặng tạng trung kim ngân châu ngọc lưu ly trân bảo hữu kỳ đa thiểu. Đạo nhân dục đắc đạo thời, ý niệm Tam thập thất phẩm kinh. Thí như thị chánh sở vị niệm độ thế chi đạo giả dã. Nhân hữu đạo ý, nhân tri thiện ác. Tri đương khả hành, tri đương bất khả hành, phân biệt bạch hắc, tự tư duy dĩ hậu thiện khí ác tự thiện.

那先言。譬如王有守門者。知王有所敬者。知王有所不敬者。知有利王

者。知有不利王者。守門者知王所敬者。知利王者便內之。知王不敬者知不利王者。守門者即不內。

Na-tiên ngôn: Thí như vương hữu thủ môn giả, tri vương hữu sở kính giả, tri vương hữu sở bất kính giả, tri hữu lợi vương giả, tri hữu bất lợi vương giả. Thủ môn giả tri vương sở kính giả, tri lợi vương giả, tiện nội chi. Tri vương bất kính giả, tri bất lợi vương giả, thủ môn giả tức bất nội.

那先言。人持意亦如是。諸善者當內之。諸不善者不當內。守意制心譬亦如是。那先說經言人當自堅守護其意及身中六愛欲持意堅守自當有度世。

Na-tiên ngôn: Nhân trì ý diệc như thị. Chư thiện giả đương nội chi, chư bất thiện giả bất đương nội. Thủ ý chế tâm thí diệc như thị. *Na-tiên* thuyết kinh ngôn: Nhân đương tự kiên thủ hộ kỳ ý, cập thân trung lục ái dục. Trì ý kiên thủ tự đương hữu độ thế.

時王言。善哉善哉。

Thời vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王問那先言。何等為一其心者。

Vương vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi nhất kỳ tâm giả?

那先言。諸善中獨有一心最第一人能一其心諸善皆隨之。

Na-tiên ngôn: Chư thiện trung độc hữu nhất tâm tối đệ nhất. Nhân năng nhất kỳ tâm, chư thiện giai tùy chi.

那先言。譬如樓陛當有所倚諸為善者皆著一心。

Na-tiên ngôn: Thí như lâu bệ đương hữu sở ỷ, chư vi thiện giả giai trước nhất tâm.

那先言。譬如王將四種兵出行戰鬥。象兵馬兵車兵步兵皆導引王前後。佛諸經戒及餘善事皆隨一心亦譬如兵。

Na-tiên ngôn: Thí như vương tương tứ chủng binh xuất thành chiến đấu: tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, giai đạo dẫn vương tiền hậu. Phật chư kinh giới cập dư thiện sự giai tùy nhất tâm diệc thí như binh.

那先說經言。諸善中一心為本學道人衆多皆當先歸一心。人身生死過去如水下流。前後相從無有住時。

Na-tiên thuyết kinh ngôn: Chư thiện trung nhất tâm vi bản. Học đạo nhân chúng đa, giai đương tiên quy nhất tâm. Nhân thân sanh tử quá khứ như thủy hạ lưu, tiền hậu tương tùng vô hữu trụ thời.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問何等為智慧者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi trí tuệ giả.

那先言。我前說己人有智慧能斷諸疑明諸善事是為智慧。

Na-tiên ngôn: Ngã tiên thuyết dĩ, nhân hữu trí tuệ năng đoạn chư nghi, minh chư thiện sự, thị vi trí tuệ.

那先言。譬如持燈火入冥室。火適入室便亡其冥自明。明人有智慧譬如火光。

Na-tiên ngôn: Thí như trì đăng hỏa nhập minh thất, hỏa thích nhập thất tiện vong kỳ minh, tự minh. Minh nhân hữu trí tuệ, thí như hỏa quang.

那先言。譬如人持利刀截木。人有智慧能截斷諸惡譬如利刀。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân trì lợi đao tiết mộc. Nhân hữu trí tuệ năng tiết đoạn chư ác, thí như lợi đao.

那先言。人於世間智慧最為第一。人有智慧能得度脫生死之苦。

Na-tiên ngôn: Nhân ư thế gian, trí tuệ tối vi đệ nhất. Nhân hữu trí tuệ năng đắc độ thoát sanh tử chi khổ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王言。那先前後所說經種種別異。但欲趣卻一切惡耶。

Vương ngôn: *Na-tiên* tiền hậu sở thuyết kinh chủng chủng biệt dị, dẫn dục thú khước nhất thiết ác da?

那先言。然佛經所說種種諸善者。但欲卻一切惡也。

Na-tiên ngôn: Nhiên Phật kinh sở thuyết chủng chủng chư thiện giả dẫn dục khuớc nhất thiết ác dã.

那先言。譬如王發四種兵。雖行戰鬥初發行時意但欲攻敵耳。佛所說經種種諸善。但欲共攻去一切惡耳。

Na-tiên ngôn: Thí như vương phát tứ chủng binh, tuy hành chiến đấu, sơ phát hành thời ý dẫn dục công địch nhĩ. Phật sở thuyết kinh chủng chủng chư thiện dẫn dục cộng công khứ nhất thiết ác nhĩ.

王言。善哉善哉。那先說經甚快也。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai. *Na-tiên* thuyết kinh thậm khoái dã!

王復問那先言。人死所趣善惡之道續持故身神行生耶。更貿他神行生耶。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Nhân tử sở thú thiện ác chi đạo, tục trì cố thân, thân hành sanh da? Cánh mậu tha thân hành sanh da?

那先言。亦非故身神亦不離故身神。

Na-tiên ngôn: Diệc phi cố thân thần, diệc bất ly cố thân thần.

那先因問王身小時哺乳時身至長大時續故身非。

Na-tiên nhân vấn vương: Thân tiểu thời bộ nữ thời. Thân chí trưởng đại thời, tục cố thân phi.

王言。小時身異。

Vương ngôn: Tiểu thời thân dị.

那先言。人在母腹中始隨精時至精濁時故精耶異也。堅為肌骨時故精耶異也。初生時至年數歲時故精耶異也。如人學書時傍人寧能代其工不。

Na-tiên ngôn: Nhân tại mẫu phúc trung, thủy tùy tinh thời chí tinh trước thời, cố tinh da dị dã? Kiên vi cơ cốt thời cố tinh da dị dã? Sơ sanh thời, chí niên số tuế thời, cố tinh da dị dã? Như nhân học thư thời, bàng nhân ninh năng đại kỳ công phủ?

王言。不能代其工。

Vương ngôn: Bất năng đại kỳ công.

那先言。如人犯法有罪寧可取無罪之人代不。

Na-tiên ngôn: Như nhân phạm pháp, hữu tội ninh khả thủ, vô tội chi nhân đại phủ?

王言。不可。

Vương ngôn: Bất khả.

那先以精神罪法語王王意不解。

Na-tiên dĩ tinh thần tội pháp ngữ vương. Vương ý bất giải.

王因言如人問那先那先解之云何。

Vương nhân ngôn: Như nhân vấn *Na-tiên*, *Na-tiên* giải chi vân hà?

那先言。我故小時身耳。從小至大續故身爾。大與小時合為一身養是命所養。

Na-tiên ngôn: Ngã cố tiểu thời thân nhĩ, tùng tiểu chí đại tục cố thân nhĩ. Đại dữ tiểu thời hàm vi nhất thân dưỡng thị mạng sở dưỡng.

那先問王言譬如人然燈火寧至天明不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Thí như nhân nhiên đăng hỏa ninh chí thiên minh phủ?

王言。然燈油至明。

Vương ngôn: Nhiên đăng du chí minh.

那先言。燈中炷火至一夜時續故火光不。至夜半時故火光不。至明時故火光不。

Na-tiên ngôn: Đăng trung chú hỏa chí nhất dạ thời tục cố hỏa quang phủ, chí dạ bán thời cố hỏa quang phủ, chí minh thời cố hỏa quang phủ?

王言。非故火光。

Vương ngôn: Phi cố hỏa quang.

那先言。然燈從一夜至夜半復更然燈火耶向晨時復更然燈耶。

Na-tiên ngôn: Nhiên đăng tùng nhất dạ, chí dạ bán phục cánh nhiên đăng hỏa da? Hướng thân thời phục cánh nhiên đăng da?

王言。不。中夜起更然火續故一炷火至明耳。

Vương ngôn: Bất. Trung dạ khởi cánh nhiên hỏa tục cố nhất chú hỏa chí minh nhĩ.

那先言。人精神展轉相續亦譬如是一者去一者來人從精神生至老死後精神更趣所向生。展轉相續是非故精神亦不離故精神。人死以後精神乃有所趣向生。

Na-tiên ngôn: Nhân tinh thần triển chuyển tương tục diệt thí như thị. Nhất giả khứ, nhất giả lai. Nhân tùng tinh thần sanh chí lão tử hậu tinh thần cánh thú sở hướng sanh. Triển chuyển tương tục thị phi cố tinh thần diệt bất ly cố tinh thần. Nhân tử dĩ hậu tinh thần nãi hữu sở thú hướng sanh.

那先言。譬如乳湩化作酪。取酪上肥煎成醍醐。寧可取醍醐與酪上肥還復名作乳湩。其人語寧可用不。

Na-tiên ngôn: Thí như nhũ chúng hóa tác lạc, thủ lạc thượng phì, tiên thành đề-hồ. Ninh khả thủ đề-hồ dữ lạc thượng phì hoàn phục danh tác nhũ chúng. Kỳ nhân ngữ ninh khả dụng phủ.

王言。其人語不可用。

Vương ngôn: Kỳ nhân ngữ bất khả dụng.

那先言。人神乳湏從乳湏成酪從酪成肥從肥成醍醐。人神亦如是從精神生從生至長從長至老。從老至死死後神更復受生。一身死當復更受一身。譬如兩主更相然。

Na-tiên ngôn: Nhân thần nhũ chúng tùng nhũ chúng thành lạc. Tùng lạc thành phì, tùng phì thành đề-hồ. Nhân thần diệc như thị. Tùng tinh thần sanh, tùng sanh chí trưởng, tùng trưởng chí lão, tùng lão chí tử. Tử hậu thần cánh phục thọ sanh. Nhất thân tử đương phục cánh thọ nhất thân. Thí như lưỡng chúa cánh tương nhiên.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先。人有不復於後世生者。其人寧能自知不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân hữu bất phục ư hậu thế sanh giả. Kỳ nhân ninh năng tự tri phủ?

那先言。然。有能自知者。

Na-tiên ngôn: Nhiên. Hữu năng tự tri giả.

王言。用何知之。

Vương ngôn: Dụng hà tri chi?

那先言。其人自知無恩愛無貪欲無諸惡用。是故自知後世不復生。

Na-tiên ngôn: Kỳ nhân tự tri vô ân ái, vô tham dục, vô chú ác dụng, thị cố tự tri hậu thế bất phục sanh.

那先問王。譬如田家耕犁種穀多收斂著園中。至後歲不復耕不復種。但仰園中穀食。其田家寧復望得新穀不。

Na-tiên vấn vương: Thí như điền gia canh lê chủng cốc, đa thâu liễm trước độn trung. Chí hậu tuế bất phục canh, bất phục chủng, đản ngưỡng độn trung cốc thực. Kỳ điền gia ninh phục vọng đắc tân cốc phủ?

王言。其田無所復望。

Vương ngôn: Kỳ điền vô sở phục vọng.

那先言。其田家何用知不復得穀。

Na-tiên ngôn: Kỳ điền gia hà dụng tri bất phục đắc cốc?

王言。其田家不復耕不復種故無所望。

Vương ngôn: Kỳ điền gia bất phục canh, bất phục chủng, cố vô sở vọng.

那先言。得道亦如是自知已棄捐恩愛苦樂無有貪心。是故自知後世不復生。

Na-tiên ngôn: Đắc đạo diệc như thị. Tự tri dĩ khí quyền ân ái khổ lạc, vô hữu tham tâm, thị cố tự tri hậu thế bất phục sanh.

王復言其人於後世不復生者於今寧有智異於人不。

Vương phục ngôn: Kỳ nhân ư hậu thế bất phục sanh giả, ư kim ninh hữu trí dị ư nhân phủ?

那先言。然，有智異於人。

Na-tiên ngôn: Nhiên, hữu trí dị ư nhân.

王言。寧能有明不。

Vương ngôn: Ninh năng hữu minh phủ.

那先言。然有明。

Na-tiên ngôn: Nhiên, hữu minh.

王言。智與明有異同乎。

Vương ngôn: Trí dữ minh hữu dị đồng hồ?

那先言。智與明等耳。

Na-tiên ngôn: Trí dữ minh đẳng nhĩ.

王言。有智明者寧悉知萬事不。寧有所不及知不。

Vương ngôn: Hữu trí minh giả ninh tất tri vạn sự phủ?
Ninh hữu sở bất cập tri phủ?

那先言。人智有所及有所不及。

Na-tiên ngôn: Nhân trí hữu sở cập, hữu sở bất cập.

王言。何等為智有所及有所不及。

Vương ngôn: Hà đẳng vi trí hữu sở cập, hữu sở bất cập?

那先言。人前所不學前所不及知。人前所學前所及知。智者所見人及萬物皆當過去歸空不得自在。人心所貪樂皆種苦本從是致苦。慧者知非常成敗之事。是智為異於人。

Na-tiên ngôn: Nhân tiên sở bất học, tiên sở bất cập tri. Nhân tiên sở học, tiên sở cập tri. Trí giả sở kiến nhân cập vạn vật giai đương quá khứ quy không, bất đắc tự tại. Nhân tâm sở tham lạc, giai chủng khổ bản tùng thị trí khổ. Tuệ giả tri phi thường thành bại chi sự thị trí vi dị ư nhân.

王問言人有智慧癡愚所在。

Vương vấn ngôn: Nhân hữu trí tuệ ngu si sở tại?

那先言。人有智慧諸愚癡皆自消滅。

Na-tiên ngôn: Nhân hữu trí tuệ chư ngu si giai tự tiêu diệt.

那先言。譬如人持燈火入冥室。室中皆明冥即消滅智如是。人有智慧諸癡愚皆悉消滅。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân trì đăng hỏa nhập minh thất, thất trung giai minh, minh tức tiêu diệt. Trí như thị, nhân hữu trí tuệ, chư si ngu giai tất tiêu diệt.

王言。人智今為所在。

Vương ngôn: Nhân trí kim vi sở tại?

那先言。人行智以後智便消滅智所作者故作。

Na-tiên ngôn: Nhân hành trí dĩ hậu, trí tiện tiêu diệt. Trí sở tác giả cố tác.

那先言。譬如人夜於火下書火滅字續在。智者如是有所成已。智便消滅其所作續在。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân dạ ư hỏa hạ thơ, hỏa diệt tự tục tại. Trí giả như thị, hữu sở thành dĩ, trí tiện tiêu diệt, tùy sở tác tục tại.

王言。智有所成已便自滅是何等語。

Vương ngôn: Trí hữu sở thành, dĩ tiện tự diệt, thị hà đẳng ngữ?

那先言。譬如人備火豫作戒火五瓶水。如有失火者其人持五瓶水水滴滅火。火滅以後其救火人寧復望得完瓶歸家用不。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân bị hỏa dự tác, giới hỏa ngũ bình thủy, như hữu thất hỏa giả, kỳ nhân trì ngũ bình thủy, thủy trích diệt hỏa, hỏa diệt dĩ hậu kỳ cứu hỏa nhân ninh phục vọng đắc hoàn bình quy gia dụng phủ?

王言。其人不復望瓶破。火滅，豈復望瓶耶。

Vương ngôn: Kỳ nhân bất phục vọng bình phá. Hỏa diệt, khởi phục vọng bình da?

那先言。道人持五善心消滅諸惡亦譬如瓶水滅火。

Na-tiên ngôn: Đạo nhân trì ngũ thiện tâm tiêu diệt chư ác, diệt thí như bình thủy diệt hỏa.

王言。何等為五善。

Vương ngôn: Hà đẳng vi ngũ thiện?

那先言。一者信善有惡。二者不毀經戒。三者精進。四者有慧念善。五者一心念道。為是五善。人能奉行是五善者。便得智慧便知身及萬物非常。便知苦不得自在。便知空無所有。

Na-tiên ngôn: Nhất giả tín thiện hữu ác. Nhị giả bất hủy kinh giới. Tam giả tinh tấn. Tứ giả hữu huệ niệm thiện. Ngũ giả nhất tâm niệm đạo. Thị vi ngũ thiện. Nhân năng phụng hành thị ngũ thiện giả tiện đắc trí tuệ, tiện tri thân cập vạn vật phi thường, tiện tri khổ bất đắc tự tại, tiện tri không vô sở hữu.

那先言。譬如醫師持五種藥詣病者家以藥飲病人。病者飲藥得愈醫寧復望得故藥復行治人不。

Na-tiên ngôn: Thí như y sư, trì ngũ chủng dược nghệ bệnh giả gia. Dĩ dược ẩm bệnh nhân, bệnh giả ẩm dược đắc dĩ. Y ninh phục vọng đắc cố dược phục hành trị nhân phủ?

王言。不復望得故藥。

Vương ngôn: Bất phục vọng đắc cố dược.

那先言。五種藥者。如五善智。其醫者。如求道人。其病者。如諸惡。愚癡者。如病人。得道度世者。如病得愈人。智所成致人度世道人已得道智亦自滅。

Na-tiên ngôn: Ngũ chủng dục giả, như ngũ thiện trí. Kỳ y giả như cầu đạo nhân. Kỳ bệnh giả như chư ác. Ngu si giả như bệnh nhân. Đắc đạo độ thể giả như bệnh đắc dĩ nhân. Trí sở thành trí nhân độ thể đạo nhân dĩ đắc, đạo trí diệt tự diệt.

那先言。譬如健鬥人把弓持箭前行向敵以五箭射敵得勝。其人寧復望箭歸不。

Na-tiên ngôn: Thí như kiện đấu nhân, bả cung trì tiễn tiên hành hướng địch dĩ ngũ tiễn xạ địch đắc thắng. Kỳ nhân ninh phục vọng tiễn quy phủ?

王言。不復望箭。

Vương ngôn: Bất phục vọng tiễn.

那先言。五箭者。人五智也。智人從智得道如健鬥得勝敵家。諸惡者。如諸惡道人持五善心滅卻諸惡。諸惡皆滅善智即生。人從善智得成度

Na-tiên ngôn: Ngũ tiễn giả nhân ngũ trí dã. Trí nhân tùng trí đắc đạo, như kiện đấu đắc thắng địch gia. Chư ác giả, như chư ác đạo, nhân trì ngũ thiện tâm diệt khước chư ác. Chư ác giai diệt, thiện trí tức sanh. Nhân tùng thiện trí đắc thành độ.

那先比丘經

NA TIÊN TỖ-KHEO KINH

卷中

QUYỂN TRUNG

失譯人名

Thất dịch nhân danh

王問人更樂者為善耶不善也。人更苦為善耶為不善也。佛得無不說有樂或有苦。

Vương vấn: Nhân cánh lạc giả vi thiện da? Bất thiện dã? Nhân cánh khổ vi thiện da? Vi bất thiện dã? Phật đắc vô bất thuyết hữu lạc hoặc hữu khổ?

王言。如使有為無有苦。

Vương ngôn: Như sử hữu vi vô hữu khổ.

那先問王言如人燒鐵著手中寧燒人手不。復取冰著手中其冰寧復燒人手不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Như nhân thiêu thiết, trước thủ trung, ninh thiêu nhân thủ phủ? Phục thủ băng trước thủ trung, kỳ băng ninh phục thiêu nhân thủ phủ?

王言。然兩手皆威也。

Vương ngôn: Nhiên, lưỡng thủ giai uy dã.

那先問王言。如是兩手中物皆熱耶。

Na-tiên vấn vương ngôn: Như thị lưỡng thủ trung, vật giai nhiệt da?

王言。不兩熱。

Vương ngôn: Bất lưỡng nhiệt.

那先言。兩冷耶。

Na-tiên ngôn: Lưỡng lãnh da?

王言。不兩冷也。

Vương ngôn: Bất lưỡng lãnh dã.

那先言。兩手中皆燒。

Na-tiên ngôn: Lưỡng thủ trung giai thiêu.

那先言。我重問王。王前後兩熱當言兩熱。兩冷當言兩冷。何緣一冷一熱能同言燒人手乎。

Na-tiên ngôn: Ngã trùng vấn vương, vương tiên hậu lưỡng nhiệt, đương ngôn lưỡng nhiệt, lưỡng lãnh đương ngôn

lưỡng lãnh. Hà duyên nhất lãnh nhất nhiệt, năng đồng ngôn thiêu nhân phủ hô?

王言。智慮甚淺近不能及是難也。願那先為我解之。

Vương ngôn: Trí lự thậm thiển cận, bất năng cập thị nạn dã. Nguyễn *Na-tiên* vị ngã giải chi.

那先言。佛經說之。凡有六事令人內喜。有六事令人內愁。復有六事令人不喜，有六事令人不喜亦不喜。外復有六事令人喜，愁。

Na-tiên ngôn: Phật kinh thuyết chi: Phàm hữu lục sự linh nhân nội hỷ, hữu lục sự linh nhân nội sầu, phục hữu lục sự linh nhân bất hỷ, hữu lục sự linh nhân bất sầu diệc bất hỷ. Ngoại phục hữu lục sự linh nhân hỷ, sầu.

王問何等為六事。令人內喜。

Vương vấn: Hà đẳng vi lục sự linh nhân nội hỷ?

那先言。一者目有所視復有所望。是故令人內喜。二者耳聞好聲復有所望。是故令人內喜。三者鼻聞好香復有所望。是故令人內喜。四者舌得美味復有所望。是故令人內喜。五者身得細滑復有所望。是故令人內喜。六

者心得樂受復有所望。是故令人內喜。如是六事令人內喜。

Na-tiên ngôn: Nhất giả mục hữu sở thị, phục hữu sở vọng. Thị cố linh nhân nội hỷ. Nhị giả nhĩ văn hảo thanh, phục hữu sở vọng thị cố linh nhân nội hỷ. Tam giả tử văn hảo hương, niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên. Thị cố linh nhân ngoại hỷ. Tứ giả thiệt đắc mỹ vị phục hữu sở vọng, thị cố linh nhân nội hỷ. Ngũ giả thân đắc tế hoạt, phục hữu sở vọng, thị cố linh nhân nội hỷ. Lục giả tâm đắc lạc thọ phục hữu sở vọng, thị cố linh nhân nội hỷ. Như thị lục sự linh nhân nội hỷ.

王復問何等為外六事令人喜。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi ngoại lục sự linh nhân hỷ?

那先言。一者眼見好色念之不可常得皆當棄捐便自思惟審然無常。是故令人外喜。二者耳聞好聲念之不可常得皆當棄捐。是故令人外喜。三者鼻聞好香念之不可常得皆當棄捐。是故令人外喜。四者口得美味念之不可常得皆當棄捐。是故令人外喜。五者身得細滑念之不可常得皆當棄捐。是故令人外喜。六者心念愛欲思惟念之是皆無常皆當棄捐念之是以後更喜。是為六事令人外喜。

Na-tiên ngôn: Nhất giả nhân kiến hảo sắc, niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên, tiện tự tư duy thâm nhiên vô thường. Thị cố linh nhân ngoại hỷ. Nhị giả nhĩ văn hảo thanh, niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên. Thị cố linh nhân ngoại hỷ. Tam giả tử văn hảo hương, niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên. Thị cố linh nhân ngoại hỷ. Tứ giả khẩu đắc mỹ vị, niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên. Thị cố linh nhân ngoại hỷ. Ngũ giả thân đắc tế hoạt, niệm chi bất khả thường đắc, giai đương khí quyên. Thị cố linh nhân ngoại hỷ. Lục giả tâm niệm ái dục, tư duy niệm chi thị giai vô thường, giai đương khí quyên, niệm chi thị dĩ hậu cánh hỷ. Thị vi lục sự linh nhân ngoại hỷ.

王復問何等為內六事令人內愁。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi nội lục sự linh nhân nội sầu?

那先言。一者令人內愁者目所不喜而見之令人內愁。二者耳不欲所聞而聞之令人內愁。三者鼻不欲所臭而嗅之令人內愁。四者口不欲所得而得之令人內愁。五者身不欲所著而著之令人內愁。六者心不可所喜而有之令人內愁。是為六事令人內愁。

Na-tiên ngôn: Nhất giả linh nhân nội sầu giả, mục sở bất hỷ nhi kiến chi, linh nhân nội sầu. Nhị giả nhĩ bất dục sở văn nhi văn chi, linh nhân nội sầu. Tam giả tử bất dục sở xú nhi khứu chi, linh nhân nội sầu. Tứ giả khẩu bất dục sở đắc nhi đắc chi, linh nhân nội sầu. Ngũ giả thân bất

dục sở trước nhi trước chi, linh nhân nội sâu. Lục giả tâm bất khả sở hỷ nhi hữu chi, linh nhân nội sâu. Thị vi lục sự linh nhân nội sâu.

王復問何等為六事令人不喜。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi lục sự linh nhân bất hỷ.

那先言。一者目見惡色令人不喜。二者耳聞惡聲令人不喜。三者鼻聞臭腥令人不喜。四者舌得苦辛令人不喜。五者身著麤堅令人不喜。六者心有所憎令人不喜。是為六事令人不喜。

Na-tiên ngôn: Nhất giả mục kiến ố sắc linh nhân bất hỷ. Nhị giả nhĩ văn ố thanh linh nhân bất hỷ. Tam giả tĩ văn xú tinh linh nhân bất hỷ. Tứ giả thiết đặc khổ tân linh nhân bất hỷ. Ngũ giả thân trước thô kiên linh nhân bất hỷ. Lục giả tâm hữu sở tắng linh nhân bất hỷ. Thị vi lục sự linh nhân bất hỷ.

王復問何等為六事。令人不愁亦不喜。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi lục sự linh nhân bất sâu diệc bất hỷ?

那先言。一者目有所見亦不喜不愁。二者耳有所聞音亦不喜亦不愁。三者鼻有所嗅亦不喜亦不愁。四者口有所得亦不喜亦不愁。五者身有所觸亦不

喜亦不愁。六者心有所念亦不喜亦不愁。是為內六事。令人不喜不愁。

Na-tiên ngôn: Nhất giả mục hữu sở kiến diệc bất hỷ bất sâu. Nhị giả nhĩ hữu sở văn âm diệc bất hỷ diệc bất sâu. Tam giả tĩ hữu sở khứu diệc bất hỷ diệc bất sâu. Tứ giả khẩu hữu sở đắc diệc bất hỷ diệc bất sâu. Ngũ giả thân hữu sở xúc diệc bất hỷ diệc bất sâu. Lục giả tâm hữu sở niệm diệc bất hỷ diệc bất sâu. Thị vi nội lục sự linh nhân bất hỷ bất sâu.

王復問何等為外六事。令人愁者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi ngoại lục sự linh nhân sâu giả?

那先言。一者目所見死者因自念身及萬物無常。其人自念言我有是念何以不得道因外愁。二者耳不樂好音其人自念言。我有是念何以不得道因外愁。三者鼻不喜臭香其人自念言。我有是念何以不得道因外愁。四者口不味苦甜其人自念。我有是念何以不得道因外愁。五者身不好細滑亦不得麤堅其人自念言。我有是念何以不得道因外愁。六者心不喜愛欲其人自念

言。我有是念何以不得道因外愁。是為六事令人外愁。

Na-tiên ngôn: Nhất giả mục sở kiến tử giả, nhân tự niệm thân cập vạn vật vô thường. Kỳ nhân tự niệm ngôn: Ngã hữu thị niệm hà dĩ bất đắc đạo, nhân ngoại sâu. Nhị giả nhĩ bất nhạo hảo âm, kỳ nhân tự niệm ngôn: Ngã hữu thị niệm, hà dĩ bất đắc đạo, nhân ngoại sâu. Tam giả tử bất hỷ xú hương, kỳ nhân tự niệm ngôn: Ngã hữu thị niệm, hà dĩ bất đắc đạo, nhân ngoại sâu. Tứ giả khẩu bất vị khổ điềm, kỳ nhân tự niệm: Ngã hữu thị niệm, hà dĩ bất đắc đạo, nhân ngoại sâu. Ngũ giả thân bất háo tế hoạt, diệp bất đắc thô kiên, kỳ nhân tự niệm ngôn: Ngã hữu thị niệm, hà dĩ bất đắc đạo, nhân ngoại sâu. Lục giả tâm bất hỷ ái dục, kỳ nhân tự niệm ngôn: Ngã hữu thị niệm, hà dĩ bất đắc đạo, nhân ngoại sâu. Thị vi lục sự linh nhân ngoại sâu.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先人以死後誰於後世生者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân dĩ tử hậu thù ư hậu thế sanh giả?

那先言。名與身於後世生。

Na-tiên ngôn: Danh dữ thân ư hậu thế sanh.

王問那先故人名身行生耶。

Vương vấn *Na-tiên*: Cố nhân danh thân, hành sanh da?

那先言。不也。非故名亦非故身持是名身於今世作善惡乃於後世生耳。

Na-tiên ngôn: Bất dã. Phi cố danh, diệp phi cố thân. Trì thị danh thân ư kim thế tác thiện ác, nãi ư hậu thế sanh nhĩ.

王言。如使今世用是名身作善惡於後世身不復生者。極可作善惡徑可得脫，不復更諸苦耶。

Vương ngôn: Như sử kim thế dụng thị danh thân tác thiện ác, ư hậu thế thân bất phục sanh giả. Cực khả tác thiện ác kính khả đắc thoát, bất phục cánh chư khổ da?

那先言。於今世作善後世不復生者便可得脫無耶。人作善惡不止當後生耳是故不得脫。

Na-tiên ngôn: Ư kim thế tác thiện, hậu thế bất phục sanh giả. Tiện khả đắc thoát vô da? Nhân tác thiện ác bất chỉ, đương hậu sanh nhĩ, thị cố bất đắc thoát.

那先言。譬如人盜他人果蓏其主得盜果者將至王前白言。是人盜我果其盜者言。我不盜是人果是人所種小栽耳，本不種果也。我自取果我何用為盜我不盜是人果我不應有罪過。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân đạo tha nhân quả lỏa, kỳ chủ đắc đạo quả giả tương chí vương tiền bạch ngôn: Thị nhân đạo ngã quả. Kỳ đạo giả ngôn: Ngã bất đạo thị nhân quả. Thị nhân sở chủng tiểu tài nhĩ, bản bất chủng quả dã. Ngã tự thủ quả, ngã hà dụng vi đạo. Ngã bất đạo thị nhân quả, ngã bất ưng hữu tội quá.

那先問王言。如是兩人共爭誰為直者誰不直者。

Na-tiên vấn vương ngôn: Như thị lưỡng nhân cộng tranh, thù vi trực giả, thù bất trực giả?

王言。種栽家為直，本造所種。盜者無狀應為有罪。

Wương ngôn: Chúng tài gia vi trực, bản tạo sở chủng. Đạo giả vô trạng ưng vi hữu tội.

那先言。盜何用為有罪。

Na-tiên ngôn: Đạo hà dụng vi hữu tội?

王言。所以盜者有罪本種栽家所種從栽根生故上有果耳。

Wương ngôn: Sở dĩ đạo giả hữu tội, bản chủng tài gia sở chủng, tùng tài căn sanh cố thượng hữu quả nhĩ.

那先言。人生亦譬如是人今世用是名身作善惡乃生於後世今世作善惡者是本也。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc thí như thị. Nhân kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác, nãi sanh ư hậu thế. Kim thể tác thiện ác giả, thị bản dã.

那先言。譬如人盜他人禾穗其主得盜便牽問之汝盜我禾穗。為盜者言我不盜卿禾穗卿自種禾我自取穗我何用為

犯盜。兩人相牽至王前白如是誰為直者誰為不直。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân đạo tha nhân hòa tuệ, kỳ chủ đắc đạo tiện khiên vấn chi: Nhữ đạo ngã hòa tuệ. Vi đạo giả ngôn: Ngã bất đạo khanh hòa tuệ, khanh tự chủng hòa, ngã tự thủ tuệ, ngã hà dụng vi phạm đạo? Lưỡng nhân tương khiên chí vương tiền, bạch như thị. Thù vi trực giả? Thù vi bất trực?

王言。種禾穀為直盜者為不直。

Wương ngôn: Chủng hòa cốc vi trực, đạo giả vi bất trực.

那先言。何以知盜禾穗者為不直。

Na-tiên ngôn: Hà dĩ tri đạo hòa tuệ giả vi bất trực?

王言。是種禾者為本有不種禾者為無緣何有穗。

Wương ngôn: Thị chủng hòa giả vi bản, hữu bất chủng hòa giả vi vô duyên hà hữu tuệ?

那先言。人生亦譬如是人今世用是名身作善惡。乃生於後世。今世作善惡者是其本也。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc thí như thị. Nhân kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác, nãi sanh ư hậu thế. Kim thể tác thiện ác giả, thị kỳ bản dã.

那先言。譬如人冬寒於一舍中然火欲自溫炙。其人棄火而去。稍稍然及壁土燒屋連及樓舍。舍主因言起火者牽

至王前白言。是人起火延及燒我樓舍。然火者言我然小火自溫炙耳。我不燒樓舍。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân đông hàn ư nhất xá trung nhiên hỏa dục tự ôn chá. Kỳ nhân khí hỏa nhi khứ, sảo sảo nhiên cập bích thổ thiêu ốc, liên cập lâu xá. Xá chủ nhân ngôn khởi hỏa giả khiên chí vương tiền bạch ngôn: Thị nhân khởi hỏa, duyên cập thiêu ngã lâu xá. Nhiên hỏa giả ngôn: Ngã nhiên tiểu hỏa, tự ôn chá nhĩ. Ngã bất thiêu lâu xá.

那先問王誰為直者。

Na-tiên vấn vương: Thùy vi trực giả?

王言。本然火者為不直本所生也。

Vương ngôn: Bản nhiên hỏa giả vi bất trực. Bản sở sanh dã.

那先言。人生亦爾。譬如人今世用是名身作善惡。乃生於後世今世作善惡者是本也。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc nhĩ. Thí như nhân kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác, nãi sanh ư hậu thế. Kim thể tác thiện ác giả thị bản dã.

那先言。譬如人夜然燭火著壁欲用自照飯食。燭稍卻及壁上及竹木林材。便燒一舍火大熾延及燒一城中。舉城中人民共詬言。汝何為燒一城中乃如

是。然火者言我但然小燭火以自照飯食耳。是自大火非我火也。如是便共爭訟相牽至王前。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân dạ nhiên chúc hỏa trước bích dục dụng tự chiếu phạn thực. Chúc sảo khước cập bích thượng cập trúc mộc lâm tài, tiện thiêu nhất xá, hỏa đại xí duyên cập thiêu nhất thành trung. Cử thành trung nhân dân cộng cấu ngôn: Nhữ hà vi thiêu nhất thành trung nãi như thị? Nhiên hỏa giả ngôn: Ngã dẫn nhiên tiểu chúc hỏa, dĩ tự chiếu phạn thực nhĩ. Thị tự đại hỏa phi ngã hỏa dã. Như thị tiện cộng tranh tụng, tương khiên chí vương tiền.

那先問王言。如是誰為直者誰為不直者。

Na-tiên vấn vương ngôn: Như thị thùy vi trực giả? Thùy vi bất trực giả?

王言。然火者為不直。

Vương ngôn: Nhiên hỏa giả vi bất trực.

那先言。何以知。

Na-tiên ngôn: Hà dĩ tri?

王言。本是火所生也。汝飯食已不當滅火也而令火燒一城中。

Vương ngôn: Bản thị hỏa sở sanh dã. Nhữ phạn thực dĩ bất đương diệt hỏa dã, nhi linh hỏa thiêu nhất thành trung.

那先言。人生亦譬如人今世用是名身作善惡。乃生於後世今世作善惡者是其本也。人用不知作善惡故不能得度脫。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc thí như thị. Nhân kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác, nãi sanh ư hậu thế. Kim thể tác thiện ác giả, thị kỳ bốn dā. Nhân dụng bất tri tác thiện ác cố bất năng đắc độ thoát.

那先言。譬如人以錢娉求人家小女。以後女長大他人復更求娉求女得女以為婦。前所娉家來自說言。汝反取婦為。後家言。汝自小時娉女我自大時娉婦我何用為嬰汝婦耶。便相牽詣王前。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân dĩ tiền sinh cầu nhân gia tiểu nữ, dĩ hậu nữ trưởng đại, tha nhân phục cánh cầu sinh, cầu nữ đắc nữ dĩ vi phụ. Tiên sở sinh gia lai tự thuyết ngôn: Nhữ phản thủ phụ vi. Hậu gia ngôn: Nhữ tự tiểu thời sinh nữ ngã, tự đại thời sinh phụ ngã, hà dụng vi anh nhữ phụ da? Tiện tương khiên nghệ vương tiên.

那先言。王如是誰為直者誰為不直者。

Na-tiên ngôn: Vương như thị thùy vi trực giả? Thùy vi bất trực giả?

王言。前娉家為直。

Vương ngôn: Tiên sinh gia vi trực.

那先言。王何以知。

Na-tiên ngôn: Vương hà dĩ tri?

王言。是女本小今稍長大是故知為直也。是前娉家婦也。

Vương ngôn: Thị nữ bốn tiểu kim sảo trưởng đại, thị cố tri vi trực dã. Thị tiên sinh gia phụ dã.

那先言。人生亦譬如人今世用是名身作善惡。乃生於後世今世作善惡者是其本也。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc thí như thị. Nhân kim thể dụng thị danh thân tác thiện ác, nãi sanh ư hậu thế. Kim thể tác thiện ác giả, thị kỳ bốn dā.

那先言。譬如人持瓶從牧牛家買乳澆。得澆已復還寄其主言我今還。不久其人須臾來還取瓶澆澆以轉作酪。買澆家言。我持澆寄卿今反持酪還我，牧牛者言。是汝故乳今自轉為酪。兩人因共爭訟相牽詣王前。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân trì bình, tòng mục ngư gia mĩ nhũ chúng, đắc chúng dĩ phục hoàn ký kỳ chủ ngôn: Ngã kim hoàn. Bất cửu kỳ nhân tu du lai hoàn thủ bình chúng, chúng dĩ chuyển tác lạc, mĩ chúng gia ngôn: Ngã

trì chúng ký khanh, kim phản trì lạc hoàn ngã. Mục ngu giả ngôn: Thị nữ cố nữ kim tự chuyển vi lạc. Lương nhân cộng tranh tụng, tương khiên nghệ vương tiên.

那先問王言如是誰為直者。

Na-tiên vấn vương ngôn: Như thị thù vi trực giả?

王言。牧牛家為直

Vương ngôn: Mục ngu gia vi trực.

那先言。王何以知。

Na-tiên ngôn: Vương hà dĩ tri?

王言。汝自買湏停置地自轉成酪。牧牛家當有何過。

Vương ngôn: Nữ tự mãi chúng đình trí địa tự chuyển thành lạc. Mục ngu gia đương hữu hà quá?

那先言。人生亦譬如是人今世用是名身作善惡。乃生於後世今世作善惡者是其本也。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc thí như thị. Nhân kim thế dụng thị danh thân tác thiện ác, nãi sanh ư hậu thế. Kim tác thiện ác giả, thị kỳ bản dã.

王復問今那先當復於後世生耶。

Vương phục vấn: Kim *Na-tiên* đương phục ư hậu thế sanh da?

那先報王言用是為問我前說已如使我有恩愛者後世當復生。如使我無恩愛者不復生。

Na-tiên báo vương ngôn: Dụng thị vi vấn ngã tiên thuyết dĩ. Như sử ngã hữu ân ái giả, hậu thế đương phục sanh. Như sử ngã vô ân ái giả, bất phục sanh.

那先言。譬如人竭力事王。王當知其善使賜其財物。其人得物極自施用衣被飲食歡樂自樂。其人論議言。我有功於王。王未曾有賞賜我也。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân kiệt lực sự vương. Vương đương tri kỳ thiện sử tứ kỳ tài vật. Kỳ nhân đắc vật cực tự thi dụng y bị ẩm thực hoan lạc tự lạc. Kỳ nhân luận nghị ngôn: Ngã hữu công ư vương, vương vị tặng hữu thưởng tứ ngã dã.

那先問王如彼人得賞賜。反言未曾得其人語寧可用不。

Na-tiên vấn vương: Như bỉ nhân đắc thưởng tứ, phản ngôn vị tặng đắc. Kỳ nhân ngữ ninh khả dụng phủ?

王言。其人語不可用。

Vương ngôn: Kỳ nhân ngữ bất khả dụng.

那先言。是故我語王言。如使我有恩愛者當復於後世生。如使我無恩愛者不復於後世生。

Na-tiên ngôn: Thị cố ngã ngữ vương ngôn: Như sử ngã hữu ân ái giả, đương phục ư hậu thế sanh. Như sử ngã vô ân ái giả, bất phục ư hậu thế sanh.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai!

王問那先言。卿前所說人名與身何等為名何等為身者。

Vương vấn *Na-tiên* ngôn: Khanh tiên sở thuyết nhân danh dĩ thân. Hà đẳng vi danh? Hà đẳng vi thân giả?

那先言。今見在為身心所念者為名。

Na-tiên ngôn: Kim kiến tại vi thân tâm sở niệm giả, vi danh.

王復問人何故有名行於後世生而身不行生。

Vương phục vấn: Nhân hà cố hữu danh hành ư hậu thế sanh nhi thân bất hành sanh?

那先言。人身與名前後相連。譬如雞子中汁及與上皮乃成雞子。人名與身相連如是不分也。

Na-tiên ngôn: Nhân thân dĩ danh tiền hậu tương liên. Thí như kê tử trung chấp, cập dĩ thượng bì nãi thành kê tử. Nhân danh dĩ thân tương liên như thị bất phân dã.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先何等為久者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi cửu giả?

那先言。以過去事為久。當來事亦為久。見在事為無有久。

Na-tiên ngôn: Dĩ quá khứ sự vi cửu. Đương lai sự diệc vi cửu. Kiến tại sự vi vô hữu cửu.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言審為有久不。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Thẩm vi hữu cửu phủ?

那先言。或有久或無有久。

Na-tiên ngôn: Hoặc hữu cửu hoặc vô hữu cửu.

王復言。何等為有久何等為無有久。

Vương phục ngôn: Hà đẳng vi hữu cửu? Hà đẳng vi vô hữu cửu?

那先言。其得道泥洹者為無久。未得道當復更死生者為有久。人於今世好布施孝於父母於當來世當得其福。

Na-tiên ngôn: Kỳ đắc đạo *Nê-hoàn* giả vi vô cửu. Vị đắc đạo đương phục cánh tử sanh giả vi hữu cửu. Nhân ư kim thế háo bố thí, hiếu ư phụ mẫu, ư đương lai thế đương đắc kỳ phước.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先言諸以過去事當來事今見在事是三事何所為本者。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Chư dĩ quá khứ sự, đương lai sự, kim kiến tại sự, thị tam sự, hà sở vi bản giả?

那先言。已過去事當來事今見在事愚癡者是其本也。愚癡生即生神神生身

身生名名生色色生六知。一為眼知。二為耳知。三為鼻知。四為口知，五為身知。六為心知。是為六知。是六事皆外向。何等為外向眼向色，耳向聲，鼻向香，口向味，身向滑，心向貪欲，是為六外向，名為沛。沛者合沛者知苦知樂。從苦樂生恩愛。從恩愛生貪欲。從貪欲生有致使生因老。從老因病從病因死從死因哭從哭因憂從憂因內心痛。凡合是諸勤苦合名為人。人以是故生死無有絕時。人故本身不可得也。

Na-tiên ngôn: Dĩ quá khứ sự, đương lai sự, kim kiến tại sự, ngu si giả thị kỳ bốn đã. Ngu si sanh tức sanh thân, thân sanh thân, thân sanh danh, danh sanh sắc, sắc sanh lục tri, nhất vi nhân tri, nhị vi nhĩ tri, tam vi tỉ tri, tứ vi khẩu tri, ngũ vi thân tri, lục vi tâm tri. Thị vi lục tri. Thị lục sự giai ngoại hướng. Hà đẳng vi ngoại hướng? Nhân hướng sắc, nhĩ hướng thanh, tỉ hướng hương, khẩu hướng vị, thân hướng hoạt, tâm hướng tham dục. Thị vi lục ngoại hướng, danh vi phái. Phái giả hiệp, phái giả tri khổ tri lạc. Tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục, tùng tham dục sanh hữu trí tiện sanh nhân lão, tùng lão nhân bệnh, tùng bệnh nhân tử, tùng tử nhân khóc, tùng khóc nhân ưu, tùng ưu nhân nộ tâm thống. Phàm

hiệp thị chư căn khổ hiệp danh vi nhân. Nhân dĩ thị cố sanh tử, vô hữu tuyệt thời. Nhân cố bốn thân bất khả đắc đã.

那先言。譬如人種五穀生根從根生莖葉實至後得穀已。後年復種得穀甚多。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân chủng ngũ cốc sanh căn, tùng căn sanh hành, diệp, thật chí hậu đắc cốc dĩ, hậu niên phục chủng đắc cốc thậm đa.

那先問王如人種穀歲歲種穀寧有絕不生時不。

Na-tiên vấn vương: Như nhân chủng cốc, tuế tuế chủng cốc. Ninh hữu tuyệt bất sanh thời phủ?

王言。歲歲種穀無有絕不生時也。

Vương ngôn: Tuế tuế chủng cốc, vô hữu tuyệt bất sanh thời đã.

那先言。人生亦如是。展轉相生無有絕時。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệp như thị, triển chuyển tương sanh vô hữu tuyệt thời.

那先言。譬如雞生卵卵生雞從卵生卵從雞生雞。人生死亦如是無有絕時。

Na-tiên ngôn: Thí như kê sanh noãn, noãn sanh kê, tùng noãn sanh noãn, tùng kê sanh kê. Nhân sanh tử diệp như thị, vô hữu tuyệt thời.

那先便畫地作車輪問王言。今是輪寧有角無。

Na-tiên tiện họa địa tác xa luân, vấn vương ngôn: Kim thị luân ninh hữu giác vô?

王言。正圓無有角。

Vương ngôn: Chánh viên vô hữu giác.

那先言。佛經說人生死如車輪展轉相生無有絕時。

Na-tiên ngôn: Phật kinh thuyết: Nhân sanh tử như xa luân, triển chuyển tương sanh vô hữu tuyệt thời.

那先言。人從眼萬物色識即覺知是三事合。從合生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲生因有致從有致因生從生因作善惡從善惡便生。

Na-tiên ngôn: Nhân tùng nhãn vạn vật sắc thức, tức giác tri thị tam sự hiệp. Tùng hiệp sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục. Tùng tham dục sanh nhân hữu trí. Tùng hữu trí nhân sanh, tùng sanh nhân tác thiện ác, tùng thiện ác tiện sanh.

耳聞聲識即覺知三事合。從合生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲生因有致從有致因生從因生作善惡從善惡便生。

Nhĩ văn thanh, thức tức giác tri, tam sự hiệp. Tùng hiệp sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục. Tùng tham dục sanh nhân hữu trí. Tùng hữu trí nhân sanh, tùng nhân sanh tác thiện ác, tùng thiện ác tiện sanh.

鼻聞香識即覺知三事合。從合生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲生因有致從有致因生從生因作善惡從善惡便生。

Tĩ văn hương, thức tức giác tri, tam sự hiệp. Tùng hiệp sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục. Tùng tham dục sanh nhân hữu trí. Tùng hữu trí nhân sanh, tùng sanh nhân tác thiện ác, tùng thiện ác tiện sanh.

口得味識即覺知三事合。從合生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲生因有致從有致因生從因生作善惡從善惡便生。

Khẩu đắc vị, thức tức giác tri, tam sự hiệp. Tùng hiệp sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục. Tùng tham dục sanh nhân hữu trí. Tùng hữu trí nhân sanh, tùng sanh nhân tác thiện ác, tùng thiện ác tiện sanh.

身得細滑識即覺知三事合。從合生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲

生因有致從有致因生從生因作善惡從善惡便生。

Thân đắc tế hoạt, thức tức giác tri, tam sự hiệp. Tùng hiệp sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục, tùng tham dục sanh nhân hữu trí. Tùng hữu trí nhân sanh, tùng nhân sanh tác thiện ác, tùng thiện ác tiệp sanh.

意有所念識即覺知三事合。從合生苦樂，從苦樂生恩愛，從恩愛生貪欲，從貪欲生因有致，從有致因生，從因生作善惡，從善惡便生。

Ý hữu sở niệm thức tức giác tri tam sự hiệp. Tùng hiệp sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục, tùng tham dục sanh nhân hữu trí, tùng hữu trí nhân sanh, tùng nhân sanh tác thiện ác, tùng thiện ác tiệp sanh.

那先言。人展轉相生無有絕。

Na-tiên ngôn: Nhân triển chuyển tương sanh vô hữu tuyệt.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。卿言人生死不可得本，不可得本意云何。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh ngôn nhân sanh tử bất khả đắc bản, bất khả đắc bản ý vân hà?

那先言。有本者當不復生。有本者當復過去用是為本。

Na-tiên ngôn: Hữu bản giả đương bất phục sanh. Hữu bản giả đương phục quá khứ dụng thị vi bản.

王言。無本者當不復生。見有本者當過去如是本為未絕耶。

Vương ngôn: Vô bản giả đương bất phục sanh. Kiến hữu bản giả, đương quá khứ như thị bản vi vị tuyệt da?

那先言。然皆當過去。

Na-tiên ngôn: Nhiên giai đương quá khứ.

王復問那先人生死寧有從旁增益者不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân sanh tử ninh hữu tùng bàng tăng ích giả phủ?

那先問王言世間人及歧行蠕動之類寧有從旁增益者不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Thế gian nhân cập kỳ hành nhuyễn động chi loại, ninh hữu tùng bàng tăng ích giả phủ?

王言。我不問那先世間人及歧行蠕動之類。我但欲問卿人生死本耳。

Vương ngôn: Ngã bất vấn *Na-tiên* thế gian nhân cập kỳ hành nhuyễn động chi loại. Ngã đản dục vấn khanh nhân sanh tử bản nhĩ.

那先言。樹木生以栽為本五穀生以穀為本。天下萬物皆各以其類本生。人從六情恩愛為本。

Na-tiên ngôn: Thọ mộc sanh dĩ tài vi bản. Ngũ cốc sanh dĩ cốc vi bản. Thiên hạ vạn vật giai các dĩ kỳ loại bản sanh. Nhân tùng lục tình ân ái vi bản.

那先言。人有眼有色有識。有耳有聲有識。有鼻有香有識。有舌有味有識。有身有細滑有識。有念有法有識。從是生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲生合。

Na-tiên ngôn: Nhân hữu nhãn, hữu sắc, hữu thức, hữu nhĩ hữu thanh hữu thức, hữu tĩ hữu hương hữu thức, hữu thiết hữu vị hữu thức, hữu thân hữu tế hoạt hữu thức, hữu niệm hữu pháp hữu thức, tùng thị sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục, tùng tham dục sanh hiệp.

是諸苦乃成為人耳。眼耳鼻口身神識念使有致并合為沛。從沛生苦樂從苦樂生恩愛從恩愛生貪欲從貪欲因生有致從有致因生從生因老因病從病因死因憂從憂因哭從哭因內心痛人生如是。

Thị chư khổ nãi thành vi nhân nhĩ. Nhân nhĩ tĩ khẩu thân thân thức niệm sử hữu trí tinh hiệp vi phái, tùng phái sanh khổ lạc, tùng khổ lạc sanh ân ái, tùng ân ái sanh tham dục, tùng tham dục nhân sanh hữu trí, tùng hữu trí nhân sanh, tùng sanh nhân lão nhân, bệnh tùng bệnh nhân tử nhân ưu, tùng ưu nhân khóc, tùng khóc nhân nội tâm thống nhân sanh như thị.

那先言。無眼不見色不覺不知從不覺不知無有合。無有合無有苦樂無有苦樂便不生恩愛。無恩愛不生貪欲無貪欲無有致無有致不生不老。不生不老不病不死不病不死不愁不哭。不愁不哭不內心痛無是諸苦便度脫得泥洹道。

Na-tiên ngôn: Vô nhãn bất kiến sắc, bất giác bất tri, tùng bất giác bất tri vô hữu hiệp, vô hữu hiệp vô hữu khổ lạc, vô hữu khổ lạc tiện bất sanh ân ái, vô ân ái bất sanh tham dục, vô tham dục vô hữu trí, vô hữu trí bất sanh bất lão, bất sanh bất lão bất bệnh bất tử, bất bệnh bất tử bất sâu bất khóc, bất sâu bất khóc bất nội tâm thống, bất nội tâm thống vô thị chư khổ tiện độ thoát đắc *Nê-hoàn* đạo.

無耳無所聞，無鼻無所嗅，無口無所味，無身無細滑，無識無所念。無所念無沛，無沛無苦樂，無苦樂無恩愛，無恩愛無貪欲，無貪欲無胞胎。無所胞胎

無所生，不生不老，不老不病，不病不死，不死不愁，不愁不哭，不哭不內心痛。捐棄諸苦便得泥洹道。

Vô nhĩ vô sở văn, vô tử vô sở khú, vô khẩu vô sở vị, vô thân vô tế hoạt, vô thức vô sở niệm, vô sở niệm vô phái, vô phái vô khổ lạc, vô khổ lạc vô ân ái, vô ân ái vô tham dục, vô tham dục vô bào thai, vô sở bào thai vô sở sanh, bất sanh bất lão, bất lão bất bệnh, bất bệnh bất tử, bất tử bất sâu, bất sâu bất khốc, bất khốc bất nội tâm thống. Quyên khí chư khổ tiện đắc *Nê-hoàn* đạo.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言世間寧有自然生物無。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Thế gian ninh hữu tự nhiên sanh vật vô?

那先言。無有自然生物皆當有所因。

Na-tiên ngôn: Vô hữu tự nhiên sanh vật. Giai đương hữu sở nhân.

那先因問王。今王所坐殿有人功夫作之耶。自然生乎。

Na-tiên nhân vấn vương: Kim vương sở tọa điện hữu nhân công phu tác chi da? Tự nhiên sanh hô?

王言。人功作之材椽出於樹木垣牆泥土出於地。

Vương ngôn: Nhân công tác chi, tài chuyên xuất ư thọ mộc, viên tường nê thổ xuất ư địa.

那先言。人生亦如是。界如和合乃成為人。是故無自然生物也。皆有所因。

Na-tiên ngôn: Nhân sanh diệc như thị. Giới như hòa hiệp nãi thành vi nhân. Thị cố vô tự nhiên sanh vật dã. Giai hữu sở nhân.

那先言。譬如窯家作器，取土水和以為泥燒作雜器物，其泥不能自成為器。會當須人工有薪火乃成為器耳。世間無有自然生者也。

Na-tiên ngôn: Thí như diêu gia tác khí thủ thổ thủy hòa vi nê thiêu tác tạp khí vật, kỳ nê bất năng tự thành vi khí, hội đương tu nhân công hữu tân hỏa nãi thành vi khí nhĩ. Thế gian vô hữu tự nhiên sanh giả dã.

那先語王言譬如箜篌無絃無柱無人鼓者寧能作聲不。

Na-tiên ngữ vương ngôn: Thí như không hầu vô huyền vô trụ vô nhân cổ giả, ninh năng tác thanh phủ?

王言。不能自作聲。

Vương ngôn: Bất năng tự tác thanh.

那先言。如使箜篌有絃有柱有人工鼓者其聲寧出不。

Na-tiên ngôn: Như sử không hầu hữu huyền hữu trụ hữu trụ hữu nhân công cổ giả, kỳ thanh ninh xuất phủ?

王言。有聲。

Vương ngôn: Hữu thanh.

那先言。如是天下無自然生。物皆當有所因。

Na-tiên ngôn: Như thị thiên hạ vô tự nhiên sanh. Vật giai đương hữu sở nhân.

那先問王如鑽火燧無兩木無人鑽者寧能得火不。

Na-tiên vấn vương: Như toàn hỏa toại vô lưỡng mộc, vô nhân toàn giả, ninh năng đắc hỏa phủ?

王言。不能得火。

Vương ngôn: Bất năng đắc hỏa.

那先言。設有兩木有人鑽之寧能生火不。

Na-tiên ngôn: Thiết hữu lưỡng mộc hữu nhân toàn chi, ninh năng sanh hỏa phủ?

王言。然，即生火。

Vương ngôn: Nhiên, tức sanh hỏa.

那先言。天下無有自然生。物皆當有所因。

Na-tiên ngôn: Thiên hạ vô hữu tự nhiên sanh. Vật giai đương hữu sở nhân.

那先問王言譬如陽燧鉤無人持之亦無日無天寧能得火。

Na-tiên vấn vương ngôn: Thí như dương toại câu vô nhân trì chi, diệc vô nhật vô thiên, ninh năng đắc hỏa?

王言。不能得火。

Vương ngôn: Bất năng đắc hỏa.

那先言。如陽燧有人持之有天有日寧能得火不。

Na-tiên ngôn: Như dương toại hữu nhân trì chi, hữu thiên hữu nhật, ninh năng đắc hỏa phủ?

王言。得火。

Vương ngôn: Đắc hỏa.

那先言。天下無有自然生物皆當有因。

Na-tiên ngôn: Thiên hạ vô hữu tự nhiên sanh vật. Giai đương hữu nhân.

那先問王言。若人無鏡無明人欲自照寧能自見其形不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Nhược nhân vô kính vô minh, nhân dục tự chiếu, ninh năng tự kiến kỳ hình phủ?

王言。不能自見。

Vương ngôn: Bất năng tự kiến.

那先言。如有鏡，有明，有人自照，寧能自見形不。

Na-tiên ngôn: Như hữu kính, hữu minh, hữu nhân tự chiếu, ninh năng tự kiến hình phủ?

王言。然，即能自見。

Vương ngôn: Nhiên, tức năng tự kiến.

那先言。天下無有自然生。物皆有所因。

Na-tiên ngôn: Thiên hạ vô hữu tự nhiên sanh. Vật giai hữu sở nhân.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai!

王復問那先世間人寧為有人無。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Thế gian nhân ninh vi hữu nhân vô?

那先言。世間不能審有人也適當呼誰為人。

Na-tiên ngôn: Thế gian bất năng thẩm hữu nhân dã. Thích đương hô thù vi nhân.

王言。身中命即為人不。

Vương ngôn: Thân trung mạng tức vi nhân phủ?

那先問王人身中命能用眼視色不。能用耳聽音聲不。能用鼻聞香不。能用舌知味不。能用身知細滑不。能用意有所知不。

Na-tiên vấn vương: Nhân thân trung mạng năng dụng nhân thị sắc phủ? Năng dụng nhĩ thính âm thanh phủ? Năng dụng tĩ văn hương phủ? Năng dụng thiết tri vị phủ? Năng dụng thân tri tế hoạt phủ? Năng dụng ý hữu sở tri phủ?

王言。能。

Vương ngôn: Năng.

那先言。今我與王其於殿上四面有窗自在欲從何窗者寧能見不。

Na-tiên ngôn: Kim ngã dữ vương kỳ ư điện thượng, tứ diện hữu song, tự tại dục tùng hà song giả ninh năng kiến phủ?

王言。得見。

Vương ngôn: Đắc kiến.

那先言。設令人命在身中自在，欲從何孔視耳，能以眼視色。能用耳視色不。能用鼻視色不。能用口視色不。能用身視色不。能用意視色不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh nhân mạng tại thân trung tự tại, dục tùng hà khổng thị nhĩ, năng dĩ nhân thị sắc. Năng dụng nhĩ thị sắc phủ? Năng dụng tĩ thị sắc phủ? Năng dụng khẩu thị sắc phủ? Năng dụng thân thị sắc phủ? Năng dụng ý thị sắc phủ?

王言。不能。

Vương ngôn: Bất năng.

那先言。設令命在耳能以耳有所聞。能以耳有所見不。能以耳知香臭不。能以耳知味不。能以耳知細滑不。能以耳有所念不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh mạng tại nhĩ, năng dĩ nhĩ hữu sở vấn. Năng dĩ nhĩ hữu sở kiến phủ? Năng dĩ nhĩ tri hương xú phủ? Năng dĩ nhĩ tri vị phủ? Năng dĩ nhĩ tri tế hoạt phủ? Năng dĩ nhĩ hữu sở niệm phủ?

那先言。設令命在鼻能以鼻知香臭。能以鼻聞音聲不。能以鼻知味不。能以鼻知細滑不。能以鼻有所念不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh mạng tại tỉ, năng dĩ tỉ tri hương xú. Năng dĩ tỉ vấn âm thanh phủ? Năng dĩ tỉ tri vị phủ? Năng dĩ tỉ tri tế hoạt phủ? Năng dĩ tỉ hữu sở niệm phủ?

那先言。設令命在口,能以口知味。能以口有所見不。能以口聽音聲不。能以口聞臭香不。能以口知細滑不。能以口有所念不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh mạng tại khẩu, năng dĩ khẩu tri vị. Năng dĩ khẩu hữu sở kiến phủ? Năng dĩ khẩu thính âm thanh phủ? Năng dĩ khẩu vấn xú hương phủ? Năng dĩ khẩu tri tế hoạt phủ? Năng dĩ khẩu hữu sở niệm phủ?

那先言。設令命在身中能以身知細滑。能以身有所見不。能以身聽音聲不。能以身知臭香不。能以身知味不。能以身有所念不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh mạng tại thân trung, năng dĩ thân tri tế hoạt. Năng dĩ thân hữu sở kiến phủ? Năng dĩ thân thính âm thanh phủ? Năng dĩ thân tri xú hương phủ? Năng dĩ thân tri vị phủ? Năng dĩ thân hữu sở niệm phủ?

那先言。設令命在識能以識有所念。能以識聽音聲不。能以識知臭香不。能以識知味不。能以識知細滑不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh mạng tại thức, năng dĩ thức hữu sở niệm. Năng dĩ thức thính âm thanh phủ? Năng dĩ thức tri xú hương phủ? Năng dĩ thức tri vị phủ? Năng dĩ thức tri tế hoạt phủ?

王言。不能知也。

Vương ngôn: Bất năng tri dã.

那先言。王所語前後不相副。

Na-tiên ngôn: Vương sở ngữ tiền hậu bất tương phó.

那先言。如我與王共在殿上坐,徹壞四窗者視寧廣遠不。

Na-tiên ngôn: Như ngã dữ vương cộng tại điện thượng tọa, triệt hoại tứ song giả, thị ninh quảng viễn phủ?

王言。然廣遠。

Vương ngôn: Nhiên, quảng viễn.

那先言。設令命在身中捩眼去之其視寧廣遠不。決耳令大其聽寧能遠不。決鼻令大聞香寧能遠不。決口令大知味寧能多不。副剝皮膚知細滑寧多不。決判去意其令寧大不。

Na-tiên ngôn: Thiết linh mạng tại thân trung, liệt nhãn khứ chi. Kỳ thị ninh quảng viễn phủ? Quyết nhĩ linh đại,

kỳ thính ninh năng viễn phủ? Quyết tử linh đại, văn hương ninh năng viễn phủ? Quyết khẩu linh đại, tri vị ninh năng đa phủ? Phó bác bì phu tri tế hoạt ninh đa phủ? Quyết phán khứ ý kỳ linh ninh đại phủ?

王言。不也。

Vương ngôn: Bất dã.

那先言。王亦語前後不相副。

Na-tiên ngôn: Vương diệc ngữ tiền hậu bất tương phó.

那先問王言王持藏人來入在王前住王寧覺知在前住不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Vương trì tạng nhân lai nhập tại vương tiền, trụ vương, ninh giác tri tại tiền trụ phủ?

王言。知在前。

Vương ngôn: Tri tại tiền.

那先言。持藏者即入王室寧知入室不。

Na-tiên ngôn: Trì tạng giả tức nhập vương thất, ninh tri nhập thất phủ?

王言。知入室也。

Vương ngôn: Tri nhập thất dã.

那先言。設令人命在身中人持味著口中能知甜醋酸鹹辛苦。

Na-tiên ngôn thiết linh nhân mạng tại thân trung nhân trì vị trước khẩu trung năng tri diêm thổ toan hàm tân khổ.

王言。知之。

Vương ngôn tri chi.

那先言。王所語前後不相副也。

Na-tiên ngôn: Vương sở ngữ tiền hậu bất tương phó dã.

那先言。如人沽美酒著大器中急塞一人口倒置酒中令嘗酒其人寧知酒味不。

Na-tiên ngôn: Như nhân cô mỹ tửu trước đại khí trung cấp tắc nhất nhân khẩu đảo trí tửu trung linh thường tửu kỳ nhân ninh tri tửu vị phủ.

王言。其人不知。

Vương ngôn: Kỳ nhân bất tri.

那先言。何以故不知味。

Na-tiên ngôn: Hà dĩ cố bất tri vị.

王言。未入口到舌上故不知味。

Vương ngôn: Vị nhập khẩu đáo thiệt thượng, cố bất tri vị.

那先言。王所語前後不相副。

Na-tiên ngôn: Vương sở ngữ tiền hậu bất tương phó.

王言。我愚癡智未及是難，願相解之。

Vương ngôn: Ngã ngu si trí vị cập thị nạn. Nguyên tương giải chi.

那先言。人從眼見色神動。神動即生苦樂。意念合耳鼻口身意皆同合為意有所念神動。神動即生苦樂從苦樂生意從生念展轉相成適無常主。

Na-tiên ngôn: Nhân tùng nhân kiến sắc thân động, thân động tức sanh khổ lạc, ý niệm hiệp nhĩ thiết khẩu thân ý giai đồng hiệp vi ý hữu sở niệm thân động, thân động tức sanh khổ lạc tùng khổ lạc sanh, ý tùng sanh niệm triển chuyển tương thành thích vô thường chủ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人生眼時眼與神俱生耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân sanh nhân thời nhân dữ thân câu sanh da?

那先言。然。同時俱生。

Na-tiên ngôn: Nhiên, đồng thời câu sanh.

王復問。眼居前生耶。神居前生耶。

Vương phục vấn: Nhân cư tiền sanh da? Thần cư tiền sanh da?

那先言。眼居前生，神居後生。

Na-tiên ngôn: Nhân cư tiền sanh thân cư hậu sanh.

王言。眼語神言我所行生處。汝當隨我後生相語言兩耶。神語眼言汝所生處。我當隨汝後生兩相語不。

Vương ngôn: Nhân ngữ thân ngôn: Ngã sở hành sanh xứ, nhữ đương tùy ngã hậu sanh, tương ngữ ngôn lưỡng da?

Thần ngữ nhân ngôn: Nhữ sở sanh xứ, ngã đương tùy nhữ hậu sanh, lưỡng tương ngữ phủ?

那先言。兩不相與語。

Na-tiên ngôn: Lưỡng bất tương dữ ngữ.

王言。卿不言同時俱生何以故不相語。

Vương ngôn: Khanh bất ngôn đồng thời câu sanh. Hà dĩ cố bất tương ngữ?

那先言。有四事俱不相語。那先自言。何等四。一為下行，二為向門，三為行轍，四者為數。是四事俱不相語。

Na-tiên ngôn: Hữu tứ sự câu bất tương ngữ. *Na-tiên* tự ngôn: Hà đẳng tứ? Nhất vi hạ hành, nhị vi hướng môn, tam vi hành triệt, tứ giả vi số. Thị tứ sự câu bất tương ngữ.

王復問。何等為下行者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi hạ hành giả.

那先報王言。高山上天雨其水隨流當如何行。

Na-tiên báo vương ngôn: Cao sơn thượng thiên vũ kỳ thủy tùy lưu, đương như hà hành.

王言。下行。

Vương ngôn: Hạ hành.

那先言。後復天雨其水流當復如何行。

Na-tiên ngôn: Hậu phục thiên vũ kỳ thủy lưu, đương phục như hà hành.

王言。當隨前流水處行。

Vương ngôn: Đương tùy tiên lưu thủy xứ hành.

那先問王言。前水寧語後水言汝當隨我後來。後水寧語前水言我當隨汝處流行。前水後水相語言爾不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Tiên thủy ninh ngự hậu thủy ngôn: Nhữ đương tùy ngã hậu lai? Hậu thủy ninh ngự tiên thủy ngôn: Ngã đương tùy nhữ xứ lưu hành? Tiên thủy hậu thủy tương ngự ngôn nhĩ phủ?

王言。水流各自行。前後不相語也。

Vương ngôn: Thủy lưu các tự hành, tiên hậu bất tương ngự dã.

那先言。眼亦如水。眼不語神言汝當隨我後生。神亦不語眼言我當隨汝後行生也。眼與神俱不相語也。是名為下行。耳鼻口身意亦爾。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thủy. Nhân bất ngự thân ngôn: Nhữ đương tùy ngã hậu sanh. Thân diệc bất ngự nhân ngôn: Ngã đương tùy nhữ hậu hành sanh dã. Nhân dĩ thân câu bất tương ngự dã, thị danh vi hạ hành. Nhĩ tĩ khẩu thân ý diệc nhĩ.

王復問。何等為向門者。

Vương phục vấn: Hà đẳng vi hướng môn giả.

那先言。譬如大城都有一門。其中有一人欲出當從何向。

Na-tiên ngôn: Thí như đại thành đô hữu nhất môn, kỳ trung hữu nhất nhân dục xuất, đương tùy hà hướng.

王言。當從門出耳。

Vương ngôn: Đương tùy môn xuất nhĩ.

那先言。後復有一人欲出當復從何向出。

Na-tiên ngôn: Hậu phục hữu nhất nhân dục xuất đương phục tùy hà hướng xuất?

王言。故當從前一人門出耳。

Vương ngôn: Cố đương tùy tiên nhất nhân môn xuất nhĩ.

那先言王。前出人寧語後人言。汝當隨我後出。後人寧語前人言。我當隨卿所從門出。兩人寧相語言爾不。

Na-tiên ngôn vương: Tiên xuất nhân ninh ngự hậu nhân ngôn: Nhữ đương tùy ngã hậu xuất? Hậu nhân ninh ngự tiên nhân ngôn: Ngã đương tùy khanh sở tùy môn xuất? Lưỡng nhân ninh tương ngự ngôn nhĩ phủ?

王言。前人後人俱不相語也。

Vương ngôn: Tiên nhân hậu nhân câu bất tương ngự dã.

那先言。眼亦如門。眼不語神言汝當隨我後生。神亦不語眼言我今當隨汝後生。眼與神俱不相語也。是為向門。耳鼻口身意亦爾。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như môn. Nhân bất ngự thân ngôn: Nhữ đương tùy ngã hậu sanh. Thân diệc bất ngự nhân ngôn ngã kim đương tùy nhữ hậu sanh. Nhân dĩ

thần câu bất tương ngữ dã. Thị vi hướng môn. Nhĩ tử khẩu thân ý diệc nhĩ.

王復問那先言。何等為轍行者。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi triết hành giả.

那先問王言。前車行有轍後車行當從何所行。

Na-tiên vấn vương ngôn: Tiên xa hành hữu triết, hậu xa hành đương tùng hà sở hành?

王言。後車當從前車轍中行。

Vương ngôn: Hậu xa đương tùng tiên xa triết trung hành.

那先言。前車輪寧語後輪言汝當隨我處從後來。後車輪寧語前輪我當隨汝處行。寧相語言爾不。

Na-tiên ngôn: Tiên xa luân ninh ngữ hậu luân ngôn: Nhữ đương tùy ngã xứ tùng hậu lai? Hậu xa luân ninh ngữ tiên luân: Ngã đương tùy nhữ xứ hành? Ninh tương ngữ ngôn nhĩ phủ.

王言。俱不相語也。

Vương ngôn: Câu bất tương ngữ dã.

那先言。人亦如是。眼不語神我所生處汝當隨我生。神亦不語眼我當隨卿後生。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thị. Nhân bất ngữ thần: Ngã sở sanh xứ, nhữ đương tùy ngã sanh. Thần diệc bất ngữ nhân: Ngã đương tùy khanh hậu sanh.

那先言。耳鼻口身神俱不相語。

Na-tiên ngôn: Nhĩ tử khẩu thân thần câu bất tương ngữ.

王復問那先。何等為數。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi sác.

那先言。數者校計也。書疏學問是為數。耳目鼻口身神稍稍習知共合。

Na-tiên ngôn: Sác giả hiệu kế dã. Thơ số học vấn thị vi sác. Nhĩ mục tử khẩu thân thần sảo sảo tập tri cộng hiệp.

是六事乃為有所知。不從一事有所知也。

Thị lục sự nãi vi hữu sở tri, bất tùng nhất sự hữu sở tri dã.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言。人目生時與苦樂俱生不。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Nhân mục sanh thời dữ khổ lạc câu sanh phủ?

那先言。目與苦樂俱生皆根從合生。

Na-tiên ngôn: Mục dữ khổ lạc câu sanh giai căn tùng hiệp sanh.

王復言。何等為合者。

Vương phục ngôn: Hà đẳng vi hiệp giả?

那先言。兩相觸為合。合者譬如兩羊相抵是為合。一羊如目一羊如色。合為名沛。譬如一手為目一手為色兩手合為沛。

Na-tiên ngôn: Lưỡng tương xúc vi hiệp, hiệp giả thí như lưỡng dương tương đê, thị vi hiệp. Nhất dương như mục, nhất dương như sắc, hiệp vi danh phái. Thí như nhất thủ vi mục, nhất thủ vi sắc, lưỡng thủ hiệp vi phái.

譬如兩石。一石為目，一石為色。兩石合為沛。耳目鼻身神皆同合為沛。譬如雨石，一石如神，一石如志。兩石合為沛。神志合如是。是名為沛。

Thí như lưỡng thạch, nhất thạch vi mục, nhất thạch vi sắc, lưỡng thạch hiệp vi phái, nhĩ mục tỉ thân thần giai đồng hiệp vi phái. Thí như lưỡng thạch, nhất thạch như thân, nhất thạch như chí, lưỡng thạch hiệp vi phái. Thần chí hiệp như thị, thị danh vi phái.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。樂何等類。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Lạc hà đẳng loại.

那先言。自覺知為樂。

Na-tiên ngôn: Tự giác tri vi lạc.

那先言。譬若人事國王。其人賢善，王賜與財物。其人得之。用自快樂。在所欲為。其人自念。我事王得賞賜。今得樂樂如是。

Na-tiên ngôn: Thí nhược nhân sự quốc vương. Kỳ nhân hiền thiện, vương tứ dữ tài vật. Kỳ nhân đắc chi, dụng tự khoái lạc. Tại sở dục vi. Kỳ nhân tự niệm: Ngã sự vương đắc thưởng tứ, kim đắc lạc, lạc như thị.

那先言。譬如人心念善，口言善，身行善。行善如是死後得生天上。其人於天上極意自娛樂自念言。我在世間時，心念善，口言善，身行善。是故我自致生此間，得樂甚樂。是為覺。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân tâm niệm thiện, khẩu ngôn thiện, thân hành thiện. Hành thiện như thị tử hậu đắc sanh thiên thượng. Kỳ nhân ưu thiên thượng cực ý tự ngẫu lạc tự niệm ngôn: Ngã tại thế gian thời, tâm niệm thiện, khẩu ngôn thiện, thân hành thiện, thị cố ngã tự trí sanh tử gian, đắc lạc thậm lạc. Thị vi giác.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。何等為覺者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi giác giả?

那先言。從知為覺。譬如王有持藏者入藏室中自視室中。自知有若干錢金銀珠玉繒帛雜香色，皆知雜處。是為覺知。

Na-tiên ngôn: Tùng tri vi giác. Thí như vương hữu trì tạng giả nhập tạng thất trung, tự thị thất trung. Tự tri hữu nhược can tiên kim ngân châu ngọc tăng bạch tạp hương sắc, giai tri tạp xứ. Thị vi giác tri.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言。人有所念何等類。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Nhân hữu sở niệm hà đẳng loại?

那先言。人有所念因有所作。譬如人和毒藥自飲。亦復行飲人。身自苦亦復苦他人身。

Na-tiên ngôn: Nhân hữu sở niệm nhân hữu sở tác. Thí như nhân hòa độc dược tự ẩm, diệc phục hành ẩm nhân. Thân tự khổ, diệc phục khổ tha nhân thân.

那先言。譬如人作惡死後當入泥犁中。諸所教者皆入泥犁中。惡人有所念所作言如是。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân tác ác, tử hậu đương nhập *Nê-lê* trung, chư sở giáo giả giai nhập *Nê-lê* trung. Ác nhân hữu sở niệm sở tác ngôn như thị.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai!

王復問那先言。何等為內動者。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi nội động giả?

那先言。志念內便動。

Na-tiên ngôn: Chí niệm nội tiện động.

王言。動行時云何。

Vương ngôn: Động hành thời vân hà?

那先言。譬如銅銷銅釜。有人往燒之。其器有聲。舉乎有餘音。而行人如是志動念因行。

Na-tiên ngôn: Thí như đồng tiêu đồng phủ, hữu nhân vãng thiêu chi, kỳ khí hữu thanh, cử hồ hữu dư âm, nhi hành nhân như thị chí động niệm nhân hành.

那先言。燒時為動有餘音為行。

Na-tiên ngôn: Thiêu thời vi động, hữu dư âm vi hành.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言。能合取分別之不。是為合。是為智。是為念。是為意。是為動。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Năng hiệp thủ phân biệt chi phủ? Thị vi hiệp? Thị vi trí? Thị vi niệm? Thị vi ý? Thị vi động?

那先言。假令以合不可復分別也。

Na-tiên ngôn: Giả linh dĩ hiệp, bất khả phục phân biệt dã.

那先言。王使宰人作美羹。中有水有肉有蔥蒜有薑有鹽豉有糯。王敕廚下人言。所作美羹如前取羹中水味來。次取蔥味來。次取薑味來。次取鹽豉味來。次取糯味來。羹以成人寧能一一取羹味與王不。

Na-tiên ngôn: Vương sử tể nhân tác mỹ canh, trung hữu thủy, hữu nhục, hữu thông toán, hữu khương, hữu diêm thị, hữu nhu. Vương sắc trừ hạ nhân ngôn: Sở tác mỹ canh như tiên thủ canh. Trung thủy vị lai, thứ thủ thông vị lai, thứ thủ khương vị lai, thứ thủ diêm thị vị lai, thứ thủ nhu vị lai. Canh dĩ thành nhân ninh năng nhất nhất thủ canh vị dĩ vương phủ?

王言。羹一合以後不能一一別味也。

Vương ngôn: Canh nhất hiệp dĩ hậu bất năng nhất nhất biệt vị dã.

那先言。諸事亦如是。一合不可別也。是為苦樂是為智是為動是為念。

Na-tiên ngôn: Chư sự diệc như thị. Nhất hiệp bất khả biệt dã. Thị vi khổ lạc, thị vi trí, thị vi động, thị vi niệm.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先言。人持目視鹽味寧可別知不。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Nhân trì mục thị diêm vị, ninh khả biệt tri phủ?

那先言。王知乃如是耶。能持目視知鹽味。

Na-tiên ngôn: Vương tri nãi như thị da? Năng trì mục thị tri diêm vị?

王言。目不知鹽味耶。

Vương ngôn: Mục bất tri diêm vị da.

那先言。人持舌能知鹽味取。不能以目知鹽味也。

Na-tiên ngôn: Nhân trì thiết năng tri diêm vị thủ. Bất năng dĩ mục tri diêm vị dã.

王復言人用舌知味云。

Vương phục ngôn: Nhân dụng thiết tri vị vân.

那先言。人皆用舌別知味。

Na-tiên ngôn: Nhân giai dụng thiết biệt tri vị.

王言。諸鹽味皆當用舌別知耶。

Vương ngôn: Chư diêm vị giai đương dụng thiết biệt tri da?

那先言。然。諸鹽味皆當用舌別知耳。

Na-tiên ngôn: Nhiên. Chư diêm vị giai đương dụng thiết biệt tri nhĩ.

王復問那先言。車載鹽牛軛鹽。車牛寧能別知鹽味不。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Xa tải diêm, ngưu ách diêm, xa ngưu ninh năng biệt tri diêm vị phủ?

那先言。車牛不能別知知鹽味也。

Na-tiên ngôn: Xa ngưu bất năng biệt tri, tri diêm vị dã.

王問那先言。鹽味寧可稱不。

Vương vấn *Na-tiên* ngôn: Diêm vị ninh khả xưng phủ?

那先言。王智乃爾能稱鹽味。

Na-tiên ngôn: Vương trí nãi nhĩ năng xưng diêm vị.

那先言。鹽味不可稱也。其輕重可稱耳。

Na-tiên ngôn: Diêm vị bất khả xưng dã. Kỳ khinh trọng khả xưng nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。凡人身中五知作衆事所成耶。作一事成五知耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Phàm nhân thân trung ngũ tri tác chúng sự sở thành da? Tác nhất sự thành ngũ tri da?

那先言。作衆事所成。非一事所成也。譬如一地五穀當生時各各自生動類人身中五事皆用衆事各所生。

Na-tiên ngôn: Tác chúng sự sở thành phi nhất sự sở thành dã. Thí như nhất địa, ngũ cốc đương sanh thời các tự sanh. Động loại nhân thân trung ngũ sự giai dụng chúng sự, các sở sanh.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先。世間人頭鬚髮膚面目耳鼻口身體四支手足皆完具。何故中有壽命長者。中有短命者。有多病者。中有少病者。中有貧者。中有富者。中有貴者。中有賤者。中有大士者。中有小士者。中有端正者。中有醜者。中有為人所信者。中有為人所疑者。中有明孝者。中有愚者。何故不同。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Thế gian nhân đầu tu phát phu diện mục nhĩ tỉ khẩu thân thể tứ chi thủ túc giai hoàn cụ. Hà cố trung hữu thọ mạng trường giả. Trung hữu đoản mạng giả, hữu đa bệnh giả, trung hữu thiếu bệnh giả, trung hữu bản giả, trung hữu phú giả, trung hữu quý giả, trung hữu tiện giả, trung hữu đại sĩ giả, trung hữu tiểu sĩ giả, trung hữu đoan chánh giả, trung hữu xú giả, trung hữu vi nhân sở tín giả, trung hữu vi nhân sở nghi giả, trung hữu minh hiếu giả, trung hữu ngu giả, hà cố bất đồng?

那先言。譬如諸樹木果衆中有醋不甜者。中有苦者。中有辛者。中有甜者。中有正醋者。

Na-tiên ngôn: Thí như chư thọ mộc quả, chúng trung hữu thố bất diêm giả, trung hữu khổ giả, trung hữu tân giả, trung hữu diêm giả, trung hữu chánh thố giả.

那先問王言。是皆樹木何故不同。

Na-tiên vấn vương ngôn: Thị giai thọ mộc, hà cố bất đồng?

王言。所以不同者。其裁各自異。

Wương ngôn: Sở dĩ bất đồng giả, kỳ tài các tự dị.

那先言。人亦如是。心所念者各各異。是故令世間人不同耳。中有短命者。中有長命者，中有多病者，中有少病者，中有富者，中有貧者，中有貴者，中有賤者，中有大士者，中有小士者，中有端正者，中有醜者，中有語用者，中有語不用者，中有明者，中有愚者。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thị. Tâm sở niệm giả các các dị. Thị cố linh thể gian nhân bất đồng nhĩ. Trung hữu đoản mạng giả, trung hữu trường mạng giả, trung hữu đa bệnh giả, trung hữu thiếu bệnh giả, trung hữu phú giả, trung hữu bần giả, trung hữu quý giả, trung hữu tiện giả, trung hữu đại sĩ giả, trung hữu tiểu sĩ giả, trung hữu đoan chánh giả, trung hữu xú giả, trung hữu ngu dụng giả,

trung hữu ngu giả, trung hữu minh giả, trung hữu ngu giả.

那先言。是故佛所言隨其人作善惡自當得之。中有豪貴者，中有貧窮者。皆是前世宿命世作善惡，各自隨其德得之。

Na-tiên ngôn: Thị cố Phật sở ngôn: Tùy kỳ nhân tác thiện ác tự đương đắc chi. Trung hữu hào quý giả, trung hữu bần cùng giả, giai thị tiền thế túc mạng thế tác thiện ác các tự tùy kỳ đức đắc chi.

王言。善哉善哉。

Wương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先言。人有欲作善者。當前作之耶。當後作之乎。

Wương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Nhân hữu dục tác thiện giả, đương tiền tác chi da? Đương hậu tác chi hồ?

那先言。當居前作之，在後作之，不能益人也。居前作者有益於人。

Na-tiên ngôn: Đương cư tiền tác chi, tại hậu tác chi, bất năng ích nhân dã. Cư tiền tác giả hữu ích ư nhân.

那先問王言。王渴欲飲時使人掘地作井。能赴王渴不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Vương khát dục ẩm thời sử nhân quật địa tác tĩnh, năng phó vương khát phủ?

王言。不赴渴也。當居前作井耳。

Vương ngôn: Bất phó khát dã. Đương cư tiên tác tĩnh nhĩ.
那先言。人亦如是。人所居皆當居前。在後作者無益也。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thị. Nhân sở cư giai đương cư tiên, tại hậu tác giả, vô ích dã.

那先問王。王飢時乃使人耕地糞地種穀。飢寧用飯耶。當豫有儲。

Na-tiên vấn vương: Vương cơ thời nãi sử nhân canh địa phẩn địa chủng cốc, cơ ninh dụng phạn da? Đương dự hữu trừ.

王言。不也。當先有儲貯。

Vương ngôn: Bất dã. Đương tiên hữu trừ trừ.

那先言。人亦如是。當先作善。有急乃作善者無益身也。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thị. Đương tiên tác thiện hữu cấp nãi tác thiện giả, vô ích thân dã.

那先問王。譬如王有怨。當臨時出戰鬥。王能使人教馬教象教人作戰鬥具乎。

Na-tiên vấn vương: Thí như vương hữu oán, đương lâm thời xuất chiến đấu. Vương năng sử nhân giáo mã giáo tượng giáo nhân tác chiến đấu cụ hồ?

王言。不也。當宿有儲貯。臨時便可戰鬥。臨時教馬教象教人無益也。

Vương ngôn: Bất dã. Đương túc hữu trừ trừ, lâm thời tiện khả chiến đấu. Lâm thời giáo mã, giáo tượng, giáo nhân vô ích dã.

那先言。佛經說言。人當先自念身作善。在後作善無益也。

Na-tiên ngôn: Phật kinh thuyết ngôn: Nhân đương tiên tự niệm, thân tác thiện, tại hậu tác thiện vô ích dã.

那先言。王莫棄大道就邪道。無效愚人棄善作惡。後坐啼哭無所益也。人家棄捐忠正就於不正。臨死時悔在後。

Na-tiên ngôn: Vương mạc khí đại đạo tựu tà đạo, vô hiệu ngu nhân khí thiện tác ác. Hậu tọa đề khóc vô sở ích dã. Nhân gia khí quyên trung chánh, tựu ư bất chánh, lâm tử thời hối tại hậu.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

王復問那先。卿曹諸沙門言。世間火不如泥犁中火熱也。卿曹復言。持小石著世間火中。至暮不消也。卿曹復言。極取大石著泥犁火中即消盡。是故我不信也。卿曹復言。人作惡死在泥犁中。數千萬歲其人不消死。是故我重不信是語也。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh tào chư *sa-môn* ngôn thế gian hỏa bất như *Nê-lê* trung hỏa nhiệt dã. Khanh tào phục ngôn: Trì tiểu thạch trước thế gian hỏa trung chí mộ bất tiêu dã. Khanh tào phục ngôn: Cực thủ đại thạch trước *Nê-lê* hỏa trung tức tiêu tận. Thị cố ngã bất tín dã. Khanh tào phục ngôn: Nhân tác ác tử tại *Nê-lê* trung số thiên vạn tuế, kỳ nhân bất tiêu tử, thị cố ngã trùng bất tín thị ngữ dã.

那先問王。王寧聞見水中有雌蟒，雌蛟，雌鱉，雌蟹懷子以沙石為食不。

Na-tiên vấn vương: Vương ninh văn kiến thủy trung hữu thư mãng, thư giao, thư miết, thư giải hoài tử dĩ sa thạch vi thực phủ?

王言。然。皆以是為食。

Vương ngôn: Nhiên. Giai dĩ thị vi thực.

那先問王。沙石在腹中寧消不。

Na-tiên vấn vương: Sa thạch tại phúc trung ninh tiêu phủ?

王言。然皆消。

Vương ngôn: Nhiên, giai tiêu.

那先言。其腹中懷子寧復消不。

Na-tiên ngôn: Kỳ phúc trung hoài tử ninh phục tiêu phủ?

王言。不消也。

Vương ngôn: Bất tiêu dã.

那先言。何以故不消。

Na-tiên ngôn: Hà dĩ cố bất tiêu?

王言。相祿獨當然故不消。

Vương ngôn: Tương lộc độc đương nhiên cố bất tiêu.

那先言。泥犁中人亦如是。數千萬歲不消死者。其所作罪過未盡故不消死。

Na-tiên ngôn: *Nê-lê* trung nhân diệc như thị. Số thiên vạn tuế bất tiêu tử giả. Kỳ nhân sở tác tội quá vị tận, cố bất tiêu tử.

那先問王言。雌師子雌虎雌狗雌貓懷子。皆肉食噉骨入腹中時寧消不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Thư sư tử, thư hổ, thư cẩu, thư miêu hoài tử, giai nhục thực đạm cốt nhập phúc trung thời ninh tiêu phủ.

王言。皆消盡。

Vương ngôn: Giai tiêu tận.

那先問王言。其腹懷子寧復消不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Kỳ phúc hoài tử ninh phục tiêu phủ?

王言。不消也。

Vương ngôn: Bất tiêu dã.

那先言。用何故不消。

Na-tiên ngôn: Dụng hà cố bất tiêu?

王言。獨用祿相故不消也。

Vương ngôn: Độc dụng lộc tương cố bất tiêu dã.

那先言。泥犁中人亦如是。數千萬歲不消死者。泥犁中人所作過惡未解故不消死。

Na-tiên ngôn: *Nê-lê* trung nhân diệc như thị. Sở thiên vạn tuế bất tiêu tử giả. *Nê-lê* trung nhân sở tác quá ác vị giải cố bất tiêu tử.

那先問王言。雌牛雌馬雌驢雌麋雌鹿懷子。皆食草芻為餐不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Thụ ngu, thụ mã, thụ lô, thụ my, thụ lộc hoài tử giai thực thảo sô vi xan phủ?

王言。然。皆以是為食。

Wương ngôn: Nhiên, giai dĩ thị vi thực.

那先言。其芻草寧於腹中消盡不。

Na-tiên ngôn: Kỳ sô thảo ninh ư phúc trung tiêu tận phủ?

王言。皆消盡。

Wương ngôn: Giai tiêu tận.

那先言。其腹中子寧消盡不。

Na-tiên ngôn: Kỳ phúc trung tử ninh tiêu tận phủ?

王言。不消盡也。

Wương ngôn: Bất tiêu tận dã.

那先言。何故不消盡。

Na-tiên ngôn: Hà cố bất tiêu tận?

王言。獨以相祿當然故使不消盡。

Wương ngôn: Độc dĩ tương lộc đương nhiên cố sử bất tiêu tận.

那先言。泥犁中人亦如是。是罪過未盡故不消死。

Na-tiên ngôn: *Nê-lê* trung nhân diệc như thị. Thị tội quá vị tận cố bất tiêu tử.

那先問王言。夫人及長者富家女。飲食皆美恣意食。食於腹中寧消不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Phu nhân cập trưởng giả phú gia nữ ẩm thực giai mỹ tư ý thực, thực ư phúc trung ninh tiêu phủ.

王言。皆消。

Wương ngôn: Giai tiêu.

那先問王言。腹中懷子寧消不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Phúc trung hoài tử ninh tiêu phủ?

王言。不消也。

Wương ngôn: Bất tiêu dã.

那先言。何以故不消。

Na-tiên ngôn: Hà dĩ cố bất tiêu?

王言。獨相祿故使不消也。

Wương ngôn: Độc tương lộc cố sử bất tiêu dã.

那先言。泥犁中人亦如是。所以數千歲不消死者。用先世作惡故未解故不消死。

Na-tiên ngôn: *Nê-lê* trung nhân diệc như thị. Sở dĩ số thiên tuế bất tiêu tử giả, dụng tiên thế tác ác cố vị giải, cố bất tiêu tử.

那先言。人在泥犁中長在泥犁中老過盡乃當死。

Na-tiên ngôn: Nhân tại *Nê-lê* trung, trưởng tại *Nê-lê* trung, lão quá tận nãi đương tử.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。卿曹諸沙門言。天下地皆在水上。水在風上。風在空上。我不信是也。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh tào chư *sa-môn* ngôn Thiên hạ địa giai tại thủy thượng, thủy tại phong thượng, phong tại không thượng. Ngã bất tín thị dã.

那先便前取王書水適以三指撮舉之問王言。是中水為風所持不。

Na-tiên tiện tiền thủ vương thư thủy thích dĩ tam chỉ toát cử chi vấn vương ngôn: Thị trung thủy vi phong sở trì phủ.

王言。然。為風所持。

Vương ngôn: Nhiên. Vi phong sở trì.

那先言。風持水亦如是。

Na-tiên ngôn: Phong trì thủy diệc như thị.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言。泥洹道皆過去無所復有耶。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: *Nê-hoàn* đạo giai quá khứ vô sở phục hữu da?

那先言。泥洹道無所復有也。

Na-tiên ngôn: *Nê-hoàn* đạo vô sở phục hữu dã.

那先言。愚癡之人徑來索內外身愛。

坐是故不能得度脫於老病死。

Na-tiên ngôn: Ngu si chi nhân kính lai sách nội ngoại thân ái tọa thị cố bất năng đắc độ thoát ư lão bệnh tử.

那先言。智者學道人內外身不著也。

人無有恩愛無有恩愛者無貪欲。無貪欲者無有胞胎。無有胞胎者不生不老。不生不老不病不死。不病不憂不哭。不憂不哭不內心痛。便得泥洹道。

Na-tiên ngôn: Trí giả học đạo nhân nội ngoại thân bất trước dã. Nhân vô hữu ân ái, vô hữu ân ái giả, vô tham dục. Vô tham dục giả vô hữu bào thai. Vô hữu bào thai giả bất sanh bất lão, bất sanh bất lão bất bệnh bất tử, bất bệnh bất ưu bất khốc, bất ưu bất khốc bất nội tâm thống, tiện đắc *Nê-hoàn* đạo.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先言。諸學道者悉能得泥洹道不。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Chư học đạo giả tất năng đắc *Nê-hoàn* đạo phủ?

那先言。不能悉得泥洹道也。正向善道者學知正事。當所奉行者奉行之。不當奉行者遠棄之當所念者念。不當所念者棄之。人如是者得泥洹道。

Na-tiên ngôn: Bất năng tất đắc *Nê-hoàn* đạo dã. Chánh hướng thiện đạo giả, học tri chánh sự, đương sở phụng hành giả, phụng hành chi, bất đương phụng hành giả, viễn khí chi. Đương sở niệm giả, niệm. Bất đương sở niệm giả, khí chi. Nhân như thị giả, đắc *Nê-hoàn* đạo.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人不得泥洹道者。寧知泥洹道為快不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân bất đắc *Nê-hoàn* đạo giả ninh tri *Nê-hoàn* đạo vi khoái phủ?

那先言。然。雖未得泥洹道。由知泥洹道為快也。

Na-tiên ngôn: Nhiên. Tuy vị đắc *Nê-hoàn* đạo. Do tri *Nê-hoàn* đạo vi khoái dã.

王言。人未得泥洹道者。何以知為快耶。

Vương ngôn: Nhân vị đắc *Nê-hoàn* đạo giả, hà dĩ tri vi khoái da?

那先問王言。人生未嘗截手足為痛處。

Na-tiên vấn vương ngôn: Nhân sanh vị thường tiệt thủ túc vi thống xứ?

王言。人雖未嘗更截手足。由知為痛也。

Vương ngôn: Nhân tuy vị thường cánh tiệt thủ túc do tri vi thống dã.

那先言。何用知為痛也。

Na-tiên ngôn: Hà dụng tri vi thống dã?

王言。其人截手足時呻呼用是知為痛。

Vương ngôn: Kỳ nhân tiệt thủ túc thời, thân hô dụng thị tri vi thống.

那先言。人亦如是。前得泥洹道者轉相語泥洹道快。用是故信之。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thị. Tiền đắc *Nê-hoàn* đạo giả chuyển tương ngữ *Nê-hoàn* đạo khoái, dụng thị cố tín chi.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。那先寧曾見佛不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: *Na-tiên* ninh từng kiến Phật phủ?

那先言。未曾見也。

Na-tiên ngôn: Vị tầng kiến dã.

王言。那先諸師寧曾見佛不。

Vương ngôn: *Na-tiên* chư sư ninh tầng kiến Phật phủ.

那先言。諸師亦不見佛也。

Na-tiên ngôn: Chư sư diệc bất kiến Phật dã.

如使那先及諸師不見佛者，定為無有佛也。

Như sử *Na-tiên* cập chư sư bất kiến Phật giả, định vi vô hữu Phật dã.

那先問王言。王見五百水所合聚處不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Vương kiến ngũ bách thủy sở hiệp tụ xứ phủ?

王言。我不見也。

Vương ngôn: Ngã bất kiến dã.

那先言。王父及太父皆見是水不。

Na-tiên ngôn: Vương phụ cập thái phụ giai kiến thị thủy phủ?

王言。皆不見也。

Vương ngôn: Giai bất kiến dã.

那先言。王父及太父皆不見此五百水合聚處。天下定為無此五百水所聚處耶。

Na-tiên ngôn: Vương phụ cập thái phụ giai bất kiến thử ngũ bách thủy hiệp tụ xứ, thiên hạ định vi vô thử ngũ bách thủy sở tụ xứ da?

王言。雖我父及太父皆不見此水者。實有此水。

Vương ngôn: Tuy ngã phụ cập thái phụ giai bất kiến thử thủy giả, thật hữu thử thủy.

那先言。雖我諸師不見佛者。其實有佛。

Na-tiên ngôn: Tuy ngã chư sư bất kiến Phật giả, kỳ thật hữu Phật.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

世道者常在不滅。

Thế đạo giả thường tại bất diệt.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王言。如人得道後世不復生者後寧復更苦不。

Vương ngôn: Như nhân đắc đạo, hậu thế bất phục sanh giả, hậu ninh phục cánh khổ phủ?

那先言。或有更苦者，或有不更苦者。

Na-tiên ngôn: Hoặc hữu cánh khổ giả, hoặc hữu bất cánh khổ giả.

王言。更苦不更苦云何。

Vương ngôn: Cánh khổ bất cánh khổ vân hà?

那先言。身更苦耳心意不更苦。

Na-tiên ngôn: Thân cánh khổ nhĩ, tâm ý bất cánh khổ.

王言。身更苦，心意不更苦云何。

Vương ngôn: Thân cánh khổ, tâm ý bất cánh khổ vân hà?

那先言。身所以更苦者。其身見在故更苦心意棄捐諸惡，無有諸欲。是故不復更苦。

Na-tiên ngôn: Thân sở dĩ cánh khổ giả, kỳ thân kiến tại cố cánh khổ. Tâm ý khí quyên chư ác, vô hữu chư dục, thị cố bất phục cánh khổ.

王言。假令得道人不能得離身苦者，是為未得泥洹道耶。

Vương ngôn: Giả linh đắc đạo nhân bất năng đắc ly thân khổ giả, thị vi vị đắc *Nê-hoàn* đạo da?

那先言。人得道已無所恩愛身苦意安何用為得道。

Na-tiên ngôn: Nhân đắc đạo dĩ vô sở ân ái, thân khổ ý an, hà dụng vi đắc đạo?

王言。假令人得道已成當復何留。

Vương ngôn: Giả linh nhân đắc đạo dĩ thành, đương phục hà lưu?

那先言。譬如果物未熟不強熟也。已熟亦無所復待。

Na-tiên ngôn: Thí như quả vật vị thực bất cưỡng thực dã. Dĩ thực diệc vô sở phục đãi.

那先言。王屬所道者舍犁曰所說舍犁曰在時言。我亦不求死我亦不求生我但須時可時至便去。

Na-tiên ngôn: Vương chúc sở đạo giả, xá lê viết sở thuyết xá lê viết tại thời ngôn. Ngã diệc bất cầu tử, ngã diệc bất cầu sanh, ngã đản tu thời khả thời chí tiện khứ.

王言。善哉善哉。

Vương ngôn: Thiện tai, thiện tai.

那先比丘經

NA TIÊN TỖ-KHEO KINH

卷下

QUYỂN HẠ

失譯人名

Thất dịch nhân danh

王復問言。無有復勝佛者耶。

Vương phục vấn ngôn: Vô hữu phục thắng Phật giả da?

那先言。然。無有勝佛者。

Na-tiên ngôn: Vô hữu thắng Phật giả.

王復問。何以知為無有勝佛者。

Vương phục vấn: Hà dĩ tri vi vô hữu thắng Phật giả?

那先問王言。如人未曾入大海中。寧

知海水為大不。有五河，河有五百小

河，流入大河。一者名恒。二者名信他。三者名私他。四者名叉。五者名施披夷。爾五河水晝夜流入海。海水亦不增不減。

Na-tiên vấn vương ngôn: Như nhân vị tăng nhập đại hải trung, ninh tri hải thủy vi đại phủ? Hữu ngũ hà, hà hữu ngũ bách tiểu hà lưu nhập đại hà. Nhất giả danh Hằng, nhị giả danh Tín-tha, tam giả danh Tư-tha, tứ giả danh Tể-xoa, ngũ giả danh Thi-phi-di. Nhĩ ngũ hà thủy trú dạ lưu nhập hải, hải thủy diệc bất tăng bất giảm.

那先言。王寧能聞知不。

Na-tiên ngôn: Vương ninh năng văn tri phủ?

王言。實知。

Vương ngôn: Thật tri.

那先言。以得道人共道說無有能勝佛者。是故我信之。

Na-tiên ngôn: Dĩ đắc đạo nhân cộng đạo thuyết vô hữu năng thắng Phật giả. Thị cố ngã tín chi.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。何用知無有能勝佛者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà dụng tri vô hữu năng thắng Phật giả?

那先問王。造作書師者為誰。

Na-tiên vấn vương: Tạo tác thơ sư giả vi thù?

王言。造書師者名質。

Vương ngôn: Tạo thơ sư giả danh Chất.

那先言。王寧曾見質不。

Na-tiên ngôn: Vương ninh từng kiến Chất phủ?

王言。質以死久遠未曾見。

Vương ngôn: Chất dĩ tử cửu viễn vị từng kiến.

那先言。王未曾見質。何用知質為造書師。

Na-tiên ngôn: Vương vị từng kiến Chất, hà dụng tri Chất vi tạo thơ sư?

王言。持古時書字轉相教告。用是故我知名為質。

Vương ngôn: Trì cổ thời thơ tự chuyển tương giáo cáo dụng thị cổ ngã tri danh vi Chất.

那先言。用是故我曹見佛經戒。如見佛無異。佛所說經道甚深快。人知佛經戒已後便轉相教。用是故我知為無有能勝佛者。

Na-tiên ngôn: Dụng thị cổ ngã từng kiến Phật kinh giới như kiến Phật vô dị. Phật sở thuyết kinh đạo thậm thâm khoái, nhân tri Phật kinh giới dĩ hậu tiện chuyển tương giáo, dụng thị cổ ngã tri vi vô hữu năng thắng Phật giả.

王復問那先。自見佛經道可久行之。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Tự kiến Phật kinh đạo khả cửu hành chi?

那先言。佛所施教禁經戒甚快。當奉行之至老。

Na-tiên ngôn: Phật sở thi giáo cấm kinh giới thậm khoái, đương phụng hành chi chí lão.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先人死已後身不隨後世生耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân tử dĩ hậu thân bất tùy hậu thế sanh da?

那先言。人死已後更受新身故身不隨。

Na-tiên ngôn: Nhân tử dĩ hậu cánh thọ tân thân, cố thân bất tùy.

那先言。譬如燈中炷更相然。故炷續在新炷更然。人身如是。故身不行更受新身。

Na-tiên ngôn: Thí như đăng trung chú cánh tương nhiên, cố chú tục tại, tân chú cánh nhiên. Nhân thân như thị. Cố thân bất hành cánh thọ tân thân.

那先問王。王小時從師學書讀經不。

Na-tiên vấn vương: Vương tiểu thời tùng sư học thơ tục kinh phủ?

王言。然。我續念之。

Vương ngôn: Nhiên. Ngã tục niệm chi.

那先問王。王所從師受經書。師寧復知。本經書耶。悉舊得其本經書。

Na-tiên vấn vương: Vương sở tùng sư thọ kinh thư, sư ninh phục tri bản kinh thư da? Tất cựu đắc kỳ bản kinh thư.

王言。不也。師續自知本經書耳。

Vương ngôn: Bất dã. Sư tục tự tri bản kinh thư nhĩ.

那先言。人身如此。置故更受新身。

Na-tiên ngôn: Nhân thân như thử. Trí cố cánh thọ tân thân.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。審為有智無。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Thẩm vi hữu trí vô?

那先言。無有智。

Na-tiên ngôn: Vô hữu trí.

那先言。譬如人盜他人果蓏。盜者寧有過無。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân đạo tha nhân quả lã. Đạo giả ninh hữu quá vô?

王言。有過。

Vương ngôn: Hữu quá.

那先言。初種栽時上無果蓏。何緣盜者當有過。

Na-tiên ngôn: Sơ chủng tài thời thượng vô quả lã hà duyên đạo giả đương hữu quá?

王言。設不種栽何緣有果。是故盜者無狀。

Vương ngôn: Thiết bất chủng tài hà duyên hữu quả? Thị cố đạo giả vô trạng.

那先言。人亦如是。用今世作善惡。生於後世更受新身。

Na-tiên ngôn: Nhân diệt như thị. Dụng kim thế tác thiện ác sanh ư hậu thế, cánh thọ tân thân.

王言。人用是故身行作善惡。更新善惡所在。

Vương ngôn: Nhân dụng thị cố thân, hành tác thiện ác, cánh tân thiện ác sở tại?

那先言。人諸所作善惡隨人。如影隨身。人死但亡其身。不亡其行。譬如然火夜書。火滅其字續在。火至復成之。今世所作行後世成。如受之如是。

Na-tiên ngôn: Nhân chư sở tác thiện ác tùy nhân như ảnh tùy thân. Nhân tử đản vong kỳ thân bất vong kỳ hành. Thí như nhiên hỏa dạ thư, hỏa diệt kỳ tự tục tại.

Hỏa chí phục thành chi, kim thể sở tác hành hậu thế thành như thọ chi như thị.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王言那先。寧能分別指視善惡所在不耶。

Vương ngôn *Na-tiên*: Ninh năng phân biệt chỉ thị thiện ác sở tại phủ da?

那先言。不可得知善惡所在。

Na-tiên ngôn: Bất khả đắc tri thiện ác sở tại.

那先問王。樹木未有果時言寧能分別指視言其枝間無有果。寧可豫知之不耶。

Na-tiên vấn vương: Thọ mộc vị hữu quả thời, ngôn ninh năng phân biệt chỉ thị ngôn kỳ chi gian vô hữu quả, ninh khả dự tri chi bất da?

王言。不可知。

Vương ngôn: Bất khả tri.

那先言。人未得道不能豫知善惡所在。

Na-tiên ngôn: Nhân vị đắc đạo bất năng dự tri thiện ác sở tại.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問人當於後世生者。寧能自知不。

Vương phục vấn: Nhân đương ư hậu thế sanh giả, ninh năng tự tri phủ?

那先言。其當生者自知。

Na-tiên ngôn: Kỳ đương sanh giả tự tri.

王言。何用知之。

Vương ngôn: Hà dụng tri chi?

那先言。譬如田家耕種天雨時節。其人寧豫知當得穀不。

Na-tiên ngôn: Thí như điền gia canh chủng. Thiên vũ thời tiết. Kỳ nhân ninh dự tri đương đắc cốc phủ.

王言。然。猶知當得穀多。

Vương ngôn: Nhiên. Do tri đương đắc cốc đa.

那先言。人亦如是。人當於後世生豫自知。

Na-tiên ngôn: Nhân diệc như thị. Nhân đương ư hậu thế sanh dự tự tri.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。審有泥洹無。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Thẩm hữu Nê-hoàn vô?

那先言。審有。

Na-tiên ngôn: Thẩm hữu.

王言。那先寧能指示我佛在某處不。

Vương ngôn *Na-tiên*: Ninh năng chỉ thị ngã Phật tại mỗ xứ phủ?

那先言。不能指示佛在某處。佛以般泥洹去不可得指示指示見處。

Na-tiên ngôn: Bất năng chỉ thị Phật tại mỗ xứ. Phật dĩ bát *Nê-hoàn* khứ bất khả đắc chỉ thị. Chỉ thị kiến xứ.

那先言。譬如人然大火。以即滅其火。火寧可復指示知光所在不。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân nhiên đại hỏa dĩ tức diệt kỳ hỏa. Hỏa ninh khả phục chỉ thị tri quang sở tại phủ?

王言。不可知處。

Vương ngôn: Bất khả tri xứ.

那先言。佛以般泥洹去不可復知處。

Na-tiên ngôn: Phật dĩ bát *Nê-hoàn* khứ, bất khả phục tri xứ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。沙門寧。自愛其身不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: *Sa-môn* ninh tự ái kỳ thân phủ?

那先言。沙門不自愛其身。

Na-tiên ngôn: *Sa-môn* bất tự ái kỳ thân.

王言。如令沙門不自愛其身者。何以故。自消息臥欲得安溫軟。飲食欲得美善自護視何以故。

Vương ngôn: Như linh *sa-môn* bất tự ái kỳ thân dã, hà dĩ cố tự tiêu tức ngọa dục đắc an ôn nhuyễn, ẩm thực dục đắc mỹ thiện tự hộ, thị hà dĩ cố?

那先問王言。寧曾入戰鬥中不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Ninh tăng nhập chiến trận trung phủ?

王言。然。我曾入戰鬥中。

Vương ngôn: Ninh. Ngã tăng nhập chiến trận trung.

那先言。在戰鬥中曾為刀刃箭所中不。

Na-tiên ngôn: Tại chiến trận trung tăng hữu đao nhận tiễn sở trúng phủ?

王言。我曾頗為刀刃所中。

Vương ngôn: Ngã tăng phả vị đao nhận sở trúng.

那先問王。刀刃矛箭瘡柰何。

Na-tiên vấn vương: Đao nhận mâu tiễn thương nại hà?

王言。我以膏藥綿絮裹耳。

Vương ngôn: Ngã dĩ cao dược cảm như lý nhĩ.

那先問王言。王為愛瘡故以膏藥綿絮裹耶。

Na-tiên vấn vương ngôn: Vương vị ái thương cố dĩ cao được miên như lý da?

王言。我不愛瘡。

Wương ngôn: Ngã bất ái thương.

那先言。殊不愛瘡者。何以持膏藥綿絮裹以護之。

Na-tiên ngôn: Thù bất ái thương giả, hà dĩ trì cao dược miên như lý nhĩ hộ chi?

王言。我欲使疾愈耳。不愛其瘡。

Wương ngôn: Ngã dục sử tật dữ nhĩ, bất ái kỳ thương.

那先言。沙門亦如是。不愛其身。雖飲食心不樂。不用作美。不用作好。不用作肌色。趣欲支身體奉行佛經戒耳。佛經說言。人有九孔。為九矛瘡。諸孔皆臭處不淨。

Na-tiên ngôn: Sa-môn diệp như thị. Bất ái kỳ thân. Tuy ẩm thực tâm bất lạc, bất dụng tác mỹ, bất dụng tác hảo, bất dụng tác cơ sắc, thú dục chi thân thể phụng hành Phật kinh giới nhĩ. Phật kinh thuyết ngôn: Nhân hữu cửu khổng vì cửu mâu thương. Chư khổng giai xú xú bất tịnh.

王言。善哉。

Wương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。佛為審有三十二相八十種好身皆金色有光影耶。

Wương phục vấn *Na-tiên*: Phật vi thẩm hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thân giai kim sắc, hữu quang ảnh da?

那先言。佛審有三十二相八十種好皆有金色有光影。

Na-tiên ngôn: Phật thẩm hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, giai hữu kim sắc, hữu quang ảnh.

王言。佛父母寧復有三十二相八十種好身皆金色有光影耶。

Wương ngôn: Phật phụ mẫu ninh phục hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thân giai kim sắc, hữu quang ảnh da?

那先言。佛父母無是相。

Na-tiên ngôn: Phật phụ mẫu vô thị tướng.

王言。如使父母無是相者。佛亦無是相。

Wương ngôn: Như sử phụ mẫu vô thị tướng giả, Phật diệp vô thị tướng.

王復言。人生子像其種類。父母無有是相者。佛定無是相。

Wương phục ngôn: Nhân sanh tử tượng kỳ chủng loại phụ mẫu vô hữu thị tướng giả, Phật định vô thị tướng.

那先言。佛父母雖無是三十二相八十種好身金色者。佛審有是相。

Na-tiên ngôn: Phật phụ mẫu tuy vô thị tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thân kim sắc giả, Phật thẩm hữu thị tướng.

那先問王。王曾見蓮華不。

Na-tiên vấn vương: Vương tăng kiến liên hoa phủ?

王言。我見之。

Vương ngôn: Ngã kiến chi.

那先言。此蓮華生於地。長於泥水之中。色甚香好寧復像類泥水色不。

Na-tiên ngôn: Thử liên hoa sanh ư địa, trưởng ư nê thủy chi trung, sắc thậm hương hảo, ninh phục tướng loại nê thủy sắc phủ?

王言。不像類地泥水色。

Vương ngôn: Bất tướng loại địa nê thủy sắc.

那先言。雖佛父母無是諸相者。佛審有是諸相。佛生於世間長於世間。而不像世間之事。

Na-tiên ngôn: Tuy Phật phụ mẫu vô thị chư tướng giả, Phật thẩm hữu thị chư tướng. Phật sanh ư thế gian, trưởng ư thế gian, nhi bất tướng thế gian chi sự.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。佛審如第七天王梵所行。不與婦女交會不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Phật thẩm như đệ thất Thiên vương phạm sở hành, bát dữ phụ nữ giao hội phủ?

那先言。然。審離於婦女。淨潔無瑕穢。

Na-tiên ngôn: Nhiên. Thẩm ly ư phụ nữ tịnh khiết vô hà uế.

王言。假令佛如第七天王所行者。佛為第七天王梵弟子。

Vương ngôn: Giả linh Phật như đệ thất thiên vương sở hành giả. Phật vi đệ thất thiên vương phạm đệ tử.

那先問王。第七天王者有念無念。

Na-tiên vấn vương: Đệ thất thiên vương giả hữu niệm vô niệm?

王言。第七天王梵有念。

Vương ngôn: Đệ thất thiên vương phạm hữu niệm.

那先言。是故第七天王梵及上諸天皆為佛弟子。

Na-tiên ngôn: Thị cố đệ thất thiên vương phạm cập thượng chư thiên giai vi Phật đệ tử.

那先問王言。鳥鳴聲何等類。

Na-tiên vấn vương ngôn: Điều minh thanh hà đẳng loại?

王言。鳥鳴聲如鴈聲。

Vương ngôn: Điều minh thanh như nhạn thanh.

那先言。如是鳥為是鴈。弟子各自異類。佛亦如是。非第七天王梵弟子。

Na-tiên ngôn: Như thị diểu thị vi nhạn, đê tử các tự dị loại. Phật diệc như thị. Phi đê thất thiên vương phạm đê tử.

王言。善哉。

Wương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。佛寧悉學知奉行經戒不。

Wương phục vấn *Na-tiên*: Phật ninh tất học tri phụng hành kinh giới phủ.

那先言。佛悉學知奉行經戒。

Na-tiên ngôn: Phật tất học tri phụng hành kinh giới.

王言。佛從誰師受經戒。

Wương ngôn: Phật tùng thùy sư thọ kinh giới?

那先言。佛無師。佛得道時便悉自知諸經道。佛不如諸弟子學知佛所教。

諸弟子皆當奉行至老。

Na-tiên ngôn: Phật vô sư. Phật đắc đạo thời tiện tất tự tri chư kinh đạo. Phật bất như chư đệ tử học tri Phật sở giáo. Chư đệ tử giai đương phụng hành chí lão.

王言。善哉。

Wương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人父母死時悲啼哭淚出。人有聞佛經。亦復悲啼淚出。俱淚出寧有別異不。

Wương phục vấn *Na-tiên*: Nhân phụ mẫu tử thời bi đê khóc lệ xuất, nhân hữu văn Phật kinh diệc phục bi đê lệ xuất. Câu lệ xuất ninh hữu biệt dị phủ?

那先言。人有父母啼泣皆感思愛恩念愁憂苦痛。此曹憂者愚癡憂耳。其有聞佛經道淚出者。皆有慈哀之心。念世間勤苦。是故淚出。其得福甚大。

Na-tiên ngôn: Nhân hữu phụ mẫu đê khắp giai cảm tư ái, ân niệm, sầu ưu khổ thống, thử tào ưu giả ngu si ưu nhĩ. Kỳ hữu văn Phật kinh đạo lệ xuất giả giai hữu tử ai chi tâm, niệm thế gian cần khổ, thị cố lệ xuất, kỳ đắc phước thậm đại.

王言。善哉。

Wương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。以得度脫者。未得度脫者。有何等別異。

Wương phục vấn *Na-tiên*: Dĩ đắc độ thoát giả, vị đắc độ thoát giả, hữu hà đẳng biệt dị?

那先言。人未得度脫者。有貪欲之心。人得度脫者。無有貪欲之心。但欲趣得飯食支命耳。

Na-tiên ngôn: Nhân vị đắc độ thoát giả hữu tham dục chi tâm. Nhân đắc độ thoát giả vô hữu tham dục chi tâm. Đản dục thú đắc phạn thực chi mạng nhĩ.

王言。我見世間人。皆欲快身欲得美食無有厭足。

Vương ngôn: Ngã kiến thế gian nhân giai dục khoái thân, dục đắc mỹ thực, vô hữu yếm túc.

那先言。人未得度脫者。飯食用作榮樂好。人得度脫者。雖飯食不以為樂不以為甘。趣欲支命。

Na-tiên ngôn: Nhân vị đắc độ thoát giả, phạn thực dụng tác vinh lạc hảo. Nhân đắc độ thoát giả tuy phạn thực bất dĩ vi lạc, bất dĩ vi cam, thú dục chi mạng.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人家有所作。念久遠之事不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân gia hữu sở tác, niệm cửu viễn chi sự phủ?

那先言。人愁憂時。皆念久遠之事。

Na-tiên ngôn: Nhân sầu ưu thời, giai niệm cửu viễn chi sự.

王言。用何等念之。用志念耶。用念念耶。

Vương ngôn: Dụng hà đẳng niệm chi? Dụng chí niệm da? Dụng niệm niệm da?

那先問王言。寧曾有所學知以後念之不。

Na-tiên vấn vương ngôn: Ninh tăng hữu sở học tri, dĩ hậu niệm chi phủ?

王言。然我曾有所學知。以後復忽忘之。

Vương ngôn: Nhiên. Ngã tăng hữu sở học tri, dĩ hậu phục hốt vong chi.

那先言。王是時無忘耶。而忘之乎。

Na-tiên ngôn: Vương thị thời vô vong da? Nhi vong chi hồ?

王言。我時妄念。

Vương ngôn: Ngã thời vọng niệm.

那先言。可差王為有象。

Na-tiên ngôn: Khả sai vương vi hữu tượng.

王復問那先。人有所作皆念。如甫始有所作。今見在所作皆用念知耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân hữu sở tác giai niệm như phủ thủy hữu sở tác. Kim kiến tại sở tác giai dụng niệm tri da?

那先言。已去之事皆用念知之。今見在之事亦用念知之。

Na-tiên ngôn: Dĩ khứ chi sự giai dụng niệm tri chi. Kim kiến tại chi sự diệc dụng niệm tri chi.

王言。如是人但念去事。不能復念新事。

Vương ngôn: Như thị nhân đản niệm khứ sự, bất năng phục niệm tân sự.

那先言。假令新者有所作不可念者亦如是。

Na-tiên ngôn: Giả linh tân giả hữu sở tác bất khả niệm giả diệc như thị.

王言。人新學書技巧為唐捐耶。

Vương ngôn: Nhân tân học thư kỹ xảo vi đường quyên da?

那先言。人新學書畫者有念。故令弟子學者有知。是故有念耳。

Na-tiên ngôn: Nhân tân học thư họa giả, hữu niệm, cố linh đệ tử học giả hữu tri. Thị cố hữu niệm nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人用幾事生念耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân dụng kỹ sự sanh niệm da?

那先言。人凡有十六事生念。一者久遠所作生念。二者新有所學生念。三者若有大事生念。四者思善生念。五者曾所更苦生念。六者自思惟生念。七者曾雜所作生念。八者教人生念。

九者像生念。十者曾有所忘生念。十一者因識生念。十二者校計生念。十三者負債生念。十四者一心生念。十五者讀書生念。十六者曾有所寄更見生念。為十六事生。

Na-tiên ngôn: Nhân phạm hữu thập lục sự sanh niệm. Nhất giả cửu viễn sở tác sanh niệm. Nhị giả tân hữu sở học sanh niệm. Tam giả nhược hữu đại sự sanh niệm. Tứ giả tứ thiện sanh niệm. Ngũ giả tăng sở cánh khổ sanh niệm. Lục giả tự tư duy sanh niệm. Thất giả tăng tạp sở tác sanh niệm. Bát giả giáo nhân sanh niệm. Cửu giả tượng sanh niệm. Thập giả tăng hữu sở vong sanh niệm. Thập nhất giả nhân thức sanh niệm. Thập nhị giả hiệu kế sanh niệm. Thập tam giả phụ trái sanh niệm. Thập tứ giả nhất tâm sanh niệm. Thập ngũ giả độc thơ sanh niệm. Thập lục giả tăng hữu sở ký, cánh kiến sanh niệm. Vi thập lục sự sanh.

一。王復問那先。何等為念久者。

Nhất -Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi niệm cửu giả.

那先言。佛弟子阿難女弟子優婆夷鳩離單罷。念億世宿念時事。及餘道人皆能念去世之事。如阿難女弟輩甚衆多。念此以便生念。

Na-tiên ngôn: Phật đệ tử A-nan, nữ đệ tử ưu-bà-di Cưu-thù-đan-bãi niệm ức thế túc niệm thời sự cập dư đạo

nhân giai năng niệm khứ thể chi sự. Như *A-nan* nữ đệ bối thậm chúng đa, niệm thử dĩ tiện sanh niệm.

二。王復問。何等為新所學生念者。

Nhị -Vương phục vấn: Hà đẳng vi tân sở học sanh niệm giả?

那先言。如人曾學知校計。後復忘之。見人校計便更生念。

Na-tiên ngôn: Như nhân tăng học tri hiệu kế hậu phục vong chi, kiến nhân hiệu kế tiện cánh sanh niệm.

三。王復問那先。何等為大事生念者。

Tam -Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi đại sự sanh niệm giả?

那先言。譬如太子立為王。自念為王豪貴。是為大事生念。

Na-tiên ngôn: Thí như thái tử lập vi vương, tự niệm vi vương hào quý, thị vi đại sự sanh niệm.

四。王復問那先。何等為思善生念者。

Tứ -Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi tư thiện sanh niệm giả?

那先言。譬如為人所請呼極善意賓遇待之。其人自念言。昔日為某所請呼善意待人。是為思善生念。

Na-tiên ngôn: Thí như vị nhân sở thỉnh hô cực thiện ý tân ngộ đãi chi. Kỳ nhân tự niệm ngôn: Tích nhật vị mỗ sở thỉnh hô thiện ý đãi nhân. Thị vi tư thiện sanh niệm.

五。王復問那先。何等為更苦生念。

Ngũ -Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi cánh khổ sanh niệm?

那先言。譬如人曾為人所搯捶閉繫牢獄。是為更苦生念。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân tăng vị nhân sở qua chúy bế hệ lao ngục. Thị vi cánh khổ sanh niệm.

六。王復問那先言。何等為自思惟生念者。

Lục -Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi tự tư duy sanh niệm giả?

那先言。譬如曾有所見。若家室宗親及畜生。是為自思惟生念。

Na-tiên ngôn: Thí như tăng hữu sở kiến. Nhược gia thất tông thân cập súc sanh. Thị vi tự tư duy sanh niệm.

七。王復問那先言。何等為曾雜所作生念者。

Thất -Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi tăng tạp sở tác sanh niệm giả?

那先言。譬如人名萬物字類色香臭甜苦。念此語事是為雜生念。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân danh, vạn vật tự loại, sắc, hương, xú, điềm, khổ, niệm thủ ngũ sự, thị vi tạp sanh niệm.

八。王復問那先言。何等為教人生念者。

Bát –Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi giáo nhân sanh niệm giả?

那先言。人自喜忘邊人或有者或忘者。忘為教人生念。

Na-tiên ngôn: Nhân tự hỷ vong biên nhân, hoặc hữu giả hoặc vong giả. Vong vi giáo nhân sanh niệm.

九。王復問那先言。何等為像生念者。

Cửu –Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Hà đẳng vi tượng sanh niệm giả?

那先言。人牛馬各自有像類。是為像生念。

Na-tiên ngôn: Nhân ngưu mã các tự hữu tượng loại. Thị vi tượng sanh niệm.

十。王復問那先。何等為曾所忘生念者。

Thập –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi tàng sở vong sanh niệm giả?

那先言。譬如人卒有所忘。數數獨念得之。是為曾所忘生念。

Na-tiên ngôn: Thí như nhân thốt hữu sở vong, số số độc niệm đắc chi, thị vi tàng sở vong sanh niệm.

十一。王復問那先。何等為因識生念者。

Thập nhất –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi nhân thức sanh niệm giả?

那先言。學書者能求其字。是為因識生念。

Na-tiên ngôn: Học thư giả năng cầu kỳ tự, thị vi nhân thức sanh niệm.

十二。王復問那先。何等為校計生念者。

Thập nhị –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi hiệu kế sanh niệm giả?

那先言。如人共校計成就悉知策術分明。是為校計生念。

Na-tiên ngôn: Như nhân cộng hiệu kế thành tựu, tất tri sách thuật phân minh. Thị vi hiệu kế sanh niệm.

十三。王復問那先。何等為負債生念者。

Thập tam –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi phụ trái sanh niệm giả?

那先言。譬如顧鼓所當債歸。是為債局生念。

Na-tiên ngôn: Thí như cổ cổ sở đương trái quy, thị vi trái cục sanh niệm.

十四。王復問那先。何等為一心生念者。

Thập tứ –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi nhất tâm sanh niệm giả?

那先言。沙門一其心。自念所從來生千億世時事。是我為一其心生念。

Na-tiên ngôn: *Sa-môn* nhất kỳ tâm tự niệm sở tùng lai sanh thiên ức thế thời sự, thị ngã vi nhất kỳ tâm sanh niệm.

十五。王復問那先。何等為讀書生念者。

Thập ngũ –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi độc thơ sanh niệm giả?

那先言。帝王有久古之書。念言某帝某年時書也。是為讀書生念。

Na-tiên ngôn: Đế vương hữu cửu cổ chi thơ, niệm ngôn: mỗ đế, mỗ niên, thời thơ dã. Thị vi độc thơ sanh niệm.

十六。王復問那先。何等為曾有所寄更見生念者。

Thập lục –Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà đẳng vi tăng hữu sở ký cánh kiến sanh niệm giả?

那先言。若人有所寄。更眼見之便生念。是為所寄生念。

Na-tiên ngôn: Nhược nhân hữu sở ký, cánh nhãn kiến chi tiện sanh niệm, thị vi sở ký sanh niệm.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。佛寧悉知去事甫始當來事耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Phật ninh tất tri khứ sự phủ thủy đương lai sự da?

那先言。然。佛悉知之。

Na-tiên ngôn: Nhiên. Phật tất tri chi.

王言。假令佛悉知諸事者。何故不一時教諸弟子。何故稍稍教之。

Vương ngôn: Giả linh Phật tất tri chư sự giả, hà cố bất nhất thời giáo chư đệ tử? Hà cố sảo sảo giáo chi?

那先問王。國中寧有醫師無。

Na-tiên vấn vương: Quốc trung ninh hữu y sư vô?

王言。有醫師。

Vương ngôn: Hữu y sư.

寧能悉知天下諸藥不。

Ninh năng tất tri thiên hạ chư dược phủ?

王言。能悉識知諸藥。

Vương ngôn: Năng tất thức tri chư dược.

那先問王。其醫師治病。為一時與藥。稍稍與之。

Na-tiên vấn vương: Kỳ y sư trị bệnh vi nhất thời dĩ dược sảo sảo dĩ chi?

王言。人未病。不可豫與藥。應病乃與藥耳。

Vương ngôn: Nhân vị bệnh bất khả dự dĩ dược. Ứng bệnh nãi dĩ dược nhĩ.

那先言。佛雖悉知去來見在之事。亦不可一時悉教天下人。當稍稍授經戒令奉行之耳。

Na-tiên ngôn: Phật tuy tất tri khứ lai kiến tại chi sự, diệc bất khả nhất thời tất giáo thiên hạ nhân, đương sảo sảo thọ kinh giới, linh phụng hành chi nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。卿曹沙門言。人在世間作惡。至百歲臨欲死時念佛。死後者皆得生天上。我不信是語。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh tào *sa-môn* ngôn: Nhân tại thế gian tác ác, chí bách tuế lâm dục tử thời niệm

Phật. Tử hậu giả giai đắc sanh thiên thượng. Ngã bất tín thị ngữ.

復言殺一生死即當入泥犁中。我不信是語。

Phục ngôn: Sát nhất sanh, tử tức đương nhập *Nê-lê* trung. Ngã bất tín thị ngữ.

那先問王。如人持小石置水上。石浮耶沒耶。

Na-tiên vấn vương: Như nhân trì tiểu thạch trí thủy thượng, thạch phù da, một da?

王言。其石沒。

Vương ngôn: Kỳ thạch một.

那先言。如令持百枚大石置船上。其船寧沒不。

Na-tiên ngôn: Như linh trì bách mai đại thạch trí thuyền thượng. Kỳ thuyền ninh một phủ?

王言。不沒。

Vương ngôn: Bất một.

那先言。船中百枚大石因船故不得沒。人雖有本惡。一時念佛。用是故不入泥犁中。便得生天上。其小石沒者如人作惡。不知佛經死後便入泥犁中。

Na-tiên ngôn: Thuyền trung bách mai đại thạch nhân thuyền cố bất đắc một. Nhân tuy hữu bốn ác nhất thời niệm Phật dụng thị cố bất nhập *Nê-lê* trung, tiện đắc sanh thiên thượng. Kỳ tiểu thạch một giả, như nhân tác ác bất tri Phật kinh. Tử hậu tiện nhập *Nê-lê* trung.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。卿曹用何等故行學道作沙門。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh tào dụng hà đẳng cố hành học đạo tác *sa-môn*?

那先言。我以過去苦現在苦當來苦。欲棄是諸苦。不欲復受更。故行學道作沙門。

Na-tiên ngôn: Ngã dĩ quá khứ khổ, hiện tại khổ, đương lai khổ, dụng khí thị chư khổ, bất dụng phục thọ cánh, cố hành học đạo tác *sa-môn*.

王復問那先。苦乃在後世。何為豫學道作沙門。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khổ nãi tại hậu thế, hà vi dự học đạo tác *sa-môn*?

那先問王。王寧有敵國怨家欲相攻擊不。

Na-tiên vấn vương: Vương ninh hữu địch quốc oán gia dụng tương công kích phủ?

王言。然。有敵國怨家。常欲相攻擊也。

Vương ngôn: Nhiên. Hữu địch quốc oán gia thường dụng tương công kích dã.

那先問王。敵主臨來時。王乃作鬥具備守掘塹耶。當豫作之乎。

Na-tiên vấn vương: Địch chúa lâm lai thời, vương nãi tác đấu cụ bị, thủ quật tiện da? Đương dự tác chi hồ?

王言。當豫有儲待。

Vương ngôn: Đương dự hữu trừ đãi.

那先問王。用何等故豫作儲待。

Na-tiên vấn vương: Hà dụng đẳng cố dự tác trừ đãi?

王言。備敵來無時故。

Vương ngôn: Bị địch lai vô thời cố.

那先問王。敵尚未來何故豫備之。

Na-tiên vấn vương: Địch thượng vị lai, hà cố dự bị chi?

那先復問王。飢乃田種渴乃掘井耶。

Na-tiên phục vấn vương: Cơ nãi điền chủng, khát nãi quật tĩnh da?

王言。皆當豫作之。

Vương ngôn: Giai đương dự tác chi.

那先言。尚未飢渴。何故豫作調度。

Na-tiên ngôn: Thượng vị cơ khát, hà cố dự tác điều độ?

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。第七梵天去是幾所。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Đệ thất Phạm thiên khứ thị kỷ sở?

那先言。甚遠。令石大如王殿。從第七梵天上墮之。六月日乃墮此間地耳。

Na-tiên ngôn: Thập viễn. Linh thạch đại như vương điện, tòng đệ thất Phạm thiên thượng đọa chi, lục nguyệt nhật nãi đọa thử gian địa nhĩ.

王言。卿曹諸沙門言。得羅漢道。如人屈伸臂頃。以飛上第七梵天上。

Vương ngôn: Khanh tào chư *sa-môn* ngôn đắc *La-hán* đạo, như nhân khuất thân tỷ khoảnh dĩ phi thượng đệ thất Phạm thiên thượng.

王言。我不信是。行數千萬億里。何以疾乃爾耶。

Vương ngôn: Ngã bất tín thị, hành số thiên vạn ức lý, hà dĩ tật nãi nhĩ da?

那先問王。王本生何國。

Na-tiên vấn vương: Vương bản sanh hà quốc?

王言。我本生大秦國。國名阿荔散。

Vương ngôn: Ngã bản sanh Đại Tần quốc, quốc danh *A-lê-tán*.

那先問王。阿荔散去是間幾里。

Na-tiên vấn vương: *A-lê-tán* khứ thị gian kỷ lý?

王言。去二千由旬合八萬里。

Vương ngôn: Khứ nhị thiên do-tuần hiệp bát vạn lý.

那先問王。頗曾於此遙念本國中事不。

Na-tiên vấn vương: Phả tăng ư thử diêu niệm bản quốc trung sự phủ?

王言。然。恒念本國中事耳。

Vương ngôn: Nhiên. Hằng niệm bản quốc trung sự nhĩ.

那先言。王試復更念本國中事。曾有所作為者。

Na-tiên ngôn: Vương thí phục cánh niệm bản quốc trung sự, tăng hữu sở tác vi giả?

王言。我即念已。

Vương ngôn: Ngã tức niệm dĩ.

那先言。王行八萬里。反復何以疾。

Na-tiên ngôn: Vương hành bát vạn lý phản phục hà dĩ tật?

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先若有兩人於此俱時死。一人上生第七梵天。一人生罽賓。去是七百二十里。誰為先到者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhược hữu lưỡng nhân ư thử câu thời tử. Nhất nhân thượng sanh đệ thất Phạm thiên,

nhất nhân sanh Kế Tân, khứ thị thất bách nhị thiên lý.
Thùy vi tiên đáo giả?

那先言。兩人俱時到耳。

Na-tiên ngôn: Lương nhân câu thời đáo nhĩ.

王言。相去遠近大多何以俱至。

Vương ngôn: Tương khứ viễn cận đại đa, hà dĩ câu chí?

那先問王。試念阿荔國。

Na-tiên vấn vương: Thí niệm A-lệ quốc.

王言。我已念之。

Vương ngôn: Ngã dĩ niệm chi.

那先復言。王試復念罽賓。

Na-tiên phục ngôn: Vương thí phục niệm Kế Tân.

王言。我已念之。

Vương ngôn: Ngã dĩ niệm chi.

那先問王念是兩國何所疾者。

Na-tiên vấn vương: Niệm thị lương quốc hà sở tật giả?

王言。俱等耳。

Vương ngôn: Câu đẳng nhĩ.

那先言。兩人俱死。一人生第七梵天上。一人生罽賓。亦等耳。

Na-tiên ngôn: Lương nhân câu tử, nhất nhân sanh đệ thất Phạm thiên thượng, nhất nhân sanh Kế Tân đệ cửu đẳng nhĩ.

那先問王。若有一雙飛鳥。一鳥於大樹上止。一鳥於小卑樹上止。兩鳥俱止。誰影先在地者。

Na-tiên vấn vương: Nhược hữu nhất song phi điểu, nhất điểu ưu đại thọ thượng chỉ, nhất điểu ưu tiểu ty thọ thượng chỉ, lương điểu câu chỉ, thùy ảnh tiên tại địa giả?

王言。其影俱到地耳。

Vương ngôn: Kỳ ảnh câu đáo địa nhĩ.

那先言。兩人俱死。一人生第七梵天上。一人生罽賓。亦俱時至耳。

Na-tiên ngôn: Lương nhân câu tử, nhất nhân sanh đệ thất Phạm thiên thượng, nhất nhân sanh Kế Tân, đệ cửu câu thời chí nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人用幾事學知道。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân dụng kỷ sự học tri đạo?

那先言。用七事學知道。何等為七。一者念善惡之事。二者精進。三者樂道。四者伏意為善。五者念道。六者一心。七者適遇無所憎愛。

Na-tiên ngôn: Dụng thất sự học tri đạo. Hà đẳng vi thất? Nhất giả niệm thiện ác chi sự, nhị giả tinh tấn, tam giả

lạc đạo, tứ giả phục ý vi thiện, ngũ giả niệm đạo, lục giả nhất tâm, thất giả thích ngộ vô sở táng ái.

王復問那先。人用此七事學知道耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân dụng thử thất sự học tri đạo da?

那先言。不悉用七事學知道。智者持智別知善惡。用是一事別知耳。

Na-tiên ngôn: Bất tất dụng thất sự học tri đạo. Trí giả trì trí biệt tri thiện ác, dụng thị nhất sự biệt tri nhĩ.

王復問那先。假令用一事知者何為說七事。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Giả linh dụng nhất sự tri giả, hà đẳng thuyết thất sự?

那先問王。如人持刀著鞘中倚壁。刀寧能自有所割截不。

Na-tiên vấn vương: Như nhân trì đao trước sao trung ỷ bích. Đao ninh năng tự hữu sở cát tiết phủ?

王言。不能有所割截。

Vương ngôn: Bất năng hữu sở cát tiết.

那先言。人心雖明。會當得是六事共成智耳。

Na-tiên ngôn: Nhân tâm tuy minh, hội đương đắc thị lục sự cộng thành trí nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人家作善得福大耶。作惡得殃大耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân gia tác thiện đắc phước đại da? Tác ác đắc ương đại da?

那先言。人作善得福大。作惡得殃小。人家作惡日自悔過。是故其過日小。人家作善日夜自念歡喜。是故得福大。

Na-tiên ngôn: Nhân tác thiện đắc phước đại, tác ác đắc ương tiểu. Nhân gia tác ác, nhật tự hối quá, thị cố kỳ ác nhật tiểu. Nhân gia tác thiện, nhật dạ tự niệm hoan hỷ, thị cố đắc phước đại.

那先言。昔者佛在時其國中有人杻無手足而取蓮華持上佛。佛即告諸比丘言。此杻手足兒，卻後九十一劫，不復墮入泥犁中，畜生薜荔道中。得生天上。天上壽終復還作人。是故我知人作小善得福大。作惡其人自悔過日消滅而盡。是故我知人作過其殃小。

Na-tiên ngôn: Tích giả Phật tại thời, kỳ quốc trung hữu nhân ngột vô thủ túc, nhi thủ liên hoa trì thượng Phật, Phật tức cáo chư *tỳ-kheo* ngôn: Thử ngột thủ túc nhi khước hậu cửu thập nhất kiếp, bất phục đọa nhập *Nê-lê* trung, súc sanh bệ-lệ đạo trung, đắc sanh thiên thượng.

Thiên thượng thọ chung, phục hoàn tác nhân. Thị cố ngã tri, nhân tác tiểu thiện đắc đại phước. Tác ác kỳ nhân tự hối quá, nhật tiêu diệt nhi tận. Thị cố ngã tri nhân tác quá kỳ ương tiểu.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。智者作惡愚人作惡。此兩人殃咎誰得多者。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Trí giả tác ác, ngu giả tác ác, thử lưỡng nhân ương cứu thù đắc đa giả?

那先言。愚人作惡得殃大。智人作惡得殃小。

Na-tiên ngôn: Ngu nhân tác ác đắc ương đại. Trí giả tác ác đắc ương tiểu.

王言。不如那先言。

Vương ngôn: Bất như *Na-tiên* ngôn.

王言。我國治法，大臣有過則罪之重。愚民有過則罪之輕。是故智者作惡得殃大。愚者作惡得殃小。

Vương ngôn: Ngã quốc trị pháp, đại thần hữu quá tắc tội chi trọng, ngu dân hữu quá tắc tội chi khinh. Thị cố trí giả tác ác đắc ương đại. Ngu giả tác ác đắc ương tiểu.

那先問王。譬如燒鐵在地。一人知為燒鐵。一人不知。兩人俱前取燒鐵誰爛手大者耶。

Na-tiên vấn vương: Thí như thiêu thiết tại địa. Nhất nhân tri vi thiêu thiết. Nhất nhân bất tri. Lưỡng nhân câu tiên thủ thiêu thiết thù lạn thủ đại giả da?

王言。不知者爛手大。

Vương ngôn: Bất tri giả lạn thủ đại.

那先言。愚者作惡不能自悔故其殃大。智者作惡知不當所為。日自悔過故其殃少。

Na-tiên ngôn: Ngu giả tác ác bất năng tự hối, cố kỳ ương đại. Trí giả tác ác tri bất đương sở vi, nhật tự hối quá, cố kỳ ương tiểu.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人有能持此身飛行上至第七梵天上，及至鬱單越地，及所欲至處者不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân hữu năng trì thủ thân phi hành, thượng chí đệ thất Phạm thiên thượng, cập chí *Uất-đan-việt* địa, cập sở dục chí xứ giả phủ?

那先言。能。

Na-tiên ngôn: Năng.

王言。奈何持此身上第七梵天及鬱單越地及所欲至處乎。

Vương ngôn: Nại hà trì thủ thân thượng đệ thất Phạm thiên, cập *Uát-đan-việt* địa, cập sở dục chí xứ hồ?

那先問王。王寧自念少小時，跳戲一丈地不。

Na-tiên vấn vương: Vương ninh tự niệm thiếu tiểu thời, khiêu hý nhất trượng địa phủ?

王言。我年少時，意念欲跳便跳一丈餘地。

Vương ngôn: Ngã niên thiếu thời, ý niệm dục khiêu, tiện khiêu nhất trượng dư địa.

那先言。得道之人，意欲跳至第七梵天上，及至鬱單越地者亦爾。

Na-tiên ngôn: Đắc đạo chi nhân, ý dục khiêu chí đệ thất Phạm thiên thượng, cập chí *Uát-đan-việt* địa giả diệc nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。卿曹諸沙門言。有骨長四千里。何等身骨乃長四千里。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh tào chư *sa-môn* ngôn: Hữu cốt trường tứ thiên lý, hà đẳng thân cốt nãi trường tứ thiên lý?

那先問王。曾聞大海中有大魚名質。身長二萬八千里者不。

Na-tiên vấn vương: Tăng văn đại hải trung hữu đại ngư danh chất, thân trường nhị vạn bát thiên lý giả phủ?

王言。然有是。我曹聞之。

Vương ngôn: Nhiên, hữu thị. Ngã tào văn chi.

那先言。如是二萬八千里魚。其脅骨長四千里。王怪之為。

Na-tiên ngôn: Như thị nhị vạn bát thiên lý ngư, kỳ hiệp cốt trường tứ thiên lý, vương quái chi vi.

王復問那先。卿曹諸沙門說言。我能斷喘息之事。王言。奈何斷喘息氣耶。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Khanh tào chư *sa-môn* thuyết ngôn: Ngã năng đoạn suyển tức chi sự. Vương ngôn: Nại hà đoạn suyển tức khí da?

那先問王。寧曾聞志不。

Na-tiên vấn vương: Ninh tăng văn chí phủ?

王言。我聞之。

Vương ngôn: Ngã văn chi.

那先言。王以為志在人身中耶。

Na-tiên ngôn: Vương dĩ vi chí tại nhân thân trung da?

王言。我以為志在人身中。

Vương ngôn: Ngã dĩ vi chí tại nhân thân trung.

那先言。王以為愚人不能制其身口者。不能持經戒者。如此曹人亦不樂其身。

Na-tiên ngôn: Vương dĩ vi ngu nhân bất năng chế kỳ thân khẩu giả, bất năng trì kinh giới giả. Như thử tào nhân diệc bất lạc kỳ thân.

那先言。其學道人。能制身口能持經戒能一其心。得四禪便能不復喘息耳。

Na-tiên ngôn: Kỳ học đạo nhân năng chế thân khẩu, năng trì kinh giới, năng nhất kỳ tâm, đắc tứ thiền, tiện năng bất phục suyển tức nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王問那先。為呼言海海為是水名為海耶。用他事故言海。

Vương vấn *Na-tiên*: Vi hô ngôn hải, hải vi thị thủy, danh vi hải da? Dụng tha sự cố ngôn hải.

那先言。人所以呼為海者。水與鹽參各半。是故為海耳。

Na-tiên ngôn: Nhân sở dĩ hô vi hải giả, thủy dĩ diêm tham các bán, thị cố vi hải nhĩ.

王復問那先。何以故海悉鹹如鹽味。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Hà dĩ cố hải tất hàm như diêm vị?

那先言。所以海水鹹者。淡畜以來久遠及魚鱉蟲多共清便水中。是故令鹹耳。

Na-tiên ngôn: Sở dĩ hải thủy hàm giả, đạm súc dĩ lai, cửu viễn cập ngư miết trùng đa cộng thanh tiện thủy trung. Thị cố linh hàm nhĩ.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人得道以，寧能悉思惟深奧眾事不。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân đắc đạo dĩ, ninh năng tất tư duy thâm áo chúng sự phủ?

那先言。然。人得道以能悉思惟深奧之事。

Na-tiên ngôn: Nhiên. Nhân đắc đạo dĩ năng tất tư duy thâm áo chi sự.

那先言。佛經最深奧知眾事。不可稱量眾事。皆智平斷之。

Na-tiên ngôn: Phật kinh tối thâm áo tri chúng sự, bất khả xưng lượng chúng sự, giai trí bình đoạn chi.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

王復問那先。人神智自然。此三事寧同各異。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Nhân thần trí tự nhiên, thử tam sự ninh đồng các dị?

那先言。人神者主覺。智者曉道。自然者虛空。無有人。

Na-tiên ngôn: Nhân thần giả chủ giác, trí giả hiểu đạo, tự nhiên giả hư không. Vô hữu nhân.

王復問那先言。得人何等為得人者。眼視色耳聽聲鼻聞香口知味身知麤軟意知善惡之事。何所為得人者。

Vương phục vấn *Na-tiên* ngôn: Đắc nhân hà đẳng vi đắc nhân giả? Nhân thị sắc, nhĩ thính thanh, tĩ văn hương, khẩu tri vị, thân tri thô nhuyễn, ý tri thiện ác chi sự, hà sở vi đắc nhân giả?

那先問王。如令人能目自視。脫瞳子去之視寧廣遠不。裂大其耳聽聲寧廣遠不。決鼻令大。其聞香寧多不。開口令大。知味寧多不。剝割肌膚。寧令信知麤軟不。拔去其志。盛念寧多不。

Na-tiên vấn vương: Như linh nhân năng mục tự thị, thoát đồng tử khứ chi thị, ninh quảng viễn phủ? Liệt đại kỳ nhĩ, thính thanh ninh quảng viễn phủ? Quyết tĩ linh đại, kỳ

văn hương ninh đa phủ? Khai khẩu linh đại, tri vị ninh đa phủ? Bạt cát cơ phu ninh linh tín tri thô nhuyễn phủ? Bạt khứ kỳ chí, thịnh niệm ninh đa phủ?

王言。不也。

Vương ngôn: Bất dã.

那先言。佛在所作甚難。佛所如甚妙。

Na-tiên ngôn: Phật tại sở tác thậm nan. Phật sở tri thậm diệu.

王復問那先。所作何等甚難。何等甚妙。

Vương phục vấn *Na-tiên*: Sở tác hà đẳng thậm nan? Hà đẳng thậm diệu?

那先言。佛言能知人腹中。目所見事悉能解之。能解目事，能解耳事，能解鼻事，能解口事，能解身事，能解敗事，能解疑事，能解所念事，能解神事。

Na-tiên ngôn: Phật ngôn: Năng tri nhân phúc trung, mục sở kiến sự tất năng giải chi, năng giải mục sự, năng giải nhĩ sự, năng giải tĩ sự, năng giải khẩu sự, năng giải thân sự, năng giải bại sự, năng giải nghi sự, năng giải sở niệm sự, năng giải thần sự.

那先言。人取海水含之。寧能別知口中水是泉水是某流水是某河水。

Na-tiên ngôn: Nhân thủ hải thủy hàm chi, ninh năng biệt tri khẩu trung thủy, thị tuyền thủy, thị mỗ lưu thủy, thị mỗ hà thủy?

王言。衆水皆合為一。難各別知。

Vương ngôn: Chúng thủy giai hiệp vi nhất, nan các biệt tri.

那先言。佛所作為難皆能別知是諸水味。今海水見目前之事。王尚不能別知，今人神不見人身中，有六事不可見。

Na-tiên ngôn: Phật sở tác vi nan, giai năng biệt tri thị chi thủy vị. Kim hải thủy kiến mục tiên chi sự, vương thượng bất năng biệt tri, kim nhân thân bất kiến nhân thân trung, hữu lục sự bất khả kiến.

那先言。是故佛解之從心念至目所見。從心念至耳所聽。從心念至鼻所嗅。從心念至口知味。從心念至身知苦樂寒溫麤堅。從心念有所向。佛悉知分別解之。

Na-tiên ngôn: Thị cố Phật giải chi tùng tâm niệm chí mục sở kiến, tùng tâm niệm chí nhĩ sở thính, tùng tâm niệm chí tĩ sở xú, tùng tâm niệm chí khẩu tri vị, tùng tâm niệm chí thân tri khổ lạc hàn ôn thô kiên, tùng tâm niệm hữu sở hướng, Phật tất tri phân biệt giải chi.

王言。善哉。

Vương ngôn: Thiện tai.

那先言。夜已半我欲去。

Na-tiên ngôn: Dạ dĩ bán, ngã dục khứ.

王即敕傍臣取四端氎布搵。置麻油中持以為炬。當送那先歸。恭事那先如事我身。

Vương tức sắc bàng thần thủ tứ đoan điệp bố ôn, trí ma du trung, trì dĩ vi cự, đương tống *Na-tiên* quy. Cung sự *Na-tiên* như sự ngã thân.

傍臣皆言。受教。

Bàng thần giai ngôn: Thọ giáo.

王言。得師如那先，作弟子如我，可得道疾。王諸所問那先輒事事答之。王大歡喜。

Vương ngôn: Đắc sư như *Na-tiên*, tác đệ tử như ngã, khả đắc đạo tật. Vương chư sở vấn *Na-tiên*, triếp sự sự đáp chi. Vương đại hoan hỷ.

王即出中藏好衣值十萬已上那先。

Vương tức xuất trung tạng hảo y trị thập vạn dĩ thượng *Na-tiên*.

王語那先。從今已去，願那先日與八百沙門。共於宮中飯食及欲所得。皆從王取之。

Vương ngự *Na-tiên*: Tùng kim dĩ khứ, nguyện *Na-tiên* nhật dữ bát bá *sa-môn* cộng ư cung trung phạn thực cập dục sở đắc, giai tùng vương thủ chi.

那先報王我為道人略無所欲。

Na-tiên báo vương: Ngã vi đạo nhân lược vô sở dục.

王言。那先當自護。亦當護我身。

Vương ngôn: *Na-tiên* đương tự hộ, diệc đương hộ ngã thân.

那先言。何等當自護，及護王身。

Na-tiên ngôn: Hà đẳng đương tự hộ, cập hộ vương thân?

王報言恐人論議呼王為慳。那先為王解諸狐疑。而不能賜與。恐或人言那先不能解王狐疑，故王不賞賜。

Vương báo ngôn: Khủng nhân luận nghị hô vương vi xan. *Na-tiên* vị vương giải chư hồ nghi, nhi bất năng tứ dữ. Khủng hoặc nhân ngôn: *Na-tiên* bất năng giải vương hồ nghi, cố vương bất thưởng tứ.

王言。那先受者，當令我得其福，那先亦當護其名。

Vương ngôn: *Na-tiên* thọ giả, đương linh ngã đắc kỳ phước, *Na-tiên* diệc đương hộ kỳ danh.

王言。譬如師子在金檻中，猶為拘閉，常有欲望去心。今我雖為國王，在宮省中其意不樂。欲棄國去而行學道。

Vương ngôn: Thí như sư tử tại kim hạm trung, du vi câu bế, thường hữu dục vọng khứ tâm. Kim ngã tuy vi quốc

vương, tại cung tĩnh trung, kỳ ý bất lạc, dục khí quốc khứ nhi hành học đạo.

王語竟。那先便起歸佛寺。那先適去王竊自念。我問那先為何等事。那先為解我何等事。王自念。我所問那先莫不解我意者。

Vương ngự cánh, *Na-tiên* tiện khởi quy Phật tự. *Na-tiên* thích khứ, vương thiết tự niệm: Ngã vấn *Na-tiên* vi hà đẳng sự? *Na-tiên* vị giải ngã hà đẳng sự? Vương tự niệm: Ngã sở vấn, *Na-tiên* mạc bất giải ngã ý giả.

那先歸佛寺，亦自念。王問我何等事。我亦報王何等事。那先自念。王所問者我亦悉為解之。

Na-tiên quy Phật tự, diệc tự niệm: Vương vấn ngã hà đẳng sự? Ngã diệc báo vương hà đẳng sự? *Na-tiên* tự niệm: Vương sở vấn giả, ngã diệc tất vị giải chi.

念此事至天明。

Niệm thử sự chí thiên minh.

明日，那先被袈裟持鉢直入宮上殿坐。

王前為那先作禮已乃卻坐。

Minh nhật, *Na-tiên* bị *ca-sa* trì bát trực nhập cung thượng điện tọa. Vương tiền vị *Na-tiên* tác lễ dĩ nãi khước tọa.

王白那先。那先適去我自念。問那先何等語。那先報我何等語。我復自

念。所問那先。那先莫不解我意者。
我念是語。歡喜安臥至明。

Vương bạch *Na-tiên*: *Na-tiên* thích khứ ngã tự niệm: Vấn *Na-tiên* hà đẳng ngữ, *Na-tiên* báo ngã hà đẳng ngữ. Ngã phục tự niệm: Sở vấn *Na-tiên*, *Na-tiên* mạc bất giải ngã ý giả. Ngã niệm thị ngữ, hoan hỷ an ngọa chí minh.

那先言。我行歸舍亦自念。王為問我何等事。我亦為王說何等事。我復自念。王所問我輒為解之。用是故歡喜至明。

Na-tiên ngôn: Ngã hành quy xá diệc tự niệm: Vương vi vấn ngã hà đẳng sự, ngã diệc vị vương thuyết hà đẳng sự? Ngã phục tự niệm: Vương sở vấn ngã, triếp vi giải chi. Dụng thị cố hoan hỷ chí minh.

語竟那先欲去。王便起為那先作禮。

Ngữ cánh, *Na-tiên* dục khứ, vương tiện khởi vị *Na-tiên* tác lễ.

那先比丘經

Na-tiên Tỳ-kheo Kinh

CHUNG